N° 176 Septembre 1932

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

VĂN-MINH NƯỚC MĨ CÙNG VĂN-MINH THẾ-GIỚI (1)

Ta nên phóng tầm con mắt mà thử nhìn xem văn-minh Mĩ-châu đối với hai cái văn-minh lớn khác trong thế-giới từ trước đến giờ, là văn-minh Á-châu và văn-minh Âu-châu thế nào. Văn-minh Á-châu là tiêu-biểu bằng hai nước Chi-na và Ấn-độ (vì Nhật-bản đã đem chút văn-minh Âu-châu pha vào văn-minh Á-châu rồi), còn văn-minh Âu-châu thì tiêu-biểu bằng các dân-tộc trong miền Địa-trung-hải (văn-minh này là nước Pháp trực-tiếp mà thừa-kế của La-Hi cũ, các nước miền bắc Âu-châu có tiếp-thụ, nhưng tùy tính-chất mỗi dân mà biến-hóa đi nhiều).

Nay ở Á-châu thời thấy thế nào? Thấy người ta mê-tín mà tôn-sùng đời trước, không biết tìm kiếm ra sự gì mới cả, tiêu-ma mất cả cái chí tiến-thủ, người ta cùng sự-vật như bị ngưng-trệ lại trong một cái khuôn sinh-hoạt trần-hủ. Cá-nhân bị chìm-đắm vào trong toàn-thể; tư-tưởng thì mơ-màng phảng-phất như gió thoảng như mây qua. Trầm-tư mặc-tưởng quá, làm cho tiêu mòn mất cả tinh-khí đi, không còn đâu mà ra hành-động nữa. Lại cái chủ-nghĩa thần-bí thịnh quá, làm cho quên tất cả mọi sự chăm lo về đời vật-chất; ham những cái tuyệt-đối, cái vĩnh-viễn, thành ra không biết để ý đến những cái hiện-tượng tương-đối ở quanh mình, không biết ra sức mà thương-lường châm-chước. Cá-nhân rời-rạc vụn-vặt, không thành đoàn-thể, không biết tập-hợp lại để mưu-tính sự-nghiệp chung... Nói tóm lại thời văn-minh Á-châu là cái văn-minh quá trọng cổ-điển, quá phục thiên-nhiên, tâm-hồn mất cả sức hoạt-động, nấn-ná trong cõi mơ-màng mà xa-cách với trường sinh-hoạt.

Còn Âu-châu thời sao? Âu-châu thời muốn điều-hòa những cái cổ-điển thành-thục của đời trước với những sự phát-minh mới-mẻ của đời sau. Muốn châm-chước cho phần hành-động với phần tư-tưởng ngang nhau. Muốn đem cái sóng hoạt-động bên ngoài mà thu vào trong nền-nếp khuôn-phép cũ; muốn chi-phối các sức mạnh thiên-nhiên để lợi-dụng cho công-việc của người đời. Cái đời vật-chất vẫn chăm-chút, mà cái đời tinh-thần cũng thiết-tha; không quên những cái bổn-phận nhỡn-tiền cùng những mối lợi-quyền thiết-thực mà vẫn tuần-tự theo đuổi một cái lý-tưởng cao-xa. Biết dùng tài-lực của đoàn-thể để giúp cho cá-nhân được phát-siển hoàn-toàn, lại biết dùng công-phu của cá-nhân để mưu hạnh-phúc cho đoàn-thể... Nói tóm lại thời văn-minh Âu-châu là chủ lấy quân-bình, lấy điều-độ, lấy kỷ-luật, lấy hòa-bình.

(1) Dịch thiên kết-luận trong sách *La vie américaine et ses leçons* (Sự sinh-hoạt nước Mĩ cùng bài học của nó), của MARCEL BRAUNSCHVIG. (Hiệu *Armand Colin*, Paris, 1931).

Nhưng trong khi Âu-châu, có lẽ vì đứng cái địa-vị ở giữa, tiêu-biểu được cái lối văn-minh thích-trung đó, muốn thỏa cho cả mọi sự cần-dùng của người ta, thời Mĩ-châu hình như lại ngang-nhiên đối hẳn lại với Á-châu. Á-châu cho người ta là thuần tinh-thần cả, là một phần mầy-mạy của cái hồn vũ-trụ, khác nào như mảnh gương thấp-thoáng để phản-chiếu cái ảo-mộng của trần-thế; Mĩ-châu thời lại cho người ta là thuần thân-thể cả, vận-động trong không-gian và chỉ cầu lấy cái cảm-giác khoái-lạc mà thôi. Cũng bởi thế nên nhà làm sách trứ-danh về nước Mĩ là ông André Siegfried đã nói rằng văn-minh Tân-thế-giới với văn-minh Cựu-thế-giới phản-trái nhau, kết-cục thành « một cuộc vấn-đáp ông chủ ô-tô Ford với ông thánh Ấn-độ Gandhi » (*un dialogue entre Ford et Gandhi*).

Thật thế: cái cảnh-tượng Mĩ-châu ngày nay thế nào? Ở đây lịch-sử không có quan-hệ gì cả. Những người đến thực-dân đây hồi đầu đã quét sạch cả dấu-vết của cái văn-minh cổ ở đất này từ trước. Rồi sau lớp ấy đến lớp khác, di-dân các nơi lại sinh-cơ lập-nghiệp ở đấy, toàn là đoạn-tuyệt quan-hệ với nơi cố-hương cố-quốc của mình cả. Lịch-sử nước Mĩ trước sau cũng đã được ba thế-kỷ tròn rồi, nhưng cái gánh đó coi như không nặng gì cho người Mĩ cả. Người Mĩ chỉ thiết cái hiện-tại mà thôi. Mà nói là thiết cái hiện-tại có lẽ cũng chưa được đúng. Dường như chỉ thiết cái tương-lai mà thôi, lúc nào cũng chỉ khao-khát muốn đổi mới luôn, muốn tiến-bộ luôn, để cầu lấy một cách sinh-hoạt rất sướng rất tiện. Cả cái sức hoạt-động của họ là để cạnh-tranh hăng-hái mà chinh-phục lấy những của vật-chất; hăm-hở chạy theo để đuổi cho được sự sung-sướng ở đời, không hề dừng chân chậm bước một chút nào để ngẫm-nghĩ đến sự xa-xôi, mơ-màng cái cảnh mộng-thế, phóng tư-tưởng mà dò thăm những lẽ bí-hiểm của vũ-trụ cùng nhân-sinh. Phần nhiều người không có gì là cái nội-tâm-sinh-hoạt cả: chỉ có những công-phu có thể đo-lường được, những kết-quả có thể kế-toán được mà thôi. Đến tôn-giáo cũng không có cái lòng phấn-khởi thần-bí gì, chỉ có những nghi-thức hẹp-hòi, như một cái khuôn cứng-cỏi để mà bó-buộc sự ăn-ở của người ta. Trừ một vài cái trường-hợp đặc-biệt không kể, còn về chính-trị cũng không có lý-tưởng gì cao, ngoài sự bênh-vực cho cái công làm ăn của cá-nhân, sự bảo-hộ cho những lợi-quyền của quốc-gia vậy. Người trong nước vẫn là ham học lắm; nhưng chỉ thờ sự học vì cái ích-lợi thực-tế của sự học mà thôi. Duy có cái lòng ham-chuộng mĩ-thuật là hơi có ý không vị-lợi một chút, nhưng cũng là phảng-phất mơ-màng mà thôi.

Tuy-nhiên, trong cái văn-minh của nước Mĩ đó, có một điều sau này là lớn-lao mới-mẻ hơn cả: là đoàn-thể quốc-gia không có trông mong vào những nhân-tài lỗi-lạc để đạt tới mục-đích, mà chỉ trông vào cái công chăm-chỉ làm ăn của nhất-ban cá-nhân, nghĩa là chủ-ý nâng cao hết-thảy quốc-dân tới một trình-độ trung-bình bằng nhau, chứ không chủ-ý gây lấy những hạng thượng-lưu đặc-biệt; nhưng cái mục-đích thời thủy-chung vẫn là dùng hết cách thế nào cho phần đông người đều được hưởng sung-sướng cả. Trong lịch-sử thế-giới, lần này là lần đầu mới thấy có một cái văn-minh không muốn làm của riêng của một số ít người, mà muốn mở-mang rộng-rãi ra cho nhiều người cùng được hưởng. Mà muốn thực-hành cái lý-tưởng đó, — kể cũng giống như lý-tưởng của chủ-nghĩa xã-hội cùng chủ-nghĩa cộng-sản, — thời nước Mĩ lại dùng những phương-pháp trái hẳn với hai chủ-nghĩa đó: nước Mĩ không có hạn-chế cái sức hoạt-động

của cá-nhân để tăng thêm cái quyền chủ-trương của Nhà-nước, không muốn bãi bỏ tư-sản để lấy công-sản mà thay vào, như nước Nga quá-khích vẫn đương thử làm đó; Mĩ không làm thế mà lại khiến cho mỗi người được rất nhiều quyền tự-do, khiến cho cái chủ-nghĩa tư-bản cực-lực phát-đạt, thật không có xứ nào xưa nay phát-đạt tới bậc đó. Bởi thế nên có người đã nói rằng trong thế-giới hiện nay có hai cách thí-nghiệm trái nhau, nhân-loại phải quyết chọn một cách nào: một là ai cũng tư-bản hết, hai là không ai tư-bản cả, một là *New York* hai là *Moscou!*.. Dù thế nào mặc lòng, những chủ-nghĩa xã-hội, chủ-nghĩa cộng-sản, hiện nay ở Mĩ rất ít người theo lắm. Vì đã trông thấy thực-sự rồi, còn cần phải lý-thuyết xa-xôi gì nữa? Chỉ những xứ nào dân khốn-khổ, kẻ cầm quyền không chăm-chút đến, thời dân mới khởi lên để tự mình vận-động cho cái thân-phận mình được tăng-tiến lên.

Mưu sự hạnh-phúc cho công-chúng, còn công-việc gì tốt đẹp bằng! Nhưng cũng khó-khăn biết bao nhiêu! Nay ban-bố cái của vật-chất cho nhiều người được hưởng vẫn dễ hơn là ban-bố cái của tinh-thần, cho nên văn-minh đó tất-nhiên là phải xoay về đường công-lợi, phải lấy sự kinh-tế thịnh-vượng làm cốt. Chủ ích-lợi cho công chúng, thời tất-nhiên phải tùy theo cách sinh-hoạt của phần đông người, phàm chế tạo phải cầu lấy cho nhiều, nhân đó tạo-thành ra cái xã-hội đại-đồng, như đúc theo một khuôn một mẫu, không có cái thú-vị đặc-biệt gì nữa. Cái dở của văn-minh nước Mĩ, ai là người không trông thấy rõ? Cái mộng của người Mĩ là muốn làm to, cứ càng ngày càng to mãi lên, càng ngày càng mau hơn lên, càng ngày càng mới mãi ra, càng ngày càng thêm sung-sướng tiện-lợi. Nhưng mà cái mộng cũng hão-huyền mà thôi!... Cầu lấy sự to-tát là hão-huyền; vì to-tát không phải là tốt-đẹp. Cầu lấy sự mau-chóng là hão-huyền; vì không cốt ở đi mau, mà cốt phải đi cho đến đâu. Cầu lấy mới-mẻ luôn là hão-huyền; vì cái mục-đích dẫu xa, còn mong có ngày tới được mà được nghỉ-ngơi yên-ổn, chứ cái mục-đích không định, cứ thay đổi luôn, thời còn biết bao giờ cho tới được! Lại chỉ biết ham-muốn sự sung-sướng về vật-chất mà thôi, cũng là hão-huyền, vì ăn-ở được sướng-tiện, đã chắc là được thêm hạnh-phúc chưa? Mà cho dẫu dân Mĩ kia, dùng cái thang bằng kim-tiền mà trèo cho tới cõi cực-lạc, thì đã chắc rằng một dân-tộc được sung-sướng có tất-nhiên là một dân-tộc hơn người không?

Vả lại cái văn-minh của nước Mĩ đó, rồi sau đây sẽ biến ra thế nào? Kể cũng mới tạo-thành chửa được bao lâu, chửa chắc đã được lâu bền... Hay là chẳng qua là một sự thí-nghiệm của cái tình-cờ, thử một lúc rồi tàn ngay, rút lại chỉ là một cái khoảnh-khắc trong cuộc tiến-hóa của loài người trên mặt địa-cầu mà thôi? Hay là chính là cái hình-ảnh của tương-lai đương gây lên ở trong khoảng hai cái bể lớn trong thế-giới? Và nếu cái văn-minh đó còn lâu bền, thì có phải nó chỉ thâm-căn cố-đế ở một đất Mĩ mà thôi, hay là nó như một cái cây có sức mạnh, sẽ mọc lan ra cả khắp trên mặt đất?

Nhiều người khởi lên cái vấn-đề rằng: Không biết mai này Âu-châu sẽ hóa theo Mĩ-châu, hay Mĩ-châu hóa theo Âu-châu. Câu hỏi đó khí sơ-lược quá. Vì đối với văn-minh Mĩ-châu không phải chỉ có một văn-minh Âu-châu mà thôi, lại còn có văn-minh Á-châu nữa. Trong cuộc hội-đàm của ba phương cầu đó, phương nào sẽ được thắng? Không thể ai biết trước được. Ta hãy thử xét xem hiện nay ba cái văn-minh đó phản-động và ảnh-hưởng lẫn nhau thế nào.

Trong bao lâu cõi đại-lục Á-châu hình như vẫn mơ ngủ trong giấc mộng nghìn năm. Không thiết gì đến cái đời hoạt-động, khinh thường những cái cơ-hội thảng-lai, bị người Âu-tây chi-phối, cũng cam-tâm chịu vậy, coi là giống Rạch-man ở trùng-dương lại, chẳng sá chi. Nhưng đến đầu thế-kỷ thứ hai-mươi, nước Nhật thắng nước Nga (trận năm 1904-1905), cái lòng kính-sợ của Á-châu đối với Âu-châu tự mấy trăm năm đến giờ, bắt đầu giảm sút đi từ đó. Rồi lại thấy các nước Âu-châu với nhau, tự-xưng là hộ-vệ cho công-lý, cho nhân-đạo, trong bốn năm (1914-1918) xâu-xé giết hại lẫn nhau. Á-châu thấy thế cho là khoa-học của Âu-châu bị phá-sản, chỉ giúp cho tăng thêm cái thảm-kịch tương-tàn mà thôi, và các tư-tưởng về tôn-giáo, về triết-học của Âu-châu cũng là đồ-địa nữa, vì không đủ sức mà ngăn được cái sóng cuồng-động đó. Âu-châu về đường tinh-thần đã suy-bại như thế, về đường vật-chất lại kiệt-quệ như vậy, không đủ cho người ta phải kính phải sợ nữa, Á-châu tự đó cho rằng người Âu không có gì hơn mình mà phải phục, manh-tâm muốn thoát-li cái quyền chi-phối của người Âu. Nước Tàu đặt thành Dân-quốc tự năm 1912, đã công-nhiên tỏ ý không muốn tùy-thuộc Âu-châu nữa. Nước Nhật là nước đã Âu-hóa trước nhất để đối-phó với Âu-châu cùng Mĩ-châu, tự đứng chủ-trương cái phong-trào giải-phóng: tháng tám năm 1925, là ngày tháng nên ghi lấy để kỷ-niệm về sau tại thành *Nagasaki* có họp kỳ hội-nghị thứ nhất của Đại-Á-tế-á liên-hội (*Ligne Panasiatique*), chủ-nghĩa gồm lại một câu rằng: « Châu Á về người Á! » (*L'Asie aux Asiatiques!*) Lại mới rồi đây thánh GANDHI xướng lên cái thuyết bất-tuân pháp-luật đối với Chính-phủ Anh, cả Ấn-độ nhao-nhao lên đòi độc-lập; nước Anh muốn cho được tạm yên phải ra bình-đẳng thương-thuyết với nhà lãnh-tụ Ấn và phải châm-chước nhiều điều quan-hệ. Còn nước Nga quá-khích thì ở Á-châu có chỗ nào nổi loạn, là cũng có tay nước ấy xui-giục cả: đó là cách nước ấy báo-thù cái chủ-nghĩa tư bản của Âu-châu đã làm cho Nga không phát-đạt lên được và tuyệt cả hi-vọng của Nga. Người ta thường nhắc lại cái câu dọa của LÉNINE rằng: « Ta nên quay về Á-châu; ta sẽ mượn Đông-phương mà diệt Tây-phương ».

Á-châu trách văn-minh Âu-châu là trách cái tính-cách duy-vật của văn-minh ấy, bèn đem cái tinh-thần cố-hữu của Đông-phương mà đối lại, tinh-thần đó theo như lời rất nên thơ của TAGORE nói rằng: « đã chung-đúc được bao nhiêu thế-kỷ ánh sáng mặt trời cùng đêm sao tịch-mịch » (*où sont déposés des siècles de soleil et de silence étoilé*)... Những cái hay của văn-minh Âu-tây mang lại cho họ, như tư-tưởng tổ-chức, như khoa-học ứng-dụng, người Á-châu chỉ muốn lợi-dụng để tự giải-phóng cho mình mà thôi. Mới đây TAGORE có viết một câu rằng: « Sự ảnh-hưởng kích-thích của Âu-châu đã làm cho Ấn-độ tỉnh giấc mơ ngủ. » Nhưng có một điều trái-ngược thay, là Á-châu phản-đối với Âu-châu, lại hình như muốn cầu thân với Mĩ-châu, cũng như nước Nga kia vậy, mà Mĩ-châu đối với giống da vàng có phải là thân-thiện chi đâu, tức là tiêu-biểu cái chủ-nghĩa tư-bản đương thắng-thế trong thiên-hạ, tiêu-biểu cái văn-minh duy-vật kia là cái Á-châu vẫn ghét xưa nay, mà tiêu-biểu một cách lại còn thậm-tệ hơn Âu-châu nhiều. Thái-độ đó có lẽ cũng là cái thái-độ tùy-thời mà thôi: muốn đánh kẻ thù ngày nay, hẵng tựa vào kẻ thù ngày mai, âu cũng là một cách khéo vậy.

Nhưng Á-châu cầu được độc-lập, có phải là để được tự-do mà sống theo

cái đời cổ-điển, chỉ biết ham-mê những lý-tưởng tuyệt-đối, không thiết gì đến những cái cơ-hội thắng-lai trong lịch-sử người đời cùng những cái hình-ảnh thấp-thoáng trong ảo-mộng trần - thế, có phải thế không? Hay là nhất-diện vẫn giữ cái triết-học cổ của mình, vẫn giữ cái quan-niệm cố-hữu về nhân-sinh, về vũ-trụ, mà nhất-diện thời đổi mới cách sinh-hoạt về vật-chất về xã-hội, cũng bắt-chước một đôi chút cái chủ-nghĩa công-lợi của các văn-minh khác trên thế-giới? Hai nước Chi-na, Ấn-độ từ nay có sẽ tỉnh cái giấc mộng nghìn năm, cải-cách duy-tân theo lối sinh-hoạt mới, theo gương nước Nhật-bản cũng ra đóng một vai trọng-yếu trên trường chính-trị thế-giới không? Dù thế nào mặc lòng, cái cổ-đạo của Á-châu chưa phải đã đến ngày cùng-tận đâu. Triết-học Đông-phương đối với các dân-tộc Âu-châu, vẫn còn là một cái nguồn vô-tận, có thể đến đó mà hấp-thụ để thỏa cái lòng khao-khát về lý-tưởng cùng tinh-thần. Biết đâu ông Khổng, ông Phật, xưa nay không có môn đồ ở Âu-châu, vì Âu - châu đương vào thời-kỳ trai-trẻ mạnh-mẽ, không hứng theo cái đạo của các ông, nhưng sau này rồi Âu-châu già-cỗi nhọc-mệt, chán những sự lợi-lạc về vật chất, chán những cách xuần-động không ích gì, lại không quay về mà theo đạo các ông hay sao?

Sau cuộc chiến-tranh năm 1914-1918, chẳng thấy Âu-châu chán-nản thất-vọng, trong một hồi đã muốn qui-y theo Á-châu đó dư? Dường như vừa qua một thời-kỳ nhọc-nhằn đau-đớn, muốn quay về cái đất quan-niệm tĩnh-mịch để cho được thư-thái tâm-hồn một đôi chút! Trước nhất là các học-giả nước Đức, như HERMANN DE KEYSERLING, OSWALD SPENGLER, vì những lẽ riêng thuộc về nước họ, xem ra cảm cái phong-vị Đông-phương hơn cả. Hình như nước Đức sau khi bị chiến-bại, vẫn tự-cao cho mình là tiêu-biểu cho cả Âu-châu, thấy nhất-đán đổ-địa, cho rằng văn-minh Âu-châu cũng đến ngày cùng-vận, cay mà nói rằng: « Bóng chiều đã tỏa xuống cõi Âu » (*Le soir tombe sur l'Europe*), đó chính là lời của nhà kinh-tế Đức WALTER RATHENAU trước khi bị ám-sát vậy... Nước Đức làm như vậy, có lẽ cũng là có cái thâm-ý muốn như giảm giá nước Pháp đi, vì cái tinh-thần của nước Pháp là cái tinh-thần sáng-sủa quả-quyết, tiêu-biểu cho văn-minh Thái-tây đối với cái tinh-thần u-âm huyền-bí của Đông-phương. Nhưng về mấy năm gần đây, nước Đức có cái chí muốn khôi-phục lại cho mau, đã đem lòng tin về tiền-đồ mình, không để tai nghe những tiếng thanh-phong hạc-lệ của Á-châu như trước nữa: chính bá - tước KEYSERLING mới đây chẳng đã có câu nói rằng: « Chúng ta hiện nay đương sống trong cái thời-kỳ lịch-sử nước Mĩ » (*Nous vivons aujourd'hui dans l'ère historique américaine*)? Mà cả Âu-châu hiện nay cũng đã dần-dần bình-phục lại cái nạn chiến-tranh năm trước, lại thấy hăng-hái hoạt-động, quay mắt nhìn cả về cõi Tây xa-xôi kia và muốn bắt-chước của nước Mĩ nọ những máy-móc tinh-xảo, khí-cụ tiện-lợi, những phương-pháp làm việc, cùng cái gương nghị-lực của nước ấy.

Duy có điều này quan-hệ, là phải biết rằng Âu-châu phỏng-chép của Mĩ-châu những phương-pháp cùng kỹ-thuật mới, có phải là Âu-châu bắt đầu đồng hóa theo Mĩ-châu mà lần lần bỏ hết cái lý-tưởng cũ về học-vấn tư-tưởng, mĩ-thuật không, hay là trái lại, Âu-châu chỉ muốn tổ-chức cái đời kinh-tế của mình theo lối Mĩ là để có đủ sức chống-giữ cho cái văn-minh cố-hữu của mình khỏi bị cái văn-minh vật-chất của Mĩ-châu nó tràn lấn mất? Cứ theo cái trường-hợp sau đó thì Âu?

châu có một cách rất chắc-chắn để vừa chống lại với cái thế lực kinh-tế của nước Mĩ nó muốn thôn-tính cả thế-giới, vừa giữ được cái oai-quyền của mình đối với các dân-tộc Đông-phương ngày nay chỉ đương muốn thoát-li ra ngoài, cách đó là các nước Âu-châu đối với nhau phải dần dần giảm bớt quan-thuế đi, tìm đường hiệp-tác với nhau một cách thân-mật hơn, rồi kết-cục phải lập thành một cuộc liên hiệp lớn các nước Âu-châu, tức là một cái đoàn-thể « Âu-châu hợp-chủng-quốc » (*Les Etats-Unis de l'Europe*). Âu-châu vẫn cứ giữ cái văn-minh cố-hữu, là cái văn-minh vừa biết trọng lý-tưởng, vừa biết trọng thực-sự, lại vẫn có cái sức mạnh cải-cách duy-tân luôn, chứ chưa phải đã già-cỗi gì, há lại không có thể lợi-dụng cái ảnh-hưởng của cả Mĩ-châu, cả Á-châu mà nhất-phiên cách-tân chấn-loát lên được dư ? bắt chước Mĩ-châu mà tổ-chức lại cái đời kinh-tế của mình, mượn của Á-châu những cái nguồn sinh-hoạt về tinh-thần để tự bồ-dưỡng cho mình ?

Còn như nước Mĩ, thời chú-ý nhìn về phía nào và có cảm-tình với ai? Chắc là nhìn về phương Âu và có cảm-tình với người Âu hơn là người Á, vì không những cái giây liên-lạc về lịch-sử nó buộc chặt Mĩ-châu với Âu-châu, mà lại còn văn-minh Á-châu đối với văn-minh Mĩ-châu lại xa-cách hơn là đối với văn-minh Âu-châu vậy.

Nói thế có phải là nói rằng người Mĩ bao giờ cũng có cảm-tình với Âu-châu không? Vẫn biết rằng hầu hết người Mĩ là di-dân của Âu-châu cả. Nhưng hoặc là bị bách-hại về chính-trị, về tôn-giáo mà phải bỏ nước đi để tìm nơi khoan-dung hơn mà gửi thân, hoặc là làm ăn không lợi, tự-ý bỏ nước đi để tìm nơi sung-túc hơn, dù thế nào mặc lòng, đối với nơi cố-hương cố-quốc cũng là không có cái kỷ niệm tốt-đẹp gì. Chẳng qua chỉ còn có một chút cảm-tình xa-xôi đối với cái nơi mình chôn rau cắt rốn, cái nơi còn để lại mồ-mả ông bà mà thôi. Nhưng ngay đến đời con những người ấy, cái cảm-tình xa-xôi đó đã thấy phai nhạt hẳn. Vì con-cái sinh-trưởng ở nước Mĩ, trong ký-ức không còn có cái kỷ-niệm riêng gì về Âu-châu nữa ; lại đào tạo ở các trường Mĩ, mà cái cách giáo-dục của Mĩ là cốt dạy cho người ta có cái tư-tưởng rằng Tân-thế-giới là hơn Cựu-thế-giới, thành ra con trẻ tiện-thị khinh-rẻ cái thế-giới cũ già-cỗi kia là nơi cha mẹ mình xuất-thân ở đó, thậm-chí có khi lại trách cả cha mẹ là không biết đồng-hóa mau, cho theo hẳn cái lề-lối của nơi quê hương mới.

Như vậy thời trong khi số di-dân Âu-châu sang Mĩ-châu mỗi năm còn đông, nhờ những người mới sang đó, trong dân-gian còn giữ được cái kỷ-niệm về Âu-châu, giữ được cái cảm-tình với Âu-châu. Nhưng tự khi pháp-luật hạn-chế sự di-dân, ít cho người Âu-châu sang ở Mĩ-châu nữa, thời người Mĩ lại càng ngày càng không thiết đến việc Thế-giới cũ nữa. Thiết đến chỉ có nhà công-nghệ, nhà buôn-bán mong đem hóa-vật tiêu-thụ ở Âu-châu (1), cùng những người giàu-sang

(1) Phải nên biết rằng tuy số hàng xuất-cảng của Mĩ mỗi ngày một tăng lên, nhưng so-sánh với tổng-số mậu-dịch trong nước, thời thực không thấm vào đâu : tự năm 1914 đến năm 1925, nước Mĩ chỉ xuất-cảng có 10 °/₀ tổng-số các hóa-vật chế-tạo trong nước. Phần nhiều là tiêu-thụ ở trong nước cả. Nhưng cho dẫu đến ngày, — ngày ấy có lẽ cũng sắp tới — trong nước tiêu-thụ không hết nữa, mà phải cần đến đem bán ra ngoài, thời nước Mĩ chắc là cần tìm lấy nơi tiêu-thụ thêm ở các nước Nam-Mĩ và các nước Á-châu hơn là ở Âu-châu vậy.

và có học-thức ưa những danh-thắng cùng cổ-tích của Âu-châu. Mà hai hạng đó cũng chưa chắc là bền lòng mà chú-trọng đến Âu-châu mãi. Vì nước Mĩ, khu-khu ích-kỷ, dùng lối bảo-hộ-mậu-dịch, nhất-thiết không muốn mua gì của Âu-châu, thời chắc là Âu-châu cũng đặt thuế quan cho thật cao để cho đồ hàng Mĩ không đem bán sang Âu được nữa. Còn như khách du-lịch thì các nhà buôn cùng chủ khách-sạn Mĩ họ cổ-động riết lắm, muốn cho người Mĩ đừng đi du-lịch Âu-châu nữa, mà nên đi du-lịch ở nước Mĩ trước nhất, cho lòng ái-quốc phải như thế.

Vả lại nước Mĩ to rộng, có nhiều miền khác nhau, phải nên phân-biệt. Những xứ ở giáp Đại-tây-dương thời có ý quyến-luyến Âu-châu hơn, dường như trông thấy cõi Âu ở ngay bên kia biển rộng vậy. Các xứ giáp Thái-bình-dương, thời kề lạ thay nhưng cũng dễ hiểu, cũng vẫn thường để ý đến Âu-châu, là vì ngoài cõi trùng-dương như trông thấy thấp-thoáng đất Á-châu, xa-xôi tịch-mịch, không biết có những gì, nhưng chắc là khác mình mà không có cảm-tình gì với mình, bấy giờ tự cảm-giác mà nhận mình như đội quân tiên-phong của một cái văn-minh dù thế nào cũng là thoát-thai ở văn-minh Âu-châu mà ra... Nhưng còn cả trung-bộ châu Mĩ, bát-ngát mênh-mông, thời hiện không biết gì đến Âu-châu cả, và có lẽ càng ngày càng không thiết đến Âu-châu nữa (1).

Nước Mĩ khỏe vì được thịnh-vượng về đường vật-chất, từ xưa đến giờ mỗi lần khủng-hoảng lại một lần bồng-bột, chắc rằng cái văn-minh thực-tế của mình là hay hơn hết thảy, không thiết đến Âu-châu, mà cũng có ý khinh Âu-châu nữa, từ nay có phải là tự-cao chỉ khu-khu trong cái vũ-trụ riêng của mình (2), có thiết đến ngoài, chỉ là thiết đem cái quyền kinh-tế mà chi-

---

(1) Xưa kia có thế-lực trên trường chính-trị nước Mĩ là các xứ ở miền đông, nay thế-lực ấy đã dần-dần chuyển-dịch về các xứ ở trung-bộ rồi. Bởi thế nên từ khi ở Nguyên-lão-viện và Chúng-nghị-viện, số đại-biểu về trung-bộ được phần hơn, thì nước Mĩ xem chừng ra càng ngày càng không thiết đến việc Âu-châu nữa.

(2) Ngay sau khi tham-dự vào cuộc Âu-chiến mới rồi, người Mĩ đã công-nhiên trở lại cái chủ-nghĩa MONROE từ trước. MONROE làm tổng-thống nước Mĩ, năm 1823 thông-cáo cho Quốc-hội nói rằng xin Âu-châu đừng can-thiệp đến việc Mĩ-châu và về phần Mĩ-châu cũng cam-đoan không can-thiệp đến việc Âu-châu). Bởi thế nên Mĩ không chịu vào chân Hội Vạn-quốc mà Hội Vạn-quốc, lại chính là công-nghiệp của Tổng-thống WILSON xướng-suất lên; cũng bởi thế nên mới đặt ra cái thuế-ngạch thương-chính HAWLEY-SMOOT ngày tháng sáu năm 1930, thuế định rất cao cho hàng-hóa ngoại-quốc không thể đem vào bán nước Mĩ được. Vẫn biết rằng tự đó mới xảy ra một việc rất ảnh-hưởng, tựa-hồ như trái với chủ-nghĩa MONROE, là việc Tổng-thống HOOVER đứng lên hô-hào giúp nước Đức; nhưng hiện nay cũng khó lòng mà biết được việc đó có phải là cái triệu-chứng rằng nước Mĩ muốn đổi cái chính-sách cố-hữu hay không.

phối cả thế-giới (1), đó cũng tức là một cái trạng-thái mới của cái chủ-nghĩa đế-quốc từ xưa đến giờ, kể trong lịch-sử loài người đã nhiều phen làm cho các dân-tộc cường-thịnh bị say-sưa mà có khi đến đồ-địa vậy? Hay là nước Mĩ tự biết cái chí công-lợi của mình hẹp-hòi không đủ, hiểu rằng cái mục-đích cứu-cánh của loài người không phải ở sự tăng-tiến về đường sinh-hoạt vật-chất mà thôi, bấy giờ lại sẽ quay về tổ-thuật cái bài học cũ của Âu-châu, cầu cho đạt tới một cõi sinh hoạt cao-thượng về tinh-thần?

Cái tiền-đồ nước Mĩ hiện có hai con đường đó: Nếu nước Mĩ chọn con đường sau, thời khó là ở cách làm thế nào điều hòa được cái đời tinh-thần cao-thượng đó với cái đời dân-chủ bình-đẳng ngày nay. Vì từ xưa đến nay phàm văn-minh nào đã tới một trình-độ cao về trí-thức, về mĩ-thuật, đều là công-nghiệp của hạng thượng-lưu cả: duy có hạng thượng-lưu là mới có tư-cách đạt được tới cõi cao-xa về tư-tưởng cùng nghệ-thuật. Nay nếu nước Mĩ không những muốn cho công-chúng được sung-sướng về đường vật-chất, lại muốn cho được tham-dự vào đời tinh-thần, thời không biết trình-độ cùng giá-trị của cái đời tinh-thần ấy sẽ thế nào?... Nói rằng sẽ ban-bố sự học cho khắp mọi người ư? Được lắm! Nhưng trình-độ sự học ấy sẽ thế nào? Nói rằng sẽ truyền-bá mĩ-thuật cho khắp mọi người ư? Các mĩ-thuật cảm được công-chúng, như diễn-kịch, như âm-nhạc, thì phỏng có thể được, chứ còn các mĩ-thuật khác thì làm sao? Muốn miễn-cưỡng cho vừa tầm công-chúng, thời chẳng làm cho giảm mất giá-trị của mĩ-thuật đi dư?

Song ta cũng phải biết rằng cái vấn-đề khó-khăn đó, không phải một mình nước Mĩ mới phải giải-quyết. Phàm các nước dân-chủ đời nay là phải đối-phó với cái vấn-đề ấy cả; mà các nước dân-chủ trong thế-giới mỗi ngày mỗi nhiều lên. Cớ sao lại không hiệp-lực nhau lại mà tìm lấy một cách giải-quyết chung?

Sau nữa phải nên tìm cách thế nào để thực-hành được cái chủ-nghĩa dân-chủ cho chân-chính và cho hoàn-toàn, nghĩa là làm thế nào cho mưu được sự hạnh-phúc chung cho cả loài người,

---

(1) Tự năm 1889 ở *Washington* đã họp kỳ hội-nghị thứ nhất của hội « Đại-Mĩ liên-hiệp » (*Union Panaméricaine*), nhờ có cuộc liên-hiệp này mà nước Mĩ nghiễm-nhiên cầm quyền bảo-hộ thuộc về tài-chính kinh-tế đối với các nước Nam-Mĩ: số mậu-dịch của nước Mĩ với các nước ấy năm 1913 có 817 triệu *dollars*, đến năm 1928 tăng lên 1780 triệu; ngoại-giả lại còn cấp tư-bản cho các nước ấy bằng công-thái của Nhà-nước, công-thái cho các thị-tỉnh cùng cổ-phần trong các công-nghệ. — Còn điều-ước hải-quân ký ở *Londres* ngày tháng tư năm 1930, thời cứ lý-thuyết là công-nhận cho hải-quân nước Anh và nước Mĩ được ngang bằng nhau, nhưng cứ thực-sự thời là Mĩ được phần hơn, mà sự cần-dùng của Mĩ về đường hải-quân thời không bằng Anh. Vậy cớ sao Mĩ lại muốn có hải-quân mạnh như vậy? Một là tự-cao rằng mình hùng-cường, muốn tỏ rõ cho thiên-hạ biết; hai là tự biết rằng mình giàu-có, muốn có đủ sức để giữ lấy sản-nghiệp của mình. Cái hải-quân mạnh đó là nước Mĩ cốt dùng để giữ lấy quyền tự-do trên mặt biển; vì Mĩ muốn được tự-do buôn-bán, muốn buôn bán với ai cũng được và muốn cho trong khi các nước khác đánh nhau cũng không ngăn-trở gì đến sự buôn-bán của mình. — Còn cái thế-lực kinh-tế ở Âu-châu từ khi chiến-tranh đến giờ, thời Mĩ xưa kia là mắc nợ của Âu-châu, ngày nay nghiễm-nhiên làm chủ-nợ cả Âu-châu, trong tay giữ 40 % số vàng trong thế-giới, ước 5 ngàn triệu *dollars*.

thỏa được sự cần-dùng chung cho cả loài người, vừa mở-mang cho đường sinh-hoạt vật-chất được sung-sướng, lại vừa tăng-tiến cho đường trí-thức nghệ-thuật được phong-phú nữa. Một nước dân-chủ hoàn-toàn há không phải là một nước có một hạng thượng lưu xứng-đáng, cũng là xuất-thân ở trong dân-gian mà ra, nhưng có tài-năng lỗi-lạc, làm vẻ-vang cho cả dân-chúng, hạng thượng-lưu không có lòng tư-kỷ, chỉ biết tận-tụy mà mưu sự ích-lợi chung cho quốc-dân mà thôi? Đối với một hạng thượng-lưu như vậy thì dân-chúng há lại không sùng-bái mà tín-ngưỡng dư? Sùng-bái là vì hạng thượng-lưu đó chính là cái tinh-hoa của quốc-dân đấy; tín-ngưỡng là vì nhờ quốc-dân ủy-nhiệm cho mà hạng thượng-lưu đó có oai-quyền, thời tất phải vì quốc-dân mà dùng hết tinh-lực của mình, đem cả tài-năng, cả thế-lực mà phụng-sự lại quốc-dân vậy. Như vậy thời thượng-lưu không bị hi-sinh cho quần-chúng, mà quần-chúng cũng không bị hi-sinh cho thượng-lưu; như vậy thời cái đời tinh-thần không bị cái đời vật-chất nó ngăn-trở, mà cái đời vật-chất cũng không bị cái đời tinh-thần nó hạn-chế vậy.

Các văn-minh từ xưa đến nay, lừng-lẫy trên mặt địa-cầu, mỗi cái chỉ mới thỏa-mãn được một bộ-phận trong người ta mà thôi. Nay cần phải có một cái văn-minh mới, gồm được cả các văn-minh từ trước đến giờ, mà thực-hiện được cả cái nhân-cách hoàn-toàn của loài người vậy.

T.-C. *dịch*

LÀM ÁN NƯỚC MĨ

Các nước Âu-châu ngày nay căm nước Mĩ lắm. Mĩ giàu-có nhất trong thế-giới, bao nhiêu vàng của thiên-hạ là thu vào trong tay hết, nghiễm-nhiên làm chủ nợ cả các nước; nhưng chỉ khu-khu biết một mình, không thiết gì đến ai, sống chết mặc bay, nợ ông ông đòi, tiền ông bỏ túi. Lệ thường giàu hay sinh ra hợm, cho mình là hay là giỏi hơn cả, nhất-thiết thiên-hạ đều hủ-lậu hết. Những phương-pháp làm ăn kiếm tiền của mình, cho là những kim-khoa ngọc-luật, đủ làm khuôn-mẫu cho cả nhân-loại noi-theo: nào là thuyết tỉ-lệ (standardisation), *nào là thuyết lý-hóa* (rationalisation), *nào là thuyết cực-lực tin-thải* (inflation), *nào là thuyết cực-lực sản-chế* (surproduction), *thôi thì lối ăn cách làm của người Mĩ, cái gì cũng là tuyệt-xảo, cái gì cũng đến cực-lực hết cả. Lại lệ thường làm nên thì lắm kẻ dua theo, nước Mĩ xướng lên, các nước khác cũng giặm theo, suốt trong thế-giới nước nào cũng thiên hẳn về cái lối kinh-tế của nước Mĩ. Nhưng nước nào cũng kinh-tế đến cực-lực cả, thì sự cạnh-tranh cũng đến cực-lực, cạnh-tranh cực-lực thời tất sinh ra chiến-tranh. Ấy cái hiểm-tượng của thế-giới bây giờ là ở đó.*

Các nước tỉnh-ngộ ra, biết rằng nếu cứ theo mãi về đường đó thời khủng-hoảng vô-cùng, không biết đến bao giờ được thái-bình yên-ổn, bèn xoay lại oán nước Mĩ, làm án nước ấy là có tội với loài người, lấy vật-chất mà diệt mất tinh-thần. Bởi thế nên có người làm sách tố-cáo cái « ung độc của nước Mĩ » (le cancer américain), *cho rằng cái ung đó đã lan ra khắp thế-giới, khó lòng mà trị được nữa.*

Xét cho kỹ thì cái lối kinh-tế của nước Mĩ cũng là quá-lạm và tệ-hại thật, vậy cũng quả là một cái bệnh của thế-giới đời nay; nhưng các nước Âu-châu sở-dĩ oán nước Mĩ, không một là oán vì đã truyền cho cái bệnh hại đó, thứ nhất là oán vì trước vào hùa với mình để đánh Đức, nay chiến-tranh xong, có nhiều vấn-đề khó-khăn phải giải-quyết thì lảng hẳn ra ngoài, quên hẳn cái nghĩa đồng-minh cũ mà chỉ biết mình là người chủ nợ mà thôi, khăng-khăng cố đòi lấy nợ cho được, còn nhất-thiết biệt-lập hẳn một phương trời, không thiết gì đến ai cả, thậm-chí đóng cửa cảng, tăng thuế quan cho người nước ngoài, hàng-hóa ngoài không vào được đến bờ-cõi mình nữa.

Các nước Âu-châu trách tại cái thái-độ duy-kỷ một cách cứng-cỏi quá của nước Mĩ đó mà gây nên cái tình-trạng khủng-hoảng trong thế-giới bây giờ. Chỉ mong rằng đảng cầm quyền ở nước Mĩ bây giờ là đảng cộng-hòa (parti républicain) *sau này sẽ bị thua mà đảng dân-chủ* (parti démocrate) *lên kế chân, thời có lẽ nước ấy sẽ tham-dự vào việc quốc-tế một cách thân-mật hơn bây giờ. Cái đó phải đợi đến kỳ tổng-tuyển cử tháng 11 tây này mới biết được.*

. . .

Le cancer américain

Un ouvrage que viennent de publier sous ce titre MM. Robert Aron et Arnaud Dandieu pose ce grave diagnostic du mal mondial: cancer américain généralisé inopérable. Les auteurs se défendent d'en avoir à la nation américaine, ils en veulent seulement à « l'esprit yankee », aux conceptions de l'américanisme, dont elle est la première à souffrir et qui ont contaminé le monde entier. La mystique et le déterminisme matérialiste de la grande démocratie du Nouveau-Monde sont, suivant eux, à l'origine de la crise universelle, aussi bien que les méthodes de rationalisation et d'inflation qu'ils ont inspirées et que toutes les nations, à l'envi, surtout l'Allemagne, se sont appropriées. Les Etats-Unis d'Amérique semblaient posséder le secret magique de la prospérité sans limite, et avaient réalisé une si prodigieuse et si rapide fortune que

Cái ung độc nước Mĩ

Hai ông Robert Aron và Arnaud Dandieu mới xuất-bản một quyển sách đề tên như vậy, trong sách đó xét về cái bệnh chung của thế-giới bây giờ, chẩn-đoán một câu rằng: Bệnh này là bệnh ung độc nước Mĩ đã lan rộng ra, không thể mổ chữa được nữa. Tác-giả nói rằng không có bụng gì phản-đối quốc-dân Mĩ, chỉ phản-đối một cái tâm-lý riêng của người Mĩ, phản-đối cái chủ-nghĩa gọi là chủ-nghĩa nước Mĩ, chính nó làm cho quốc-dân Mĩ phải chịu khổ trước nhất và hiện nó đã lan ra cả khắp thế-giới rồi. Theo ý tác-giả thời cái thuyết thần-bí, cái thuyết định-mệnh về chủ-nghĩa duy-vật của nước đại-dân-quốc Tân-thế-giới kia, chính là nguồn gốc của sự khủng-hoảng trong thiên-hạ, cùng những phương-pháp « tổ-chức hợp-lý » cùng « sinh-sản cực-lực » do cái thuyết đó mà ra, hết thảy các nước đều đua nhau mà noi theo, nhất là nước Đức. Nước Mĩ tưởng chừng như có cái bí-thuật thần-tiên cứ được thịnh-vượng mãi mãi vô-cùng, và thực đã làm nên sự-nghiệp cường-thịnh một cách rất lớn-lao mau-chóng, khiến cho cái ảo-

l'illusion américaine s'étendit de la Panamérique, emportée dans l'orbite politique et économique de la prestigieuse et dominatrice république étoilée, au vieux continent lui-même, à son tour fasciné, séduit et conquis par la merveilleuse ascension et les méthodes de l'Etat-empire de l'union panaméricaine en marche, plutôt en vol, vers l'américanisation du monde.

Dès lors et partout on ne jura que par les conceptions américaines du travail rationalisé, automatiquement organisé et discipliné, mécaniquement réglé, et de la production largement financée par un vaste système de crédit assurant les hauts prix, les hauts salaires, le niveau élevé d'existence par lesquels on allait assurer à une humanité pacifiée et stabilisée le maximum de bien-être, de jouissance matérielle et résoudre la question sociale. L'inflation du crédit prodigué inconsidérément par le système de l'économie et de la monnaie dirigées pour financer la production en série devait fatalement déterminer une prolifération dangereuse de la cellule productrice. On avait cru que la consommation stimulée par le même procédé d'inflation du crédit se développerait au même rythme que cette production intensive et qu'il s'établirait ainsi entre elles un équilibre stable, affranchi des lois naturelles de l'offre et de la demande. On s'était lourdement trompé. La consommation, malgré toutes les facilités du crédit, de la vente à tempérament, et les invites

mộng của nước Mĩ đã lan ra khắp Tân-Thế-giới, bị cuốn vào trong cái vòng khuôn chính-trị kinh-tế của nước đại-dân-quốc rất oanh-liệt dưới bóng hiệu cờ sao kia, lại tràn sang cả đến Cựu-Thế-giới nữa, cũng bị say mê về cái thế mãnh-tiến cùng những phương-pháp của cái đế-quốc Đại-Mĩ-châu đương bước mau lên như bay như chạy để hóa cả thế-giới theo về nước Mĩ.

Tự bấy giờ thời đâu đâu thiên-hạ cũng chỉ tin-sùng những cái thuyết của nước Mĩ về phép tổ-chức công-việc cho được hợp-lý và cho có kỷ-luật, sắp-đặt tinh-tế như máy-móc, cùng phép tài-chính do cách sắp-đặt cái chế-độ tín-dụng-thải rất rộng-rãi để giúp cho sự sinh-sản chế-tạo, khiến cho giá bán được cao, tiền công được nhiều, cái trình-độ sinh-hoạt được tăng-tiến, nhờ đó mà nhân-loại sẽ được thái-bình yên-ổn, được hưởng cực-phẩm phong-lưu, cực-phẩm sung-sướng về đường vật-chất và cái vấn-đề xã-hội cũng sẽ giải-quyết được xuôi vậy. Vì cái chế-độ tín-dụng-thải lạm-dụng quá, đặt ra những lối kinh-tế giám-đốc, tiền-tệ giám-đốc để cấp tiền cho các nhà sinh-sản chế-tạo, sản-chế theo lối đại-đa-số, nên kết-quả tất-nhiên là khiến cho cái sức sinh-sản tăng mãi lên một cách nguy-hiểm. Trước tưởng rằng sinh-sản tăng lên cực-lực như vậy thời tiêu-dùng cũng tiến theo một trình-độ đó, cũng nhờ cái chế-độ tín-dụng-thải đem lên cực-điểm mà kích-thích thêm vào, rồi thời hai bên tất sẽ quân-bình với nhau, thoát được cái luật tự-nhiên của sự cung-cầu, không ngờ lầm to. Tuy dùng hết cách tín-thải, nào là bán chịu, nào là quảng-cáo một cách rất khôn khéo, đem cái tên hàng mà bày luôn trước mắt người ta để kích-thích cái thị-hiếu của thiên-hạ, vậy mà sự tiêu-dùng cũng không thấy tăng-tiến

d'une publicité ingénieuse et obsédante pour aiguiser son appétit, a manqué d'estomac. Les stocks se sont accumulés ; malgré les valorisations entreprises pour soutenir artificiellement les prix, la mévente est venue, puis la baisse des changes monétaires, le moratoire des dettes internationales ; l'activité industrielle et commerciale s'est ralentie et des millions de sans travail sont tombés à la charge des collectivités. Crédit n'est pas mort mais il est gelé, la confiance et la fièvre de la spéculation ont fait place au marasme et à un trouble profond de la conscience universelle.

Mais le mal est-il bien un cancer et si cancer il y a, est-il spécifiquement américain ? Sans doute, la puissante expansion de l'impérialisme américain, la diffusion de ses doctrines et de ses méthodes ont-elles pu accélérer et précipiter la crise, mais celle-ci s'annonçait depuis longtemps déjà, dans notre Europe surindustrialisée, par l'âpre lutte entre ses puissances exportatrices pour la conquête des grandes routes maritimes, des marchés consommateurs, des débouchés coloniaux et des sources de matières premières. Cette rivalité a été l'une des causes déterminantes de la guerre mondiale, laquelle n'a été elle-même que la conséquence de cette guerre économique qui aboutit au conflit armé, dans lequel fut entraînée l'Amérique. Et si la crise, au lieu de se résoudre par cette conflagration, n'a fait que s'aggraver depuis, pour arriver aujourd'hui à son apogée, c'est que, dans le règlement et l'organisation de la paix, les puissances alliées et associées ont, contre le vœu de la France, contre la promesse de garanties qui lui avait été faite et au profit de leur adversaire commun, l'Allemagne, rompu la solidarité et le front unique qui leur avaient donné la victoire et qui seuls

lên được quá-độ. Hàng-hóa tích-trữ lại đó, tuy dùng nhiều cách miễn-cưỡng để duy-trì cho giá hàng khỏi sụt đi, vậy mà bán cũng không được, rồi đến giá hối-đoái của tiền-tệ sụt kém đi, sau đến các khoản nợ quốc-tế phải hoãn trả cả ; sự hoạt-động về công-nghệ thương-nghiệp đình đốn lại, hàng triệu những người thợ thất-nghiệp không có việc làm, xã-hội phải nuôi. Sự tín-thải dẫu không tuyệt-diệt hẳn, nhưng cũng là ngưng đọng hết ; trước kia tự-tín biết bao, hăng-hái đầu cơ biết bao, nay ủy-mĩ suy-đồi, nhân-tâm đều khủng-hoảng tán-loạn cả.

Nhưng cái bệnh đó có phải là một bệnh ung độc không, và nếu là bệnh ung độc thời có phải là cái ung riêng của nước Mĩ không ? Vẫn biết rằng cái đế-quốc chủ-nghĩa của nước Mĩ nó bành-trướng ra rất mạnh, những lý-thuyết cùng phương-pháp của nước Mĩ truyền-bá ra, làm cho sự khủng-hoảng càng gấp lên, nhưng ở ngay Âu-châu, quá thiên về đường công-nghệ, cái mầm khủng-hoảng đó phát-hiện ra cũng đã lâu rồi, ở trong sự cạnh-tranh kịch-liệt của các cường-quốc xuất-cảng để chiếm lấy các đường hàng-hải lớn, các chợ tiêu-dùng hàng-hóa, các nơi thuộc-địa để tiêu-thụ đồ hàng, cùng các nơi sản những nguyên-liệu cần-dùng. Sự cạnh-tranh đó chính là một nguyên-nhân gây ra cuộc chiến-tranh thế-giới vừa rồi, cuộc chiến-tranh này cũng chỉ là kết-quả của sự chiến-tranh kinh-tế, chiến-tranh kinh-tế rồi thành ra chiến-tranh võ-lực, chính nước Mĩ cũng bị lôi kéo vào đó. Nay sự khủng-hoảng không nhờ cuộc chiến-tranh đó mà giải-quyết, lại từ đó càng ngày càng thêm nặng lên, tới nay đến cực-điểm nguy-kịch, sở-dĩ thế là vì trong việc điều-đình tổ-chức cuộc hòa-bình, các nước đồng-minh liên-hiệp trước làm trái sự nguyện-vọng của nước Pháp, sai lời ước đảm-bảo với nước Pháp,

pouvaient assurer la stabilité du statut de Versailles dans la Société des nations et l'exécution des traités et des conventions sur les réparations. Par la rupture de cette union sacrée, sacrifiée à des nationalismes égoïstes, le monde a été abandonné à cette anarchie économique et financière qui a détruit la confiance et ruiné le crédit. Toutes les nations payent ainsi, à cette heure, les défections, les hérésies et les aberrations dans lesquelles elles ont, toutes, une part de responsabilité ; mais la plus grande incombe, on ne peut le nier, à l'américanisme qui, par la répudiation du traité de Versailles et du covenant dicté par le président Wilson, donna le signal de la dislocation du front commun des alliés et qui a poussé sans mesure ces aberrations à l'extrême, croyant opposer victorieusement le bonheur standardisé de l'Œldorado de Monroe à la misère organisée et à la servitude de l'Eden bolcheviste du tsar Lénine.

Ces deux extrêmes du matérialisme contemporain, produit d'une civilisation asservie par le machinisme au lieu de le dominer par l'esprit, et issu d'un progrès scientifique avec lequel n'a pas marché de pair la perfection morale du christianisme, sont également morbides ; mais le véritable cancer c'est le bolchevisme qui ronge, mine et ruine l'organisme social et détruit tout idéal spirituel. L'américanisme, mégalomane égaré, comme le germanisme d'ailleurs, dans le démesuré et le colossal, nous apparaît plutôt comme une hypertrophie, une pléthore qui asphyxie et paralyse, elle aussi, l'organisme ; mais il a gardé, ne

thiên-vị kẻ thù chung là nước Đức, phá cái ước liên-lạc, phá cái chiến-tuyến duy-nhất đã khiến cho được thắng trận năm trước và nhờ đó mới có thể giữ hòa-ước *Versailles* được vững-vàng ở trong phạm-vi Hội Vạn-quốc và thi-hành được các hiệp-ước về bồi-khoản. Vì phá mất cuộc đồng-minh thần-thánh đó, đem hi-sinh cho những chủ-nghĩa quốc-gia duy-kỷ, nên thế-giới mới bị trụy-lạc vào trong cái cảnh tán-loạn về kinh-tế cùng lý-tài, làm diệt mất lòng tin và bại-hoại mất cái chế-độ tín-thải. Thế là hiện nay hết thảy các nước đều phải chuộc tội lại những sự phản-bội, trái-ngược, sai-lầm mà mình đã phải chịu một phần trách-nhiệm tự trước ; nhưng phần trách-nhiệm lớn nhất quả là về nước Mĩ, vì nước này không chịu nhận hòa-ước *Versailles*, không chịu nhận cái hiệp-ước Hội Vạn-quốc của chính tổng-thống Wilson xướng lên, chính là khởi đầu phá cái chiến-tuyến duy-nhất của các bạn đồng-minh, mơ cuồng quá độ, tưởng đem cái cõi thiên-đường của Monroe là nơi sự hạnh-phúc cũng phải lấy thước mà đo, để đối lại với cái thiên-đường của Lénine, là nơi sự khốn-cùng nô-lệ cũng có tổ-chức vậy.

Hai cái đó là hai cái cực-đoan của chủ-nghĩa duy-vật đời nay, là kết-quả của một cái văn-minh bị máy-móc nô-lệ, chứ không lấy tinh-thần mà thắng-đoạt được máy-móc, cũng là do khoa-học có tấn-tới mà cái đạo-đức của đạo Thiên-chúa không được tấn-tới ngang bằng, hai cái cực-đoan đó đều là hư-hại cả ; nhưng chính cái ung độc là cái chủ-nghĩa quá-khích của Nga kia, nó ăn sâu vào trong cơ-thể của xã-hội, làm cho hư-háo bại-hoại đi, và tiệt-diệt cả mọi lý-tưởng về tinh-thần. Chứ còn cái tật của nước Mĩ là cái tật hi-đại, cũng như cái tật của nước Đức khi xưa, mơ-màng những cái to lớn quá-độ, tức là một cái tật phát-trương

fût-ce que par hypocrisie, une certaine spiritualité et le mal n'est pas incurable. Entre ces deux matérialismes il est un juste milieu, une sage mesure, un sens des proportions auxquels la France, progressant avec plus de simplicité, de prudence et de logique, doit d'être la moins atteinte et la moins déséquilibrée des nations de ce monde malade. Le retour aux saines doctrines, une purge énergique de la lourde hypothèque des excès et des erreurs du passé, une diète sévère et un régime de désintoxication auraient tôt fait de remettre d'aplomb le cerveau et l'organisme de cette humanité détraquée. Mais à cette cure il est une condition première et essentielle : c'est de relever sa confiance, son moral, et l'on peut dire aussi sa morale défaillante. Pour cela il est un moyen, le plus simple et le plus sûr : le rétablissement du front unique des alliés qui seul peut gagner la juste paix comme seul il a gagné la bataille du droit. Ce front unique, partant de l'entente anglo-française, doit se reformer autour du statut de Versailles, des accords et des pactes qui en découlent, et assurer des garanties formelles et une assistance mutuelle effective aux ex-alliés, si malheureusement divisés, garanties et assistance sans lesquelles la réduction des armements deviendrait un danger au lieu d'être un soulagement pour les peuples. Seule une nouvelle union sur ces bases peut rendre à ceux-ci la confiance et l'espoir dans une paix durable fondée sur la solution équita-

phát-phì, một cái tật sung-huyết quá-độ, nó cũng làm cho cơ-thể bí-tắc tê-liệt lại ; tuy-nhiên vẫn giữ được một chút tinh-thần cao-thượng, dù là một cách trang-tác bề ngoài nữa mặc lòng, và cái tật cũng không phải là không thể chữa được. Ở khoảng giữa hai cái chủ-nghĩa duy-vật đó, có một nơi thích-trung, một chỗ điều hòa thích-đáng, vừa-vặn phải-chăng, là chỗ địa-vị của nước Pháp, nhờ đó mà nước Pháp cứ tiến lên một cách giản-dị, thận-trọng và hợp-lý, đứng giữa cái thế-giới đương bị bệnh, mà không đến nỗi mắc sâu như các nước khác, không đến nỗi mất hẳn cái mực thăng-bằng. Nay nếu biết khéo phục-hồi lại những điều nghĩa-lý chính-đáng, biết ra tay mà tẩy-trừ hết những sự sai-lầm tệ-lạm từ trước, biết nghiêm tiết-độ trong sự ẩm-thực, tẩy độc cho khí-huyết, thời não-căn cùng cơ-thể của cái nhân-loại đương bị hư-liệt kia, sẽ chấn-chỉnh được ngay lại. Nhưng mà cách trị bệnh đó, phải cốt nhất ở một điều như sau này : là phải phấn-khởi lòng tin, chấn-chỉnh tâm-thần, và chấn-chỉnh cả cái đạo-đức đương suy-vi nữa. Muốn làm như vậy thời có một cách giản-dị nhất và chắc-chắn nhất : là khôi-phục lại cái chiến-tuyến duy-nhất của các đồng-minh trước kia đã nhờ đó mà thắng được cái trận công-lý, nay cũng có thể nhờ đó mà lập được cái nền hòa-bình. Cái chiến-tuyến duy-nhất đó phải khởi-điểm tự cuộc thân-thiện hai nước Pháp Anh, lấy cái hòa-ước *Versailles* cùng các hiệp-ước do đó mà ra để làm trụ-cốt, và đặt ra những cách đảm-bảo phân-minh cho các bạn đồng-minh cũ thực-lực giúp đỡ nhau, vì hiện nay thiệt là chia rẽ nhau quá, nếu không có cách phù-trợ đảm-bảo đó thời việc tài giảm binh-bị không những không đỡ gì cho các dân-tộc mà lại thành ra cái cơ nguy hiểm nữa. Duy có một cuộc

ble des problèmes économiques et financiers qui causent leur angoisse et leur détresse. Seule elle peut imposer l'ajustement raisonnable des dettes de guerre et des régimes douaniers qui fera rentrer dans l'ordre les relations internationales et remettra en marche la machine en panne.

Les Etats-Unis d'Amérique ont dans leurs mains la clé du problème et il ne tiendrait qu'à eux qu'il fût promptement et favorablement dénoué. L'esprit américain, qui a porté à sa plus haute puissance l'esprit anglo-saxon, est lent à concevoir et à évoluer. Le krach de son système spéculatif, rationaliste et inflationniste et ses répercussions mondiales, la chute de la livre sterling, l'insolvabilité méthodiquement préparée de l'Allemagne, devant qui les alliés, vainqueurs désunis, font tous figure de dupes, semblent ne lui avoir rien appris. L'expérience faite n'a pas encore amené la réaction nécessaire contre le superimperialisme économique, l'ultra-protectionnisme et la diplomatie du dollar instaurés depuis trente ans par le parti républicain et qui pèsent si lourdement à cette heure sur les destinées des deux continents. Et pourtant cette réaction s'imposerait, en présence des événements qui se précipitent, emportant comme chiffons de papier accords, conventions, traités auxquels

đồng-minh mới theo căn-bản đó, là mới có thể khiến cho các dân-tộc có bụng tin nhau và mong-mỏi được hưởng sự hòa-bình lâu dài, giải-quyết được một cách thỏa đáng những vấn-đề kinh-tế tài-chính hiện nay đương làm cho các dân-tộc phải lo-lắng khổ-sở. Duy có đồng-tâm như vậy mới điều-đình được thỏa-thuận về các khoản nợ chiến-tranh cùng các vấn-đề quan-thuế, khiến cho việc giao-tế trong trường Vạn-quốc lại khôi-phục được trật-tự và cái máy đương bị hỏng lại bắt đầu chạy được như thường vậy.

Hiện nay nước Mĩ đương cầm trong tay cái thìa khóa để giải-quyết vấn-đề đó, giải-quyết được mau hay chậm, thỏa hay không, cũng là tự ở nước Mĩ cả. Cái tâm-lý của người Mĩ là tâm-lý của người Anh đem đến cực-liềm mãnh-lực, vẫn hay tư-tưởng chậm, biến-hóa chậm. Những cái thuyết tổ-chức hợp-lý, cực lực sinh-sản, thất-bại là dường nào, và ảnh-hưởng trong thế-giới sâu-xa thế nào, tiền *sterling* bị sụt giá, nước Đức lập-tâm không trả nợ, đồng-minh tuy thắng trận mà không đồng-tâm hòa-hợp với nhau, đối với Đức ra mặt bị lừa, sự-tình như vậy, nước Mĩ xem ra cũng không hiểu chi chi cả. Sự kinh-nghiệm như vậy chưa khiến cho nước Mĩ phản-động lại đối với cái chủ-nghĩa cực-lực đế-quốc về kinh-tế, cực-lực bảo-hộ về thương-nghiệp, cùng cái thuật ngoại-giao chỉ biết lấy đồng hoa-viên làm trọng, là những phương-thuật của đảng cộng-hòa nước Mĩ vẫn thi-hành tự ba-mươi năm nay và hiện nay thật là một cái gánh nặng cho vận-mệnh cả Tân Cựu thế-giới. Tuy vậy mà sự phản-động đó là cần để đối-phó với những việc xảy ra càng ngày càng gấp, khiến cho bao nhiêu những điều-ước cùng hiệp-ước mà chính nước Mĩ cũng có phần vào đó, cũng chịu trách-nhiệm vào đó, thành ra một mớ giấy lộn

les Américains eux-mêmes ont participé et pris leur part de responsabilité, comme le plus puissant facteur de redressement de tout l'organisme international.

En ramenant la grande nation des Etats-Unis à la doctrine wilsonienne qui domina la paix de Versailles, elle rapprocherait l'Union américaine de la Société des nations et assurerait cette coopération européo-américaine indispensable au salut de notre civilisation occidentale. Les Etats-Unis sont les arbitres de la situation ; ils détiennent la somme de toutes les créances intergouvernementales de guerre et le plus gros stock d'or du monde ; ils ont le tarif douanier le plus élevé, le plus agressif de tous ceux que les Etats dressent follement les uns contre les autres au moment même où la détresse générale conseillerait la plus libre circulation et la plus large distribution de tous les produits de l'activité humaine ; ils possèdent le plus grand potentiel de richesse et ils ont l'heureux privilège de pouvoir apporter à cette coopération les éléments essentiels et les plus décisifs de la restauration et de la pacification économiques, sans lesquelles il est vain de parler de paix et de désarmement.

Le parti démocrate des Etats-Unis a acquis, dans les dernières élections partielles, une légère majorité à la Chambre des représentants et il est à égalité maintenant avec les républicains dans le Sénat. On a annoncé que ses leaders vont engager une action pour le revision du tarif douanier, ce qui ouvrirait les voies à un ajustement international des régimes de douanes, surtout si les élections générales de novembre donnaient la présidence et une

không có giá trị gì nữa ; sự phản-động đó là cần, vì là cái động-lực rất mạnh để chấn-chỉnh lại cho cả đoàn-thể quốc-tế vậy.

Nếu khiến được cho nước Mĩ quay về cái chủ-nghĩa của Wilson là tôn-chỉ của hòa-ước *Versailles*, thời đoàn-thể Mĩ-châu sẽ liên-lạc với hội Vạn-quốc và gây được thành cuộc hiệp-tác Âu-Mĩ là sự cần để cứu cho văn-minh Thái-tây khỏi nguy-vong vậy. Nước Mĩ là đứng cái địa-vị trọng-tài ở trong tình-thế bây giờ, bao nhiêu những nợ của các chính-phủ về chiến-tranh là lũng-đoạn trong tay nước Mĩ cả và phần nhiều vàng trong thế-giới cũng là thu vào tay nước Mĩ hết ; giá quan-thuế của nước Mĩ là cao hơn hết cả, trong các cái trường-thành bằng thuế thương-chính của các nước dựng lên để ngăn-trở lẫn nhau, cái trường-thành của nước Mĩ là cao ngất hơn cả, giữa lúc trong thiên-hạ đương bị cùng-quẫn đáng phải để cho những sản-vật của công-nghệ loài người được tự-do lưu-thông, tự-do phân-phát mới là phải ; nước Mĩ ngày nay có cái sức mạnh phú-cường không ai bằng, nếu mà hiệp-tác với Âu-châu thời có đủ những yếu-tố có thể khôi-phục cho nền kinh-tế được điều-hòa, kinh-tế không điều-hòa thì nói chuyện hòa-bình với chuyện tài-binh cũng là chuyện hư-không mà thôi.

Đảng dân-chủ ở nước Mĩ trong mấy kỳ tuyển-cử nhỏ vừa rồi, đã thấy có tăng-số một đôi chút ở viện Dân-biểu, còn ở Thượng-Nghị-viện thời hiện nay cũng ngang số với đảng cộng-hòa. Có tin rằng các lãnh-tụ đảng dân-chủ sẽ vận-động để xin cải-định lại giá-biểu quan-thuế, như vậy thời sẽ có đường lối để châm-chước lại cái thể-lệ quan-thuế trong các nước, nhất là đến kỳ tổng-tuyển-cử tháng mười-một này mà ghế nghị-trường cùng phần đa-số ở Quốc-

majorité substantielle du Congrès à ce parti opposé au système protectionniste des républicains. Mais est-il permis d'espérer, en présence même de l'attitude du Congrès actuel, qu'une grande victoire des démocrates modifierait sensiblement et esprit américain, cet américanisme intransigeant et irréductible qui se refuse à toute solidarité avec l'Europe dans le partage des responsabilités de la crise et des initiatives qu'elle commande ?

Le suffrage attendu du peuple des Etats-Unis serait un des plus grands espoirs de l'heure critique présente s'il devait ramener la démocratie américaine aux saines traditions de Jefferson, le glorieux ancêtre de cette démocratie, comme le souhaiteraient les auteurs du « Cancer américain ». Cette pure tradition démocrate, jointe au simple et honnête bon sens de Jacques Bonhomme, suffirait à dénouer heureusement le drame pathologique qu'a déchaîné dans l'hôpital universel la contagion de ces deux matérialismes, aussi malsains et dangereux l'un que l'autre : le délire capitaliste de l'américanisme et la démence communiste du bolchevisme, qui menacent de mener notre monde aux abîmes si le hommes d'Etat qui le conduisent se refusent à voir clair, à entendre raison, à parler franc et à marcher droit, au lieu de attarder dans la politique compliquée et tortueuse des nationalismes aveuglément égoïstes, destructeurs de cette union sacrée dans laquelle seule sont le salut et la paix.

LOUIS GUILAINE.

hội, về đảng dân-chủ xưa nay vẫn phản-đối cái chính-sách bảo-hộ-mậu-dịch của đảng cộng-hòa, thời sự đó lại càng dễ lắm. Nhưng mà cứ cái thái-độ của Quốc-hội Mĩ ngày nay thời có thể mong rằng đảng dân-chủ có ngày được đại-thắng và có thể thay-đổi được cái tâm-lý cố-hữu của người Mĩ kia là cái tâm-lý khăng-khăng không chịu liên-lạc với Âu-châu để chia cái trách-nhiệm trong tình-trạng khủng-hoảng ngày nay và đảm-đương ra bồ-cứu lại, có thể mong được như vậy không?

Cuộc đầu-phiếu của quốc-dân Mĩ sau này, nếu có thể khiến được cho nước Mĩ lại phục-hồi cái cổ-điển chân-chính của ông JEFFERSON đời xưa, là ông tị-tổ trứ-danh của cái thuyết dân-chủ nước Mĩ, theo như lời tác-giả sách «Cái ung Mĩ-châu» ước-ao như vậy, nếu được thế thì thật là một cái hi-vọng lớn ở giữa buổi nguy-cơ này. Cái nghĩa dân-chủ thuần-túy đó, tiếp với cái tư-cách giản-dị, chính-trực, phải-chăng, là cái tâm-lý cố-hữu của người Pháp, thời có thể giải-quyết được cái bi-kịch của thế-giới đời nay, là cái bệnh truyền-nhiễm của hai cái chủ-nghĩa duy-vật cùng tai-hại, cùng nguy-hiểm như nhau : một là cái chủ-nghĩa tư-bản cuồng-vọng của nước Mĩ, hai là cái chủ-nghĩa cộng-sản cuồng-vọng của nước Nga, hai cái đều có cái nguy muốn xô-đẩy thế-giới vào vực sâu, nếu những nhà chính-trị cầm quyền trong thiên-hạ không biết nhìn cho tỏ-tường, nghe lấy lẽ phải, nói cho thành-thực, đi cho ngay thẳng, lại cứ quanh-quẩn trong cái chính-sách phiền-phức cong-queo của các chủ-nghĩa quốc-gia chỉ khu-khu biết mưu lợi cho mình, phá-hoại mất cả cái nghĩa đồng-tâm thần-thánh là nơi duy đó mới có thể cầu cho thế-giới được yên-ổn hòa bình.

HỒNG-NHÂN *dịch*

Lược-khảo về sự tiên-hóa của quốc-văn trong lối viết tiểu-thuyết (1)

II

Năm 1925 kỷ-niệm một bước dài trên đường văn-học. Kết-quả cuộc thi văn-chương của hội Khai-trí tiến-đức thư-viện nước ta được thêm vài quyển sách có giá-trị. Phần thưởng năm ấy về quyển *Quả-dưa-đỏ* của ông Nguyễn Trọng-Thuật.

Nhân một chuyện cổ-tích lục trong sách sử-ký đời Hùng-triều, mà xếp đặt lại cho có mành-mối, tình-tiết, tác-giả viết ra quyển *Quả-dưa-đỏ*. Có người đem sánh nó với bộ *Robinson Crusoé* bởi vì cùng một thể phiêu-lưu tiểu-thuyết. Nhưng không phải là chuyện phiêu-lưu, gương can-đảm, chí kiên-nghị mà thôi, *Quả-dưa-đỏ* còn là cái vấn-đề sinh-tồn của một quốc-gia chủng-tộc. An-Tiêm người chủ-động trong truyện, không những một ông đại-tướng trên mặt chiến-trường, lại là một nhà bác-học uyên-thâm, tham-bác cả nho-học lẫn Phật-học, có sức tự-tín mạnh-bạo, lại có trí sâu-xa thấu-hiểu các sự-vật, phàm đối với cảnh-ngộ nào dầu phú quí hay bần-tiện, cũng không quan-ngại gì. Một cái sống cô-độc giữa chốn hoang-đảo, từ xưa không từng có dấu-vết nhân-loại bao giờ, trước sau chỉ có một nhà bốn người, lại thiếu-thốn mọi thức cần-dùng cho sự sống, đối với kẻ khác tất không sao chịu nổi, thế mà An-Tiêm vẫn bền vững một lòng tin đốc một dạ, vẫn cùng với vợ con mà sống được, cũng không phải là sống lây-lất cho đoạn tháng qua ngày mà lúc nào cũng mong đào-tạo một cõi thiên-hoang thành một nơi thôn-lạc. Lòng kiên-nghị sức tự-lập, chí tiến-thủ của An-Tiêm, ta cứ xem như đoạn này:

« An-Tiêm đang nói, trông ra thấy bóng nắng sáng lòe ngoài cửa hang, vội chạy ra trông trời, thì cơn cớ mây mưa mọi ngày kéo sạch đi đâu mất cả, vầng thái-dương lồ-lộ giữa trời, dương-khí chiếu ra khắp thế-giới, cỏ hoa muôn vật, ấm-áp sởn-sơ, bao nhiêu cái hàn-khí tê-tái buồn-rầu đều tiêu-tán hết. An-Tiêm lại trở vào trong hang bảo vợ rằng :

— Hôm nay thật hết mưa rồi, trời đang hằng nắng, mà cái vết thương của hiền-thê đã kín miệng sắp khỏi, vậy u-con ở nhà phơi-phong quần áo lương-thực, để tôi ra bãi xem có cách gì tìm kiếm được những thổ-sản ở đây không.

Nói rồi vào góc hang, cởi quần áo, đóng một cái khố đi ra, Nàng-Ba thấy chồng vốn là một vị hồ-thần đường-đường của vương-triều, mà bây giờ phải lầm-than tiều-tụy đến thế này, nàng sầm nét mặt xuống, ngảnh đi đàng khác mà không nỡ trông.

An-Tiêm nói :

— Ý hiền-thê thương tôi vất-vả mà không nỡ trông có phải không? Thương là nệ mà nghĩ lại là sai. Người ta ở trong vũ-trụ, chẳng khác chi một giọt nước trong biển thương-hải, một mảy bụi trong cõi thái-hư, có thấm vào đâu. Thân còn chả thấm vào đâu nữa là những cái để cung-phụng cho thân thì hèn-mạt còn có ra gì. Tuy-nhiên, cái thân thì nhỏ thế; nhưng nhờ cái tâm nó quán-thông được cả thiên-địa, cảm-cách được thần-minh, thời lại là to. Trời sinh ra người,

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 175.

« Xuân du ngoạn cảnh »

(Thầy tu đi núi)

Bức vẽ của họa-sĩ Nam-sơn

(Vẽ bằng mực tầu, son tầu và phấn trắng,

hiện bày ở Đông-dương kinh-tế cục *Paris*)

« Cò trắng với cá vàng »

Bức vẽ của họa-sĩ Nam-sơn, khắc vào gỗ, in ra bảy mầu. Cái « phông » viền chung-quanh bức vẽ là của ông Tô Ngọc-Vân nghĩ kiểu

(Bày tại cuộc Đấu-xảo Mĩ-thuật Rome *năm 1931)*

« Về chợ »

Bức vẽ của họa-sĩ Nam-sơn (vẽ bằng mực tầu, son tầu và phấn trắng hiện bày ở Đông-dương kinh-tế cục *Paris*)

mà người làm nên trời, là nhờ có thế; người ta sở-dĩ biết sống làm người là quí, cũng chỉ có thế. Thượng-đế sở-dĩ tin yêu người ta hơn các loài vật, cũng chỉ có thế. Mình làm việc chân-chính, cao-dầy khả dĩ đối với trời đất, u-minh khả-dĩ đối với quỉ-thần, thì thế này là mình hành cái chí của mình, sao lại là vất-vả. Nếu mình làm việc tà-tích, không biết có trời đất quí-thần là gì, cam-tâm đồng-loại với các con cầm-thú, thì càng ngọc vàng gấm vóc quấn vào mình bao nhiêu, đền cao gác rộng che cho thân bao nhiêu, càng thêm bôi nhem bôi nhọ cho cảnh huy-hoa sán-lạn tự-nhiên của vũ-trụ này bấy nhiêu, chứ có ích gì cho vũ-trụ!

« Nói xong liền cầm gươm đi.»

Văn-chương trong quyển *Quả-dưa-đỏ*, phần nhiều là văn nghị-luận, lời vấn-đáp của hai vợ chồng An-Tiêm, lời thiết-thực và hồn-hậu lắm. Trước cảnh khốn-nạn tuyệt-trần, thì đem cái triết-lý sâu-xa để an-ủi, có khi gợi đến tình ly-hương khứ-quốc thì thổ-lộ ra giọng bi-hoài và khảng-khái, như:

« ... Hai vợ chồng lại đứng lên trông về mé trời tây, thấy suốt từ tây-nam đến đông-bắc, tuyệt-nhiên không còn có một cánh buồm nào thấp-thoáng lờ-mờ của thuyền khách vãng-lai, ở cùng tầm con mắt, cho biết đó là gần bờ, chỉ thấy trên làn sóng xa xa một sợi chỉ trắng thẳng dăng, trên sợi chỉ thì khí trời nghi-ngút, phơ-phất mập-mờ. Trong chỗ khí trời một vài ngọn núi màu xanh nhợt hầu lẫn với da trời. An-Tiêm nói:

— Cái vệt nhấp-nhô chân trời tây-bắc kia há không phải là những ngọn núi của quê-hương ta mà bấy lâu ở đây ta vẫn ngóng trông nhìn nhận đó dư, há không phải là những khí thiêng-liêng của trời đất đã chung-đúc nên, đột-ngột đứng giữa trời mà làm tiêu-chí cho một nước đại-bang Tổ-Việt ta đó dư? Những ngọn núi chênh-vênh giữa trời kia, chứa chất bao nhiêu bảo-tàng, bao nhiêu tinh hoa của càn-khôn, mà cung-cấp bao nhiêu sản-vật, giáng-đản bao nhiêu thần-thánh, làm giàu thịnh vẻ-vang cho nước nhà mà chính những tên là Tản-viên Tam-đảo, là Non đông Rừng ngang đó dư? Chính là tổ-tông của ta đây cũng là nhờ cái tú-khí ở những chỗ ấy mới phát-dục nên người. Tuy vậy non sông có linh-tú cũng phải nhờ người mới tăng-quang, cũng như ông cha có triệu tạo cũng phải nhờ có con cháu mới trang-tôn. Chúng ta đây nào có vô-tình gì với non sông, mà non sông tưởng cũng chả ghét bỏ gì chúng ta đây, mà vì đâu tấm lòng cảnh-ngưỡng non sông đất nước, bỗng tuôn làm giọt lệ oán-mộ mà xùi-xụt bên trời. Từ khi ta xa-cách ra đây, đêm ngày lúc nào mà không nhớ trông về chỗ non sông ấy. Ngỡ rằng lên càng cao, trông càng tỏ, gọi là nguôi chút nhớ mong; biết đâu lên càng cao trông càng xa đi, mà nỗi nhớ niềm thương càng thêm quẩn-quại. Ôi!

Bấy lâu ta ở bên trời,
Lòng riêng vẫn nhớ sự đời bên kia.
Nhớ con chim cuốc gọi hè,
Non sông hiu-quạnh ai nghe mà gào.

Nhưng mà thôi, càng trông càng nhớ, càng nhớ càng đau, ta đã nặng lời thề-thốt với non sông kia, mà cái công-cuộc ta sẽ gây dựng nên ở đây, há có vì ai.»

Ngoài văn nghị-luận, văn tả cảnh cũng không thiếu gì, lời văn không bóng-bẩy hoa-mỹ, nhưng mà cổ-kính khúc-chiết, nay thử xem một đoạn tả cảnh triều-dương trên mặt biển:

« Trời hâng-hẩng rạng đông, ba chiếc mành, đánh cánh ra cửa. Cửa biển mênh-mông, đêm sương lạnh-lẽo, thủy-thủ ai nấy đều ngồi vào chỗ khuất để tránh rét. Lúc đó ở cái mành đi giữa, lờ-mờ có một người đứng ra trước gió,

dựa lưng vào cột buồm trông xem cảnh biển... Thuyền chạy vùn-vụt, gió thổi ù-ù, sóng vỗ chông-chành, người ấy cứ đứng sừng-sững, không hề nhút-nhích chút nào. Chợt đâu vầng thái-dương ở dưới gầm thương-hải kéo lên đỏ lừng-lững, trong hàm cái sắc kim-quang lóng-lánh, không lấy vật đỏ nào của thế-gian mà tỉ-nghĩ được. Bấy giờ ánh triều-dương chiếu ra, mây khói sóng nước đều đới có vẻ hồng-hồng cả. Rồi mặt trời càng lên thế-giới càng rạng dần ra, mà nhỡn-quang của người càng chiếu rộng xa mãi ra được ; sóng mông-mênh bát-ngát, tít-tắp mù-khơi, không biết đâu là bờ, cơn mây bốn chân trời kéo lên tới-tấp, khoảnh-khắc biến-thiên, vô-số hình-sắc. Mà ngảnh lại phía tây chốn non sông tôn-quốc thì mây ám sương sa không rõ gì cả, người ấy lại thêm ngậm-ngùi vô-hạn ».

Một cái đặc-sắc trong *Quả-dưa đỏ* là thể thơ lục-bát.

Đang ở vào cảnh cùng-khốn như hai vợ chồng An-Tiêm, những ngày đơn-cô trên hoang-đảo, cái lẽ sống chết nó đã làm rối-loạn cả tâm-hồn thì còn lòng nào nghĩ đến thơ-văn, nhìn đám mây bay, trông làn gió thổi nữa, thế mà trái lại. Cứ như lời nói của An-Tiêm « Càn khôn là một áng cảm-tình, vũ-trụ là một quyển thơ đại-toàn ; đáo xứ tiện-thị có một bài. Ông tạo-hóa tiện-thị là ông chủ ra đầu bài, người ta là khách đến làm thơ cả, ai không biết tả-mạc cái đầu bài ra là thiệt », bởi thế nên dầu ở cảnh nào An-Tiêm cũng có thơ, mà cảnh càng khổ thơ càng hay. Xem như khi hai vợ chồng ngồi thuyền đi đầy, chạnh tình cố-quốc, cảm nỗi ly hương, đối cảnh nước mây mà ngâm-vịnh.

« Nước sông càng chảy xiết, gió tây-may càng thổi mạnh, ba chiếc mảnh thẳng cánh chạy như ba con chim đại-bằng, bay ra biển Nam-minh. Người trong thuyền đều được rồi-rãi, kẻ thì ngồi kẻ thì nằm xoài cả ra trên mui để xem cái gia-đình họ Mai, tuy trong luy-tiết mà tình-ái một cách êm-đềm, chuyện-trò một cách trung-chính, ai cũng phải thương thay.

Thuyền đã đi hai ba quãng sông, trời đã xế bóng, An-Tiêm mới đọc lên một bài rằng :

Dập-dìu cả nước chim cồn,
Gió mây đưa đón cánh buồm ra khơi,
Tả-tả bóng xế non đoài,
Nhớ ai ai biết, biết ai nhớ mình.

Rồi lại đọc liền một bài nữa :

Nghìn thu vượng-khí mơ-màng,
Ngất trời ngựa sắt giáo vàng như bay.
Chiều hôm nổi gió tây-may,
Nước non hiu-quạnh cỏ cây lạnh-lùng!

Nàng Ba nói :

— Bài trước là cảm-hứng, bài sau là hoài-cổ. Ngựa sắt giáo vàng là đức Đồng-thiên-vương. Ý-tứ man-mác lắm tôi cũng xin đọc :

Gió xuôi dòng nước càng xuôi,
Vườn dâu sau lái trông vời càng xa.
Đàn âu bên bãi bình-sa,
Biền hồ lai-láng cửa nhà lênh-đênh.

An-Tiêm nói :

— Vườn dâu sau lái trông vời càng xa, cái bụng hiếu-tâm bi-thiết là dường nào, thế chẳ hay là gì đấy ?

Nàng Ba lại đọc :

Đi đâu vội mấy cô ơi!
Hỏi cô cô có lên chơi sông Bờ.
Rẽ vào thăm gốc cây mơ,
Xem hoa xuân trước, xuân giờ bao hoa.

An-Tiêm nói :

— « Mơ » tức là « Mai » là trỏ về họ Mai, rõ thực ra lời thơ nhà phong-dao lắm. Từ rày hễ khi nào tình-tứ vô-liêu, ta cứ giở ra cuộc làm thơ là một cách tiêu-sầu khiển-muộn thú hơn cả, tự ta ta có, không phải mua đâu.

Những bài thơ vắn-tắt như thế, tản-mác trong truyện nhiều lắm, đều là

những bài tuyệt-bút, vừa có hồn thơ lai-láng, lại vừa phảng-phất cái thi-vị của lối phong-dao chất-thực mà hồn-hậu từ xưa lưu-truyền lại, đại-khái như bài :

Sông Lô dòng nước cuốn quanh,
Tản-viên ngọn núi chênh-vênh góc trời.
Giữa vùng núi thẳm sông khơi,
Có đây có đấy trên trời có trăng.

Hoặc anh-hùng khảng-khái như :

Tiêu dao ngoài cõi càn-khôn,
Xe bằng chín vạn, ngựa còn ba nghìn.
Cánh bèo nhật nguyệt nổi chìm,
Ngồi trên sóng bạc chờ xem cát vàng.
Gươm thần một lưỡi sáng choang,
Vung lên mở cửa thiên-hoang ra đời.

Cảm-hoài bi-tráng như :

Cắn tay lau đá viết lời,
Đá mềm máu thấm mặt trời soi cao.
Biển trời đôi ngả tiêu-hao,
Ra trông về nước mà vào trông thơ.
Còn hang nét chữ còn trơ,
Mà người viết máu bây giờ là đây.

Hoặc văn-chương như :

Cắn tay xé áo viết lời,
Trăm năm lụa nát máu thời không khô.
Mặc dầu nắng dãi sương mù,
Gió doành thổi sớm, trăng gò soi khuya.

Ai-oán như :

Đêm sao dài mấy ru mà!
Trống lầu đã vắng, canh gà lại không.
Một đêm bằng mấy năm ròng!
Biển sầu lai-láng ai đong mà sầu.
Lạnh-lùng gió lọt hang sâu,
Cõi bờ mờ-mịt biết đâu mà nhìn.

Và bài :

Hang sâu đêm tối nên lòa,
Gió bay mới biết kia là cửa hang.
Cõi trần đương giấc mơ-màng,
Có ai biết nổi đêm trăng này chăng?
Tìm đâu được ngọn tàn-đăng,
Mà soi cái bóng trăm năm của mình!

Hoặc triết-lý như :

Ra khơi xem cá ông voi,
Vào hang bắt muỗi xem loài tiêu-minh.
Cũng tâm, cũng tính, cũng tình,
Cũng vùng-vẫy đủ, cũng sinh nuôi vừa.
Muôn vàn trong một hóa-cơ,
Chớ đem nông-nổi mà ngờ cao sâu.

Chung-tình như :

Đôi người đôi bóng dưới trăng,
Trông trăng lại nhớ trăng rằm năm xưa.
Xiết bao còn mấy câu thơ,
Mà đôi người cũ bây giờ vẫn đây.
Tơ tình mặt nước chân mây,
Nhớ nhau rên đến chốn này tìm nhau.

.·.

Cùng dự thi một lượt với *Quả-dưa-đỏ*, được hội-đồng ban khen; có hai quyển tiểu-thuyết : *Kim-Anh lệ-sử* và *Nhỏ-Phong*.

Tác-giả quyển *Kim-Anh lệ-sử* là ông Trọng-Khiêm. Như cái nhan sách đã báo trước, lệ-sử thật, đời Kim Anh, một người thiếu-nữ có tình có hiếu, vì mảnh hồng-nhan gợi lên bao mối dục-vọng của kẻ có quyền có của, sen ngó đào tơ mà hoa trôi bèo giạt, ba chìm bảy nổi, biển trầm lênh-đênh, làm chứng cho mọi cái hèn-hạ, cái đê-tiện, cái bất-bình ẩn-náu trong xã-hội. Chủ-ý quyển truyện không phải vì Kim Anh mà có *Kim Anh lệ-sử*, tác-giả chỉ mượn đời Kim Anh để tả những cái ẩn-tình ở xã-hội Bắc-kỳ, mà thương thay Kim Anh vẫn đóng một vai trong những tấn tuồng đó, dầu tự mình không muốn thì cảnh-ngộ cũng đưa đến.

Văn viết theo lối mới. Trong bài tựa, tác-giả đã có nói trước, phần hình-thức thì mô-phỏng theo văn tây còn toàn-thể thì tham-bác cả hai lối văn Âu-Á. Văn tả-cảnh nhiều hơn văn tả-tình, và là văn tả-chân. Tuy phải kể tỉ-mỉ từng ly từng tí, không thiếu sót một vật gì, như đem hòm ảnh mà chụp lấy hình, nhưng câu văn vẫn được gọn-gàng nhanh-nhẹn, không nặng-nề lượt-bượt bao giờ. Lại khéo vẽ người nào thì ra hạng người nấy, đem con mắt sành

quan-sát nhìn qua nét đặc-biệt của từng người, như phác qua chân dung một quan phụ-mẫu thì :

« Một người trạc ngót 50 tuổi, béo phục-phịch, bụng phệ như bụng ông Phệnh, chân xếp chữ « ngũ », tay tựa gối xếp, mình nghiêng về phía trong, miệng nhai trầu bỏm-bẻm, ngồi oai-vệ trên sập trông ra bộ đài-các lắm. »

Hoặc tả bộ-dạng một thầy lại khéo nịnh-hót giả-dối như :

« Người đứng bên cạnh sập này trông trạc cũng độ tứ-tuần, mầu da sám ngắt, mắt trắng giã, môi thâm sì, mình mặc áo lương đầu đội khăn lượt, quấn ngang quấn dọc, trông rất lôi-thôi lốc-thốc, giọng nói thì kè-nhè, tuy lúc đứng nói chuyện có gãi đầu gãi tai, song bộ-dạng coi rất hợm-hĩnh. Mỗi lần cất tiếng nói thì đầu lại nghiêng lên nghiêng xuống, mắt lại liếc ngược liếc xuôi, trông rõ ra một chàng lễ-phép giả-dối. »

Có khi muốn kể tính-cách một người nào, tác-giả không hề phải nói nó ra làm sao, chỉ đem những cái biệt-hiệu của kẻ khác gán vào cho người ấy diễn-giải ra là hiểu được, và hiểu tường-tận bằng mấy cái chứng-cớ chắc-chắn, không thể lộn vào ai khác nữa, mà truyện đọc lại có thú-vị. Như tả một người bủn-sỉn mà cay-nghiệt, vốn hèn mà làm sang :

« Còn người bận nam-phục thì công-chúng mỗi người gọi tên một khác, những bọn làng chơi và những ả-đào thì gọi ông là quan chín mà bọn phu phen thuyền thợ thì gọi ông là « thầy ký thịt đông », mà những người vay công lĩnh nợ nhà ông thì gọi là « quan kiểm », còn người nhà ông thì gọi ông là quan Hàn, song có một tên rất thông-tụng nhất là tên người ta gọi ông trong lúc ông vắng mặt, tức là tên « lái Kềnh ». Hỏi dò xem làm sao mà ông lắm tên như vậy, thì thấy nói rằng : ông có tính bủn-sỉn, đến nhà ả-đào hát hàng 5, 6 giờ đồng-hồ mà chỉ bỏ ra chi cho chị em có một đồng bạc, lại lấy lại một hào để về xe, chị em chỉ còn được chín hào, cho nên chị em gọi ông là quan chín, nghĩa là ông quan viên chín hào, còn tên « thầy ký thịt đông », do điền trước ông làm nghề cho thuê xe tay. Tính ông rất nghiệt với bọn phu-xe, đứa nào không trả đủ thuế, thì ông bắt khăn, bắt áo ; một lần một người phu xe thiếu thuế không còn cái gì nữa cho ông bắt, ông bắt cả đến nồi thịt đông. Từ đó bọn phu xe ghét ông, cứ gọi ông là thầy ký thịt đông, thầy ký là vì ngày trước ông có làm công cho một người Tây lính-trưng việc « đồi thùng » ở thành-phố. Quan Kiểm, quan Hàn, là ông có quyền được cái hàm « Hàn-lâm kiểm-thảo », còn « lái Kềnh » là do ngày xưa ông đi buôn trâu bò ở mạn ngược, ông bị phải nước độc, bụng ông lúc nào cũng ỏng như cái trống »

Như trên đã nói, văn tả-tình vẫn ít, tác-giả cứ coi cái thực-sự nó ra làm sao, kể lại thế ấy, khéo là có tài kể chuyện hay, còn câu chuyện đó như thế nào, đáng khen hay đáng trách, đáng vui hay đáng buồn, không cần đem lời bình-phẩm, để cho độc-giả tự suy-nghĩ lấy. Như đoạn dưới đây, tình-cảnh Kim Anh khi đến huyện kêu oan cho mẹ thảm-hại là dường nào :

« Hôm đó thầy đang hầu chuyện quan « phụ-mẫu », thì bỗng thấy tiếng vút! vút!, trông ra thấy một người con gái độ mười-bảy mười-tám tuổi, tay bưng cái khay, trong có hai bao chè, tất-ta tất-tưởi định vào kêu quan việc gì đó ; song bị bọn lính-lệ ngăn không cho vào, người con gái cứ sồng-sộc chạy vào, bọn lính ngăn lại không được, cho nên họ lấy roi họ vút.

Quan huyện và thầy lại thấy vậy cũng điềm-nhiên như mắt không trông thấy, không hỏi cũng không nói gì, bọn

linh lệ thì hung-hăng hành người con gái:

— Đi đâu?

— Nhờ các cậu cho tôi vào kêu quan có lí việc.

— Tiền trình? Tiền sở hầu?

Người con gái ý chừng không hiểu thế nào, mặt ngây ra như người mán, bọn linh lệ lại sừng-sộ nói rằng:

— Tiền trình quan, tiền sở-hầu chưa có, đã sồng sộc chực vào, con bé này to gan thật?

Người con gái lúc đó mới hiểu rằng các cậu đòi tiền trình quan và tiền chè cho các cậu; trong lưng có hơn một đồng bạc, liền lấy ra đưa cho các cậu, thì các cậu lại hung-hăng rằng: — Tiền trình quan phải ba đồng, tiền sở-hầu hai đồng! không đủ số tiền ấy thì mày ra.

Người con gái nằn-nì mãi không được vào, gạt nước mắt trở ra; trong công-đường quan Huyện và thầy tá vẫn nghiêm-nhiên nói chuyện.»

Lại muốn biểu-lộ tình-tình một người nào mà khỏi phải kể-lể dông-dài sống-sượng, dễ sinh chán thì tác-giả dùng thể vấn-đáp. Thể vấn-đáp vẫn khó viết, phải linh-lợi tự-nhiên lắm mà đọc có hứng-thú nhiều. Dưới đây tác-giả đưa ta đến một nhà hát, bày ra hai cảnh phản-trái, một bọn gái sành nghề với một cô gái mới tập-sự, tuy đã chót sa thân vào nơi xóm nguyệt lầu hoa, nhưng hãy còn quen nền nếp con nhà gia-giáo, cứ xét theo lời nói mà biết được những sự cực-chẳng-đã nó âm-thầm nung-nấu quả tim người thiếu-nữ:

«Hôm đó chừng 5, 6 giờ chiều một ngày mùa thu, ở gác ngoài đèn điện sáng choang, ba bốn cô con gái tuổi trạc đôi-mươi, mười-tám, đương xúm nhau trên hai cái ghế trường mà trang-điểm: cô thì soi gương, cô thì đánh phấn, cô thì nối đuôi gà, cô thì đánh mái tóc, cô nào cô ấy cười cười nói nói ra bộ đắc chí lắm. Gác ngoài thì thế, mà gác trong thì cái quang-cảnh lại khác: dưới bóng ngọn đèn dầu hỏa tờ mờ, một người đàn-bà độ 45, 48, ngồi chễm-trệ trên ghế ngựa, mầu da nhờn-nhợt, vẻ mặt hầm-hầm, mắt hoắm vào, răng rít lại, coi bộ giận-dữ lắm. Bên cạnh thì một người thiếu nữ độ 20, 21 tuổi, nhan sắc tuyệt-vời, ngồi trên một cái ghế, mặt ủ mày chau, tựa-hồ như buồn-bực tức-tối lắm. Người đàn-bà ấy bảo người thiếu-nữ rằng:

— Bây giờ sáu bảy giờ rồi, mày còn chưa chịu trang-điểm, thì còn để đến bao giờ?

— Con trang-điểm chóng, lúc nào có khách con trang-điểm cũng vừa.

— Con bé này mới lạ chứ! thì mày cứ trang-điểm ngay bây giờ đi, xem đã làm sao chưa?

— Thưa mẹ, mẹ cứ để cho con tự-tiện, lúc nào có khách đến con sẽ trang-điểm xong ngay, vì ngồi nhà mà cũng thắng bộ-tịch vào, thì con lấy làm bận-bịu lắm.

Người đàn-bà kia thấy nói vậy, nổi tam-bành lên, trỏ vào người con gái mà mắng rằng:

— Mày có nghe lời tao, mày bảo? Con bé này mới lạ chứ! Bảo nó tô-điểm vào, chứ ai bảo nó gồng nặng gánh nhẹ gì, mà nó cứ lì-lì ra thế?

Người con gái không sao được, phải đứng dậy, lấy khăn áo tô-điểm. Người đàn-bà lại vuốt-ve và nói dấu-dịu rằng:

— Tính con hay cứng đầu cứng cổ quá, me nói gì, con cũng không chịu nghe lời ngay, me rất lấy làm không bằng lòng. Mẹ vẫn có bụng thương yêu con nhất nhà này, chứ me có ghét bỏ gì con đâu mà con hay mặt nặng mặt nhẹ với mẹ thế?

Người thiếu-nữ chẳng nói chẳng rằng gì, đứng dậy tô-điểm, nhưng trong bụng thì hình như rất không phục.»

Hoặc tả cái cảnh lả-lơi trên chiếu rượu, diễn lại lời nói của khách làng chơi sau khi rượu đã ngà ngà, người vừa chuếnh-choáng, đến thế này là tự-nhiên lắm :

« — *Nào chị Trà hãm mừng quan Kỹ-sư, chị Huệ hãm mừng quan Đốc-tờ một câu nào.*

— *Em hãm thì có ra gì !*

— *Em cũng khản cổ từ hôm qua.*

— *Không ra gì cũng hãm, khản cổ cũng hãm, qui-hồ câu hãm cho hay thì thôi, còn giọng xấu tốt của các chị, không cần !*

— *Thế em hãm xoáng, quan nghe vậy nhé.*

— *Được rồi.*

— « *Thiên-tải nhất thì,*
Thừa rằng thiên-tải nhất thì,
Trăm năm biết có duyên gì hay không?
Ra cũng thẹn-thùng.

— *Hay ! chà-chà là hay ! Thẹn-thùng còn gì nữa?*

— *Hở môi ra cũng thẹn-thùng.*
Biết người biết mặt biết lòng làm sao !
Rằng ước mai ao ! »

— *Hay ! hay vô-cùng là hay ! Mai ao rồi còn gì nữa?*

— *Mời quan sơi rượu.*

— *Có thế thôi à? Văn chị rất hay mà tập toàn* Kiều *cả, chị phải nghĩ một câu nữa, chốc nữa hãm cho tôi mới được. Nào bây giờ chị Huệ hãm.*

— *Em biết hãm câu gì bây giờ?*

— *Muốn hãm gì thì hãm, qui-hồ đừng giở những câu sáo cũ từ đời Bàn-cổ ra thì thôi.*

— *Câu hãm của em không hay được như câu của chị Trà đâu, quan nghe tạm vậy nhé?*

— *Được !*

— « *Thanh-khí lẽ hằng,*
Lạ gì thanh-khí lẽ hằng,
Một lời đã hẳn tiếng rằng tương-tri.
Xét tấm tình-si,
Dù chăng xét tấm tình-si,
Tấm riêng riêng những nặng vì nước [non.
Phận mỏng cánh chuồn !

— *Hay ! Hay ! gì nữa? cô đào nhà này tập* Kiều *giỏi thật.*

— *Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,*
Khuôn-thiêng biết có vuông tròn mà hay.
Nhớ bữa hôm nay. »

* * *

Quyển *Nho-Phong* tác-giả là ông Nguyễn Tường-Tam. Với những ai đã đọc báo *Nam-Phong* thì ông Nguyễn vốn không xa lạ gì. « Mấy lời bình-luận về văn-chương truyện *Kiều* », đăng *Nam-Phong* số 79 đã sớm ngỏ cái tài viết văn quốc-ngữ của ông, một lối văn thanh-thú dịu-dàng, có cái giọng nên thơ nên mộng, nhẹ như sợi tơ bay, êm như làn gió thoảng.

Nho-Phong hay nói ngược lại, cái phong-thói của nhà nho, trong ấy, tác-giả phác-họa lại cuộc sinh-hoạt của một phái nho-học ở nước ta hồi trước. Vẽ lại hình-ảnh một người con hiếu, dâu thảo, vợ tốt, mẹ hiền, Lê-nương vai chủ-động trong truyện, trước sau lấy sự thuần-hậu trinh-thục làm món trang-sức, thuở bé, con một quan phủ, vẫn không vì thế mà kiêu-thái, về sau, vợ một kẻ hàn-nho, lại càng vui lòng, không ngốt phú-quí, cũng không quản nghèo-hèn, vốn từ-tâm mà vẫn cao-thượng, coi sự thờ chồng nuôi con là cái trách-nhiệm tối-cao của người đàn-bà, hi-vọng suốt đời chỉ mong một ngày kia chồng được đỗ-đạt, vinh-hoa bỗ lúc phong-trần, thế là đủ. Các vai phụ như Dương Văn, tiêu-biểu cho một kẻ học-trò, cụ phủ Lê, mô-phạm cho một ông quan liêm-khiết, bởi liêm-khiết nên không được như ai mà lâu-đài xe ngựa, « tuy nhậm phủ Thanh-lương trong bấy nhiêu năm mà nhà vẫn thanh-bần như lúc còn nho-sĩ », mãi khi về hưu, cũng chỉ cầu được cái

sống an-nhàn theo các bậc cổ-hiền-triết.

Tả một cuộc sinh-hoạt nhàn-hạ của người dật-sĩ bằng những câu như thế này, thật là thanh-thú lắm, có thể khiến cho tưởng-tượng được cái khí-vị êm-đềm trong-trẻo, cái vẻ phong-quang tĩnh-mịch như hiển-hiện trước mắt:

« Cụ Phủ từ hôm về tri-sĩ thật được an-nhàn, suốt ngày nằm xem sách hay thơ-thần bên núi non-bộ, gốc thông reo, như chìm đắm vào trong một giấc mộng vô-cùng, buồn thì đến chơi một vài nhà quen-thuộc cũ đàm-đạo cổ-kim, hoặc khi nào hứng-chí một vò rượu, một con thuyền trên sông Thôn, lấy gió nước làm bạn tiêu-sầu, ngao-du cho qua ngày tháng; tâm-trí thảnh-thơi không lụy ai, không sợ ai, thật điền-viên đấy cũng bõ với lúc phong-trần kia. Thỉnh-thoảng có vài người đồng-sự, nhân về quê nhớ cụ, ghé thuyền vào thăm, lưu-liên lại năm ba hôm nói chuyện cho đỡ nhớ. Năm gian nhà lá, một bóng trăng suông, mà ai về cũng ước-ao được cái tuổi già sung-sướng như cụ. .

Nét mặt cụ lúc nào cũng đăm-đăm, như nghĩ-ngợi, nhưng nghĩ về những cái lẽ cao nghĩa lớn ở đời, còn truyện thường cụ không muốn để tâm. Cụ tuy nghèo mà hình như lấy cái nghèo của mình làm thanh-danh lắm. Từ quan về lánh thân chốn thảo-lư, cơm rau muối, lấy quyển sách mà khuây-khỏa tuổi già, sống theo cái cách chờ trăng đón gió như cổ-nhân xưa, tuy không làm hay cho ai, nhưng cũng không làm hại ai, chỉ suy-nghĩ mà nuôi lấy cái tinh-tình cao-thượng ở trong lòng. »

Những chữ ông dùng trong câu văn vẫn không phải thứ chữ sẵn thường dùng của các nhà thi-nhân, nhưng mà có một thứ thanh-âm êm-dịu phảng-phất có mùi thơ. Văn tả-cảnh của ông, đọc đến có cảm-giác như đứng trước một bức cổ-họa Tàu, chỉ trong vài nét bút thật đơn-giản mà diễn được tinh-thần một bức tranh non-nước hữu-tình thật nhã mà thật thú. Như đoạn:

« Bấy giờ về cuối thu, trời êm-ả mà thanh-khiết lắm : mấy túp tranh bên cạnh cồng họ đã dúm lửa thổi cơm chiều, một ít khói xành phất-phơ trước giậu thưa. »

và đoạn này:

« Trời sáng mà êm-đềm, gió thổi mạnh, lá cây phấp-phới, những ngọn dâu ướt mưa đêm hôm qua, ánh nắng chiếu vào trông như lấm-tấm vàng. Dưới gốc, lá tước gần hết, qua cành dâu nhỏ và lơ-thơ trông thấp-thoáng dòng sông Thôn chảy. »

cùng đoạn này:

« Chiếc thuyền đi đã xa, Lê-nương còn đứng trên bờ trông theo, bến đò quạnh-hiu, gió chiều gợn sóng, phương trời sương tỏa mịt-mù. »

Ấy, đại-khái từ trước đến sau, lời văn ông đều một giọng êm-ái dịu-dàng như thế. Đọc suốt quyển truyện, thường nhận thấy nhiều bức tranh thanh-thú ở chốn thôn-quê, những cảnh ruộng lúa bờ tre, sông trong nước lặng, toàn là cảnh nên thơ, nên mộng dễ say người, lại hay nói đến công-việc đồng-áng, cái khổ với cái sướng đắp-đổi của người thôn-quê, càng đọc càng thấy hứng-thú. Dưới đây cảnh một đêm trăng, Lê-nương cùng với người nhà đang làm việc ngoài đồng:

« Làm giúp người khác trong khi cơ-biến thì nàng lại càng vui lòng hết sức, không quản đến phôi-pha nắng-gió, có khi còn tờ-mờ đất đã ở ngoài đồng trông gặt lúa cho đến khi sâm-sầm tối mới ra về; tới nhà lại trông nom thợ gặt họ đập lúa, thường thường khuya lắm mới vào phòng đi nghỉ. Lắm đêm khi nào trên trời có trăng sao, nàng hay theo những người tát nước

ra bờ sông Thôn, thức suốt đêm để đốc-thúc người nhà, lại vừa để hưởng cái thú đêm khuya ngoài đồng rộng. Quãng vắng, đêm trường, tiếng nước reo lẫn với tiếng mấy người nhà quê hát đối-đáp nhau để quên nỗi mệt-nhọc, toàn là những cảnh mà nàng vẫn ưa từ thuở nhỏ. Vào độ nửa đêm, khi tát đã mỏi, quây-quần lại nghỉ-ngơi, nói chuyện; lúc bấy giờ bốn bề yên-lặng, trông ra lúa đứng yên phăng-phắc, không có một ngọn gió nào lay-động, trên sông thỉnh-thoảng có chiếc thuyền đánh cá chèo qua, ngọn đèn ngư leo-lét. Nàng trông thấy những cảnh-tượng như thế có khi cảm-động quá, tự-nhiên cất tiếng lên hát nỉ non giữa đêm khuya thanh-vắng.»

Trong *Kiều* có một câu diễn cái tình-cảnh ghê-gớm của Thúy-Kiều khi ở Quan-âm-các trốn đi:

Đêm khuya thân gái dặm trường...

Bao nhiêu nỗi ghê-gớm gợi trên sáu chữ ấy, người ta có thể tưởng-tượng ra thế nào cũng được, hoặc đêm ấy là đêm gì, dặm đường ấy ra làm sao, tùy ý từng người. Trong *Nho-Phong* cũng thấy có tấn kịch ấy diễn ra về một đêm đông ở chốn đồng vắng, có trăng nhưng trăng mờ, có gió nhưng gió lạnh, mà thân gái đây lại khác hẳn với thân Kiều lúc nọ, một người thiếu-nữ hoa nhị trăng gương, đào tơ sen ngó, bởi thế nên những nỗi gớm-ghê kia càng dồn-dập biết ngần nào, thử xem:

«Đêm đông yên-tĩnh, ngoài điếm làng, trống đã điểm canh ba. Trong buồng, đối ngọn đèn lờ-mờ, Lê-nương còn ngồi tựa bên án, nét mặt âu-sầu, hai con mắt đăm-đăm như đè-nén mọi nỗi đau-đớn ngầm-ngấm trong tâm-can. Nàng mặc cái áo nâu đã cũ, đội chiếc khăn vuông the và chân đi đất, bên mình có để một cái thúng sơn đựng quần áo như sắp đi đâu xa. Chốc nàng lại hé song nhìn trời; ở ngoài tối đen như mực, gió lạnh lọt vào lạnh giá cả chân tay.

Nàng đứng dậy như sắp đi, xây thấy tiếng động lại ngồi xuống vặn nhỏ ngọn đèn cho khỏi có người trông thấy. Bóng lờ-mờ, người ngồi ủ-rũ, trông rất thê-thảm. Lê-nương đang vào lúc đau-đớn nhất trong đời; đêm hôm ấy nàng đã sửa-soạn đâu đấy rồi, chỉ còn đợi lúc là bỏ nhà đi, mà đi đâu nàng cũng còn bơ-vơ chưa biết...

Lúc bấy giờ nhà ngủ yên cả, nàng biết không ai trông thấy mình, liền cắp thúng sẽ mở cửa buồng, lúc sắp ra còn ngập-ngừng nhìn lại chốn mình ở bấy lâu. Ngọn đèn để trên án vẫn lờ-mờ, trông đến bức màn the gió lay động với bức tranh treo trên vách mà ứa hai hàng nước mắt.

Gió thổi ào-ào, nàng ra đến ngoài sân buộc lại khăn vuông cho khỏi lạnh, rồi đi lần-lần ra phía cổng sau vườn. Đêm hôm ấy có trăng, nhưng trăng về mùa đông mà trên trời lại có mây, nên trông cũng mờ-ám lắm, nàng khẽ khép cánh cửa lại, đứng yên-lặng một lúc, không thấy động rộn gì, liền lần theo con đường con ra cổng làng. Bấy giờ về gần tết, canh giờ nghiêm-nhặt, nàng chỉ sợ gặp tuần-phiên thì lỡ việc mất. Lúc ra khỏi làng, trong người mới thấy đỡ lo, nhưng ngoài đồng gió thổi mạnh lắm; nàng mặc ít áo nên thấy gió buốt tận xương, nhưng cũng phải cố hết sức bước mau mà đường chỗ khó, chỗ lội, khó đi lắm. Hai bên cánh đồng rộng mênh-mông đến tận chân trời, một mình thân gái lúc đêm khuya rét-mướt, quần áo đã mỏng-manh, lại đi ngược lên chiều gió thổi, tay xách gói, nàng cứ lủi-thủi bước mau mà chưa biết đi về phương nào. .»

Qua một cơn kinh-khủng, độc-giả phải lấy làm lo ngại cho nước liều-lĩnh của Lê-nương tiếp đến một hồi khốn-khổ trong khi lưu-lạc quê người, trước

sau cô-độc, đem thân liễu-bồ chống-chọi với mọi nỗi nắng sương gió bụi cầu lấy miếng ăn hàng ngày, chợt vào buổi năm tàn tháng mãn, gió bấc trời đông, bỗng trạnh niềm hoài-cảm, «nhớ đến cha mẹ đã khuất, đến người ở xa, nghĩ đến mình bỗng dưng lạc-loài đất khách», trên mấy dòng chữ sau này, đọc qua lấy làm cảm-động lắm:

«Trời đã chiều, nàng mới lủi-thủi gánh hàng trở về, trong lòng âu-sầu buồn-bã. Đi đã mệt mà lối về còn xa, liền đổ gánh nghỉ bên vệ đường. Mùa đông nhà hàng phố đóng cửa sớm, ngoài đường không ai qua lại, gió bấc thổi lạnh-lùng, trên cây tơi-tả một hai chiếc lá vàng rơi, Lê-nương trông chung-quanh mình thấy cảnh buồn đường như ủ-rũ thương ai, lại nhớ đến cha mẹ đã khuất, đến người ở xa, nghĩ đến mình bỗng dưng lạc-loài đất khách, chiều hôm ba-mươi tết này sao lận-đận ở đây mà tủi phận thương thân, lấy nón che mặt khóc nức-nở... Gió vẫn thổi, lá vẫn rơi, trời đông rét-mướt, ai ai cũng vui thú ở nhà, còn qua lại chi đây mà thương xót cho nàng. Trong một vài nhà tiếng pháo hết năm đã thấy nổ ran; nàng cô-độc một mình, cha mẹ không có, anh em không có, những lúc này mới biết là khổ, mới biết thân mình lạnh-lẽo là dường nào. Sau nàng cố gượng đứng dậy lau nước mắt cất gánh lên vai, vì trời sắp tối mà đường về còn xa.»

Sau *Nho-Phong*, tác-giả cho ra đời một quyển tiểu-thuyết khác: *Người quay tơ*.

Là một tập gồm nhiều đoản-thiên tiểu-thuyết, *Người quay-tơ* chính là nhan đề một câu chuyện đầu. Cách bố-cục hay, kết-thúc lại khéo, thường đoạn kết là cảm-động nhiều.

Cũng một ngọn bút ấy, ngọn bút nhẹ-nhàng êm-ái ấy, tác-giả phác ra nhiều bức tranh khác, vẫn đơn-sơ cũng vẫn thanh-thú, như:

«Cửa sổ, chỗ cái giường tôi nằm thì trông xuống dưới cánh đồng xa xa đầy núi mấy chỏm cao, cây xanh chùm đến ngọn, làn khói như sợi tơ lên mù khơi. Dòng sông uốn quanh chảy lại, sắc trong trong có mãi không cùng. Đồng lúa xanh kéo mãi đến tận chân đồi, cô con gái áo nâu yếm đào lên núi lấy sơn, con ngựa kim giong-ruổi xuống dòng uống nước.»

Hoặc như mấy câu này:

«Gió trên đồi thổi mạnh; từ mảnh trời sắc núi cho đến ngọn cỏ dáng người như hòa-hợp lại với nhau, điều-độ dịp-dàng như khúc nhạc Quân-thiên».

Hai đoạn trên ấy đều rút trong bài *«Giấc mộng tử-lâm»*, một giấc mộng vẽ-vời trong tâm-trí, hợp nên bởi cái tính thích cảnh thiên-nhiên và tấm lòng thiết-tha mong-mỏi cuộc đời thái-bình an-lạc, theo ý tác-giả «thế mới là văn-minh; chứ biết đo hết cả vũ-trụ, biết thấu hết mọi cái huyền-bí của vạn-vật, biết hết cả mà rút lại ăn ở với nhau không nên thân, lấy cái óc mà nghĩ cách giết lẫn nhau, thời văn-minh làm gì, đưa nhau đến đâu mới được chứ?»

Bởi vốn thích cảnh thiên-nhiên, cho nên nét bút càng dồi-dào phong-phú:

«Bây giờ đã đến cái thời-kỳ tôi hỏi ra người đời mà đến gần cảnh-vật rồi đó, tôi mới biết rằng tôi chưa từng yêu gì hơn cảnh thiên-nhiên, lắm khi có thể lấy đấy làm cái vui ở đời, khuây-khỏa được lắm nỗi đắng-cay, sầu-thảm: có khi tôi ngắm cảnh mà quên cả mọi nỗi gian-truân, quên cả thế-sự, tưởng có thể bỏ được vinh-hoa phú-quí để được hưởng một cái thú cỏn-con với cây cỏ, ánh-sáng, hơi thu, gió lạnh những lúc mùa nọ thay sang mùa kia, thường đem cho tôi lắm cái cảnh êm-đềm man-mác, tôi là người khác rồi, cái nguyên-nhân ấy muốn tách-bạch ra

thời phải người nào giỏi về tâm-lý-học lắm mới làm nổi.

Tôi đương mang tấm lòng như thế, thời đến một nơi gọi là Từ-lâm, xa xa tcàn là núi, ngọn nọ ngọn kia không dứt, sắc núi mùi lam, buổi sáng buổi chiều, mây bay sương phủ. Từ-lâm là một cái làng nhỏ ở chân đồi, vẻ đặc-sắc là rất tĩnh, có con sông con, sắc nước trong xanh chảy từ từ trong lòng cát trắng. Mảnh đất đó đối với tôi là khách qua chơi một ngày, sao có liên-cảm sâu-xa thế? Tuy không phải là nơi danh-thắng, non không cao, nước không sâu, nhưng có vẻ đậm-đà, điều-độ ân-ái, dễ siêu người. Tôi không úy-phục, tôi không say-đắm, nhưng tôi dễ nhận dễ yêu như một nơi quê-hương xứ-sở vậy...»

Lại cũng bởi một tấm lòng thiết-tha mong-mỏi như trên mà tác-giả đưa ta vào cõi mộng sau này, ru ta bằng một giọng văn tự-nhiên, sáng-sủa trong-trẻo, nhẹ-nhàng, thật là câu chuyện đã nên mộng mà lời văn lại nên thơ vậy.

«Tôi lại tìm những người nào đồng-chí, phải đồng-chí lắm mới được, rồi thì mời về trại, hoặc ai bận-bịu thì giúp cho họ thoát-ly, về ở với nhau, lập thành một cái làng con ở chân đồi. Nhà ở thời toàn là nhà gỗ, nhưng cao-ráo mà sáng-sủa, chung-quanh có vườn rộng trồng cây có quả. Đồ-đạc đơn-sơ mà thật nhã, thiết-hợp với sự cần-dùng, đồ mỹ-thuật có ít nhưng rất quí: một vài bức cổ-họa mùi dịu, một vài lọ sành để cắm hoa, bao nhiêu cái sa-hoa phiền-phức thời bỏ đi hết. Chung-quanh nhà nuôi chim, nuôi ong cho vui. Ngoài việc làm ruộng dựng một cái nhà tằm, trồng mươi mẫu dâu, đặt vài cái khung cửi, để đàm phụ-nữ săn-sóc về việc tằm-tang, canh-cửi, đủ lấy lụa trong nhà dùng. Làng có một cái nhà chung để bàn về việc trong đồn-điền, có một cái thư-viện gồm cả sách Tây, Nho, chọn lọc kỹ.

Người thời làm cho trong đồn-điền có nhiều hoa-lợi cho dân khỏi đói, người thì dạy về công-nghệ, người thì dạy học, cốt làm cho họ biết ăn ở với nhau cho hòa-hợp, biết yêu cảnh thiên-nhiên, biết sống ở đời là vui, mà ở đời tuổng cũng chỉ có thế mà thôi, còn ngoài ra là hão cả.

Tôi tưởng-tượng ra như một nơi mà người nào ăn ở cũng hòa-hợp với nhau, thương yêu nhau lắm, người nào cũng lấy sống ở đời làm vui, không có thiếu-thốn cái gì để phải khổ-sở, mà cũng không có cái gì nhiều quá để mê-đắm lòng mình, cái gì cũng điều-độ, dịu-dàng như khúc âm-nhạc để ca-tụng ông trời kia đã cho lòng mình được trong sạch, giản-dị, mà lúc nào cũng đầy những gió tràng hoa mộng».

*
* *

Đã nhắc đến truyện *Tố yết-Hồng lệ-sử* thì không bao giờ bỏ sót quyển *Tố-Tâm*, đọc những bài công-kích trên mặt báo vẫn thường thấy như thế. Cùng một loại ngôn-tình tiểu-thuyết, cùng một thứ văn-chương mĩ-lệ, hai quyển ấy, bởi vậy cùng chịu chung một số-mạng. Song cũng nhờ cái số không may đó, cái số bị công-kích đó, mà khiến cho người ta biết nhiều, đọc nhiều, mê nhiều.

Tôi còn nhớ cách đây ngoài năm năm... Năm ấy, đang tòng-học tại một trường Cao-đẳng tiểu-học, cứ như chương-trình thì mỗi tuần có vài ba giờ học quốc-văn, nhưng thật-sự vốn là giờ nhàn-rảnh để mua vui bằng những chuyện phiếm không đâu. Thầy không dạy, học trò cũng không học. Thế mà quyển *Tố-Tâm* lại thấy chuyền tay từ trên xuống dưới, tranh nhau mà coi, không ai là không biết đến.

Phải, bởi vì chuyện tình nên mới được ham-mê như thế, nhưng nếu không có lời văn dễ cảm thì còn hứng-thú gì mà thích đọc?

Vả lại ảnh-hưởng một quyển tiểu-thuyết hay dở tốt xấu thế nào, trách-nhiệm đành ở phần tác-giả, song độc-giả cũng không phải không can-dự. Phê-bình truyện *Kiều* ông Nguyễn Tường-Tam có câu rằng: « Truyện *Kiều* thật là một tấm gương luân-lý thiên-cổ, một cái thú giải buồn cho người thích ngâm thơ, một cái thú gợi buồn cho người buồn, một bức tranh vẽ cuộc đời cho người biết nhân-tình thế-thái, một quyển bói cho người hay tin, một tập văn mẫu rất bổ-ích cho người làm văn. » Ấy cũng một quyển truyện mà vừa giải buồn lại vừa gợi buồn, sao kết-quả của nó tương-phản làm vậy? Cứ như thế mà xét thì về phương-diện luân-lý, quyển *Tố-Tâm* nếu quả có say-đắm người ta trong biển ái thì cũng phải có thức tỉnh người ta trong giấc mộng tình.

Huống-chi quyển *Tố Tâm* so với các quyển tiểu-thuyết tây như *Graziella* của LAMARTINE, *Atala* của CHATEAUBRIAND thì câu chuyện tình đại-khái nó cũng thanh-nhã trong-sạch, không có vẻ gì xấu-xa thô-tục cả. Một đôi thiếu-niên nam-nữ có văn-chương tư-tưởng, yêu nhau vì tính-nết, trọng nhau vì tài-hoa, thành ra quấn-quít lấy nhau rồi tự-nhiên đưa nhau vào một cõi tình mập-mờ, viển-vông vơ-vẩn. Đặt vào một cảnh-ngộ éo-le của tình-ái, yêu nhau mà không thể cùng nhau xum-họp, Tố-Tâm người thiếu-nữ chủ-động trong truyện, đành ôm một khối tình vô-hi-vọng, yêu chỉ để mà yêu, lấy sự luyến-ái làm khuây-khỏa cho tâm-hồn, thế rồi lại bị đẩy ra giữa cảnh hiếu-tình xung-đột thì:

Đề lời thệ-hải minh-sơn,
Làm con trước phải đền ơn sinh-thành.

kết-cục duyên xưa đã lỡ, tình sau không tròn, Tố-Tâm đến nỗi uất-ức mà chết.

Đấy một thứ tình mập-mờ vơ-vẩn như thế, núp-náu trong lòng người, lý-kỳ u-ẩn là dường nào, phải có con mắt tinh-nhanh của nhà mật-thám rình bắt mọi cái cảm-giác mỗi lúc nó phát ra, lại phải có câu văn nhanh-nhẹn hoạt-bát lắm mới diễn nổi, « lời văn phải khi thanh-thoát khi đậm-đà, khi tỉ-tê thánh-thót như tiếng gái nói chuyện đêm khuya, khi nồng-nàn nóng-nả như cuộc tình giao-hoan buổi mới, khi thiết-tha như lời gắn-bó, gì vỡ lở như giọng căm hờn », chính như lời ông Phạm Quỳnh đã nói trong sách *Khảo về tiểu-thuyết*.

Lời văn ấy do ngọn bút ông Hoàng Ngọc-Phách viết ra « tách-bạch những nỗi éo-le bí-mật của ái-tình », kể đã khéo lắm. Cũng êm-ái cũng dịu-dàng, nhưng không giống trong điệu văn *Nho-Phong*, những chữ của ông Song-An thường có một thứ thanh-âm nhịp-nhàng réo-rắt như một khúc nhạc.

Ngọn bút của ông tỉ-mỉ tinh-tế lắm, như hình-dung một người thiếu-nữ:

« *Tôi nom khuôn mặt người thiếu-nữ với cậu Tân thì biết ngay là chị em ruột, cùng một nước da rất nhỏ, cùng một khuôn mặt trái soan, nhưng ở người chị là nữ-nhi nên tay thợ-tạo có sắc-xảo mà dịu-dàng hơn một chút; cái đường mũi hơi cao-cao mà nhỏ thẳng xuống cái miệng xinh-xinh, viền hai đường môi mỏng mà thăm-thẳm, tạc ra cái vẻ mặt rất thanh-tao tinh-xảo, nhưng trên cái khuôn mặt mơn-mởn tơ-đào đó có một vẻ buồn cao-xa kín-đáo bởi ở đôi con mắt trong mà lại lờ-đờ, tức là thứ mắt của người có tư-tưởng mà hay mơ-màng những chuyện viển-vông. Cái khuôn mặt thiên-nhiên đó để trên một tấm thân manh-mảnh cao làm cho tôi bấy giờ mới trông thấy thứ đẹp thanh-tú tinh mạc có cái vẻ thiêng-liêng.* »

Đến những lời thiết-tha âu-yếm, những tiếng nói của con tim bị kích-

thích cảm-động mà phát ra, giọng nỉ-non mà bi-thiết biết dường nào, cứ xem trong mấy bức thơ tình của đôi bên gửi cho nhau là đủ. Đây tiếng thổn-thức của Tố-Tâm trước khi cùng với Đạm-Thủy chia biệt.

« ... Bức thư này là thư từ-biệt, lời nói cuối cùng của em. Rồi đây mà cánh hồng bay bổng, tin nhạn vắng tanh, ấy là cuộc đời bắt-buộc, chứ em còn sống ở cõi trần này, còn tưởng nhớ đến anh, xin anh đừng nghĩ gì mà khổ-tâm em lắm đó.

Anh ơi, ai vui đâu tranh hết phần ta cả, cảnh-tình này mấy lúc mà giả. Thôi từ đây gần xa anh dầu nghĩ đến, nhớ thương thì cũng mua vui bán sầu... »

Đáp lại, bức thư của Đạm-Thủy, phải chăng một khúc đàn não-nuột bi-ai mà du-dương thánh-thót, gảy lên bởi những đường tơ trong dạ :

« ... Nghe những câu « cánh hồng bay bổng, tin nhạn vắng tanh » của em viết như tiếng quyên kêu, tiếng đế gọi, mà xui ai đến bãi sa-trường, ôi biết làm gì, quen làm gì, dan-díu làm gì cho tấm lòng thêm khắc-khoải... »

Hay là cùng đọc suốt bức thư sau này :

« Mấy lời vĩnh-biệt gửi em Tố-Tâm.

Ngày mai là ngày vui-mừng êm-ái trong đời em, vậy anh xin gửi đôi câu đối và mấy cành hoa đến mừng em, gọi tỏ tấm lòng thân-ái trọn năm trời đã kết thành một mối thương-tâm.

Thôi hôm nay là ngày từ-biệt của ngòi bút chung-tình này, từ đây sẽ vắng tanh tin nhạn. Bao nhiêu chuyện tình xưa nghĩa cũ sẽ theo mây bay gió thổi mà mơ-màng như giấc chiêm bao. Những khi canh tà trăng xế, khi mưa sa trước cửa, khi gió thổi bên màn, khi em soi gương thấy bóng, hay ngồi không mà ngẫm-nghĩ một mình, nếu em có nhớ đến ai xưa thì chỉ nói một câu rằng : ấy là người yêu ta ngày trước đã vì ta mà mừng, giận, vui, buồn, vì ta mà đành chịu là người không chung-thủy.

Em chỉ nói thế thôi, chỉ nghĩ thế thôi, rồi quên đi, quên đi mà, thương làm gì nhớ làm gì, phảng-phất làm gì cho tấm lòng thêm khắc-khoải. Anh muốn em quên hẳn anh đi, để cho em có thể hưởng lấy thú xum-vầy trăm năm cùng ai thân-ái. Thôi mấy lời gửi lại nói sao cho tỏ hết nỗi lòng. »

Đã tách-bạch được cái vẻ đẹp trên khuôn mặt người thiếu-nữ, hình-dung được nội-cảnh trong tâm-giới, thời tả-mạc một bức tranh thiên-nhiên cũng không khó gì. Nhưng không phải chỉ chuyên về mặt tả-cảnh, dưới đây là một bài cảnh lẫn tình, mối cảm-súc nên thơ của đôi thiếu-niên tình-nhân khi đứng trước một cảnh trời biển bao-la bát-ngát :

« Bấy giờ phong-cảnh lại càng thêm bát-ngát. Trước chỗ trời cao biển rộng mình tự thấy mình bé nhỏ lạ thường, như gợn bụi, như mảy lông, lửng-lơ không dính vào đâu cả. Trong lòng sinh ra một thứ kinh-sợ, sợ cái tối-vĩnh tối-đại của Tạo-công. Nhưng có một điều chúng tôi tự thấy hơn cái vô-cùng vô-cực đó, là chúng tôi có tri-giác biết Tạo-hóa là to, có tình-tình biết yêu nhau là sướng. Còn trời cao biển rộng mấy muôn năm vẫn trơ-trơ đó, ngọn sóng kia cứ việc ào ào suốt ngày nọ sang ngày kia, không biết mình là to lớn. Chúng tôi dạo quanh vài vòng trên bãi cát, rồi ngồi xuống mỏm đá nổi lên gần bờ. Lúc đó thủy-triều lên mạnh, chúng tôi bỏ chân xuống nước cho sóng vỗ vào, thỉnh-thoảng bị cơn sóng to đập vào đá, nước tóe bắn lên tận mặt. Lúc sóng vỗ tưới chân như vậy thì tôi nhớ đến chỗm đá tả trong bài thơ « Le lac » của LAMARTINE tiên-sinh mà hồn thơ lai-láng vô-tình ngâm một câu rằng :

« Mênh-mông mặt biển chân trời,
Nào ai Ngư-phủ, đâu người Đào-nguyên »

Tố-Tâm đọc chữa lại rằng :

« Mông-mênh sóng dợn chân trời,
Ấy ai du-tử tức người Đào-nguyên. »

Trong khi đêm khuya cảnh vắng như vậy, ở đó chỉ nghe có tiếng thông reo trên bờ, tiếng sóng gầm dưới nước. Lặng ngồi mà ngắm quang-cảnh, thì thấy trong lòng sinh ra một thứ cảm-giác mơ-màng như các con đồng ngồi trước điện nghe những tiếng đàn tiếng hát, ngửi những mùi hương khói trầm thì ngà-ngà say và thấy trong lòng khoan-khoái vô-hạn... »

Lại một bức tranh khác, khác hẳn với bức trên. Trên kia thì sáng-sủa nhịp-nhàng với « tiếng thông reo trên bờ, tiếng sóng gầm dưới nước » mà bây giờ thì mưa dầm đường lội, gió bấc vù-vù, phong-cảnh đổi ra vẻ tiêu-điều thảm-đạm, đọc đến tựa như cùng người trong truyện đứng trước một tình-cảnh âu-sầu mà chợt thấy ngùi-ngùi trong dạ :

« *Trời mưa đường lội, gió bấc thổi vù-vù. Tôi về đến làng theo những thoi vàng rắc hôm trước mà tìm đến chỗ nàng an giấc nghìn thu. Ở giữa quãng đồng không vắng-vẻ, gió thổi, mưa sa, một nấm mồ nằm bên cái gò con cỏ úa, in vết trân bò qua lại và dấu chân những người đưa đám mới đi. Bốn bề vắng lạnh, duy chỉ có tôi đứng chỗ một trời một đất với mộ nàng, xa trông những hạt mưa bay mờ-mờ trắng, mấy hàng tre gió lướt đổ ngà-ngà, những con chim bạt gió kêu bầy, mấy con dê lạc đàn gọi nạ... »*

. . .

« Cái trình-độ quốc-văn của mình bây giờ hãy còn ở cái thời-kỳ ấu-trĩ, sự đó thì phàm quốc-dân ai ai cũng đều biết. Ta đã biết vậy mà ta không chịu gia công bồi-bổ cho cái hậu-vận quốc-văn của mình thì cái sự biết đó cũng như không.

Ta chịu xem quốc-văn, ta hay nghiên-cứu quốc-văn, ta biết thưởng-thức quốc-văn, thế tức là ta đã có công-phu để đắp-điểm vào cái nền quốc-văn kia mai sau sẽ vững-bền thêm lên được. »

Đó là cái lời nói của ông Dương Tự-Nguyên trong bài tựa quyển *Cảnh thu di-hận* tự ông soạn ra. Đọc lại lời nói ấy đủ biết bộ tiểu-thuyết này ra đời, không phải sự ngẫu-nhiên vậy. Một là vì mong tận nghĩa-vụ với quốc-văn, hai là muốn đem bày giữa quốc-dân một vấn-đề to-lớn, những sự hành-động đại-gian-ác của một hạng người thường khoác áo nhân-từ trung-hậu, có khi người đời nhận lầm là đấng cứu-thế, câu chuyện *Cảnh thu di-hận* làm chứng cho tư-tưởng ấy.

Đọc truyện này, sẽ thấy một lối văn mới, không êm-ái dịu-dàng như văn *Nho-Phong*, nhịp-nhàng réo-rắt như văn *Tố-Tâm*, nhưng mà rõ-ràng, sáng-sủa, cứng mạnh và thiết-thực. Không tả-cảnh tả-tình gì, tửa-tựa như thể trinh-thám tiểu-thuyết, chủ-ý là khám-phá một sự bí-mật ly-kỳ, nhân đấy mà giải-thích cái ý-kiến như trên đã nói bởi thế, từ trước lên sau, thường dùng lối văn tự-sự, lời-lẽ tự-nhiên, linh-lợi hoạt-bát, tỏ ra mặt ngòi bút sành-sỏi lịch-duyệt, am-hiểu thế-tình nhiều.

Đoạn dưới đây, lời vấn-đáp của Hoàng Anh, chủ-động trong truyện, vì một sự tai bay vạ gió mà phải đào-ẩn để tìm kế giải-oan, với Thị-Minh, một bạn gái gặp-gỡ trong bước khốn-cùng, đôi bên cùng chung một nỗi oan-khổ.

« *Sáng bữa đó trời tuy tạnh ráo, nhưng khí trời u-ám, cảnh-sắc đìu hiu, tuy không đến nỗi sái-phạt như khi mùa thu, nhưng cũng thiếu vẻ tươi-cười ra tiết trời hạ. Người buồn thì cảnh cũng không vui, huống-hồ cảnh*

đã không vui thì làm sao cho người khỏi buồn được. Gia-chi-dĩ lúc đó trong cửa cái hàng cô Thị-Minh lại vắng vẻ, tuyệt không có một người nào lai-vãng mua bán gì cả; nếu cứ ngồi lẳng-lặng mà nghe những tiếng chim kêu riu-riu trên cây; những tiếng chuông chùa văng-vẳng gần đấy, thì ai mà chả phải động lòng nhớ phong-cảnh cũ nhớ quê-quán nhà được ru!

Kể ở giữa thành-phố Hà-nội đương vào buổi náo-nhiệt ồn-ào như thế mà ngờ đâu chỉ có một chỗ chung quanh cái hàng nước này là có cái cảnh-tượng thê-lương thảm-đạm, mà nói cho đúng ra thì có lẽ chỉ riêng một cặp thanh-niên nam-nữ này là phải ngậm oan nuốt khổ, kẻ chau mày vì nông-nổi sau này, người ủ mặt vì thương tình tri-kỷ; hình như cái khối sầu-thảm của hai người này cứ một ngày một cố-kết vào trong tim-can, muốn gỡ không ra, muốn phá không tan vậy.

Từ khi cô Thị-Minh biết rõ những cái tình-cảnh thê-thảm của Hoàng Anh, thì nàng cũng không thể nào mà cầm lòng cho đừng cảm-động được. Nàng thương người bao nhiêu thì nàng lại xót lấy mình bấy nhiêu. Thật là trăm mối vò tơ càng vương càng rối.

Khi Hoàng Anh kể đến nông-nổi nguy-cấp vì sợ không biết chừng phải bắt nay mai, thì cô Thị-Minh cứ ngồi im nghĩ-ngợi một hồi lâu. Về sau nàng thất-nhiên hỏi Hoàng Anh một câu rằng:

— Bác vừa nói đến cái việc tạc-đạn, vậy chớ việc này có liên-can gì đến cái việc tạc-đạn mà thiên-hạ đồn-đại ở Hà-thành mới được mấy bữa nay chăng?

Hoàng Anh biết cơ không thể giấu-giếm được, nên bất-đắc-dĩ phải trả lời rằng:

— Phải, cũng có liên-can vào việc đó.

Nàng vội nhìn mặt Hoàng Anh mà hỏi dồn rằng:

— Vậy chớ họ đồn rằng người chủ-trại ấy đã bỏ trốn rồi có phải không? Mà có lẽ chính là bác đấy ư?

Câu hỏi đó làm cho Hoàng Anh phải dật mình kinh-sợ, không khác gì một tiếng sét đánh bên tai. Hoàng Anh bèn cố gượng để định tâm-thần lại mà trả lời rằng:

— Cô Thị-Minh ơi! Chính là tôi đây. Mà tôi chính là kẻ bị cái tội oan đây.

Nàng bèn nhìn Hoàng Anh một cách sửng-sốt rồi nàng lại mỉm cười một cái, làm ra bộ đắc-ý vì đã khám-phá được một việc rất bí-mật của Hoàng Anh ».

* * *

Sau ông Phạm Duy-Tốn, lối viết đoản-thiên tiểu-thuyết, thảng-hoặc cũng đọc thấy trong một vài tờ báo, nhưng không được xuất-sắc lắm mà văn tả-chân lại càng hiếm.

Trái lại, hiện-thời trên mặt báo, hoặc nhật-báo, hay tuần-báo, hay nguyệt-báo, đều có một mục riêng cho đoản-thiên tiểu-thuyết. Phong-trào này dấy lên chỉ trong vài ba năm nay mà bắt đầu có lẽ bởi ông Vũ Đình-Chí.

Ông Vũ Đình-Chí biệt-hiệu Tam-lang theo sau « những cái... mắt thấy », ai đã đọc *Ngọ-Báo* tất đều biết cả. «Những cái... mắt thấy», của ông tiêu-biểu một lối văn tả-chân linh-hoạt tài-tình, đã có vang bóng xa trong quốc-dân. Thật là một món ăn mới và là món ăn ngon cho tâm-hồn. Văn ông dễ cảm-súc lắm, nhất là đoạn kết, như có cái nguyên-động-lực làm chuyển-động cả trọn bài.

Người viết tiểu-thuyết bây giờ đã nhiều, mỗi tờ báo đều có một vài ngòi bút mới, nhưng đem so lại với những bài của ông đăng trong *Đông tây tuần-báo* vài năm về trước chưa chắc đã hơn được.

Nay thử đọc lại bài « *Tắt-lửa-lòng* » ở *Đông-tây* số 6.

Câu chuyện tương-tự như trong « *Nước đời lắm nỗi* » của ông Phạm Duy-Tốn. Cũng chuyện tả một người chồng thô bạo, cũng vì một sự tiền bạc mà sinh ra vầy tía vò hồng, rồi cũng vì một trận đòn ác-nghiệt ấy mà « hình-ảnh một người thiếu-phụ mới 24 tuổi đầu, mặt tươi như hoa, mình gầy như liễu, từ đấy... chỉ còn là một đống thịt vứt bên vũng máu, đống thịt ghê lạnh không được tươi nóng bằng phần thịt lợn bày trên các phản kẽm nhà hàng». Duy có chỗ khác là làm chứng cho tấn thảm-kịch, không phải đứa con trong nhà mà là một cô bé hàng-xóm, vừa 13 tuổi, cái tuổi « hãy còn trẻ dại chưa biết cái chân-tướng sự đời, mà trong có nửa tiếng đồng-hồ, qua khe cửa nhỏ không hơn một đường tơ » « thấy được hết những cái ẩn-tình của sự yêu, thương, sống, chết... »

Cách bố-cục câu chuyện này khéo lắm, trên dưới liên lạc với nhau không sót một ý gì cũng không dư một lời gì, có thứ-tự tình-tiết lắm. Đây ta hãy cùng với thiếu-nữ Kiều Oanh « dí mắt vào khe tấm ván cửa » trông diễn tấn kịch.

« *Trong ánh-sáng cây đèn búp-măng để trên bàn, tôi nhìn rõ cả cảnh-vật; cảnh buồn rầu mà tẻ-ngắt của một nhà vợ chồng chẳng được thuận-hòa.*

Ông Phán vất mũ xuống, cởi áo ngoài ra, hai tay thọc vào hai túi quần, quay đầu về phía cửa ngoài, hất-hàm hỏi vợ:

— Thế nào? Đã đi chưa?

Giọng tức, lại có ý đe-dọa.

Bà Phán đứng nép vào xó cửa, mặt xanh-sám như đồ chàm:

— Cậu bảo, còn hỏi thế nào được nữa mà lên. Tôi không đi vì có đi chắc cũng không được.

Sau một tiếng cười nhạt:

— Hừ! con này mày giỏi thật — đổi ra giọng trừng-trợn — muốn sống, phải mặc áo đi ngay.

— Bây giờ khuya rồi...

— Khuya à?!

Như một cái chớp, chiếc bình mực thủy-tinh để trên bàn đã theo tay ông chồng văng thẳng vào ngực bà vợ, rồi gieo mạnh xuống gạch, vỡ tan ra. Một đốm mực đen, ở yếm bắn vung lên, rồi ròng-ròng chảy xuống.

Bà Phán nức-nở khóc:

— Mới ngót hai năm trời... tiêu hết năm nghìn bạc, bố mẹ tôi có phải là cái mỏ đâu mà cậu đào... Vốn-liếng của tôi, tất cả có bấy nhiêu... Cậu ăn chơi đã hết rồi, còn bán ai đi để lấy tiền nữa.

Sản cái mả nhà mày ở trên Vẽ, mày lại còn phải hỏi nữa à?

— Cậu không phải chửi-bới làm gì, cha mẹ tôi không có lỗi với cậu.

Tôi bấy giờ đã lộ cái hèn của con người chất-vóc mềm yếu, chân tay run cầm-cập, nói lầm-bầm một mình: « Khổ, cứ cãi lại làm gì, lại phải đòn thì chết. »

Quả-nhiên người chồng sấn đến dái vợ ngã ngửa xuống, rồi đứng dậm cả giầy lên trên. Người vợ mím môi lại, nghiến chặt hai hàm răng, xương quai-hàm nổi gồ lên ở hai bên má.

Mày ra gan với ông hở?

Nói rồi như dồn cả cái sức nặng của tấm thân vạm vỡ xuống hai gót chân.

Bộ xương ngực người đàn-bà, dưới những cái dẫn ấy như sụt xuống dần-dần, một bên thái-dương ngả vào mé trong, ròng-ròng một hàng nước mắt.

Như một bình rượu tức hơi bựt nút, sau một tiếng thở mạnh và ngắn, máu với bọt ở miệng người đàn-bà trào ra, đùn trên mép xuống hai bên má. Trên mặt đất, cạnh mớ tóc tung xỏa, dòng máu đỏ pha với vũng mực đen... »

Cùng một tấn kịch, lần này là lần thứ hai, thấy nó diễn lại ở một ngọn bút khác, có vẻ nhanh-nhẹn mạnh-bạo hơn lần trước. Giọng cằm-hờn của đôi vợ chồng gay-gắt hơn, mà trận đòn cũng kịch-liệt hơn. Cùng tả một cái

thái-độ ngậm đau của hai người đàn-bà, ở « *Nước đời lắm nỗi* », thì :

« *Mẹ tôi ngã lăn từ trên giường xuống đất, mà không kêu không khóc, chỉ thấy hai tay bưng lấy mặt, nằm im.* »

Còn ông Tam-Lang thì :

« *Người vợ mím môi lại, nghiến chặt hai hàm răng, xương quai hàm nổi gồ lên ở hai bên má.* »

Rồi lại tiếp thêm câu :

« *Bộ xương ngực người đàn-bà, dưới những cái dấn ấy như sụt xuống dần-dần...* »

và :

« *Sau một tiếng thở mạnh mà ngắn, máu với bọt ở miệng người đàn-bà trào ra, đùn trên mép xuống hai bên má.* »

Tấm cảnh sau này nó làm cho người ta phải rợn lòng như đứng trước cái tử-thi máu-me lai-láng.

Muốn biết lời văn nó cảm-động thế nào, thì đây đọc xem tình-cảm của Kiều-Oanh khi gặp thấy đám ma bà Phán :

« *Sáng hôm thứ năm, đi học đến cửa nhà Giấy-thép, tôi gặp một đám ma : mấy vòng hoa héo đi đầu, đến một phường kèn rồi đến cái xe tang hai ngựa. Tiếng trống kèn ai-oán nhịp theo với tiếng lắc-rắc bốn chiếc bánh xe. Trong đám đi đưa, nhận biết mấy người quen : ông Phán bận đồ tang, có cả thầy tôi với mấy người hàng-xóm.*

Đám ma bà Phán, bà Phán năm hôm trước còn là một bông hoa tươi đẹp, nay đã như con mèo chết, người ta sắp vùi dưới mấy thép thuồng của bọn phu cuốc mồ.

Tôi đứng lại bên đường, trí thì vẩn-vơ mà lòng thấy trống-trải như cảnh quán-chợ về buổi chiều hôm... lộng qua bao-nhiêu luồng gió. »

Không phải kể dông-dài nỗi lòng của Kiều-Oanh ra làm sao, chỉ đem sánh với cảnh chợ chiều gió lộng, tự-nhiên đọc qua thấy phát-sinh ra một thứ buồn điu-hiu man-mác lạ thường. Chữ « lộng » trong câu ấy hoạt-động biết bao nhiêu.

Đọc văn ông, nhận thấy cái đặc-sắc là gồm được hai lối văn : văn tả-chân và văn lãng-mạn. Bài sau này lại là cái bằng-cớ chắc-chắn.

Đã tám năm nay... Phải cái biệt-tài của ông trong văn quốc-ngữ cùng với cái sở-trường trong tiểu-thuyết, nó khiến người ta chú-ý đã lâu rồi. Về cuối năm 1924. Giở lại tập *Nam-Phong* số 90. Mấy trang chữ nhỏ in dưới cái nhan-đề to : *Truyện một người du-học-sinh An-Nam*, đó là một bài đoản-thiên tiểu-thuyết, nếu không phải là bài báo thứ nhất của ông thì cũng là lần đầu mà tôi mới được đọc thấy.

Mở đầu bằng một tập nhật-ký, chính là một cuốn lệ-sử, — lời kêu thương của con chim sắp chết — những tiếng vang ở quả tim non sớm nát vì tình, cái giọng não-nuột bi-ai của người thiếu-nữ trước khi từ-giã cõi trần, diễn bằng một điệu văn êm-ái nhẹ-nhàng mà tỉ-tê thánh-thót, nó ai-oán như nghe « thấy tiếng chim quyên giọng hót cuối mùa » nó réo-rắt như một cung đàn gợi thảm.

Thử đọc mấy câu này :

« *Qua một đêm thu lạnh, nhờ có cơn gió biển nên em ngủ được nhiều, sáng nay bừng mắt tỉnh ra thì người đã như hồi-lực. Cầm đến gương soi thấy mặt mày tiều-tụy, trán giãn, má lõm, tóc bù rối, mắt thâm quầng, không còn cái vẻ yêu-kiều mĩ-lệ như thu này năm trước. Bây giờ anh có thấy em, còn yêu em cũng là yêu một tấm lòng, chứ đối với em thật anh không chút gì là mĩ-cảm. Trông vào gương mà lòng chua-xót, muốn khóc cho cái tuổi xuân kia đã sớm vội lìa mình. Anh ơi! cuối thu sen đã tàn rồi, em bây giờ*

cũng như đóa qui đã cỗi, cánh tàn hương lạt, còn chăng có sợi tơ lòng.»

Hay là đoạn này:

«Than ôi! mộng-hồn của kẻ tha-hương đã như cùng với ngọn trào kia hôm mai lên xuống, rồi theo làn nước biển khơi mà mông-mênh bát-ngát, không còn biết bờ bến là đâu. Đang mộng-du giữa làn sóng bạc, chợt thấy cái cảnh một buổi chiều thu thê-lương mà thảm-đạm như trăm ngàn những chiều thu khác, sườn núi bóng chim, đầu non nhạn lạc, trông đóa hoa tự do nở trong rừng mà buồn, nhìn bức tranh thu của Thiên-công mà cảm, thương thay đời phiêu-linh!

Và đoạn này:

«Đêm nay trông cảnh trời trăng xa xa hai làn cát biển như hai cái vết xe thiên-cổ đi đến nơi vực thẳm tận-cùng; đường về Hoàng-tuyền, mai đây em sẽ là người khách bộ-hành trên con đường ấy. Than ôi! Hoa trôi nước chảy, sự ấy đã là sự đáng thương-tâm, mà bèo hợp mây tan, càng giục nỗi lòng son sương tuyết...»

Trong mấy câu văn ấy, một cái phẩy như một nhịp trong bản đàn, khiến cho hơi văn cũng du-dương như khúc đàn mà khi chìm bổng, khi đứt nối, lại mỗi chữ riêng có một thứ thanh-âm hoặc trong hoặc nặng, hoặc mạnh hoặc êm, không khác nào một bài thơ vậy.

Qua đoạn tả-tình đến văn tả-cảnh. Trên kia nếm ngọn bút của ông bóng-bẩy, dồi-dào nên thơ nên mộng bao nhiêu thì sau này lại càng thiết-thực, sáng-sủa rõ-ràng bấy nhiêu. Giọng văn thay đổi một cách thật nhanh-chóng, như đoạn sau này:

«... Ngồi trên chiếc ghế bành, cạnh bên lò sưởi, mình khoác một cái áo dạ dài, cổ áo bưng kín lên đến gáy, hai tay sâu vào hai túi, mắt đăm-đăm trông vào đống lửa hồng, bạn tôi là anh Bằng-Giang nói với tôi những lời trên ấy; bấy giờ là tiết mùa đông, một đêm đông trong tòa nhà kia ở ngoại châu-thành Paris *bên Pháp. Lúc ấy, trên bàn viết sách-vở giấy má để ngổn-ngang bừa-bộn, dưới ánh sáng một ngọn đèn dầu, tôi trông bạn chỉ thấy rõ cái bộ mặt, cái mặt bạc phếch như mặt một pho tượng đắp bằng đất thó trắng, điểm thêm những vết giăn trên đỉnh trán cao; không cần biết cái độ khổ trong lòng, cứ cái hình-dung cũng đủ rõ rằng anh đã từng trải nhiều trận phong-ba trong trần-hải...*

Hồi lâu, anh tì hai khuỷu tay vào đầu gối cúi nhìn ngọn lửa trong lò sưởi, thủng-thẳng sẽ nói, chốc chốc lại ngừng lại, sẽ gật đầu tự cho làm phải như cố nhớ lại những việc đã qua đang cùng nhau tranh lộn trong cái bộ óc đã tê mỏi. Lúc ấy, lửa trong lò vẫn cháy, gió bên ngoài vẫn thổi, tuyết ngoài thềm chưa tan, những bóng tối các đồ-vật in ra ở phòng vẫn theo ngọn lửa trong lò mà múa nhảy, xa xa vẫn nghe thấy những tiếng huyên-náo của kinh-thành Paris *đưa lại; cái đêm đông mới buồn thay!...*

Lại một bài khác sau đấy mấy tháng đăng ở *Nam-Phong* số 96, nhan đề *«Ôi! thiếu-niên»*. Không phải *«Ôi! thiếu-niên»* của tây mà ông Phạm Quỳnh dịch ra trước đã kể đến, *«Ôi! thiếu-niên»* đây là bức thơ của một cô đào hát gửi cho một sinh-viên cao-đẳng *«bị cái tình-ba của khách hồng-nhan làm cho say đắm»*, những lời an-ủi dịu-dàng, những câu từ-tạ khôn-khéo:

«Buổi đầu gặp-gỡ, lòng em mang nặng mối tình, riêng tiếc mình hồng-lâu lần-lữa nắng mưa, không được cái hạnh-phúc sánh đôi cùng người quân-tử. Trong chiếu rượu, cậu trông em mà e-lệ, đầu mày cuối mắt, như đem một cái ái-tình thanh-cao trong-sạch mà trao tặng một người trong

hàng ngọc-diệp kim-chi, cái tình yêu thật-thà mà nhã-đạm ấy, biết bao giờ em quên được. Em nghĩ đến mà càng thêm thẹn, tủi thân lưu-lạc phong-trần, hoa đào đã dạn gió đông, còn mong đâu được một tấm tình thanh-cao như thế? »

Cũng một lối văn ấy, lối văn êm-ái nhịp-nhàng « nó có cái vẻ nên thơ như hoa nở đầu cành, sương gieo trước gió, nó âm-thầm như một cung đàn gợi ở đường tơ trong dạ, nó não-nuột như một điệu hát véo-von ở dòng suối quanh-co ».

Sau bài này, bẵng đi một lúc, tôi không được thấy văn ông đăng ở đâu nữa. Bây giờ thì không mấy ai là không biết, trước viết *Đông-Tây* sau ở *Ngọ-Báo*, ngoài ra ông còn xuất-bản nhiều quyển tiểu-thuyết trường-thiên như *Giọt-lệ sông Hương*, *Đời Hoàng-Oanh*, vân-vâu, đều là sách có giá-trị văn-chương cả.

∴

Từ mục « *Xã hội ba-đào ký* » xuất-hiện trên mặt tạp-chí *An-Nam* thì những ai là độc-giả tất đã nhận thấy một ngọn bút mới : ngọn bút ông Nguyễn Công-Hoan.

Trong mục ấy ông chép những cảnh ba đào trong xã-hội, lối viết văn theo thể tiểu-thuyết, ngoài ra ông còn soạn nhiều bài đoản-thiên tiểu-thuyết khác.

Không réo-rắt như một khúc đàn, không nhịp-nhàng như một bài thơ, không « man-mác như gió thổi mặt nước», không « bóng-bẩy như cảnh hoa trong gương », văn ông có cái hay rõ-ràng, sáng-sủa thiết thực, hơi văn nhanh và gọn. Lời văn hàm một giọng trào-phúng, lại thường hay đệm vào một vài câu, hoặc một vài chữ có ý khôi-hài, bông-lơn thú-vị. Như trong bài « *Oản tả khoản* » — *An-Nam tạp chí* số 12, — kể cái lo của một đôi tình-nhân khi quá cả nể :

« *Hai vẻ mặt cùng lo, nhưng hai cái lo khác nhau. Ả thì lo vì quá nhẹ giạ, nên phải nặng lòng, cái khối lo nó đương nằm co ở trong bụng. Cậu Ph. lo vì vô-tình định thỏa bụng muốn, bây giờ phải cố tình đẩy cái không muốn ra* ».

Hay tả bộ-dạng anh xe kéo :

« *Anh xe kéo giờ, cho nên cũng chỉ chạy « dưỡng-lão» thôi, đít nhồm mạnh mà bước ngắn, vì thì-giờ là tiền bạc, chậm phút nào là tiền phút ấy* ».

Ngựa người và người ngựa
(An-Nam số 18)

Hoặc là cười một anh học-trò biếng học mà mê gái như trong bài « Bố anh ấy chết » :

« *Thi đến nơi rồi mà anh chẳng lo-lắng gì cả; chỉ nay trả lời cái thư tim-tím, mai học thuộc cái thư hồng-hồng* ».

(An-Nam tạp-chí số 29)

Ấy đại khái những bài văn đã đăng trong *An-Nam tạp-chí* trước sau đều có một cái ý khôi-hài, giọng trào-phúng như thế dầu là câu chuyện nó thương-tâm thế nào, trong khi đọc văn cũng phải buồn cười, nhưng mà cái cười đắng-cay chua-chát, theo sau nụ cười thường là cái buồn ngầm-ngấm trong tâm-hồn. Như bài « *Ngựa người và người ngựa* », kể « cái vết ba-đào của cảnh phu xe trong kiếp ngựa người, tình-cờ bị vạ lây với cái bước ba-đào của cảnh giang-hồ trong kiếp người ngựa.... » đọc qua rất lấy làm buồn cười, đọc xong lại lấy làm cảm-động vô-hạn. Tiếc rằng không thể trích lấy một đoạn nào được, chỉ phải đọc trọn bài mới lĩnh-hội hết lý-thú, cái lý-thú ở trên lời nói của các nhân vật trong truyện. Lối văn vấn-đáp viết được tự-nhiên linh-hoạt lắm, hoặc giọng nghiêm-trang hay lả-lơi, hoặc nài-nỉ hay mắng mỏ, giọng nào ra giọng ấy, người nào ra người ấy như đứng trước cảnh thực vậy.

Ông có xuất-bản quyển « *Kiếp hồng-nhan* », một tập đoản thiên tiểu-thuyết mà « *Kiếp hồng-nhan* » là câu chuyện đầu, trong ấy có nhiều bài như *Sóng vũ-môn*, *Tri-kỷ trần-ai*, *Không biết sướng*, v. v., ngụ-ý sâu-xa về sự đời, truyện đọc có hứng-thú lắm.

∴

Như trước đã nói, tôi lấy sở-kiến riêng trích-lục những đoạn văn hay của các vị văn-gia để làm chứng cho sự tiến-hóa của văn quốc-ngữ. Thiết-tưởng những sách kể trên đó cũng đủ làm mẫu rồi, nên xin ngừng bút. Không dám bảo thế là hoàn-toàn, là vì không bao giờ dám tự-tin đã đọc hết các nhà trước-thuật trong nước. Nhưng, nếu đã có đủ chứng-cớ rồi thì cốt-ý bài văn đã đạt rồi vậy.

Xét ra ngoài mười mấy năm nay, về phương-diện tiểu-thuyết — chưa nói đến các phương-diện khác — quốc-văn ta thật đã tiến nhiều. Trong ba loại lớn của tiểu-thuyết: ngôn-tình, tả-thực, truyền-kỳ, mỗi loại, chúng ta vẫn có vài quyển để làm mẫu, đều là có giá-trị. Lại như lời văn, hoặc tả-cảnh, tả-tình, kể chuyện, nghị-luận vấn-đáp, tùy theo ngọn bút của mỗi nhà văn lối nào cũng hay, cũng khéo cũng tài cả.

Đối với một người Việt-Nam ở buổi hiện-thời, dầu không biết tiếng nước nào khác nữa mà riêng hiểu được quốc-văn, thì chỉ đọc những sách viết bằng quốc-văn — ít thật, nên lấy sự thật mà công-nhận — cũng lĩnh-hội được lý-thú văn-chương như một người dân nước khác. Duy trong lúc đọc sách, không nên cẩu-thả cầu hiểu lấy câu chuyện mà thôi, lại phải kén-chọn cân nhắc văn-chương cho kỹ, thì các tiểu-thuyết nhảm mới bớt được, như những chuyện Tàu nó đã nhồi sọ dân quê ta vô-số những chuyện vô-nghĩa-lý, thế mà vẫn ham-mê không thể bỏ.

Hoặc có kẻ bảo văn-chương là món hư-văn, không bổ-ích cho cuộc đời mới này. Đó là một chuyện khác. Văn-chương vẫn không có tội gì và bao giờ còn người đọc tiểu-thuyết thì còn phải cần đến văn-chương. Mà văn-chương cũng không phải là một món hư-văn phù-phiếm. Văn-chương có thể ví như nước lã, màu sắc và hình-thể tùy theo vật đựng mà có. Mỗi một môn đều biệt-lập một thứ văn riêng như: giáo-dục triết-lý, chánh-trị sử-ký, v. v..

Nhà diễn-thuyết có tài hùng-biện tất phải có một giọng nói riêng để cảm-động, hoặc kích-thích lòng người thì nhà tiểu-thuyết tất cũng phải có một lối văn riêng, tức là văn-chương của tiểu-thuyết vậy.

Nay đã xét về phương-diện tiểu-thuyết, quốc-văn ta thật đã có tiến. Thế là một điều đáng vui mừng cho những người đã gia-công nỗ-lực phụng-sự quốc-văn trong bao nhiêu năm, có thể coi như một phần thưởng thiêng-liêng xứng-đáng.

∴

Năm 1921 ông Phạm Quỳnh diễn-thuyết tại hội Trí-tri ở Hà-nội nói về văn-học nước Pháp, cuối bài văn ấy, tôi còn nhớ một lời nói thiết-tha đau-đớn thổ-lộ bởi một mối hoài-nghi và tấm lòng nhiệt-thành của ông đối với quốc-văn, ông nói rằng: « ... Như vậy thì ta đối với quốc-văn cũng chớ nên thất-vọng. Từ nay đến 20, 30 năm nữa, nếu thấy văn quốc-ngữ không tấn-tới, thời quả là tiếng An-Nam mình đành bỏ vào cái địa-vị đào-thải rồi, không còn mong-mỏi gì nữa. Bấy giờ chỉ nên ngậm đắng nuốt cay mà lại cứ cắm đầu đi học mướn viết nhờ như xưa. Nhưng mà từ nay đến đấy ta nên cố công cùng sức mà tập-luyện cái tiếng quốc-âm của ta, xem có thể thành quốc-văn được không. »

Được không?

— Thiết-tưởng hiện-tại đã giải-quyết mối nghi-ngờ ấy rồi, phá tan mọi nỗi ưu-tư của những người trồng cây đắp nấm, đem cho ta cái sức tự-tín mạnh-bạo đối với công-việc hiện-thời và bày ra cái chứng-cớ xác-thực để đối chiếu lời di-ngôn của một bậc tiền-bối: « Nước Nam ta mai sau hay dở, cũng ở như chữ quốc-ngữ ».

(Tháng ba 1932)

TRÚC-HÀ

QUỐC-ÂM THI-VĂN TÙNG-THOẠI

III

Nữ-lưu nước ta xưa nay không thiếu gì tay tài-nữ, thơ văn quốc-âm, thì có những tay đại tài như bà Trương-thị Ngọc-trung, bà Nguyễn Thị-Điểm, bà Hồ Xuân-Hương, bà huyện Thanh-quan, về văn-chương chữ Hán, thì có bà Phù-gia nữ-học-sĩ, bà Phạm Lan-Anh, Điêu-liên công-chúa, Ngọc-đình công-chúa, và cô Ả-Hồng, đều là bậc nữ-thi-sĩ có thiên-tài.

Cô Ả-Hồng là người triều Trần, đời vua Minh-tôn, hồi bấy giờ ta với Tàu hai nước thông-hiếu, nên sứ-tiết qua lại luôn luôn. Có một vị sứ-thần Tàu, tên là Hoàng Thường, là một nhà thanh-tiết có tiếng Vua Tàu sai Thường sang sứ ta, triều-đình nước ta cũng lấy lễ đặc-biệt tiếp-đãi rất long-trọng.

Viên bạn-tiếp của ta, vâng ý-chỉ nhà vua, đem tặng Hoàng Thường một trăm lạng vàng, ngỏ ý với Thường rằng: « Quả-quân sai tôi đến đây để tạ ơn túc-hạ, quí-quốc không quên cái tình-hiếu của tiên-quân tệ-quốc, phải chấp-sự sang đây, thật là một sự rất vinh-sủng cho hạ-quốc, hạ-quốc không biết lấy gì đáp lại cái thịnh-ý ấy, nhân sai tôi đem lễ mọn này tặng dâng túc-hạ.»

Hoàng Thường trả lời rằng: « Sứ-thần đã có lương-bổng nhà vua, cần gì phải làm như vậy, tôi xin từ tạ.»

Viên bạn-tiếp ta, theo chỉ-dụ vua, cố tình xin sứ-thần nhận lễ tặng ấy, mà Thường cũng cố từ.

Viên bạn-tiếp về phục-mệnh, vua khen ngợi mãi. Khi ấy có một vị triều-thần tâu rằng: « Tôi xét ra bọn thư-sinh thế nào cũng nhiều lòng dục-vọng, mà ít tính cương-quyết, xin để cho tôi thử xem đã. » Viên triều-thần ấy, sai trang-sức một mĩ-nhân tên là Ả-Hồng, rồi bảo viên bạn-tiếp đưa đến hầu sứ Tàu. Viên bạn-tiếp nói với sứ Tàu rằng: « Quả-quân sai tôi đến tạ ơn túc-hạ, túc-hạ trọng cái tình-hiếu hai nước, khuất-giá đến tệ-quốc, tệ-quốc không lấy ai để hầu-hạ tả hữu, chiếu-cố khi hàn-huyên, để làm sự lo cho quả-quân, nay xin đưa một ả thiếu-nữ đến để hầu hạ hôm sớm ».

Hoàng Thường cố từ, viên bạn-tiếp cố xin đưa vào, Thường cũng thuận theo.

Ban đầu Thường cho Ả-Hồng trọ ở ngoài sứ-quán, sau lại cho vào ở trong nhà, có một hôm đêm khuya, Ả-Hồng buồn-bã, ngâm bài thơ rằng:

Cô-quán tiêu-điều dạ tự-niên,
孤館蕭條夜似年
Bán luân tàn-nguyệt quải thu-thiên;
半輪殘月掛秋天
Hương-thời tự hận tri-âm thiểu,
當時自恨知音少

Bất cập bưu-đình nhất tả-miên.
不及郵亭一借眠

Dịch :

Một mình phòng vắng trải đêm thâu !
Nửa mảnh trăng tàn giữa tiết thu !
Nào ở tri-âm đâu vắng-vẻ,
Thưa đêm ngủ quán hãy phong-lưu.

Hoàng Thường là một tay thiếu-niên, khí-lực đương mạnh bạo, trầm-ức đã lâu, xúc - cảnh đương-trường, không thể tự chế được, nhân sinh lòng luyến-ái, đi lại với Ả-Hồng, từ đó tình-tự càng ngày càng nồng. Thường nói bỡn với Ả-Hồng rằng : « Có hơn ở nơi bưu-đình không ? »

Không bao lâu sứ-vụ thanh-thỏa, Hoàng Thường sắm-sửa hành-trang về Tàu, Ả-Hồng khóc bảo Thường rằng : « Chàng ở Bắc-phương, thiếp ở Nam-phương, quan-sơn cách-trở, nghìn dặm xa khơi, ngờ đâu có sự hoan-lạc, trong bấy lâu nay, tình-tự kể sao cho xiết, thế mà nay yến bắc nhạn nam, nước mây chia rẽ, kẻ ngâm « Chiết-liễu », người phú « Ly-ca », biệt-hận này sẽ liền đến ngày. Ôi ! thôi cái cảnh đoạn-trường này, còn gì đau-đớn hơn nữa. » Nói rồi buồn khóc một hồi lâu.

Hoàng Thường cũng cảm-động, khóc nói với Ả-Hồng rằng : « Phù-sinh rất chóng, mà hạo-kiếp thì dài, sự ly-biệt nhất-thời, không lấy gì làm lo, chỉ trong lúc tràng đêm sáng sủa, sương sớm lồng hiên, chiếc gối ngọn đèn, không lấy gì mà giải buồn được, ta muốn tặng cho mình một bài thơ, hễ khi nhớ nhau, đem ra mà ngâm-nga giải buồn. » Nhân đề một bài thơ trên cái quạt rằng :

Minh-nhật tiên-chu biệt Nhị-hà,
明日仙舟別珥河
Kim-tiêu ân-ái khởi từ đa ;
今宵恩愛豈辭多
Lai thời thuyết đáo tương-tư sự,
來時說到相思事
Vọng đoạn Hành-dương khả nại hà !
望斷衡陽可奈何

Dịch :

Sông Nhị thuyền tiên vội biệt nhau,
Đêm nay ân-ái biết dường bao !
Sau này sực đến cơn thương nhớ,
Trông cách Hành-dương biết thế nào !

Viết rồi tặng cho Ả-Hồng, Ả-hồng trân-trọng nhận lĩnh, rồi lại làm một bài họa lại rằng :

Thiếp-lệ tùy Tương-thủy,
妾淚隨湘水
Quân-tình vọng Lĩnh-nhai ;
君情望嶺涯
Bắc-triều thông-hiếu cửu,
北朝通好久
Sứ-tiết hựu trùng lai.
使節又重來

Dịch :

Tương-thủy như tuôn giọt lệ sầu,
Tình chàng nhớ thiếp biết trông đâu !
Bắc-triều thông-hiếu còn lâu mãi,
Sứ-tiết sau này lại gặp nhau.

Hoàng Thường đọc thơ, nhìn mãi Ả-Hồng, có ý ân-hận, ngâm vịnh mãi không thôi. Sáng hôm sau từ-biệt về Tàu, viên bạn-tiếp cũng đưa đi.

Hoàng Thường về rồi, lúc đầu còn giấu những việc ấy, không nói cho ai biết, sau mãi Hồng mới đem mấy bài thơ ấy, dâng cho vua xem, tiếng Ả-Hồng liền rậy khắp cả kinh-đô, ai ai cũng truyền-tụng thơ hay, cho là một bậc tài-nữ.

Xem mấy bài thơ này đủ biết Ả-Hồng là một tay giỏi thơ, câu thơ rất tài-tình, đem ra mà chép trong tập tùng-thoại này, thật có thú-vị lắm.

Tôi chép dật-sự này, nhớ lại khi tôi ở Nhật-bản, nghe thầy giáo có thuật lại một tích của con gái Nhật, với sứ-bộ nước Triều-tiên xưa, cũng có một dật-thoại như vậy.

Xưa sứ-bộ nước Triều-tiên sang sứ Nhật, khi sứ-vụ xong rồi, sắp-sửa về nước, có một hôm đi xem chơi, ngang qua trại Phầm-xuyên (*Chinagawa*), trong sứ-bộ có một người thiếu-niên, tên là Kim Vân-Long (金雲龍) trông thấy có một ả con gái Nhật, đáng bậc giai-nhân tuyệt-thế, sai người hỏi Ả ấy bao nhiêu tuổi, có người đáp rằng: « Gần hai tám ». Vân-Long nhìn kỹ một hồi lâu, rồi khen rằng: «Thật là một bậc mĩ-nhân tuyệt vời, xưa nay chưa từng thấy. » Liền lấy bút viết một bài thơ để tặng cho ả gái ấy rằng:

Nhan-sắc như đào lý,
顏色如桃李
Kim-xuân thập-ngũ niên;
今春十五年
Quân vô vương-thượng điểm (1),
君無王上點
Ngã tác xuất đầu thiên (2).
我作出頭天

Dịch:

Sắc xinh như mận lại như đào,
Tuổi mới trăng rằm ngắm mĩ-miều;
Một điểm trên vương (王) kia chửa có,
Chữ Thiên (天) đây muốn tự chồi đầu.

Ả ấy cầm bài thơ đọc, hồ thẹn hiện ra trên sắc mặt, hai má đỏ bừng, liền họa đáp lại rằng:

Hải-ngoại Tây-phương khách,
海外西方客
Phiên-phiên mĩ-thiếu-niên;
翩翩美少年
Túng-nhiên thiên-lý biệt,
縱然千里別
Do vọng Phủ-sơn thiên.
猶望釜山天

Dịch:

Ngoài khơi kia khách ở phương tây,
Tuổi trẻ vừa xuân đẹp lạ thay!
Nghìn dặm xa khơi dù tạm biệt,
Phủ-sơn mong đợi lúc nào ngơi!

Vân-Long được bài thơ họa, cứ cao-ngâm mãi, làm cho kẻ nghe thấy, kéo nhau đến xem, vây khắp chung quanh, sau bọn tòng-bộc, hét ngựa đi, mọi người tan về, sứ-bộ mới đi được.

Sự-tích này so với sự Ả-Hồng ta xưa, tình-thú giống nhau, văn-chương cũng tuyệt-diệu, phụ chép vào đây, cho hai vận-sự lạ, đều truyền thiên-cổ.

. . .

Trịnh Đoàn 鄭 鍛 là người dòng chúa Trịnh, thi đỗ hương-cống (tức cử-nhân đời nhà Lê) người rất phóng-khoáng phong-lưu, không giữ tiểu-tiết, mà có tài-học, rất sở-trường thơ-văn quốc-âm, Đoàn thấy họ Trịnh ngày càng suy-vi, có ý muốn vì nước hy-sinh, nên lúc cuối đời Cảnh-hưng (1786) Đoàn lĩnh mật-chỉ của Đoàn-nam-vương cùng với Đoàn Tuấn (段 俊) khởi binh tại chùa Giang-tự (tục xưng là chùa Trông-chó) xứ Sơn-nam, (tức nay là Nam-định), mưu giết bọn kiêu-binh, không may thất-bại bị bắt, bọn kiêu-binh cố muốn giết, Thạc-quận-công là Hoàng Phùng-Cơ không cho, lưu giam tại ngục trấn Sơn-nam.

Sau gặp quốc-biến, Đoàn theo Yến-đô-vương mưu vì họ Trịnh khôi-phục lại chính-quyền, Yến-đô-vương thua chạy, vua Chiêu-thống đốt Vương-phủ, Đoàn có vì Yến-đô-vương thảo lời chỉ-dụ thần-dân rằng:

---

(1) *Quân vô vương thượng-điểm* = Chửa được chữ *chủ* (主) ý nói người con gái không có chủ.— (2) *Ngã tác xuất đầu thiên*: Chữ thiên chồi đầu là chữ *phu* (夫), ý nói ta muốn làm chồng.

Chữ « thực lại » hãy còn in dấu cũ (1),
Lời « tại tồn » sao nỡ quách nguyền xưa (2).

Đinh Tích-Nhưỡng là danh-tướng ở Hải-dương, bị bọn hào-mục vây đánh, Đoàn cũng vì Nhưỡng thảo tờ hịch để dụ dân bản-xứ, có câu rằng :

Tiếng trống nổi âm-thầm miền tiếp trấn,
xét tình dân còn mở khép trăm chiều ;
Ngọn cờ thôn còn giong-dả chốn di-đồn,
sợ phép nước phải xông-pha mặt trận.

Lại câu rằng :

Nào ai rằng tài-cán rằng công-trận cho cam.

Khiến người nghĩ phong-thổ nghĩ tổ-tiên cũng thẹn mấy câu này ôn-nhã hùng-hồn và có cái khí-khái đủ cảm-động đến lòng người, thật là câu văn tự-sự rất hay.

. . .

Núi Ngũ-hành ở Quảng-nam, cách rất kỳ mà đẹp, xưa nay đề thi chữ nho cũng nhiều, nhưng ai cũng chịu bài thi của quan Thượng Bùi Ân-Niên (裴殷年) là tuyệt-xướng, còn thi nôm thì có bài của bà Bang-Nhãn (邦眼). Thơ rằng :

Cảnh-trí đâu hơn cảnh-trí này !
Bồng-lai thôi cũng thế này đây !
Núi chen sắc đá mầu phơi gấm,
Chùa nực hơi hương khói lộn mây ;
Ngư-phủ gác cần ngơi mặt nước,
Tiều-phu chống búa dựa lưng cây ;
Nhìn xem phong-cảnh ưa lòng khách,
Khen bấy thợ trời khéo đắp xây,

Dẫu có ai đến núi Ngũ-hành, mở miệng ngâm cũng phải nói thế.

Có một bài nữa của ông Thái Duy-Thanh (蔡維清) :

Hay là ông Lý Khổng-Lồ xây,
Mới có non non nước nước này !
Ngó lại ngó qua năm đống đá,
Tu lên tu xuống mấy ông thầy ;
Lên đài Vọng-hải trông xa mú,
Vào động Huyền-không thấy trống quầy ;
Lếu-láo ngâm đưa ba chén rượu,
Cõi Trần xưa cũng có tiên đây.

Từ con mắt ông ấy xem, thì Ngũ-hành chỉ là mấy đống đá ở giữa chốn trần-hiêu, có thể là tự nhân-công làm ra được, tiên đâu không thấy, chỉ có mình cùng bầu rượu túi thơ lên chơi đây, thì thật là tiên, theo lối làm thi, thì bài ấy gọi là lối « phiêu-trần xuất tân » nghĩa là vất đi cái tục cũ, mà nẩy ra một tứ mới.

Ông Thái hiệu là Tùng-phong (松峯) ở phố Hội-an, là một nhà danh-sĩ hay rượu hay thơ, ẩn chốn thành-thị, mới chết cách độ vài mươi lăm năm nay.

Bà Bang-Nhãn vợ ông tú Qui, tục gọi là ông Bang-Nhãn, ở Quảng-nam, ông là một tay thi-nhân chữ Hán, lúc ông mất rồi, bà hốt-nhiên trở ra nghề làm thi nôm, hay đi dông chơi ngâm vịnh, người ta bảo rằng cái thi-hồn của ông ấy nhập vào bà ấy, cũng là một câu giai-thoại trong từ-lâm vậy.

Bài thơ của bà đi chơi cửa Hàn rằng :

Dần dần ngựa lại với xe qua,
Nhượng-địa là đây có phải à ?
Liếc mắt nhìn xem phong-cảnh lạ,
Đau lòng trạnh tưởng nước non ta !
Nào tay hồ-thỉ đi đâu vắng ?
Nghĩ cuộc tang-thương bực lắm mà !
Nhớ đến người xưa thương nước cũ,
Căm gan riêng giận với trời già.

. . .

Ông Tôn Thọ-Tường (尊壽祥) ở Nam-kỳ, người đời Tự-đức, ông có làm quan, nhưng sự-tích thì không biết rõ, nghe chuyện lại lúc ông trí-sĩ, có

(1) Lúc Hậu-Lê có lời chỉ-dụ gì, cũng có chữ « Thực-lại Đại-nguyên-súy 實賴大元帥. »

(2) Lê Trang-tôn cùng chúa Trịnh ước rằng Lê tại Trịnh tồn (黎在鄭存)

làm một bài thơ, đầu bài là « Đỹ già đi tu », thơ rằng :

Chày kình dỏng tỉnh giấc Vu-sơn,
Mái tóc kim-sinh nửa trắng vàng ;
Đài cảnh biếng soi mầu phấn nhạt,
Cửa không đành gửi cái thân tàn ;
Chạnh niềm hoa-liễu vài câu kệ,
An giấc tang-du một chữ nhàn ;
Ngảnh lại lầu xanh thương những kẻ,
Trầm-luân chửa khỏi kiếp hồng-nhan !

Xem bài này thì biết làm một bài thơ, đầu cái đề-mục nó thế nào, ta cũng phải cho cái tính-tình ta lưu-lộ ra ở trong. Đấy ông Tôn vẫn tả cái tâm-cảnh của người nhà phong-nguyệt hết duyên, chán trần về Phật, mà những người chìm nổi trong bể hoạn, đọc đến tất phải ngã lòng, một câu kết biết bao là cảm-khái.

∴

Kinh-thành là một chỗ đô-hội trung-tâm trong nước, người tụ-họp đông mà cũng sinh ra nhiều việc, những khách nhàn-cư, gặp việc gì thì tức-sự vịnh việc ấy, cho nên xứ Huế ta xưa nay bài trúc-chi rất nhiều là bài tức-sự rất nhiều, nhất là trong mấy khoa thi hễ có việc gì, thì có thơ truyền-tụng ngay, nay không thể kể ra hết được, chỉ lược-thuật một đôi bài ra như sau này :

I

Kinh-thành phong-vị đa nhăng phấn,
Bằng-hữu giao-du bán cống nghè.

Dịch :

Phong-vị ở Kinh-thành, cho người cảm-giác nhất là con ruồi với phấn, và giao-du nhất đông là những hàng ông cống ông nghè.

Câu này là câu tức-sự của cụ Nguyễn Hướng người tỉnh Quảng-nam, cụ làm quan ở Dục-thiên lâu ngày, nhưng chỉ phóng-khoáng qua ngày, thi-tửu làm vui, xem mấy câu thơ này, đủ biết cái thái-độ cụ đối với đời ra thế nào, và biết nơi kinh-thành là thế nào ?

II

An-Nam tứ-nguyệt hữu tam vương,
Kỷ cá gian-hùng triệu họa trường ;
Diện-nhục hoành-sinh Tôn-thất Thuyết,
Nhãn-tình đa bạch Nguyễn Văn-Tường ;
Chấm quân thủ tước tân-danh Nghĩa,
Sát tướng cầu quan bản-tính Trương ;
Khứ quốc khả liên minh triết giả,
Hà thời chiêu tuyết định cương-thường

安南四月有三王
幾個奸雄兆禍長
面肉橫生尊室說
眼睛多白除文祥
殺君取爵新名義
殺相求官本姓張
去國可憐明哲者
何時昭雪定綱常

Thơ này là thơ vịnh về đời Tường Thuyết chuyên-quyền, tả ra một việc rất rõ, đáng cho là một bài thơ sử, ai đã đọc đến sử, thì biết quả đúng với sự thực vậy.

III

Đéo hỏa giang-sơn đéo hỏa đời,
Không vua không chúa lại không trời ;
Một thằng tội đáng chia ba khúc,
Bốn chú câm không thở một lời ;
Bộ-viện nhởn-nhơ khuya-sớm tiệc,
Tỉnh-thần ôm-ấp vợ hầu chơi...

Bài thơ này tôi chỉ nhớ được có sáu câu, tuy không biết vịnh về việc gì, nhưng chắc cũng là một bài thi sử vậy.

∴

Cụ Phan Thanh-Giản (潘清簡) đỗ tiến-sĩ, làm quan đến nhất-phẩm, là một vị đại-thần có tài có đức, mà cũng là một nhà văn-học có tiếng nhất trong Nam-kỳ ngày xưa, thi-văn bằng chữ Hán của ngài đã in thành tập, gọi là tập « Lương-khê », thơ quốc-âm chỉ nghe được có một bài như sau này :

Giã vợ nhà đi làm quan

Từ thủa vương xe mối chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông ;
Đáng mây cười tớ ham giong-ruổi,
Trường liễu thương ai chịu lạnh-lùng.

Ơn nước nợ trời đành nỗi bận,
Cha già nhà khó cậy nhau cùng ;
Mấy lời dặn bảo cơn lâm-biệt,
Rằng nhớ rằng quên lòng hỏi lòng.

Lời là lời nói với vợ, cái cảm-tình đối với vợ phải nặng đã cố-nhiên mà cái cảm-tình đối với nước với nhà với cha và với mình, cũng lại càng thêm nặng nữa, cái giọng thơ ấy đời bấy giờ cũng khó mà tìm ra được.

Thơ làm ra cốt để tả cái tâm-tình của mình mà cũng có ích cho người xem, thường ta xem câu thơ có lý-thú, có tình-tình, thì lòng ta có cảm-động mà hưng-khởi, cho nên đức Khổng có nói : « Hưng ư thi » thơ ta bây giờ ngó như thịnh, mà kỳ-thực là suy, bởi vì trái hẳn với thi-giáo.

Cụ Nguyễn Đình-Ngọc (阮鼎珏) người Hưng-yên, đỗ cử-nhân đời Tự-đức, làm quan đến Giáo-thụ, về nhà hơn hai-mươi năm, cụ hay thơ chữ, thơ nôm cũng sành, có hai bài dầu đề là « Ngũ-thập-ngũ tự-thuật. »

I

Vừa mới ngày nào tóc chấm vai,
Đốt tay bấm đã ngoại năm-mươi ;
Nặng-nề chưa dễ đền ơn nước,
Khuôn thép còn may trọn cách người ;
Học cũ thế mà tư-tưởng mới,
Nhà nghèo cũng vẫn nói cười vui ;
Hoa-sơn một giấc say chưa tỉnh,
Đã chắc hơn ai chắc kém ai.

II

Chân đi còn khỏe mắt chưa mờ,
Thanh-phúc trời cho nghĩ quá thừa :
Tơ trúc thu còn e tuổi trẻ,
Gió trăng nọ chửa xóng lòng thơ ;
Vịn ven quả đất theo trời chuyển,
Khép cánh cung mây hẹn Phật cho ;
Đã gác chân ra ngoài cuộc đứng,
Còn toan theo đuổi với ai giờ.

Một bài dầu đề là « Đọc sử »

Dải bể ngàn đông bụi tít-mù,
Trải qua chớp mắt bốn nghìn thu ;
Thành Loa vừa thấy xây vua Thục,
Ải Lạng quanh-co đuổi giặc Ngô ;
Giấc mộng chẳng lâu mà chẳng chóng
Cuộc đời ai được lại ai thua ;
Còn non còn nước còn thư-thả,
Chén rượu Trung-sơn hãy gật-gù.

Một bài dầu đề là « Dạy con »

Đã chắc là con thép tinh cha,
Thế-tình âu cũng dạy qua-loa ;
Ngoài năm ba quyển còn nhiều việc,
Trong ức muôn người dễ thiếu ta ;
Chưa mở trí khôn đừng giở dại,
Muốn xong việc nước phải êm nhà ;
Năm châu rộng-rãi đường phăng-phẳng,
Trăm tuổi lai-nhai hẳn chửa già.

Hai bài trên tỏ ra ý an-bần lạc-đạo, đạm-bạc vô-cầu, nhưng dầu không nịnh đời mà cũng không chán đời, bài đọc sử thì cực-kỳ siêu-thoát, bài dạy con kỳ-vọng cho con một cách rất cao-thượng.

∴

Cụ Nguyễn Công-Trứ 阮公著 là một bậc người có văn-chương có sự-nghiệp ở bản-triều, nay muốn trích một đôi bài hay, trước hãy xin thuật cái dật-sự ra sau đây.

Cụ Nguyễn Công-Trứ tên chữ là Hy-văn 希文 và Trọng-chiêu 仲昭 người làng Oai viễn 威遠, huyện Nghi-xuân 宜春, tỉnh Nghệ-an.

Cụ sinh năm Cảnh-hưng thứ 38 (1777). Đương đời Tây-sơn, cụ còn tuổi trẻ, chưa ai biết cụ là người thế nào, đến năm Gia-long thứ 3 (1804) vua đi bắc-tuần vừa đến Vĩnh-đô, cụ lấy cái tư-cách là một kẻ bố-y, đến hành-dinh dâng sớ điều-trần, triết-trung thời-vụ, ai nghe cũng đều kính-phục. Năm Gia-long thứ 15 (1815) cụ thi đỗ giải-nguyên, sau ra làm quan đến chức Công-bộ Tham-tri, quyền lĩnh Thượng-thư, nhân sự phải đáng, rồi lại lần thăng đến Tuần-phủ, thự chức Hải-an Tổng-đốc, lại đổi về triều, nhậm chức Binh-bộ Tham-tri, nhân

sự Trấn-tây có loạn, cụ đi tham-tán quân-vụ, được thăng chức Tuần-phủ An-giang, bị bọn tiểu-nhân vu-hãm phải cách chức, sung làm lính ở các miền biên-tái, tỉnh Quảng-nghĩa, rồi lại được khai-phục làm chức án-sát tỉnh ấy, liền thăng chức Thừa-thiên phủ-doãn. Khi ấy cụ đã bảy-mươi tuổi, viện lệ xin về hưu. Đến năm Tự-đức thứ 12 (1859) thì cụ mất, huởng thọ được 82 tuổi.

Cụ là một người lỗi-lạc thích-thảng, có khí-tiết, có tài-cán, nhưng bị bọn tiểu-nhân ghen-ghét, cho nên thường phải chìm nổi trong ba-đào hoạn-hải luôn. Tuy vậy cụ là bậc anh-hùng hào-kiệt, có tài hơn đời, hễ ra cương-trường, lại lập được công to, liền thăng đến chức lớn.

Cụ rất sở-trường về môn kinh-tế, mà có kinh-nghiệm nhất là sự doanh-điền, cho nên khi cụ làm quan ở các nơi, thường hết sức lo sự khai-khẩn, mà có thành-hiệu nhất là lúc làm doanh-điền-sứ tại Nam-định, Thái-bình, khẩn đất mộ dân, lập nên được hai huyện Kim-sơn và Tiền-hải, đến nay dân hai huyện ấy còn thờ cụ làm thành-hoàng.

Cụ đối với sự cùng, thông, đắc, táng, lợi, độn, thành, bại ở đời, đều xem như trò chơi, không hề có chút gì giới-đời ; lại có cái độ-lượng rộng-rãi, lúc cụ làm chức quốc-tử-giám tư-nghiệp, ông Thân Văn-Quyền làm chức tư-nghiệp, học trò trường giám có người ẩn-danh, đề câu đối ở ngoài cửa trường rằng :

Ý cẩm thượng quỳnh, quân-tử ố kỳ văn chi trứ,

衣錦尚絅君子惡其文之著

Bao Tề ý Tấn, thánh-nhân bất-đắc-dĩ dụng quyền.

褒齊懿晉聖人不得已用權

Cụ thấy vậy cũng cười mà không hề tra hỏi trách phạt gì, xem thế đủ biết cái độ-lượng cụ là thế nào.

Lại năm Minh-mệnh thứ 16 (1835), cụ làm quan ở Hải-dương, nhân tù-phạm trốn mất, cụ phải cách chức, khi ấy con trai cụ đương sung chức cẩm-y chính-vệ, tâu xin đi theo cha, lo việc bộ-nã để thục tội cho cha, vua khen là hiếu mà cho đi. Kịp khi con cụ ra đến nơi, cụ tâu xin triệt về kinh, cụ có lời tâu rằng : « Tôi tuy lỗ-độn thế nào, cũng không cần nhờ đến sức con. » Xem thế đủ biết chỗ cụ tự-tín vững-vàng lắm.

Lúc cụ ở An-giang bị cách về sung quân ở Quảng-nghĩa, vận áo lính, đi phục-dịch, thần-thái tự-nhiên, không hề cho là nhục, nhưng các quan thượng-liêu thấy cụ phải ra làm chức-dịch ty-tiện, có ý phàn-nàn cho cụ, và sinh lòng áy - náy, cụ thưa rằng : « Xin các quan chớ ngại gì, tôi xem sự tôi đi lính, cũng như khi tôi đi làm quan, và khi tôi làm quan cũng như khi đi lính, đều là trò chơi đấy thôi ». Các quan nghe đều ngạc-nhiên.

Lúc thiếu-niên cụ đương bần-tiện, mà vẫn hào-phóng, có tính hiếu-sắc, tuy ở trong cái hoàn-cảnh khốn-đốn, mà cứ đánh chén, cứ đi hát, không kém gì một tay phong-lưu công-tử, cho nên vay nợ lung-tung. Đương-thời có một ả-đào tên là Xuân-Nga, nhan-sắc tuyệt vời, đáng cho là một bậc quốc-sắc, tính-khí Xuân-Nga rất kiêu-ngạo, ít có người được thừa-tiếp ; cụ là một nhà hàn-sĩ, có bao giờ được gặp. Cụ lấy làm tức, tự nghĩ rằng : « Nếu muốn danh-hoa ấy vào tay, thì trước hết mình phải có cái thủ-đoạn thần-thông mới được ». Nhân nghĩ một kế biến-trang giả làm một người tầm-thường, xin vào làm nô-bộc cho Xuân-Nga, cụ tự-tiến là theo nghề dàn địch, cho nên Xuân-Nga cũng thích dùng, thuê cụ làm một tay kép ở trong nhà, thường ngày cụ vẫn cẩn-thận, không hề có ý gì lộ ra nét mặt, hễ ai có rước Xuân-Nga đi, thì cụ quẩy gánh, và cùng một

thằng quít mang đàn đi theo. Cách sinh-nhai của cụ trong thời-kỳ làm kép ấy, kể cũng bật cười.

Một hôm có người mời Xuân-Nga đi hát xa, cụ tự nghĩ rằng : « Hôm nay chính là một cái cơ hội hay cho mình hoạt-động đây ». Nhân cố-ý để quên giây đàn ở nhà, lúc đi được độ hai dặm đường, ở giữa một quãng đồng không, cụ mới lên tiếng làm ra bộ kinh-ngạc, Xuân-Nga gạn hỏi, cụ nói : « Giây đàn để quên ở nhà rồi, làm sao bây giờ ! » Xuân-Nga giận mắng mấy câu, cụ lấy lời êm-ái thưa lại, rồi xin cho thằng quít chạy mau về lấy giây đàn. Bấy giờ chỉ còn mình cụ quảy gánh, đi với Xuân-Nga, cụ trông chừng thằng quít đi đã xa xa, liền bỏ gánh xuống, ôm ấm lấy Xuân-Nga. Xuân-Nga sức yếu, không thể nào chống cự lại được phải chịu vậy. Trong khi . . . . . Xuân-Nga thường có tiếng « ứ-hự » là có ý nửa cự nửa vui. Việc xong rồi, cụ liền bỏ đi, bao nhiêu tiền công đều bỏ cả ; bấy giờ Xuân-Nga cũng không biết cụ là người bậc nào.

Kịp khi cụ làm Tổng-đốc Hải-dương, gặp ngày sinh-nhật, cụ triệu-tập các danh-hoa đến hát, Xuân-Nga cũng dự vào trong bọn ấy, khi ngồi thường cứ liếc mắt trông trộm, thấy cụ lớn Tổng-đốc, chính là thằng kép gánh đàn của mình ngày xưa, lấy làm ngạc-nhiên, mà cụ thì không nhớ mặt Xuân-Nga nữa. Khi vào hát, Xuân-Nga miễu một câu rằng :

Giang-sơn một gánh giữa đồng,
Thuyền-quyên ứ-hự, anh-hùng nhớ không?

Cụ nghe ả hát, ngạc-nhiên hỏi rằng : « Chị là Xuân-Nga sao ? Đã lấy ai chưa ? » Xuân-Nga thưa rằng : « Chưa » Cụ cười mà bảo rằng : « Cái vai ta đi gánh cho chị, da hãy còn nhăn, mà chị thì đã lớn tuổi như vậy ». Nhân lấy thiên-kim chuộc về, cho sung làm cơ-thiếp.

Cụ làm Tổng-đốc ở đấy, có đắp lên ba hòn núi ở sau tỉnh-đường, và dựng một cái chùa ở trên núi, đào hồ thả sen, lại bắc cầu để đi ngang qua hồ, nuôi 25 đứa thiếu-nữ cho sớm chiều đi lễ Phật.

Lại khi cụ đi dẹp giặc trên Thượng-du, có bắt được ba người thổ trai và bảy người thổ gái, đều thu-dùng cho làm gia-nô, để tập hát tuồng, cụ thì suốt ngày đêm cùng bọn liêu-thuộc xúm tại ăn thuốc-phiện, nghe đọc truyện *Thúy-kiều*, tự xưng là Trang-lão 莊老.

Cụ lại thường nhân tiệc vui, đặt ra thơ ca bằng quốc-âm, có cái ý bạc-thị chung-đỉnh, đồn nghe đến tai vua, vua cười mà dụ rằng : « Cuồng-nô cố-thái, hào-phóng như vậy. »

Lại một hồi cụ đi đánh trận có công, lẽ thì được phong-tước, nhân vì người làm chủ-tướng che lấp mà không tâu lên, cho nên cụ không được phong tước. Một hôm nhân ngày dự tiệc yến vua ban, các quan tòng-chinh cùng các đại-thần đều đủ mặt, vua rất lấy làm vui, nhân hỏi cụ rằng : « Nhà ngươi xưa thích sự ca-vũ, Bắc-kỳ có bài ca gì hay như thể ca « Hồ-khoan » ở trong Nam không ? Cụ lấy bài ca sau này, tâu cho vua nghe.

Chuông giá đồng điêu chuông kêu,
Mầm em khéo nói cho siêu tấm lòng,
Quốc-sĩ vô-song là ngươi Hàn Tín,
Ta chẳng yêu mình, ta đến chi đây.
Bốn bề rồng ấp lấy mây.

Sáng hôm sau, vua ban chỉ dụ khen rằng : « Câu nào cũng có ý cả. »

Lúc vãn-niên cụ về hưu, làm nhà tại chùa Cảm-sơn 感山寺, huyện Thanh-hà, ngày thường cưỡi chiếc xe bò con đi dạo chơi, bao nhiêu thế-sự đều tạ-tuyệt cả, ngao-du sơn-thủy đến hơn mười năm, siêu-thoát như người ở ngoài trần-thế, ai ai cũng hâm-mộ phong-thái cụ.

Tính cụ rất phóng-khoáng, không coi chi ra chi cả, cho nên khi cụ ở chùa Cảm-sơn, cũng đem cơ-thiếp đến cùng ở. Cụ lại thường đến chơi huyện Kim-sơn, huyện Tiền-hải, dân hai huyện ấy đón rước cụ như rước thần, cụ mang cả cơ-thiếp đến cùng ở chung tại nhà thờ của dân lập ra, không câu-nệ gì cả. Ông Hoàng Nho-Nhã họa bài thơ hưu-trí của cụ có câu rằng :

Sự-nghiệp kinh nhân thiên-hạ hữu,
事業驚人天下有
Phong-lưu đáo lão thế-gian hi.
風流到老世間希

Lại ông Nguyễn Qui-Tân có câu họa rằng :

Giang-sơn tóm lại đài sân khấu,
Văn-vũ đem ra một khác tỳ.

Hai câu ấy thật là thiết-đáng với cái thân-thế của cụ lắm.

Cụ soạn ra thi-ca rất nhiều, vô-luận bài nào, cái khí hào-mại đều sung-dật ở trên âm-luật, đọc lên ai nghe cũng phải kinh-phục.

Thử xem mấy bài sau này, chỉ là một cái đốm của con báo, một chiếc lông của chim cát-quang, đủ biết được cái đặc-sắc văn-chương của một bậc anh-hùng là thế nào.

I

Chưa chán du mà quấy mãi đây ?
Nợ-nần dan-díu mấy năm nay ;
Mang danh tài-sắc cho nên nợ,
Quen thói phong-lưu hóa phải vay ;
Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh-hùng khi gấp cũng khoanh tay ;
Còn trời còn đất còn non nước,
Có lẽ ta đâu mãi thế này ?

II

Hai mươi năm lẻ những mơ-màng,
Cuộc thế xem qua đã chán chường ;
Lúc đạt chẳng qua nhờ vận-mệnh,
Khi cùng chớ cậy có văn-chương ;
Nghèo thì cũng rắp tìm nghề khác,
Vốn tính đà quen giữ nết ương ;
Hễ chuyện rủi may thì chẳng trách,
Khéo dư nước mắt khóc giàu sang.

Hai bài trên này là văn cụ làm từ lúc còn hàn-vi, cho nên cái khí nhất-uất bất-bình, bày cả ra ngoài và chỗ cụ tự-mệnh. Xem cũng biết là một người phi-thường. Còn bài dưới đây là văn khi cụ đã ra làm quan triều Nguyễn, tuy hoạn-hải ba-đào, khi chìm khi nổi, mà cái tráng-chí khảng-khái vẫn còn, chưa từng có chút ý-tứ gì chán đời, xem thế đủ biết cụ là một bậc người anh-kiệt vậy.

III

Tuổi-tác tuy rằng chửa mấy mươi,
Đổi thay mắt thấy đã ba đời ;
Ra trường danh-lợi vinh liền nhục,
Vào cuộc trần-ai khóc với cười ;
Chuyện cũ trải qua đà chán mắt,
Việc sau xem lại chẳng thừa hơi ;
Đã hay đường lối thời ra thế,
Sạch nợ bồng-tang mới phải người.

Còn nữa)

Sơ CUỒNG

TRÊN ĐƯỜNG NAM-PHÁP

(Mấy đoạn gia-thư của Tùng-hương)

Kẻ viết mấy bức gia-thư đã không thể học được đến bậc Cao-đẳng, lại cũng chưa hề lập công lập danh cho nước, nên không muốn cho ai để ý đến mình.

Kẻ lục mấy bức gia-thư vẫn muốn chiều lòng lắm, nhưng chủ-ý muốn lưu lại cái cảm-tình, cái tân-khổ của khách du, là những điều không thể tìm được ở các sách khác và nhất là muốn lưu lại những câu thâm-tình như câu :

« Nhờ anh mà em mới biết yêu-qui tiếng nước nhà ».

Tân-an, xuân nhâm-thân

T. T

Tân-an, ngày 16-7-24

Mấy hôm nay buồn quá. Nhà-nước không cho đi thật lở dở. Có xin được giấy tờ nữa thì cũng đã trễ rồi...

Từ khi được điện-tín cho phép đến giờ mới muốn làm công-việc chút đỉnh. Chiều thứ tư này tôi phải đi rồi, vậy còn ở nhà được một đôi ngày nữa thôi. Ngày vui ngắn chẳng đầy gang...

Lòng tôi cũng vẫn như thường chẳng thấy chút nào lo sợ, cái lo sợ ra đi chốn phương xa cõi lạ, vì ra đi để lập-thân.

Tàu *Paul Lecat*, 11 giờ đêm 19-9.

Cha mới lên đây — Khi nãy có mấy ông đi đưa : Trần Thanh-Phát, Phạm Văn-Vịnh, Trần Thanh-Tòng, quan tri-huyện Cao Văn-Sự, quan đốc-phủ Nguyễn Văn-Vịnh.

Hôm xin ở phủ Toàn-quyền nhờ quan đốc-phủ Nguyễn lo-lắng cho, nên các việc đều dễ cả. Tuy vậy, đến khi lĩnh xong giấy thông-hành mới hết lo.

Tàu chạy đúng hồi 6 giờ sáng. Thiên-hạ đâu đó rộn-rịp, tôi vẫn không chút nào buồn. Tàu trong sông còn chạy chậm, đứng xem phong-cảnh chung-quanh một lúc rồi về phòng ngủ. Hơn 10 giờ đến vũng Tàu (*cap St Jacques*) mà tôi không hay. Cơm dọn khá lắm, ba món ăn, một món bánh sữa (*fromage*) tráng miệng, nhưng mặn quá khó ăn. Có rượu chát đỏ, mà cũng hơi chua.

Ra biển thấy chóng mặt, muốn mửa, tôi uống dầu « *mixture khimer* » rồi ngủ yên được. Chiều 3 giờ, có một bữa ăn : nước trà, bánh mì, *beurre*, mà thay đồ không kịp, nên không lên ăn. Trên sân tàu có chỗ để ghế được. Mình có mua ghế dài thì đem lên trên ấy ngồi chơi, không thì mướn 20 quan. Ăn cơm ngồi chung với người mình. Chiều 6 giờ rưỡi, ăn một món canh và hai món nữa.

Chỗ rửa mặt ở ngay trong phòng, có một bầu nước lạnh và mỗi người một cái ly. Giặt quần áo thì mỗi thứ năm và chủ-nhật, mà người làm về việc ấy nói rằng khi nào đông quá, thì trọn kỳ tàu mới giặt một hay hai lần mà thôi.

Tôi ở chung với hai người học-sinh Tàu, xem chừng dòng sang, mặt trông phương-phi lắm biết nói tiếng Pháp. Một người đi học luật, một người đi học máy bên *Belgique* (Bỉ-lợi-thì).

Lối 5 giờ chiều, tới Côn-lôn-đảo. Không biết có đảo nào lớn hơn nữa không, chớ thấy một đám đều nho-nhỏ cả.

Ngày 2-10

Hôm nay tôi nằm lo hoài. Ra đi tiền đồ như nước mà không biết kết-quả thế nào? Không biết trường *S. Ch.* có bằng các trường khác không. Cùng một chuyến này, có bốn người học-sinh bạn học tôi, đều đi *Montpellier* hết. Qua đây họ vào lớp nhất trường trung-học. Sang năm thi tú-tài kỳ nhất rồi.

Hôm ra đi bối-rối quá. Xuống đây thấy người ta đem nước mắm «lạp-xường», tôm kho, thịt kho bông mới thèm đến vị nước nhà. Nhưng có quen nên họ không rỡ bỏ.

Hôm nay tôi có theo bồi An-Nam ra sau ăn cơm An-Nam ba lần, khá hơn cơm tàu «Lục-tỉnh». Có canh mùng-tơi, có thịt xào cải *salade*, mà cũng vẫn thiếu đĩa nước mắm!

Cũng vì cha mẹ thương con nên không đành chở đi boong (sân tàu) chẳng khác chi hạng ba. Không có giường nằm không hại gì, vì lạnh thì đã có mấy kẹt chui vào ngủ cũng ấm lắm. Đồ ăn cũng nhiều, nhưng mỗi bữa phải xuống nhà bếp lĩnh và ăn rồi thì mình tự rửa lấy đĩa mình. Như thế thì mình lời ra được 200 đồng.

Ngày 30-9

Từ hôm ở *Colombo* ra tới nay, sóng cũng như khi trước, nhưng tôi đã quen rồi. Cho nên vẫn được như thường. Tiền giặt quần áo ăn mắc bằng ba trên bờ. Một bộ đồ trắng 4 quan, đồ mát 2 quan. Mắc rẻ vẫn tùy món, chớ không phải đếm mỗi cái rồi tính bằng giá nhau cả như xứ ta. Giặt sạch mà không hôi mùi sà-phòng như ở tiệm giặt của người Tàu. Còn cái mắc đó là vì nước ngọt khó đem theo.

Thương-khẩu *Colombo*: thương-khẩu này ngay trên mé biển. Có lẽ bởi sóng nhiều nên có làm bờ đê bằng đá. Đê rộng như một con đường xe chạy, còn bề vòng quanh cũng được vài nghìn thước. Dưới bến *Colombo* tàu đậu xan-xát. Thế nên thương-khẩu này giàu hơn Sài-gòn cũng phải. Chỉ một việc bán than cho ngoại-quốc cũng đã thu được một món lợi khá to. Tiệm buôn bán cũng nhiều bằng La Sài-gòn. Có chợ, đã chiều tối rồi mà thịt hãy còn đầy cả trên mấy thớt. Chợ hàng bông còn đông hơn Chợ-lớn bên ta. Có chợ đêm, không biết đó là cớ đặc-biệt, hay là chợ bán luôn ngày đêm như thế.

Con quạ rất nhiều. Mà có lẽ bởi vì nắng quá nên lông không được đen lắm. Lại cũng không được lớn con như quạ bên ta. Nhà-nước Anh không cho phép bắn chim ấy. Ai muốn bắn trước phải xin phép Chính-phủ. Ở đây không có một tiệm nào của người Tàu và đi chơi cả buổi cũng không gặp một người. Đảo Tích-lan (*Ceylan*) cũng khá lớn. Thấy có xe lửa bằng xe lửa Biên-hòa, đường rầy rộng hơn. Dân xứ này lanh-lợi lắm. Họ xem tướng, biết mình là kẻ xứ lạ, họ mời vào tiệm chỉ món này món nọ. Xe kéo thì mời lên đi chơi ăn rẻ; xe hơi gặp mình thì làm ra bộ dành mối với nhau, kỳ-thực là đồng lòng đặng đòi tiền nhiều hơn; gặp nhiều việc như thế lắm, nên mới biết chỗ gian của họ.

Còn đến bọn đi bán rao như bên ta, bán cà-rá, hạt châu, voi bằng xương, bằng gỗ thì đông lắm. Nhà thơ (bưu-điện) ở đây lớn hơn và tốt hơn ở *Singapore*. Không có vườn hoa (hay là có mà không biết) như *Singapore* vậy. Song cái chỗ gọi là Nữ-hoàng-viên (*Jardin de la Reine*) vuông chừng 400 thước. Trông xa hết có nền đá chừng 2 thước cao, rộng lắm. Trên có pho tượng Nữ-hoàng nước Anh. Còn thì trồng cỏ. Giữa sân ngoài có hồ nuôi cá có bề nước. Trong vườn rợp bóng mát vì có trồng cây lớn. Dân Ấn-độ làm việc chi đâu không biết mà thấy vào nằm ngủ trong ấy dưới cát dưới cỏ.

Đây cũng có con nít giả làm ăn mày (hành-khất) theo xin tiền mình, mà đến khi biết rằng quyết ý không cho, thì nó chạy xa ra rồi chòng ghẹo lại, ở *Singapore* không có gặp ăn mày.

Hôm ghé *Singapore*, có đi ăn cơm, mua thơm mua bưởi. Ghé *Colombo* ăn ca-ry, uống nước cam, mua cam 5 *roupies* (ru-pi), 35 quan được 90 trái.

Ngày 2-10

Chuyến tàu này có 10 thầy học-sinh Trung-hoa, 12 thầy học-sinh An-Nam. Học-sinh Tàu phần nhiều tự-xưng là luật-khoa cùng là y-khoa tiến-sĩ ở đại-học Chấn-đán, mà nói tiếng Pháp không được thạo lắm.

Ngày 3-10

Dưới tàu chơi nhiều cái cũng thú. Ban ngày thì họp nhau lại nói chuyện «ăn hàng», nằm phòng đọc sách, đánh cờ. Chiều ra mũi tàu hứng gió, xem cá bay. Thứ cá này lạ lắm, có một hôm bị sóng đánh hất mạnh lọt vào cửa sổ một con. Mình tròn như cá mòi, khúc trước tròn hơn và mập hơn. Hai cái kỳ dài bằng ngón tay giữa, thấy trong nước thì nó mỏng như cánh chuồn-chuồn. Có lẽ tại có sóng lớn hay là cá lớn vượt, cùng là tàu chạy, nó sợ bay vù lên như chim sẻ. Có khi nó bay khỏi mặt nước lâu tới 7, 8 giây đồng-hồ. Nhiều quá, xem bốn phía đâu đó đều bay trắng cả. Về đêm mỗi khi gặp tàu khác thì xem tàu mình lấy đèn làm hiệu. Có khi họ làm hiệu chữ *Good bye*, chữ Anh, nghĩa là «sẽ trùng-lai». Mỗi khi đi ngủ, dòm theo bể thì trông thấy sóng nước chớp sáng như đom-đóm. Những luồn sóng chớp sáng ấy, tiếng Pháp gọi là «*le sillon phosphorescent*» cũng đúng lắm.

Hồi hai giờ trưa này, tàu đi qua mũi *Gardafui*. Chạy xa mé chừng 2 nghìn thước mà trông núi cũng rõ-ràng. Thật là đất đồng khô cỏ cháy, núi thì toàn đá với cát, chớ chẳng có một cây cỏ chi hết. Không hiểu người giữ ngọn hải-đăng tại đó phải ăn-ở làm sao.

Dưới tàu, mỗi bữa họ xem mặt trời, sửa đồng-hồ lại. Hễ đúng ngọ thì tàu rúc còi và dán giấy tại phòng ăn cho mình biết đang ở tại chỗ nào, từ 12 giờ hôm qua đến nay đã chạy được bao nhiêu rồi, và còn bao lâu nữa thì tới chỗ tàu đỗ.

Chủ-nhật 5 tháng 10, sẽ tới *Djibouti*. Nghe nói thành-thị không tốt gì, nóng-nực; song định cũng lên chơi qua cho biết và tránh bụi, vì hôm ấy tàu sẽ lấy than.

Ngày 8-10

Nay tới chuyện *Djibouti*. Ngoài biển ngó vào thì xem cũng tốt như *Singapore*. Nhà phố cất theo mé biển dài cũng được 2.000 thước. Trông vào thấy lầu son tường phấn, tòa ngang dẫy dọc cũng nguy-nga. Tàu tới 4 giờ khuya, 8 giờ sáng mới lên bờ. Đò máy đưa vào bờ, ăn 2 quan. Từ bến đò đậu lên tới thành-phố cũng được nghìn thước, vì con đường này chạy ra biển. Tới tận bờ, xem thấy có một chỗ nhà đẹp, có vườn, hỏi ra là dinh quan Thống-đốc. Ở đây cũng có Ngân-hàng Đông-Pháp. Hôm nay chủ-nhật, nhưng cũng mở cửa vì có tàu lớn lại. Trong thành-phố cũng tốt vì toàn là nhà ngói nhà lầu

Chỗ sao buồn lạ, nắng chang-chang, không cây-cối chi cả. Tiệm buôn bán không có tiệm nào dọn thấy cho vui mắt mà muốn vào. Có tiệm người Pháp còn đương bán mà hình như muốn khánh-tận. Tủ bàn bụi-bặm, đất không lát gạch, như có phần kém mấy tiệm «lặt son» (bán đồ cũ) tốt bên ta nữa. Chợ ở xa quá, đi mất công ngầy-ngà với bọn xe, nên không đi. Có mấy nhà bán cơm cũng khá. Tôi và một ông bạn vào hàng *Continental* là chỗ lớn và đông hơn hết. Bữa ăn 10 quan. Món ăn cũng còn sơ-sài, nhưng

đó là chỗ nhất đấy. Nước thì cho nước măn-mẩn. Nước đá xấu hơn nước đá bọt Mĩ tho. Đi chơi một chút đã mệt. Xe ngựa thì như xe mấy cậu lính bên ta vậy: 4 bánh, 4 chỗ ngồi, cụt đòn, bánh xe không cao-su. Một ngựa lớn mà ốm quá, chạy thua ngựa Kỳ-sou. Xe ô-tô ít quá, nhiều lắm là 40 cái. Dân-sự xứ này kỳ lắm. Bọn bán hình chạy theo mời mình xem. Xem mà không mua thì nó lại muốn chửi. Bọn con nít chạy theo đòi xách đồ đòi quạt hầu. Theo dai như đỉa, nên nhiều khi phải kêu lính đuổi giùm. Mấy chỗ tôi đi chơi, gặp đàn-bà ít lắm.

Xuống tàu 12 giờ. Tàu còn đang lấy than. Độ 15, 20 chiếc xà-lan than đá.

Tôi quên nói chuyện con nít lặn lấy xu. Làm nghề này toàn là con nít 12, 15 tuổi. Đứa nào đứa nấy bị ngâm nước biển nên tóc vàng hoe hết. Nó không dùng xuồng như bên *Singapore*. Trên sân tàu cách mặt nước chừng 12 thước, nó nhảy liền xuống. Mà nó làm tài, thế nào cho cẳng xuống trước luôn. Thật giỏi. Nó lội-lặn, hò-hét, trầm-nghịch cả nửa giờ ở dưới nước. Đứa nào da thịt cũng tốt, người lớn cũng không thấy ai mập.

Xứ *Djibouti* nực là phải, vì chung-quanh toàn là núi đá và cát.

—Nói qua chuyện hành-khách dưới tàu.— Đội «sơn đá» vài chục người. Có hai quan thầy thuốc Nga. Có một ông hoàng và phu-nhân cũng người Nga.

Có 5, 6 người Nam-kỳ, hai người có tú-tài rồi. Một người đi học thuốc, một người đi học điện-khí. Có một người nhập Tây-tịch, làm việc ngân-hàng, trốn vợ con và cha mẹ đi *Paris*. Ông ấy tính vừa làm vừa học thi Lục-sự.

Hôm nay vào Hồng-hải, gặp tàu nhiều quá. Biển nay êm, mà nực lắm. Vì thế mà có người Pháp về dưỡng-bệnh, chết. Thi-hài sẽ chở về Pháp, có vợ theo.

Ngày 9-10

Bữa nay, 12 giờ tới *Suez*. Thành-thị rộng lớn. Tàu-bè nhiều. Nhà cửa nhiều. Một hai chỗ có cây cối chút-đỉnh. Mé kinh bên tay phải, có hỏa-xa chạy đến *Port-Saïd*. Xứ này giàu là phải, vì thuế tàu một ngày nhiều lắm. Công-ti lĩnh thuế này phải sửa-soạn trong kinh mãi.

Thời-thường đều có xáng đi xúc đất, và có tàu chở đất ấy đem đổ chỗ khác.

3 giờ khuya nay, tới *Port-Saïd*. Thường từ đây khí-hậu lạnh lần tới *Marseille*. Hiện cũng còn nóng lắm. Ở sân tàu có gió, mà gió nóng, vì hai bờ kinh thì đồng cát mênh-mông. Ở phòng dễ chịu hơn. Nghĩ lại mấy người đi làm việc theo kinh thì tội-nghiệp quá. Còn khổ hơn dân cày cấy bên ta nhiều.

Thành B. (Ý-đại-lợi) ngày 18-10

Sớm mai bữa 15 tới *Marseille*. Ở nhà hàng có gặp các bạn đi học *Aix* và *Paris*. Ông A. ở *Marseille* tử-tế lắm. Bữa 17, tám giờ mai đi xe lửa qua đây với hai học-sinh trường *T*.

Ở đây nhà ngủ tốt. Ăn được, nhưng phần nhiều đồ ăn nhẹ Sớm mai dậy 6 giờ, xuống lớp nửa giờ, uống một tô cà-phê, chơi 15 phút rồi học. 12 giờ rưỡi ăn cơm. Chơi 1 giờ. Học tới 5 giờ rưỡi chiều. 8 giờ tối ăn cơm và ngủ luôn. Không có ngủ trưa. Trong này, việc quần áo phân-biệt lắm. Có nhà chứa quần áo, có người phát. Không được nói chuyện đâu hết, trừ lúc giờ chơi và lúc ăn cơm khi nào có thầy cho phép. Lúc ăn, các học-sinh thay phiên nhau lên chỗ mấy thầy ăn mà đọc sách.

Thứ năm thì đi chơi núi, tôi chưa quen, đi mau và mệt lắm. Vậy nên phải sắm giầy xấu. Giờ chơi, lớp nào theo lớp nấy, ăn cũng vậy. Đứa nào không chơi, thì bị phạt, đứng vách tường.

Trong trường bán bánh cũng thầy bán. Bánh ngọt, đường và *chocolat*.

Gởi thơ mắc lắm. Phải một quan một cái thơ. Lúc này lạnh như mùa gió bấc bên mình. Ngoài sân vào, cầm viết thì « cua còng » như chữ viết trên bức thơ này.

Thành *Lyon*, ngày 26-10

Hôm đó qua thành B. tôi có gửi cho cha một cái thơ. Cách vài bữa sau, tôi lên quan Đốc-học xin thôi vì ở đấy xa-xôi quá.

Tôi qua *Lyon*, học trường trung-học « *du Parc* ».

Lyon, ngày 7-11

Bên này lạnh nên tôi ăn được nhiều. Lót lòng một khúc bánh mì lớn. Một cốc cà-phê sữa, sữa này là sữa tươi nên bổ hơn sữa hộp, ăn hết thì lấy thêm. Trưa có một món canh. Rồi thịt bò cùng cừu hay là heo. Đĩa sau, đậu trắng, đậu hột xanh, cùng bột *macaroni*, thêm một ly rượu.

Một tuần tắm một lần. Sà-phòng trong trường chịu. Mỗi lần tắm mỗi khăn mới.

Ngoài thành-thị mấy nhà tắm cho mướn 1 quan rưỡi mà không có sà-phòng. Trường này thật lớn, hai phòng học bác-vật, có lớp chuyên dạy toán.

Đây ít An-Nam, nên họ cũng yêu. Chiều thứ năm, muốn ra chơi một dây lát thì ra, còn học-sinh bản-xứ thì không được hưởng cái lệ đặc-biệt ấy.

Ông giáo dạy Pháp-văn giảng học hay lắm. Mà ông hiền quá, có tật hai ba phút thì đằng-hắng. Học-sinh thì cứ nhại. Mình vào sau, ngồi tận dưới xa, nên nghe được chút đỉnh thôi.

Đã hai-mươi ngày dài đằng-đặc, mà không được thơ nhà cũng buồn, phải chăng, thưa anh tư ? Hồi ra đi, tính tiêu một năm chừng 3.500 quan. Chứ bây giờ phải 4.000 quan. Bãi trường, tôi phải ăn cơm ngoài ít nữa là 200 quan.

Một năm mua một bộ đồ 150 hay 180 quan, đôi giầy 5, 60 quan.

Ngày chủ-nhật, cũng không ra trường làm gì. Tôi đi chơi 12 giờ rưỡi tới 7 giờ chiều. Mua kẹo vừa đi vừa ngậm, cùng đi xem đá banh (đá bóng) hay là vào công-viên *Tête d'or*, lớn như vườn bách-thú Sài-gòn, nhưng không có thú. Trồng cây nhiều chỗ tốt đẹp. Nhất là nay đương về mùa thu, lá cây phơi vàng đất. Trên cành lần lá ấy phất-phơ theo chiều gió, thật buồn mà thật thú. Công-viên ở ngay trên bờ sông *Rhône*.

Đó có cho thuê xuồng chèo chơi, một giờ hai quan.

Bữa nay hơi lạnh. Hôm qua, gần tới không độ. Vậy mà tôi cũng đi chơi được, không hề gì. Trưa đến cũng nắng, nhưng không bớt lạnh bao nhiêu.

Trong trường có nhà riêng tập thể-thao, có dây leo, có ngựa gỗ để nhảy. Còn ngoài sân, cũng có chỗ để nhảy. Giờ nào tôi lạnh nhiều thì ra nhảy một hồi. Nhảy cao, không lấy trớn, tôi chưa quen, rán nhảy mấy cái đau gân bụng quá. Đau cho đến đỗi nhảy mũi cũng đau, mà nay đã bớt rồi.

Lyon, ngày 30-11-24

Nhân rảnh, viết một hai câu chuyện cho anh xem giải buồn.

Trời lúc này lạnh, theo người minh kể nhiều cũng phải mà có mấy học-sinh Pháp cũng run-rét như mình. Tôi chưa run, nhưng hai tai tê buốt hơi đau ; hai tay cho vào túi quần cũng dễ chịu, còn mấy ngón chân cũng ê.

Một hôm, đi lên phòng khoa-học, trông xuống thấy máng xối từng dưới nước đặc nửa máng. Cái lạnh đó, anh đừng lo, vì tuy lạnh mà tôi không sao. Dầu có xuống 4,5 độ nữa cũng vô-ngại. Nhưng nếu có lạnh quá, xin vào lớp ngồi thì ấm.

Lẽ trời cũng thừa-trừ. Hễ lạnh nhiều chừng nào thì ăn nhiều chừng nấy. Lúc này, tôi uống một lần đến hai chén

cà-phê, độ chén uống trà Huế ở nhà. Bữa ăn nào cũng rồi sau thiên-hạ!

Xà-lách (*salade*) bên này ăn ngon hơn bên mình. Ăn không với dầu dấm, chớ không ăn lẫn với thịt, vì vị nó hơi ngọt như cồ-hũ dừa. Trái *melon* bên này ngọt và gắt hơn dưa gang xứ mình ăn chấm đường. Thật là một món lạ. Còn nho tươi, ăn cũng ngon. Ba quan một ki-lô.

Tôi học cũng thường. Bài-vở không chút nào khó mà không hơn được các bạn học Pháp.

Hôm nay muốn viết thơ cho đường-đệ Nguyễn Văn-Phồ mà không biết ở đâu. Tôi gửi liều một bức thơ lên *Courbevoie* (tỉnh *Seine*). May thơ tới, và có thơ trả lời. Tôi được thơ ấy mừng lắm, vì còn có chút bà con ở xứ người

Từ hôm qua đây tới nay, tôi làm có một bài luận Pháp-văn. Bài đó là bài thi. Bài thứ nhất, mà lại bài thi, được 3 1/20. Đứng thứ 26. Ông thầy phê: Trò này biết dùng tiếng Pháp, nhưng chưa được thạo. Viết chữ trúng-cách.

Ông nói: trò viết chữ thật trúng-cách (*orthographe très correcte*), ở đây như thế cũng ít có.

Qua đây tôi ăn mặc không muốn phô-trương chút nào.

Anh cũng dự biết rằng ngựa Hồ chim Việt xa-xôi, nhớ quê bà dễ an vui được nào!

Lyon, ngày 16-12

Hai tháng nay tôi không được thơ nhà. Học tiếng Anh, có học bài riêng, nên lúc này hơi tấn-tới.

Cách dạy ở đây so với trường Sài-gòn, tôi xem không khác gì mấy. Đi xa đường mà như thế này thời cũng tiếc đó thay!

Có khi giờ chơi, tôi đi một mình. Hay là nói chuyện với một bạn học An-Nam học lớp ba, người nguyên-quán tỉnh Bến-tre. Có một người học-sinh An-Nam học lớp tôi, mà nay đã học lớp để dự-bị thi trường kỹ-sư *Ecole centrale*.

Có hai người Ai-cập và một người Hi-lạp cũng vui tính và cũng hay đàm-đạo với tôi. Nhưng trái lại, có nhiều bạn học kỳ quá. Trong lớp thiếu viết họ mượn mình, thiếu giấy họ mượn mình, mà mình đi rủi đụng họ, thì trở mặt toan «chiến» ngay.

Về môn thể-thao tôi không được tiến lắm. Các người chơi banh (*foot-ball*) thường là cao lớn lắm. Hình vẽ ở các tập quảng-cáo không phải là giả-dối hết cả đâu.

Toán-pháp được hạng 5, văn-học-sử hạng 12, còn Pháp-văn hạng trót. Cái giấy nhà trường gửi về, anh nên giữ kỹ.

Lyon, ngày 7-1-25

Sớm mai này được ba cái thơ bên nhà. Buồn mà vui. Vui là từ đây đã được thơ nhà. Buồn vì tự biết lỗi mình mà buồn.

Cách học: chữ Pháp một tuần 4 giờ. Hai giờ sớm mai thứ hai và thứ tư. Giờ đầu trả bài: 15 câu thi về CORNEILLE (sách *Polyencte*). Ai thuộc đưa tay lên rồi đứng dậy đọc. Chừng ông thầy nhắm là vừa rồi thì không đọn nữa. Cho bài mới, cắt nghĩa. Như còn dư giờ, thì cắt nghĩa thêm một đoạn nữa. Giờ sau trả bài tản-văn. Đương lúc này học sách LA BRUYÈRE Một lần học chừng 15 hàng hay 10 hàng. Mới biết sách của LA BRUYÈRE là khó học. Câu văn không trôi chảy. Nói đi nói lại, chuyện này chuyện kia lẫn lộn với nhau.

Thứ bảy trót hai giờ chiều dọn bài Văn-học-sử. Bài này cho dài lắm. Mỗi lần học cả sự-tích một nhà văn về thế-kỷ thứ 16: MAROT, RONSART, MONTAIGNE. Mỗi lần dọn chừng một trò thôi. Giờ sau thì ông thầy trả lại bài luận Pháp-văn. Đương lúc này học *analyse littéraire*, *narration*.

***

Nhà ga hỏa-xa lớn lắm. Bán giấy nhiều chỗ. Chỗ thì bán giấy mấy ga chữ A, B, C, chỗ thì bán giấy chữ D, E, F, v. v.. Còn chỗ bán giấy hành-lý thì riêng nữa.

Đồ hành-lý cứ đưa vào đó, có khi nó đến trước mình. Có chỗ gửi đồ, gọi là *Consigne*. Mình có đồ vặt gửi vào đó, lấy biên-lai, mình đi dông đi dài khỏi bận-bịu chi hết. Xe nào cũng có số hiệu. Đi xe nào phải ra thềm nào. Mà không được chạy ngang qua đường rày. Vì nhiều thềm ở giữa khoảng hai đường rày. Có đường đi dưới đất. Mình thấy Sài-gòn Chợ-lớn đã cho là náo-nhiệt, qua đây mới ghê. Người bán giấy có phiên, làm đúng mấy giờ thì được nghỉ, vì xe lửa chạy luôn không biết mấy chuyến. Xe nhiều thứ: *omnibus*, ga nào cũng ghé, *Express*, chạy mau có ba hạng chỗ ngồi, không ghé mấy ga nhỏ. *Rapide*, một hạng và xe có giường nằm, ghé 3,4 ga mà thôi. Xe chở đồ dài lắm, chở rượu thùng, chở bò. . .

Đường rày có đường đề đi, lại có đường đề về. Trên xe mỗi phòng có chỗ đề kêu cứu-cấp khi nguy-hiểm.

***

Tiệm may, phòng thử đồ có kính bốn phía.

Chỗ chơi ngựa gỗ cũng lớn. Trẻ nhỏ đàn-ông đàn-bà cũng cưỡi ngựa gỗ hết, mà phần nhiều là người ít học-thức.

***

Anh có biết biểu-tình là gì không?

Như ông nào cầm quyền mà có làm điều gì bất-bình, thì họ hiệp đoàn nhau rồi kéo đi reo hò cùng hàng phố.

Nhà-nước tính đuổi bọn theo đạo Cơ-đốc ra khỏi nước. Có ông linh-mục Đ, chân nghị-viên, viết thơ trả lời cứng-cáp. Thơ ấy in dán cùng đường và có đăng ở các báo. Ông có lại *Lyon* diễn-thuyết nói chuyện thiệt hơn với người có đạo. Bọn học-sinh Đại-học *Lyon* đi nghe và hiệp nhau đi cùng đường, hát một bài hát đạo, rồi lại đứng trước nhà báo *P.* mà reo: Đánh đồ ông H. !

Lính muốn làm cho họ tan đi, mà họ không tuân lệnh. Bắt thì không phép, vì họ được tự-do.

— Nhiều cái lễ lạ lắm. Đến ngày lễ *Catherine*, thì cả bọn con gái có tên *Catherine* làm lễ. Mặc y-phục tốt, đội nón trắng, hiệp nhau đi ngoài đường. Ngày đó vui lắm. Thiên-hạ chật ních. Con đường « Dân-quốc », vào đó mình không cần đi, mình đứng, họ lấn cũng phải đi tới.

Ngày *Noël* và đầu năm, các tiệm trưng đồ tốt lắm. Nhiều cách rao hàng cũng lạ. Nhà hàng kia trưng ngoài tủ kính một cái máy dệt áo thung nỉ của bác-sĩ Mỗ. Máy cho chạy, ai cũng đứng lại xem. Một chỗ khác bày cảnh đáy biển, có tàu lặn, thợ lặn, có cá. Động-cơ toàn là máy điện.

Chỗ thì rao: ai mua trên 15 quan, sẽ lĩnh thưởng quyền số hiệu Mỗ. Chỗ thì rao: ai mua 45 quan, sẽ lĩnh thưởng cái ví tiền hiệu X. Mọi cách khôn-khéo trong nghề buôn, mình còn kém họ xa lắm.

Ở đây, có một tiệm cơm Tàu. Đồ ăn ngon, nhưng nửa Tàu nửa Tây. Ăn ba món, 2 ve rượu, 5 người 67 quan. Cũng không đắt lắm. Ăn tháng 4 quan. Chỗ tôi ăn 3 quan 6 tiền. Rẻ hơn 5 chiêm, cũng là đỡ lắm. Vì nhiều khi không có 5 chiêm mua tem gửi thơ.

Lễ *Noël*, anh Kh. xin cho tôi ra. Anh mua gà 23 quan, nặng hơn 1 ki-lô, gạo, bột bánh, quít rượu. Bữa chiều ấy, ăn qua-loa rồi làm gà. Nội chỗ bàn rửa mặt lúm-khúm mà cũng xong hết, vì gà bên này nhổ lông sẵn, còn móc ruột thôi. Chia hai ra: nửa chiên, nửa xé phay. Chiên xong, thì nấu cháo. Lúc này hết lửa ngọn, còn than, bắc lên đó. Đi nhà thờ xem lễ, về thì cháo nhừ,

ngon lắm. Bày đồ ra, chụp ảnh rồi mới ăn. Tôi cũng mới biết chụp ảnh lối này là một. Máy mở sẵn. Treo gói *Magnésium* trên cao, ở phía sau cái máy, có dán một miếng giấy dài. Ngồi yên rồi, tắt đèn. Một người cầm ống quẹt (diêm) lại đốt miếng giấy cho mau và chạy về chỗ ngồi. Giấy cháy lần lên cái gói, thì phựt ra một cái sáng, đủ lấy hình.

Trong hình này, anh Kh. đi đốt giấy rồi chạy về mà hình tốt quá.

Ngày 9-2-25

Bài thơ nhớ nhà của ông Nguyễn Ngọc-Ẩn có câu :

Nhớ tới nhà ta khuất lá dừa,

hay lắm. Nói như thế thực đúng, vì đọc lên ai cũng thấy trong trí cảnh nhà của mình. Còn đến câu :

Nhớ biền bần rạch ngọn đong đưa.

cũng lại đúng nữa.

Câu văn như thế khiến cho ta thấy được vẻ hoạt-động trong phong-cảnh.

Ông T., em ông K., ít nói và biết dùng thì-giờ lắm. Không một phút nào ông ở không. Không bài thì sách, không thì nhật-báo thơ-từ, sổ nhật-ký, chăm việc lắm.

Ít nói tới ai và cũng ít chịu ai nói tới. Người phấn-chấn, chắc-chắn. Tôi thường gửi tiền ông cất, và anh B. cũng vậy.

Người gác cửa bên này rành-rẻ lắm. Quần áo, bâu, cà-vạt tử tế. Tưởng có một mình quan Đốc-học được sai-khiến mà thôi. Và có bồi phụ để đi gọi học-sinh ra nhà khách. Có nhà ở, tuy nhỏ mà cũng tiện lắm. Ba ông phó đốc-học (1 *censeur*, 2 *surveillants généraux*) bên này cực lắm. Ba ông đó thay phiên nhau coi chừng mấy việc như sau :

Học trò vào nhà ăn rồi thì một ông đảo xem mấy bàn. Coi học-trò có ăn được không hay là coi chừng dỡn cũng không biết. Sắp hàng vào lớp làm bài, một ông đứng ngoài sân dòm chừng. Lên nhà ngủ rồi một lát có một ông lên đảo qua. Sáng thức dậy, có một ông đi đảo, có lẽ sợ thầy giám-thị gọi học-trò dậy không hết. Thầy giám-thị có bọn dân canh đêm gọi dậy trước 15 phút, rửa mặt thay đồ sẵn. Đợi rung chuông thì kêu học-trò.

Ông Đốc-học và các ông phó đều có phòng giấy riêng và có phòng cho khách ngồi đợi. Phận-sự của mấy ông đều chia nhau làm.

Tính người Pháp có chỗ tốt lắm. Như bán nhật-báo, để báo đó và một cái lon. Ai lấy tờ báo thì bỏ xu vào, cửa kính đóng mà không có ai ở trong hết.

Đường La Rê (*République*, Dân-quốc) có người đàn-bà Tàu bó chân bán lạch-cạch.

Anh cho tôi một quyển *Le Roman de Melle Lys*, tôi muốn cho ông thầy dạy tiếng Anh làm kỷ-niệm.

25-2-25

Hôm qua là « *Mardi gras* ». Mình thuở nay không biết, nay mới rõ ngày đó là lễ ăn cho nhiều đặng vào tuần chay (*carême*). Lễ ấy họ đi ngoài đường, la hát, tục kêu là *Carnaval*.

Hôm trước, có tuyết sa chừng hai ngày. Tuyết như nước đá bào vậy, nhuyễn lắm và thật trắng, nhẹ, bay như bông gòn, tốt lắm. Có tuyết cũng không lạnh gì, có bữa không tuyết mà còn lạnh hơn

14-3-25

Cả tuần-lễ nay, thời-tiết thay đổi luôn. Tuyết sa, khi lạnh, mà đã tháng ba rồi. Ai cũng bỡ-ngỡ. Cũng không hề chi, nhưng lên ngủ thì hơi khó chịu. Lúc này đã mãn-hạn đốt lò sưởi. Hầu khắp học-sinh đều « sổ mũi », tôi cũng vậy. Tôi hơi ho, nhưng không nặng gì.

Ngày 23-4.

Có bọn hát xiếc (*cirque*) tên là *Vogue*. Họ có chụp hình, mà cái máy khác thường. Ban đêm thì thắp đèn điện. Thế họ chụp không có kính. Từ hồi chụp tới lấy hình (còn ướt) không đầy 10 phút. Thấy vậy nên tôi chụp gởi về luôn thể. Đồ tôi mặc đó, may ở *Marseille*, hồi sắp-sửa lên *Lyon*. Bộ đồ may 24 giờ. Cũng lạ : may bộ đồ 24 giờ, chụp cái hình 10 phút.

— Bãi trường kỳ này, tôi tính ở tại « Nhà học-sinh » (*Maison des Etudiants*), phòng 65 quan 1 tháng, có nước dùng. Bãi trường nóng nực, ở dưới chợ tốn tiền tắm nhiều lắm. Cứ mỗi lần 1 quan năm. Ít nữa một ngày phải tắm một lần.

Thứ năm, thứ bảy đi vào công-viên *Tête d'or* chèo thuyền. Trong có cái hồ lớn, có cù-lao, có đường nước đi quanh-co rồi cũng trở lại hồ. Ở đó chèo thuyền chơi thú lắm. Cây xanh nước lặng, thoảng qua cơn gió nhẹ.

Hôm lễ tháng tư, cả bọn An-Nam 9 người, vô đó mướn ba chiếc thuyền. Đem theo thịt luộc, mắm sống, (nước mắm đi nửa đường làm bể), bánh mì, cải xanh, trứng gà, thịt dùi muối, thịt bò, cam, muối ớt, tiêu. Vô trước 6 giờ rưỡi, chỗ mướn thuyền chưa đến giờ mở cửa, nên chọi cá ăn su. Mình không từng chèo theo tây, vô chèo lôi-thôi lắm. Lại mình không mạnh, không gọn, dần dần quen cũng dễ chịu.

Chèo thay đổi tới 9 giờ. Ba chiếc thuyền cột liền nhau ở giữa hồ, ăn uống vui-vẻ lắm. Có nắng mới lại vui nhiều, vì từ khi qua đây đến giờ ít có được nắng. Trưa về cậu nào cậu nấy oải hết.

Nói chuyện nắng, mới nhớ lại trời xuân. Xuân sang cũng đã hơn 15 ngày rồi. Theo sách thì phải kể từ 21 tháng 3. Chớ trời thiệt hết lạnh thì từ lối đầu tháng tư. Lúc này cây trổ lộc, ra lá đều cả. Lá mới chỗi vàng mởn như đợt chuối. Cảnh như thế mà có mặt trời buổi sớm lại càng đẹp lắm. Thực không còn gì vui đẹp hơn mùa xuân bên này. Không lạnh. Tôi đã bỏ áo thụng, áo nỉ dài. Không nực lắm, duy buổi trưa cũng khí hấp. Như bên mình lúc sớm mới 5 giờ tới 7 giờ vậy. Bên mình 7 giờ rưỡi đã nóng rồi. Bên này mát-mẻ dễ học lắm. Nhưng lại sợ qua hè. Bọn An-Nam nói về mùa hè nóng hơn bên mình. Nhưng cũng không lo lắm, vì học có một tháng thôi (tháng sáu). Chừng tựu lại thì đã sang thu rồi. Bãi trường, mình ở phòng mình thong-thả, mặc áo An Nam cũng không khó chịu gì. Thử sánh với mấy người nghèo gặt lúa bên ta lối tháng giêng tháng hai mặc đồ đen giữa trời nắng chang-chang, một chĩnh nước xách theo là đủ rồi, thì mình còn sướng hơn họ vạn-bội.

Qua đây rồi mới thấy việc trong sách nói là chẳng sai. Thuở nọ như ông thầy địa-dư cắt nghĩa rằng tháng nào ngày dài, tháng nào ngày vắn bởi trái đất xoay thế này thế khác, vân-vân, mấy khi mà mình nghĩ đến. Qua đây mới thấy rõ-ràng. Như hôm còn trong mùa xuân, sớm mai thức dậy 5 giờ rưỡi còn tối mò. Chiều 4 giờ đã mờ-mờ. Lối giữa mùa đông 4 giờ đã chạng-vạng. Có lúc lối 4 giờ rưỡi dưới sân đã bật đèn.

Còn lúc này thức dậy thì đã sáng trắng. Đó là 5 giờ rưỡi kể như 4 giờ rưỡi, vì lấy giờ mùa hè. Chiều 7 giờ còn thấy đường.

Như bên này mới nói được :

Tháng năm chưa nằm đã sáng,
Tháng mười chưa cười đã tối.

Chớ bên mình trong mấy mùa ấy ngày đêm không khác nhau bao nhiêu.

Anh có dặn đừng ở xa thành-phố, sợ kẻ gian-phi. Thiệt có như lời. Bên này bọn ấy hung lắm. Ngày chủ-nhật, chúng nó thường tụ-tập lại ở dưới chỗ chơi ngựa gỗ, chọc con gái, phá đàn bà. Cô nào lôi-thôi thì nó rở mặt.

Cũng vì bọn du-côn làm như thế mà chủ-nhật người sang-trọng, có tư-cách ít đi chơi lắm.

ngày 4-5-25.

Lúc này tuyển-cử nghị-viên ở Hạ-nghị-viện. Ông HERRIOT đắc-cử ở quận thứ nhất. Nhiều chỗ phải cử lại.

Mấy cậu học-sinh ở ngoài sáng nào cũng đem nhật-báo vô. Mấy cậu ở trong bấy giờ mới cãi-cọ. Trong trường tuy nhỏ, nhưng cũng khoe khoang bè này đảng nọ. Mình đứng yên, có nhiều cậu hỏi : Anh ưa phe nào ? Tôi trả lời : Tôi theo đảng quốc-gia thuộc-địa. Họ không hiểu, rồi cũng thôi.

ngày 31-5.

Lúc đương viết thơ này, ngoài cây cối xanh tươi, bóng nắng ấm-áp, cảnh trời vui-vẻ ma lòng người không vui. Nghĩ : vui sao được. Ai nấy mong đến ngày lễ lòng hớn-hở ra gặp mẹ cha, còn mình thì thần-thơ hiu-quạnh một mình. Có gặp ông nghị-viên H. K. L. ở Trà-vinh và bửu-quyến. Mấy bà ăn vận quốc-phục. Mẹ ở nhà cũng ăn vận như thế.

Thôn *Chaponost*, tỉnh *Rhône*,

ngày 6-8-25.

Y như lời em đã hứa, em ra ở *Lyon* mướn phòng ăn cơm quán mà xem lại thì cũng bất-tiện quá. Ăn uống tiện-tằn thì cực mà rút cuộc tiêu mỗi tháng cũng đến 450 quan. Phần mùa hè nóng nực nên mệt lắm. Nay em đã vô đồng ở. Nhà em ở có thể gọi là nhà dẫy được. Chủ nhà có ba mẹ con thôi. Bà mẹ trên 50, còn mạnh khỏe. Một người con trai lớn trên 20, ăn học đủ nói chuyện. Một người con gái hơn 10 tuổi, mới đậu sơ học kỳ này về hạng ưu. Đã được phần thưởng rồi. Thuở người cha còn thì làm chủ một nhà hàng ở *Lyon*. Bây giờ mua nhà này ở, có một con ngựa, một con bò sữa. Đất cho mướn. Chung quanh nhà có cây trái nhiều. Người con trai đi chở cỏ khô, cuốc đất. Người mẹ cũng lo việc nhà tối ngày.

Nhà có ba phòng trống cho mướn : 5 cái giường, 7 người ở, họ đòi một tháng 400 quan.

Ở đây cũng tiện. Nhà ở giữa đồng, trên nồng đất (bên Tây đồng ít có bằng trang như bên mình).

Có bữa có gió như ở Kim-dữ, Hà-tiên, còn thường cũng không thấy nực. Cực có món nước phải bơm (*pomper*). Còn nước giặt ở suối có khi chảy tới có khi không. Đây được có món này sướng nhất là trái cây : mua rẻ mà lại được trái ngon. Nhiều thứ : Lê, táo, đào, mơ. Trái bên này thua trái bên ta xa lắm. Sẵn rẻ nên ăn nhiều. Như thế còn khá hơn ở *Lyon*, đi ăn hàng uống rượu thêm sinh bệnh-hoạn. Còn ăn uống cũng cực một chút, cực là mình phải nấu lấy mà ăn, và phải dọn. 7 người mỗi ngày thường phải 45 quan tiền chợ và 5 quan bánh mì (3 ki-lô).

Đi chợ phải thay đổi món luôn, không thì ăn thiếu.

Thịt bò mắc lắm, thứ mềm 14 quan hay 15 quan. Bò con 16 quan. Thịt heo cũng giá đó. Vì ở làng nhỏ nên thịt heo không có thường.

Bọn anh em tôi đây ai cũng không siêng cả, nên một ngày tới tối cứ sanh nạnh nhau.

Mình đi chợ, thì dân làng hay ngó là lẽ tự-nhiên. Chợ nghĩa là đi mua ăn chớ đừng tưởng là có họp lại một nơi nào. Chỗ nào Tây kêu là « *village* », thì có tiệm thịt, tiệm bánh mì, mình ra đó đi mua, chớ chẳng phải có nhà lồng (nhà chợ) như trong làng bên ta. Bên tây chắc ít có nhà chợ lắm. Cái chợ ở *Lyon* lớn như chợ Quản-tập (Tân-an). Người bán tánh dễ-dàng lắm. Mua thịt rồi, mượn họ bầm hay xắt miếng nhỏ, họ cũng làm cả. Gà có làm sẵn thì mua, không thì nói với họ làm giùm, thui lông tử-tế. Làng đây tuy nhỏ, chợ có

nhà hàng, có nhà điện-tín, có tiệm hớt tóc. Từ nhà tới làng hai nghìn thước, đường đi lên xuống dốc luôn, nên đi mệt lắm. Phần sáng sớm dậy là đi, chưa được ăn lót lòng nên bải-hoải. Tới làng mới uống cà-phê. Tôi về bọn nấu ăn mà cũng hay rán theo mấy người đi chợ.

Đây nhiều cái thú-vị. Cảnh chiều, trời êm ái giống Hà-tiên vì chung-quanh có đất liền. Nhưng cũng chưa được giống lắm, vì có non mà không có nước. Trưa ngủ, trời hơi nắng, yên lặng cả, có tiếng gà cục-tác giống Tân-trụ không khác một chút nào. Có khi úp tai xuống gối nghe tiếng bơm nước giống như tiếng giã gạo.

Cảnh này thực rõ ra cảnh bãi trường của ta khi nhỏ lắm.

Đi chợ, mang bâu áo *Danton*, không cà-vạt, không gài nút, không áo *gilet*, mang giầy bố có khi không mang tất, cầm gậy. Lúc đi thì chuyện dỡn vui cười.

Vườn bên này đều có rào cả. Phần nhiều lại có vách tường đá. Mà cành trái, có lẽ biết cái gian-ý của mình, lại là-là ra ngoài. Giống cây trông không được mạnh tốt mà trái đầy đặc cả. Người Pháp trồng món gì cũng có hàng ngũ nên trên nhà ngó xuống triền núi xem mấy miếng vườn, miếng xiên miếng xéo, mà đâu đó sắt lẻm như vườn rau cải của người Tàu gần đường hỏa-xa Phú-lâm (tỉnh Chợ-lớn).

Bấy lâu về nhà tới bữa ăn đòi món này món nọ, bây giờ mới biết cực. Xem lại, bọn này cũng là « công-tử » và là « anh-hùng lỡ vận ».

18-7-28

Tôi ở đậu nhà một người kia, học-sinh không ra học-sinh, mà thư-ký không ra thư-ký. Bí-mật khác thường; nhưng vì cái nghèo nên bạ đâu đeo đó.

Ở nhà tầng trót hết, ngay dưới mái ngói. Nhà chật cho đến đồi bàn, ghế, giường, tủ, dùng những đồ-đạc họ làm theo khuôn khổ cái nhà, chở đồ mua có khi đem lên thang lầu không được. Đèn thắp dầu lửa. Lúc trước, tôi đi làm hãng đèn điện, đi vẽ lại họa-đồ máy-móc của các kỹ-sư đã vẽ rồi. Một tháng 595 quan. Trước khi đi làm phải mua một hộp đồ-lề 190 quan. Có đi làm rồi mới biết rằng kiếm tiền là khó. Thằng thét một ngày 8 giờ, khom lưng giương mắt mệt quá. Thế mà có cơm ăn, chẳng hơn ở không mà phải ăn cháo trắng với đường.

Nay nóng-nực quá. Có khi trong sở tới 33 độ. Làm việc nhiều sợ bệnh lại càng thêm bại.

Lúc này tuy chưa ai nói, chớ tôi cũng ra mặt bồi bếp. Có ba người lại nhà tôi ăn cơm. Mỗi người một ngày 10 quan. Đi chợ, nấu ăn, dọn rửa một tay tôi. Cái lời ra là phần tôi ăn trong đó. Tôi dạy một hai người học-sinh nhỏ tuổi (lớp 3, lớp 4 trung-học) học tiếng Nam, tiếng Pháp và toán. Lúc trước tôi có dạy một cô chuyên nghề trồng và sửa răng. Dạy tiếng Nam, một giờ 15 quan.

Tôi muốn vay vài mươi nghìn quan của hội cựu học-sinh trường *Chasseloup Laubat*, ở Sài-gòn, không biết được không ?

Gác Thượng-phong (*ở Lyon*),

ngày 15-11-1928.

Anh yêu dấu,

Anh dễ thường mà cũng vào đảng với các người phiền em hay sao ? Nếu không thì em không hiểu vì sao đã lâu quá anh không có thơ-từ chi cho em hết. Dầu thế nào, trong hai chúng ta, cũng phải có một người nhớ đến một người, nên nay em định nói cho anh biết cái tình-thế nguy-bách của em bên này. Chỉ biết có nói mà thôi, vì như trên đó, còn việc nói ra chưa biết có hay-ho gì không.

Có người bạn, thật là người bạn đáng tin-yêu, đùm-bọc lấy và cố khuyên em học tiếp, nếu không thì em đã rời khỏi *Lyon* lâu rồi. Nay em đang yên trí học lại lớp khoa-học (*P.C.N.*), học hăng-hái, vui-vẻ, quả-quyết hơn xưa. Nghèo có được cái hay này, là khiến cho mình biết cái giá-trị cao-quí của thời-giờ và tiền bạc. Chúng tôi ở cái phòng nhỏ, giữa trung-tâm thành *Lyon*, kề bên trường Đại-học. Phòng nhỏ ấy có lẽ anh cũng định được là nó ở cao lắm, từng lầu thứ 6 đấy, nên em gọi là gác Thượng-phong vậy. Một tháng, tiền thuê 45 quan. Việc nấu nướng là tự chúng tôi liệu-lý.

Mỗi tháng tiêu 650 quan, kể về tiền đốt than, (một tháng đốt 150 ki-lô than, giá 16 quan 50 ki-lô), tiền ăn điểm-tâm, và ăn cháo thịt mấy hôm thức khuya để bàn về Văn-học-sử nước nhà cùng nhắc lại các việc ở thời-kỳ còn nhỏ dại. Ăn tiêu như thế, mỗi tháng 1000 quan vừa đủ. Nói vừa đủ là vì nhiều cái thói quen cũ ác-nghiệt không dứt bỏ được : xem chớp bóng, xem diễn trò, nghe diễn-thuyết, xem đánh võ, ngồi quán cà-phê. Nếu được 200, 300 hơn ra, có lẽ sung-sướng hơn nhiều. Nói thế không phải để anh động lòng và xin tiền đâu. Ngày kia, đời nó kết-cục một cách gian-khổ thế nào, lòng thương anh, em không hề dời bỏ được.

Khi ở Gia-định, cha nhảy lên xe lửa, sắp bị tai-họa, thì anh em ta cùng trông thấy ở Tân-trụ, ngày bãi trường sắp hết, thì anh em ta cùng rầu-rầu. Khi gặp-gỡ ở Sóc-trang, thì anh em ta cùng tỏ tình thân-ái. Lại nhờ anh mà em mới biết yêu-quí tiếng nước nhà. Tình yêu-quí này lại cùng với tuổi em cùng lớn.

Bezons (tỉnh *Seine et Oise*),
ngày 9-4-1929.

Ở *Lyon*, đi làm việc cũng khó nỗi, vả lại cũng khó coi, nên mỗi ngày đều mua báo *Intransigeant* là một tờ báo lớn ở *Paris*. Coi về mục « thuê người làm ». Coi việc nào làm được, thì mình viết thơ. Một cái thơ gởi đi tốn thêm con tem cho họ trả lời. Viết đâu cũng dư 20 cái mới được 2 cái trả lời cho chỗ. Em lựa chỗ này vì họ trả tiền xe lên đây. Được thơ, lật-đật bán vài cái áo được gần 700 quan, vì lên trên ấy ở nhà hàng thì trả tiền trước, còn thêm tiền ăn, cuối tháng mới lãnh lương (1 tháng 1.000 quan). Làm thử 2 tháng, như chạy việc thì họ mướn luôn và sẽ cho ăn lên.

Có bữa ăn bánh mì, chút thịt nguội, *beurre*, 1 trái *pomme*. Nửa đêm giật mình thức dậy, nằm trốt hai giờ ngủ lại không được, không hiểu tại sao. Ngày hôm sau mới biết là tại ăn thiếu. Lúc mới vô thì tính giá hàng, có máy làm toán. Lúc này thì coi về thơ-từ, đọc thơ cho họ đánh máy viết. Hãng làm giấy gói bánh, gói phấn. Làm bán không kịp.

Để an-an rồi sẽ học luật. Có cử-nhân không lẽ đói. Đi Tây về, không có cái học Cao-đẳng thật đáng buồn lắm. Trong một vài tháng, em ra ở *Paris*. Ít buồn hơn ở đây. Tại đây buồn nhiều mà ăn uống cũng mắc, vì hàng-hóa đâu cũng tựu lại *Paris*.

Ăn cơm Tàu, tốn 6 quan, kể cả tiền cho bồi, tiền khăn ăn.

Paris, ngày 30-4-29.

Ở *Paris*, nay đã được hai tháng. Nay kiếm được chỗ ăn khá lắm. Đói lạnh một lúc. Nay ăn ngủ có chừng cũng hơi khá. Phải có tiền nhiều, ở tại châu-thành *Paris*, mỗi tối đi học thì tốt. Nghèo quá nên làm chi không được. Muốn học tiếng Anh mà chưa học được.

Năm nay, đến tháng 5 rồi mà còn lạnh.

Paris, ngày 22-7-29

Lúc này, trời nóng quá, trong mát mà đến 33 độ. Làm cho ra tiền ăn thật là gay. Nhưng lúc đương làm thì rầu

lắm, mà chiều đến rảnh việc đi hóng mát cũng lấy làm thích.

Có gặp đường-đệ Nguyễn Văn-Chưởng. Mới thi được bài viết tú-tài kỳ nhất. Không tiền nên không đi *Marseille* được để vào kỳ vấn-đáp. Cảnh nghèo nhiều cái thảm.

Paris, ngày 17-4-30

Đông hết xuân sang, mà màu trời ủ-dột, cái kiếp lưu-linh này cũng cùng một sắc với cảnh trời sầu-thảm. Hôm nọ, ông nghị-viên MOUTET xin giúp cho em vô được Đông-Pháp ngân-hàng. Tiền ít, 850 quan một tháng. Phần tiền không có ăn, nhà không có ngủ, thế nào đi làm thầy ký cho xong. Biết bao là nỗi khổ trong mấy tháng rồi. Không ngủ được, vì nhà không có, ngồi quán suốt đêm. « Có lưu-lạc mới trải mùi gian-thế, giữa trần-ai, ai rõ mặt công-hầu ! »

Cực mà vui, vì lúc nọ bình-bồng như chó sói trong rừng. Có thì ăn, không thì nhịn. Quen với bọn học-sinh Tây, trong đó có một vị học Cao-đẳng sư-phạm, văn-chương tài-tình. Tôi sẽ tặng ông ấy một bản dịch truyện *Kim-Vân-Kiều*.

Paris, ngày 21-1-31

Giấy xe, giấy tầu tôi đã lo-liệu xong rồi. Có lẽ mười ngày nữa, tôi sẽ xuống tầu, và cũng có lẽ tôi sẽ đi một lượt với bức thơ này. Muốn đi sớm hơn mà không được, vì phải nóng lạnh, dưỡng-bệnh mất nửa tháng. Kiếm không đủ tiền để sắm bộ áo mới hơn một chút, cho kẻ đón tôi ở Sài-gòn khỏi phải đau lòng.

Tân-trụ, ngày 12-3-31

Hôm nọ, có làm tiệc đáp tạ các thân-bằng. Anh L. V. T. ở Bình-định nghe tôi về có qua thăm. Có bà cô. Ông ngoại có ra ở chơi từ 12 tới 18. Lúc này ông khỏe, vui, ăn một ngày được ba chén cơm đầy. Có tôi thì mỗi bữa ăn, uống nửa ly rượu. Thường nói và nhắc lại chuyện xưa. Ông có nhắc rằng cây quít (giống quít Cần-thơ), tôi trồng năm xưa, nay về quít lại có trái kỳ nhất, trong nhà chỉ còn được một trái quả). Nói mà cười, thích lắm...

Tôi đặt xong vài bộ bố trắng rồi sẽ vô Hà-tiên..

TRỌNG-TOÀN

(*Trích-lục mấy bức gia-thư của Tùng-Hương*)

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ-HỌC SỬ NƯỚC TÀU (1)

VI

TIẾT THỨ V *Tuân-tử* 荀子

Tuân-tử tên là Huống 況, hoặc gọi là Tuân-Khanh 荀卿, hay là Tôn-Khanh 孫卿, người nước Triệu-Sinh và chết về năm nào, mỗi thuyết một khác không được đích-xác, nhưng chắc là xuất-hiện sau thầy Mạnh độ năm sáu mươi năm. Khi Tuân-tử mới 15 tuổi, sang du-học ở nước Tề. Đời vua Tương-vương rất là đắc-dụng, được làm quan Sư Phó ở nước Tề, ba lần cử lên đến chức Tế-tửu. Sau mắc tiếng gièm-pha, mới bỏ mà đi sang nước Tần, lại sang nước Sở. Tướng nước Sở là Xuân-thân-quân lấy làm trọng, dụng cho làm quan Lệnh đất Lan-lăng. Sau khi Xuân-thân-quân chết rồi, Tuân-tử cũng bị phế. Ông bèn lui về chuyên công nghiên-cứu về thánh-học, tận-lực về việc trước-tác, rồi mất ở đất Lan-lăng. Đời còn truyền lại rất nhiều sách; đầu đời Hán còn truyền có ba trăm hai-mươi-hai thiên, Lưu Hướng 劉向 san bớt đi còn có ba-mươi-hai thiên, gọi là *Tôn-Khanh tân-thư*. Trong ba-mươi-hai thiên ấy cũng có nhiều bài tạp-ký của học-trò, chứ không phải chỉ là một tay của Tuân-tử làm ra, Tự thiên *Đại-lược* trở xuống sáu thiên, cũng có lẫn lời di-ngữ của Tuân-tử, rõ-ràng còn có bút-tích ký-lục.

Học-thuyết của Tuân-tử. — Tuân-tử tuy rằng khác hết cả tư-tưởng thầy Mạnh, nhưng cũng là thuộc về dòng Nho-giáo thì không cần phải nói nữa. Xét về thống-hệ của học-thuyết họ Tuân họ Mạnh, thì trong sách *Chi-na triết-học-sử* của Cao-lại bác-sĩ đã thuyết-minh ra rõ lắm, có nói rằng : « Học-thuyết của Tuân-tử thuần là nhà Nho, vốn theo về học-phái thầy Tử-Hạ trong cửa Khổng. Duy trong cửa Khổng, tuy rằng nhiều người đắc-đạo, mà người hay truyền dõi về sau rất có tiếng thì có thầy Tăng-tử với thầy Tử-Hạ. Thầy Tăng-tử tư-chất cương-nghị chuyên-tâm nghiên-cứu về đạo-học, tức là bậc Nho quân-tử. Thầy Tử-Hạ tính-chất mẫn-tuệ, có ý làm việc gì cũng vụ-ngoại khoe danh, khuynh-hướng về đàng Nho tiểu-nhân. Tăng-tử truyền đạo-học cho thầy Tử-Tư, học trò Tử-Tư, lại truyền đến Mạnh-tử. Tử-Hạ truyền đạo-học cho Can-Tí-Tử-Cung, tự Tử-Cung truyền qua mấy đời nữa rồi đến Tuân-tử. Học-thuyết của Tăng-tử hướng về đường đạo-đức cốt trọng xét ở mình; học-phái của Tử-Hạ, chỉ trọng văn-học, thường chuộng ở bề ngoài » v. v..

Thuyết triết-học. — Họ Tuân họ Mạnh đều là phái nhà Nho, mà học-thuyết thì hoàn-toàn trái khác nhau, tức như luận về tính người, mỗi đàng kiến-giải một khác. Thầy Mạnh thì nói tính người là thiện, mà Tuân-tử thì cho tính người là ác. Thầy Mạnh cho tính là bản-thiện, nên mới lại xướng lên cái thuyết phải khuếch-sung tứ-đoan, (tứ là bốn mối đức : nhân, nghĩa, lễ, trí) ; Tuân-tử cho tính là ác, nên mới hết sức giảng-thuyết về lễ-nhạc là phải cần ; rồi hai đàng cứ theo cái phương-hướng mình mà giảng-giải cho phát-chiển cái học-thuyết ra.

Luận về tính ác. — Tuân-tử nói rằng : « Tính người ác, làm ra thiện là dối

(1) Nguyên văn của người Nhật Tam-phố-đẳng-tác ; Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra chữ Hán. Xem *N.-P.* từ số 168.

vậy ». Lại cho tính là vốn tự trời phú cho. Tính người vốn bản-nguyên tự trời, đó nguyên là cái tư-tưởng truyền-tập của Nho-giáo ; nhưng Tuân-tử giải-thích về nghĩa trời lại trái với các nhà Nho khác, các nhà Nho thì cho trời là tôn-giáo là có nhân-cách ; Tuân-tử thì cho trời vốn là tự-nhiên. Phần nhiều các nhà Nho cho những sự thiên-tai địa-biến là tự đấng hoàng-thiên thượng-đế làm ra để răn vua làm chính-sự lầm-lỗi ; Tuân-tử thì cho là cái hiện-tượng tự-nhiên không lấy gì làm lạ. Đương lúc ấy khoa-học chưa tiến-bộ mà hay biết được như thế thực là trác-kiến vậy. Lại như Tuân-tử bảo là ngụy (dối) là ý bảo người ta làm bịa ra, chứ không phải nghĩa là trá-ngụy, hư-ngụy vậy. Giải-thích về thiện với ác thì Tuân-tử nói rằng : « Thiên-hạ mà gọi là *thiện* là đường chính-lý vốn yên-ổn bình-trị ; gọi là *ác* là lối thiên-lệch hiểm-nghèo trái ngược rối loạn ; thiện với ác phân ra là như thế. » Đó là lấy cái tiêu-chuẩn thiện ác, không xét về lúc hành-vi động-cơ, mà định về lúc đã kết-quả rồi. Thế thì không phải luận về động-cơ, mà luận về kết-quả vậy. Cuối đời chiến-quốc, luân-lý cương-thường đồi-hoại hết cả, không khác gì loài cầm-thú, những sự cử-động thất-đức, họ cứ công-nhiên mà làm phô ra cả thiên-hạ. Tuân-tử mục-kích thương-tâm, nên mới khái-nhiên có cái chí cứu đời ; luận về tính ác tức là lời hô-hào phản-kháng lại thời-thế, để phát-huy cái nhiệt-thành lo nước thương đời vậy.

Cái lý-do của Tuân-tử tích-cực thuyết-minh về tính ác nói rằng : « Tính người ta sinh ra đã có lòng hiếu-lợi rồi, cứ thuận theo thế thì sinh ra tranh cướp nhau, mà mất hết cả nhũn-nhường. Sinh ra đã có ý ghen-ghét rồi, cứ thuận theo thế thì sinh ra tàn-tặc lẫn nhau, mà mất hết cả trung-tín. Sinh ra đã có cái dục về tai với mắt thì hay thích về thanh với sắc ; cứ thuận theo thế thì sinh ra dâm-loạn mà mất hết cả lễ-nghĩa văn-lý. Xem thế thì cứ theo tính người, thuận tình người, tất sinh ra tranh cướp, rồi đến phạm cả danh-phận, loạn cả luân-lý, mà thành ra bạo-ngược. » (*Tuân-tử tính ác thiên*). Loài người ta vốn có cái tính-tình lợi-kỷ, Tuân-tử xét về đó lấy làm căn-cứ, nên mới bảo người ta tính ác. Tuân-tử lại theo cách tiêu-cực mà luận về người ta sở-dĩ làm sao mà tính ác, nói rằng : « Người ta mà không theo sư-pháp, thì thiên-lệch hiểm-nghèo mà bất-chính ; không giữ lễ-nghĩa thì trái-ngược rối loạn mà bất-trị. Cổ-giả các bậc thánh-nhân xét biết người ta tính ác, thiên-lệch hiểm-độc mà bất-chính, trái-ngược rối-loạn mà bất-trị, nên mới khởi ra lễ-nghĩa, dựng ra pháp-độ, để kiểu-chính lại cái tính-tình người ta cho nó ngay, biến-hóa lại cái tính-tình người ta cho nó thuần, khiến cho đều theo về trị mà hợp về đạo. Người nào hay hóa theo sư-pháp, chứa tích văn-học, giữ lấy lễ-nghĩa, là người quân-tử ; người nào cứ phóng-túng tính-tình, thích sự dông-càn, mà trái lễ-nghĩa là kẻ tiểu-nhân. Xem thế thì tính người rõ là ác vậy. » Đó là nói đấng thánh-nhân cần phải lập ra lễ-nghĩa pháp-độ, là vì người ta tính ác vậy. Tuân-tử lại rằng : « Người ta mà muốn làm thiện cũng là vì tính ác vậy. Xem như bạc thì muốn hậu, xấu thì muốn tốt, hẹp thì muốn rộng, nghèo thì muốn giàu, hèn thì muốn sang, vì không có ở trong nên mới phải cầu ở ngoài vậy. Nếu đã giàu rồi thì không thích của nữa, đã sang rồi thời không ham thế-lực nữa, thế là trong đã có rồi không phải cầu đến ngoài. Xem thế thì người ta mà muốn làm thiện, chỉ vì là tính vốn ác vậy. » (Thiên *tính ác*).

Thầy Mạnh cho tính người là thiện. Tuân-tử nói bác lại mà rằng : « Thầy Mạnh bảo rằng người ta tính bản-thiện

thế là không phải. Tính vốn tự trời phú-bẩm cho, không thể học không thể làm được. Lễ nghĩa là tự thánh-nhân đặt ra, người ta có thể học mà hay, có thể làm mà thành được. Còn cái gì ở người ta không thể học không thể làm được thì gọi là tính; cái gì ở người ta có thể học mà hay, có thể làm mà thành được thì là ngụy, đó là phân ra tính với ngụy là vì thế. Nay tính người ta, thì mắt có thể trông thấy, tai có thể nghe tiếng. Nhưng cái sáng khả-dĩ trông thấy nó vẫn không lìa mắt; cái thông khả-dĩ nghe thấy nó vẫn không lìa tai; thế thì mắt sáng và tai thông không thể học làm được. Thầy Mạnh bảo rằng tính người ta thiện, thì là người đã mất cả bản-tính đi rồi. Nguyên người ta sinh ra mà lìa cái phôi-phác cái tư-chất đi, thì là đã mất cả bản-tính rồi. Xem thế thì tính người ta vốn ác. Gọi là tính thiện là nó không lìa cái phôi-phác cái tư-chất mà vẫn tốt thì mới phải. Nay cái phôi-phác đối với cái tốt đẹp, cái tâm-ý đối với cái tính thiện, cũng như cái sáng khả-dĩ trông thấy mà vẫn không lìa cái mắt, cái thông khả-dĩ nghe tiếng mà vẫn không lìa cái tai, cho nên mới bảo là mắt sáng mà tai thông vậy. Nay tính người ta đói thì muốn no, rét thì muốn ấm, nhọc thì muốn nghỉ, đó là cái tính người ai cũng thế. Nay đương lúc đói thấy người trưởng-giả mà không dám ăn trước, đó là cái ý kính-nhường; nhọc mà không dám nghỉ vội, đó là có ý đợi người đỡ vậy. Làm con mà nhường cha, làm em mà nhường anh, hai cái việc trên ấy đều là trái cả bản-tính mà ngược cả tình vậy; thế thì cái đạo làm con phải hiếu là theo về cái văn-lý của lễ-nghĩa vậy. Nếu thuận theo tính-tình thì không còn có nhún-nhường gì cả, nhún-nhường là trái với tính-tình. Xem thế thì tính người vốn ác vậy ».

Tuân-tử căn-cứ về luận tính ác nên mới xướng ra cái thuyết muôn người cùng một tính mà rằng: « Phàm tính người, ông Nghiêu ông Thuấn với chúa Kiệt chú Chích đều là một tính cả; người quân-tử với kẻ tiểu-nhân cũng đều một tính cả. Nay lấy những điều theo lễ nghĩa mà làm giả-dối cho là tính người ư? Thế thì ai còn qui Nghiêu Thuấn, qui người quân-tử nữa. Sở-dĩ qui Nghiêu Thuấn với người quân-tử là vì những bậc ấy hay hóa cái tính đi, hay làm ra ngụy, làm ra giả-ngụy mới sinh ra lễ nghĩa; sở-dĩ khinh chúa Kiệt, chú Chích với kẻ tiểu-nhân, là vì nó cứ theo cái tính, thuận cái tình, nó vui thích sự dông-càn, rồi thành ra tham lam tranh cướp nhau ».

Luận về giả-ngụy — Nếu người ta tính ác, thì lễ nghĩa bởi đâu mà sinh ra được? Tuân-tử rằng: « Lễ nghĩa là tự thánh-nhân giả-ngụy làm ra, chứ không phải vốn sinh ở trong tính người ta. Xem như người nặn đất mà làm các đồ vật; những khí-cụ làm ra đó là bởi tự tay người thợ giả-ngụy mà nặn ra, chứ không phải bản-tính nó như thế vậy. Người thợ đẽo gỗ mà thành ra khí-cụ, những khí-cụ ấy cũng tự tay người thợ giả-ngụy mà làm ra, chứ không phải vốn tính nó như thế. Đấng thánh-nhân tư-lự giả-ngụy mà làm ra lễ nghĩa, khởi ra pháp-độ, thế thì lễ-nghĩa pháp-độ là tự thánh-nhân tích-ngụy mà đặt ra, chứ không phải vốn sinh ở trong tính người ta vậy. Xem như mắt muốn sắc đẹp, tai muốn tiếng hay, miệng muốn mùi ngon, tâm muốn danh-lợi, thân-thể xương cốt muốn cho thỏa-thuê, đều là tính-tình người ta ai cũng thế, nó tự-nhiên cảm-động mà sinh ra, không phải làm ra mà sinh ra vậy. Còn cái gì cảm đến mà không hay thế được, tất phải đợi làm theo mới hay thế được, như thế là ngụy, ấy là cái chứng rõ tính với ngụy

khác nhau vậy. Duy ông thánh-nhân hay hóa tính mà làm ra ngụy, làm ra ngụy mới sinh ra lễ-nghĩa, sinh ra lễ-nghĩa mới chế ra pháp-độ, thế thì lễ-nghĩa pháp-độ là tự thánh-nhân làm ra vậy.» Đó là cho lễ-nghĩa bởi thánh-nhân làm ra vậy. Nhưng cho tính người ta là bản ác, cái thuyết ấy cũng không được chắc lắm. Nếu tính người ta là tuyệt-đối ác, thì dẫu thánh-nhân cũng không hay làm ra lễ-nghĩa được nữa. Duy người ta vốn có cái tính khả-dĩ theo lễ nghĩa, thánh-nhân mới nhân thế làm ra lễ-nghĩa vậy. Tuân-tử đã xướng ra cái luận tính ác, lại ám-nhận tính người ta vốn có chất thiện, chứ không phải thuần là tính ác, thế thì khác với lời luận tính ác của Hoắc-bố-sĩ.

Thuyết luân-lý. — Tuân-tử đã cho người ta vốn tính ác, thì phải cần giảng đến luân-lý. Tính người vốn ác, làm thiện là ngụy vậy. Ngụy là ý người làm bịa ra vậy. Cứ như thuyết Tuân-tử thì đạo-đức cũng là bởi người làm để chữa cái tính ác đi cho hóa ra thiện. Song bởi người làm để cho biến-hóa tính đi thì phải có tiêu chuẩn. Tuân-tử mới yết ra cái tiêu-chuẩn của đạo-đức tức là lễ-nhạc.

Luận về lễ. — Tuân-tử rất trọng lễ, có nói rằng: «Kinh *Thư* là chép về chính-sự, kinh *Thi* là trung-thanh đình chỉ, lễ là phận lớn của pháp-luật, mà là kỷ-cương cả mọi loài. Ai cũng phải nên học, học mà hay giữ được lễ, là đạo-đức cực-chí vậy.» Đó là bảo rằng lấy lễ mà kiều-chính tính-ác rất là đắc-lực. Cái tư-tưởng về lễ cũng là bởi tự Khổng-tử truyền lại chăng.

Tuân-tử thuyết-minh lễ bởi sao mà sinh ra có nói rằng: «Người ta sinh ra, đã có bụng dục; muốn mà không hay được, thì tất là phải cầu; cầu mà không có độ-lượng giới-hạn, thì tất sinh ra tranh nhau, tranh nhau thì sinh ra loạn, loạn thì đến cùng-quẫn. Đấng tiên-vương ghét sự loạn, nên mới chế ra lễ-nghĩa để phân-định, để nuôi cái bụng dục cho người, cấp cái sự cầu của người.» (*Tuân-tử lễ-nghĩa thiên*). Ôi, người ta sinh ra đã có bụng dục; bụng dục là những điều dục-vọng lợi-kỷ, tức là căn-nguyên sự ác. Nếu cứ thuận theo cái tính tự-nhiên của người ta, thì tất là làm hại sự hòa-bình trong xã-hội. Vậy nên muốn kiều-chính cái tính ác của người, phòng-ngừa cái mầm loạn trong xã-hội, nên thánh-nhân mới chế ra lễ. Tính người vốn ác, lễ cũng không thể tự-nhiên mà còn mãi được, nên thánh-nhân phải sáng-lập ra cho thành, đó là cái ý-kiến của Tuân-tử như vậy. Song bàn luận như thế thì không hợp lẽ. Không kỳ thánh-nhân hay phàm-nhân, tính đều là ác cả, thì lúc sơ-khởi lễ bởi đâu mà sinh ra, không thể nào thuyết-minh ra được. Lễ nếu không ở trong tính người ta, thì thánh-nhân không thể bịa càn mà làm ra lễ được. Nếu không có người sơ-khởi làm ra lễ, thì không lẽ nào đời nào cũng sinh-xuất một vị thánh-nhân. Thầy Mạnh cho lễ là tự trong tâm người ta vốn sẵn có, thuyết ấy có phần thỏa-đáng hơn thuyết Tuân-tử. Mục-đích của lễ, Tuân-tử giải-thích theo về ý công-lợi, cho rằng thánh-nhân chế-định ra lễ, là muốn kiều-chính lại cái tính ác của người, và duy-trì sự hòa-bình trong xã-hội. Muốn duy-trì sự hòa-bình trong xã-hội, thì mục-đích cũng chẳng ngoại những sự nuôi sống yên vui của cá-nhân, cho nên Tuân-tử rằng: «Người ta chẳng quí gì hơn sống, chẳng vui-thích gì hơn yên, sở-dĩ hay nuôi sống vui yên chẳng gì hơn lễ-nghĩa. Người ta quí sống vui yên mà bỏ mất lễ-nghĩa, thì ví như là muốn sống lâu mà tự cắt cổ đi.» Lại rằng: «Lễ là để nuôi vậy». Xem thế thì học-thuyết thầy Mạnh là luận về động-cơ mà là chủ-nghĩa trực-giác. Học-thuyết

của Tuân-tử thì trái khác hẳn, rõ là lập-cước luận về kết-quả mà là chủ-nghĩa công-lợi.

Tuân-tử lại nói rõ ra ba cái gốc rất trọng-yếu của lễ, mà rằng: « Trời đất là gốc sự sinh ; tiên-tổ là gốc tộc-loại; đấng quân-sư là gốc việc trị-an. Nếu không trời đất thì bởi đâu mà sinh ; không tổ-tiên thì bởi đâu mà ra ; không đấng quân-sư thì sao hay trị được ; ba cái gốc ấy mà mất đi, thì người không thể yên được. » Nguyên là trời đất, tổ-tiên, quân-sư, ba cái gốc ấy là cái tiêu-chuẩn để đấng thánh-nhân định ra lễ, tức là cái cơ-sở khách-quan, lễ bởi đó mà sinh ra. Ngoài cái cơ-sở khách-quan về lễ ấy, lại còn có cái cơ-sở về chủ-quan nữa. Cơ-sở về chủ-quan tức là trỏ cái tình người ở trong tính người. Nếu trong tính người vốn không có lễ, thì dẫu ông thánh cũng không thể sáng-tạo càn ra được. Vậy nên Tuân-tử lại phải nhận lễ là căn ở tính người, thuyết ấy rất phải, nhưng lại mâu-thuẫn với cái thuyết tính ác.

Tuân-tử luận về lễ đều là căn-cứ ở di-huấn của tiên-thánh cả, song những chỗ tường-thuật về trật-tự, so với lời bàn của các tiên-nho có phần hơn. Đời xưa Trung-quốc tiết-mục các lễ-nghi rất nhiều, xem như *Trung-dung* nói rằng lễ-nghi những ba trăm, uy-nghi những ba nghìn ; Tuân-tử đối với những lễ quan, hôn, táng, tế, và lúc hằng ngày việc trăm quan, đều bảo rằng phải cần đến lễ cả ; song chỉ là lý-luận về lễ, chứ chửa thuyết-minh những điều tiết-mục về lúc lên lui động-tác.

Luận về nhạc.— Xưa nay Nho-giáo vẫn lấy lễ nhạc làm cái điều cốt-tử để trị nước ; ông Khổng ông Mạnh đã từng thuật cái hiệu-dụng về nhạc tự đời Đường đời Ngu. Tuân-tử theo về dòng Nho-giáo, nên cũng thừa-nhận lễ với nhạc là cần, mà cho là điều trọng-yếu về giáo-hóa, và nói rằng : « Nhạc là vui, tình người ta phải có lúc vui ; vui thì tất phát ra thanh-âm, hình ra động-tĩnh. Mà đạo người thì thanh-âm động-tĩnh là tóm hết cả tính-tình tâm-thuật vậy. Cho nên làm người không thể chẳng vui, vui thì không thể chẳng hình, hình ra mà chẳng phải đạo, thì chẳng hay không loạn. Đấng tiên-vương ghét nó sinh loạn, nên mới chế ra thanh Nhã Tụng, để cảm-động lòng thiện người ta, khiến cho cái khí dâm-tà không bởi đâu mà sinh ra được. Vậy nên tấu nhạc ở trong tôn-miếu vua tôi trên dưới cùng nghe, thì ai là chẳng hòa kính ; tấu nhạc ở chốn khuê-môn, cha con anh em cùng nghe, thì ai là chẳng hòa-thân ; tấu nhạc ở trong chốn hương-lý tộc-trưởng, lớn nhỏ cùng nghe, thì ai là chẳng hòa-thuận, v. v. »

Thuyết chính-trị. — Tuân-tử trong thuyết chính-trị kiến-thức rất cao, không những như thầy Mạnh chỉ nói cái đạo trị-quốc bình thiên-hạ, và lại bàn đến cả cái vấn-đề căn-bản có quan-hệ đến việc tổ-chức thành-lập ra quốc-gia xã-hội.

Tổ-chức xã-hội. — Xã-hội bởi sao mà thành-lập ? Tuân-tử thì cho có ba lý-do : Một là tính-chất loài người vốn có cái tính xã-giao, trong cái chốn sinh-hoạt của loài người tự-nhiên nó sinh ra tổ-chức xã-hội. Hai là sức hoàn-cảnh, loài người nếu đều tự túng-dục, sinh ra tranh cướp nhau, thì đứng một mình không thể phòng giữ ngoại-địch nó đến đánh cướp được, vậy mới phải cần đoàn-kết với nhau. Ba là phân nghiệp phát-đạt, loài người đều có tài-năng khác nhau, một người không thể làm cả trăm nghề được, nên phải phân-nghiệp ra đều hết cái tài mình mà làm,

lại phải hiệp sức nhau để cùng giữ cho sinh-tồn, thực là rất cần, bởi thế loài người sinh-hoạt mới cần phải tổ-chức ra xã-hội.

Tổ-chức quốc-gia. — Tuân-tử lấy một là thổ-địa, hai là nhân-dân, ba là pháp-chính tổ-chức, bốn là quyền thống-trị làm cái điều yếu-tố để thành-lập ra quốc-gia. Cứ như pháp-lý-học ngày nay mà xét ra thì thực là một điều trác-kiến. Về quyền thống-trị, Tuân-tử lại có cái ý-kiến rõ ràng nói rằng: «Nhân-dân theo về một ông vua, vua tức là người có đức vậy.» Đó là nói người có đức mới có thể làm vua, nếu là con cháu sau đời vua trước mà không có đức, cũng không có cái tư-cách làm vua được. Thế là chỉ lấy đức làm cái địa-vị vua vậy. Tuân-tử lại bài-bác cái nghĩa thiện-nhượng phóng-phạt mà rằng: « Vua Nghiêu vua Thuấn đều là người có đức. Vua Nghiêu vì có đức cho nên làm đấng thiên-tử, chứ nhân-dân chẳng biết người vua Nghiêu, chỉ là phục cái đức mà thôi. Đức vua Thuấn lại không khác gì vua Nghiêu; vua Nghiêu mất đi, nối làm thiên-tử. Thế là lấy vua Thuấn thay vua Nghiêu tức là lấy đức thay đức, người tuy có Nghiêu Thuấn khác nhau, mà đức vốn không khác vậy, nên cùng làm cho nhân-dân theo về, chứ có thiện-nhượng truyền ngôi gì » Thuyết ấy cũng giống như thuyết thầy Mạnh mà kết-luận thì hơi khác vậy.

Phương-pháp chính trị. — Tuân-tử cho rằng cái nhân-cách người làm chính tức là cái trung-tâm chính-trị; bảo rằng làm chính-trị thì phải lấy thân mình làm tiêu-biểu cho thiên-hạ, lễ-nhạc hình-chính là cái đạo để làm trị-bình, thuyết ấy cũng giống như các nhà Nho khác. Lại nói rằng: « Cái đạo làm cho nước giàu, thì phải để dùng làm cho dân giàu mà chứa những của thừa lại. Tất phải lấy lễ để tiết-dụng, lấy chính để làm cho dân giàu ». Lại nói rõ ra rằng: « Làm cho dân thừa nhiều của, dân thừa nhiều của thì dân mới giàu được, dân giàu thì làm ruộng mới tốt, làm ruộng tốt thì xuất-sản ra được đến bách-bội. Người trên lấy của dân phải có phép, mà kẻ dưới tiết-dụng phải có lễ, như thế thời của như gò núi dẫu đốt đi cũng không hết, người quân-tử lo gì là không thừa. Vậy nên biết cái đạo tiết-dụng làm cho dân giàu, thì tất được cái tiếng nhân-nghĩa hiền-lương, mà cũng có của chứa giàu nhiều như gò núi vậy. Thế cho nên muốn làm cho cả thiên-hạ giàu đủ thì phải chia đất ra làm từng mẫu ruộng, cắt cỏ giồng thóc, bón ruộng cho tốt, đó là việc của kẻ nông-phu; lại phải tùy thời hết sức cho dân, chăm việc đốc-công, điều hòa trăm họ, khiến cho mọi người không được lười biếng, đó là việc những người đốc-suất vậy; lại làm cho nơi cao không bị nắng, nơi thấp không bị lụt, rét nắng điều-hòa, năm giống thóc đến thời đều chín, đó là việc cả thiên-hạ vậy; lại còn phải che-chở khắp cả, thân yêu gồm cả, tiết-chế đều cả, dẫu gặp năm thủy-hạn mất mùa, trăm họ cũng không lo đói rét, đó là việc các bậc thánh-quân hiền-tướng vậy ». Ấy là những điều tế-mục về việc chính-trị. Tuân-tử luận về chính-trị cũng chẳng khác gì thuyết thầy Mạnh. Tuân-tử có xướng ra cái thuyết tiết-dụng, thuyết kiêm-ái; nhưng tiết-dụng mà tiết-chế lấy lễ để cho rõ danh-phận, chứ không như cái phương-pháp tiêu-cực của Mặc-tử chủ-trương về việc tiết-tàng và bài-bác cả nhạc vậy. Tuân-tử bài-bác Mặc-tử mà rằng: « Cái sự của có thừa hay chẳng đủ, không phải là sự lo chung của thiên-hạ vậy, Mặc-tử chỉ vị quá lo riêng mà thôi. Cái lo chung của thiên-hạ là tại rối-loạn tổn-hại

vậy; phải biết bởi đâu mà sinh ra loạn? Ta cho rằng Mặc-tử mà bài-bác nhạc thì khiến thiên-hạ sinh ra loạn; Mặc-tử mà tiết-dụng quá thì khiến thiên-hạ sinh ra nghèo; mặc áo xấu ăn cơm thô thì sinh ra gầy còm, gầy còm thì chẳng muốn sự gì cả, dẫu thưởng nó cũng chẳng làm».

Luận về chính-danh.— Chính-danh-luận cũng là thuyết chính-trị, mà cũng là thuyết luận-lý. Luận-lý-học nước Tàu khởi tự Mặc-tử trước, rồi đến lũ Huệ-Thi, Đặng Tích, Công-Tôn Long, mới sinh lời quỉ-biện làm hỗn-loạn cả danh-thực, phong-giáo bị hại không phải là ít. Tuân-tử lấy làm lo mới biện-bác mà bảo rằng danh thực hỗn-hào, là cái nguyên-nhân làm loạn cả thiên-hạ. Nhưng cái danh vạn-vật bởi sao mà phải chế-định ra? Tuân-tử mới thuật ra những điều cốt-yếu phải định-danh, bảo rằng cái hình muôn vật nó tạp nhiều bất-nhất; cái tâm muôn người nó cũng như cái mặt đều khác nhau. Lấy cái tâm muôn dạng đối với cái danh muôn vật tạp nhiều như thế, thì danh-thực lẫn lộn cả, không thể phân-biện các vật dị-đồng như thế nào được, vậy nên loài người cần phải chế-định cái danh công-đồng ở trên xã-hội. Nhưng lấy cái gì làm căn-cứ mà chế-định ra danh được? Tuân-tử mới kể ra có ngũ-quan là tai, mắt, miệng, mũi, tứ-thể. Theo như tâm-lý-học ngày nay thì tai, mắt, miệng, mũi nó có cái thính-giác, thị-giác, vị-giác, thứu-giác; tứ-thể thì nó có cái xúc-giác, cân-giác, thống-giác, ôn-giác. Người ta muốn biết vật gì ở ngoài, biện biệt nó dị-đồng thế nào thì phải nhờ sức ngũ-quan. Loài người ta có cái ngũ-quan cảm-giác cũng đại-loại giống nhau, vậy nên cứ theo ngũ-quan để làm căn-cứ mà chế-định các danh. Lúc định-danh thì danh với thực phải nhất-trí với nhau. Muôn vật vốn không có cái danh sẵn, tự loài người ta ước-thúc mà định ra; ước-thúc định ra đó tức là cái tiêu-chuẩn chính-danh. Vậy nên định-danh thì phải có cốt-yếu, có căn-cứ, có khuôn-phép, đó là những điều đại-cương Tuân-tử luận về chính-danh.

So-sánh họ Mạnh với họ Tuân.— Mạnh-tử với Tuân-tử kể ra nhân-vật học-phong học-thuyết đem đối-chiếu với nhau rất là có thú-vị.

Một là họ Tuân họ Mạnh tính-cách khác nhau, Mạnh-tử thì quả-đoán mà giàu dũng-khí; Tuân-tử thì cương-phức mà bất-tốn. Mạnh-tử thì khoái-hoạt mà giỏi về nghị-luận; Tuân-tử thì có cái phong trầm-tư thục-khảo giỏi về suy-xét.

Hai là họ Mạnh họ Tuân học-phong khác hẳn nhau, Mạnh-tử thì chuyên công siển-minh nghĩa-lý; Tuân-tử thì khác hẳn, có điều khuynh-hướng về huấn-thích về nghĩa từng chữ. Mạnh-tử thường dùng cái luận-pháp tổng-quát; Tuân-tử thì hay phân-tích ra để nghiên-cứu. Văn-chương thầy Mạnh thì trực-tiệt giản-minh; văn-chương Tuân-tử thì tiêm-tế tinh-mật. Thầy Mạnh có cái vẻ là người nghị-luận; Tuân-tử thì có cái vẻ là kẻ học-giả, đó cũng bởi ở tính-cách như thế dư.

Ba là học-thuyết của họ Tuân họ Mạnh trái khác nhau, nay kể ra những điều cốt-yếu để đối-chiếu mà so-sánh như sau:

Một là luận về tính người thì thầy Mạnh nói tính thiện; Tuân-tử thì chủ tính ác. Một đàng thì lấy cái lòng ái-tha làm côn-đề cho tính người; một đàng thì lấy cái lòng lợi-kỷ làm côn-đề cho tính người, đều là chỉ trông về một mặt tính người mà định thiện ác. Thầy Mạnh xướng ra thuyết tính thiện,

còn cái khởi-nguyên ra ác thì cho là tại vật-dục. Tuân-tử chủ về thuyết tính ác, còn cái làm thành ra thiện thì bảo tại vì thánh-nhân giả-ngụy mà làm ra; đều là có chỗ không rõ cả.

Hai là luận về đạo-đức, thầy Mạnh thì cho tính người ta bản-thiện cần phải khuếch-sung bốn mối là nhân, nghĩa, lễ, trí, đó là bản-nghĩa đạo-đức. Tuân-tử thì cho người ta là tính ác cần phải kiều-chính, đó là đại-cương luân-lý. Thầy Mạnh trọng về đạo-đức chủ-quan là những điều nhân nghĩa lễ trí. Tuân-tử xướng lên đạo-đức khách-quan là trỏ những điều lễ nhạc hình chính. Thầy Mạnh giải-thích lễ là vốn ở trong, vốn gây ra tự bản-tính người; Tuân-tử giải-thích lễ là ở ngoài, là cái điều đấng cổ-thánh làm ra để kiều-chính bản-tính người. Tóm lại họ Tuân họ Mạnh luận về đạo-đức, thì thầy Mạnh luận về đạo-đức tự-nhiên, chủ-nghĩa lương-tâm, chủ-nghĩa tự-luật; Tuân-tử thì luận về đạo-đức người làm ra, chủ-nghĩa lễ-pháp, chủ-nghĩa tha-luật.

Họ Tuân họ Mạnh tuy rằng tính-cách khác nhau, học-phong học-thuyết cũng lại đứng về cái địa-vị trái nhau, nhưng vẫn có chỗ giống nhau. Họ Tuân họ Mạnh vốn đều theo cái tư tưởng Nho-giáo, mà bài-xích những cái không-tưởng cao xa, đều xướng lên cái thuyết đạo-đức thực-tiễn ở trong thế-gian để sửa minh trị người; vả lại đều có đại-tài, đối với thời-thế đều là nhiệt-tình khảng-khái, ôm cái chí cứu đời, mà không được thực-hành cái lý-tưởng, rồi đến suốt đời bất-đắc-dụng, đó là những chỗ giống nhau cả.

Lời phê-bình. — Tuân-tử cũng tổ-thuật theo lễ trong cửa Khổng, nhưng phản-đối thầy Mạnh mà chủ-trương về thuyết tính ác, nên các nhà Nho đời sau rất là bài-bác. Những nhà tính-lý-học đời Tống đời Minh lại càng công-kích Tuân-tử thậm-tệ, cho là trái đạo Khổng, thậm-chí coi là đạo dị-đoan, mà bài-xích ra ngoài Nho-giáo. Học-trò Tuân-tử như là Hàn Phi, Lý Tư, thì lại chuyên trọng pháp-luật, chẳng đoái gì đến đạo-đức cả; nên các nhà Nho đời sau lại càng ghét Tuân-tử lắm. Song, lấy cái cớ Tuân-tử luận về tính ác mà bài-bác họ Tuân thì thực là lầm. Thầy Mạnh chỉ xét về một mặt tính thiện, Tuân-tử bác lại mà luận về một mặt tính ác để làm côn-đề, đều không hết được toàn-thể tính người. Nếu bác Tuân-tử thì thầy Mạnh cũng nên bác.

Tuân-tử nối về dòng Nho-giáo, cái công truyền kinh cho đời sau, so với cái công thầy Mạnh bài-bác họ Dương họ Mặc để làm cho sáng đạo Khổng, cũng không kém gì; trong học-thuyết cũng có điều độc-kiến, về thuyết chính-trị thì thực là nhiều điều trác-kiến. Còn cái chỗ kém thì ở về học-thuyết cái cơ-sở triết-học còn bạc-nhược lắm, mà tư-tưởng nhiều chỗ mâu-thuẫn nhau, cũng giống như các nhà Nho khác vậy.

Nho-giáo lược-thuyết

Khổng-tử

Yếu-chỉ

1) Khổng-tử tập đại-thành phép giáo-học tự đời cổ nước Tàu, thành ra một phái Nho-giáo.
2) Khổng-tử người nước Lỗ, sinh ở đời loạn, từ thuở nhỏ đã trọng lễ-nghĩa.
3) Khổng-tử học đạo tiên-vương, không cứ thầy nào, từ một nghề một tài đều học cả.
4) Ngài đi du-lịch lấy đạo học bảo các vua, bất-đắc-dụng, mới về dạy học làm sách.

Làm sách

1) Kinh *Dịch* là sách triết-học đời cổ, Khổng-tử có làm bài *Thập-dực*.
2) Kinh *Thi*, họp những bài thi-ca chốn hương-lý, và bài nhã-tụng trong triều-đình.
3) Kinh *Thư*, là những bài Điền, Mô, Huấn, Cáo Thệ, Mệnh từ đời Đường Ngu đến đời Tần Mục.
4) *Lễ-ký*, những bài sớ-nghĩa về Châu-lễ, Nghi-lễ.
5 *Xuân-thu*, là lịch-sử 240 năm, tự đời Ẩn-công nguyên-niên đến Ai-công năm thứ 14.
6) *Luận-ngữ* là sách chép những ngôn-hành của Khổng-tử và học-trò.

Nhân-cách

1) Về phương-diện tri... rất là chăm học, vãn-niên học *Dịch* đến ba lần đứt lề.
2) Về phương-diện tình... thật là đại-hiếu mà lại giàu lòng từ-ái.
3) Về phương-diện ý... ý-chí rất mạnh, gặp nạn Hoàn Khôi, người Khuông, chẳng sợ hãi gì.
4) Là một nhân-cách tri, tình, ý rất hoàn-toàn phát-đạt

Thuyết Triết-học

Yếu-chỉ

1) Phần nhiều giảng-thuyết về đạo-đức với chính-trị, ít nói đến tôn-giáo và triết-học.
2) Tránh không bàn đến vấn-đề triết-học và tôn-giáo
3) Nhưng cũng có cái tư-tưởng về tôn-giáo và triết-học.
4) Trung-niên chỉ chuyên giảng bàn về đạo-đức với chính-trị.

Vũ-trụ-quan

1) Hệ-từ là tự Khổng-tử làm ra xét về thế-giới-quan.
2) Xét về nguyên-lý vũ-trụ thì nói thái-cực sinh âm dương, âm dương sinh muôn vật.
3) Vũ-trụ với loài người cùng là một gốc, làm người phải theo phép-tắc vũ-trụ.
4) Nguyên-lý âm dương tức là đạo, đạo trời đất là khuôn phép cho đạo người.

Tính người

1) Người vốn sẵn lòng nhân không có ác (Thuyết tính thiện).
2) Giáo-dục không có nề loài nào cả. (Do tập-quán có thể thay đổi được).
3) Bậc thượng-tri với bậc hạ-ngu không thể đổi đổi được (Tính có ba phẩm.
4) Điều thứ hai với điều thứ ba nói có mâu thuẫn nhau.

Khổng-tử

Thuyết Tôn-giáo

Tín-ngưỡng

1) Khổng-tử cũng tín-ngưỡng về trời là theo cổ-tục nước Tàu.
2) Trời là chủ tể vũ-trụ có tri-thức và ý-trí, chứ không phải hữu-hình.
3) Không những là kính mệnh trời, lúc nguy-cấp vẫn yên chắc ở mệnh trời.

Tế-tự

1) Trọng về việc tế-tự thiên-thần, địa-kỳ, nhân-quỉ.
2) Động-cơ tế-tự là luân-lý chứ không phải mê-tín.
3) Bài-xích cách tế-tự mê-tín mà trọng việc tế-tự luân-lý.

Tư-tưởng căn-bản về giáo-học

Đạo nhất-quán

1) Tư-tưởng căn-bản về giáo-học là đạo nhất-quán.
2 Đạo nhất-quán có nhiều nhà giải-thích khác nhau.
A) Thuyết Chu-tử thì cho đạo là nguyên-lý của thế-giới.
B) Thuyết Chu-tử lại cho đạo là nguyên-lý của luân-lý.
C) Thuyết Vật-Tổ-Lai thì cho đạo là nguyên-lý của chính-trị.
D) Đạo là nguyên-lý của luân-lý và cả chính-trị mới là phải.
3) Nội-dung đạo nhất-quán mỗi thuyết một khác:
A) Tăng-tử cho đạo nhất-quán là trung-thứ.
B) Chu-tử cho đạo nhất-quán là lý.
C) Qui-tĩnh-nam-minh thì cho đạo nhất-quán là «*nhất*».
D) Toàn-tổ-vọng cho đạo nhất-quán là thành.
E) Y-đằng-nhân-trai cho đạo nhất-quán là nhân.
4) Nội-dung đạo nhất-quán giải-thích chính-đáng như sau:

Đạo nhất-quán	Hình-thức.		Trung-dung
	Nội-dung	Mặt ngoài. . .	Lễ
		Mặt trong. . .	Nhân

Trung-dung

1) Tư-tưởng đạo Trung là nguyên-lý về chính-trị luân-lý tự đời Nghiêu Thuấn truyền lại.
2) Khổng-tử quan-niệm về đạo Trung, khiến bề trong hóa ra Trung-dung.
3) Trung là không quá không bất-cập, dung là trải lâu bất-dịch.
4) Trung-dung là qui-củ cho mọi đức mà làm chuẩn-tắc cho cả lễ-nghĩa chế-độ trong xã-hội.
5) Trung-dung chẳng qua là nguyên-lý về hình-thức.

Lễ

1) Lễ là phần biểu-chương cho cả chế-độ nghi-thức.
2) Khổng-tử rất trọng lễ.
3) Lễ có nhiều ý-nghĩa, Khổng-tử cho lễ là tự tiên-vương đặt ra để dạy người.

Nhân

1) Nhân là nội-dung đạo nhất-quán, Khổng-tử dạy đến điều nhân là cùng-cực.
2) Khổng-tử rất trọng nhân, không mấy khi khen ai là bậc nhân.
3) Một chữ nhân Khổng-tử dùng ra nhiều cách, đời sau mới giải-diễn khác nhau.
4) Nhân có năm nghĩa: 1) Từ-ái; 2) Lợi-trạch; 3) Trọng-hậu; 4) Trung-thứ; 5) Khắc-kỷ.
5) Từ-ái là đức nhân ở trong, là theo về nghĩa hẹp.

Khổng-tử

Thuyết luân-lý

- **Luận về lý-tưởng**
  1) Lý-tưởng đạo-đức của Khổng-tử là đạo nhất-quán, trung-dung, lễ, nhân.
  2) Nhân-cách về bậc nhân là nhân-nhân (bậc thánh) người thường không học kịp được.
  3) Nhân-cách người thường có thể học kịp được là bậc quân-tử.
- **Bản-vụ**
  1) Chia ra bản-vụ có đạo vua tôi, đạo cha con.
  2) Tư-tưởng về bản-vụ qua Tử-Tư đến Mạnh-tử mới kể ra đủ ngũ-luân.
- **Luận đức**
  1) Khổng-tử rất trọng đức nhân.
  2) Tư-tưởng ấy qua Tăng-tử, Mạnh-tử đến Đổng Trọng-Thư mới nói đủ năm đức.
  3) Khổng-tử lại nói ra ba đức là : Trí, nhân, dũng.
- **Thực-tiễn đạo-đức**
  1) Khổng-tử cốt trọng thực-tiễn mà khinh lý-luận.
  2) Khổng-tử cốt trọng thực-tiễn đạo-đức chứ không phải chỉ nghiên-cứu nguyên-lý.
  3) Thực-tiễn đạo-đức trọng nhất là đạo-đức trong gia-đình.
  4) Nết hiếu-đễ là đức tốt ở trong gia-đình.
  5) Đạo hiếu cốt phải phục-tùng, nuôi chí, sẽ can.
  6) Đạo hiếu trọng về lễ tang ba năm.
- **Cách tu-vị**
  1) Học trước phải bác-văn ước-lễ để đạt đến đạo nhân.
  2) Nghĩa là phải học rộng về văn-học mà rút lại giữ lấy điều lễ.
  3) Nếu chỉ bác-văn thì thành ra tạp-học, nếu chỉ ước-lễ thì cũng là hư-không.

Thuyết chính-trị

- **Mục-đích**
  1) Lấy đạo trị quốc, bình thiên-hạ làm mục-đích chính-trị.
  2) Chính là ngay, nghĩa là sửa lại cho ngay ngắn.
  3) Dạy bảo dân cho đạo-đức phát-đạt là mục-đích chính-trị.
- **Phương-pháp**
  1) Theo về chủ-nghĩa đức-trị, khiến cho dân đều theo về.
  2) Lấy đức trị dân thì phải trước sửa đức mình.
  3) Làm người trên hết lòng về đường chính-trị.
  4) Lấy việc sinh-sản và giáo-dục làm hai chính-sách đại-cương.

Thuyết giáo-dục

- **Mục-đích**
  1) Bậc nhân-cách cứu-cánh là người nhân, nhân-cách thực-tiễn là quân-tử.
  2) Mục-đích cứu-cánh về đường giáo-dục là dạy người cho đến bậc nhân.
  3) Bậc nhân khó học đến được, học đến bậc thứ hai là người quân-tử cũng được.
- **Phương-pháp**
  1) Bài-xích những nghề vặt và trí khôn vặt, cốt khai-phát lấy lý-tính.
  2) Tùy lời hỏi mà đáp để dạy bảo người, cốt chú-ý về cá-tính.
  3) Vì cá-tính mỗi người một khác, nên cùng một câu hỏi mà đáp khác nhau.
- **Giáo-khoa**
  1 Khổng-tử dạy học-trò chuyên theo đạo đấng tiên-vương.
  2) Sách Lục-kinh và Lục-nghệ, là giáo-khoa trong cửa Khổng
  3) Lục-kinh : *Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân-thu* ; Lục-nghệ: Lễ, Nhạc, Xạ, Ngự, Thư, Số.
  4) Khổng-tử thường dùng kinh *Thi* kinh *Thư* làm sách giáo-khoa.

- **Khổng-tử**
  - *Lời phê-bình*
    - **Triết-học**
      - 1) Sở-trường: Thế-giới-quan..... 1) Giải-thích về nguyên-lý vũ-trụ; 2) Thuyết-minh về hợp-lý vũ-trụ; 3) Luận về thiên nhân hợp-nhất. Song giải-thích về thế-giới-quan cũng chưa được rõ.
      - 2) Sở-đoản: Luận về tính người không được rõ mà lại có chỗ mâu-thuẫn.
    - **Tôn-giáo**
      - 1) Sở-trường: Vì trời là một nhân-cách có luân-lý, mà làm chủ-tể cả vũ-trụ có đủ tri-thức và ý-trí. Mệnh trời phải nên kính sợ. Bài-xích những việc cúng tế mê-tín, trọng những việc cúng tế thuộc về luân-lý.
      - 2) Sở-đoản.... Quan-niệm về trời nhiều chỗ nói không rõ.
    - **Luân-lý**
      - 1) Sở-trường:
        1) Tư-tưởng côn-bản là gây tự chủ-nghĩa lý-tưởng,
        2) Chủ-nghĩa nhân-cách.
        3) Tư-tưởng tôn-vương trọng danh-phận đại-nghĩa.
        4) Tư-tưởng thực-tiễn.
      - 2) Sở-đoản:
        1) Quan-niệm về đạo nhân, lý-luận không rõ, và không có ý triết-học cao-xa.
        2) Luận về bản-vụ, về đức cũng chưa được hoàn-toàn.
        3) Quan-niệm về nhân-cách chưa được rõ-ràng.
        4) Chỉ nói nghĩa-vụ mà không kể đến quyền-lợi.
        5) Trọng về đạo-đức cá-nhân, mà coi khinh xã-hội quốc-gia và đạo-nhân.
        6) Thiên về chủ-nghĩa trọng cổ, chỉ xét về lý-tưởng đã qua.
        7) Quá câu-nệ về hình-thức (như lễ tang ba năm).
    - **Chính-trị**
      - 1) Sở-trường:
        1) Muốn làm thực-hiện một nền quốc-gia đạo-đức.
        2) Lấy chủ-nghĩa đức-trị làm phương-pháp chính-trị.
        3) Tỏ danh-phận đại-nghĩa, bác cái tư-tưởng cách-mệnh.
      - 2) Sở-đoản:
        1) Coi thường việc kinh-tế.
        2) Coi thường những điều cốt-tử về pháp-trị.
    - **Giáo-dục**
      - 1) Sở-trường:
        1) Cốt dạy cho người hoàn-toàn lấy nhân-cách đạo-đức.
        2) Trọng về cái tính từng người, cốt dạy cho khai-phát.
      - 2) Sở-đoản:
        1) Chỉ biết trọng về đạo-đức để dạy bảo.
        2) Coi thường việc kinh-tế, việc thể-dục.
- *Học-trò của Khổng*
  - **Tứ-khoa thập-triết**
    - Đức-hạnh: Nhan-Uyên, Mẫn Tử-Khiên, Bá-Ngưu, Trọng-Cung.
    - Chính-trị: Nhiễm-Hữu, Quí-Lộ.
    - Ngôn-ngữ: Tề-Ngã, Tử-Cống.
    - Văn-học: Tử-Du, Tử-Hạ.
  - **Các học-trò**
    - . . . . . Tử-Trương, Tăng-Xâm, Hữu-Nhược, Công-Tây-Hoa.
- *Hiếu-kinh*
  - **Trước-giả**
    - 1) Ai làm ra sách Hiếu-kinh nhiều thuyết khác nhau.
    - 2) Hoặc bảo Khổng-tử làm ra, hoặc Tăng-tử hay là học-trò Tăng-tử.
    - 3) Sách Hiếu-kinh là chép những lời đức Khổng lúc rỗi bảo thầy Tăng.

Đại-học

Tư-tưởng
1) Cho đạo cha con là thiên-tính, đạo hiếu là tính cố-hữu của người.
2) Hiếu đứng đầu trăm nết.
3) Đạo hiếu có cái ý-nghĩa hình-nhi-thượng.
4) Nết hiếu : 1) Vâng lời, 2) Kính yêu, 3) Phụng-dưỡng 4) Can ngăn.

Hiếu-kinh của thầy Tăng
1) Thầy Tăng luận về hiếu là chép ở mười thiên sách Đại-đới lễ-ký.
2) Hiếu là gốc trăm nết có ý nghĩa rộng.
3) Nết hiếu : 1) Vâng lời, 2) Kính yêu, 3) Nuôi chí, 4) Sẽ can
4) Hiếu-luận của thầy Tăng so với hiếu-luận sách Hiếu-kinh đều là một.

Tên sách Đại-học
1) Tên sách *Đại-học* có nhiều thuyết khác nhau.
2) Trịnh Huyền, Tư-Mã Quang giải nghĩa Đại-học là rộng lớn.
3) Chu-tử giải nghĩa Đại-học là phép dạy người lớn.

Trước-giả
1) Không biết ai làm ra sách Đại-học.
2) Hoặc là nhà nho đời Chiến-quốc làm ra, dẫn lời thầy Tăng vào đó.

Tư-tưởng căn-bản
1) Sách *Đại-học* là thuật cái tinh-thần Nho-giáo.
2) Một câu tu-kỷ trị-nhân là hết cái tư-tưởng sách Đại-học.
3) Cái đạo-đức về nhân-cách cỗi rễ hay Nho-giáo ở cả *Đại-học*.
4) Cái tư-tưởng tu kỷ trị-nhân bày ra làm ba cương-lĩnh tám điều mục.

Ba cương-lĩnh
1) Minh minh-đức nghĩa là sáng đức mình để hóa thiên-hạ.
   - Minh-đức: Nghĩa là tu-đạo mà được cái đức sáng. (Cổ-chú) Lại nghĩa nữa là bẩm-thụ cái đức tính hư-linh của trời phú cho (Chu-chú).
2) Thân dân... sửa thân mình để hóa đến nhiều người.
   - Thân-dân: Cổ-chú giải nghĩa chữ « thân » là thân yêu. Chu-chú giải nghĩa chữ « thân » là tân, làm cho mới đức dân.
3) Chỉ chí-thiện... Ở về điều thiện cực-trí mà không rời.

Tám điều-mục
1) Cách-vật trí-tri... Thầy Chu với Dương-Minh giải nghĩa khác nhau. Thầy Chu cho nghĩa là phải do học-vấn để thêm trí-thức. Dương-Minh cho nghĩa là cốt làm cho sáng cái lương-tri tiên-thiên.
2) Thành ý chính-tâm...
3) Tu-thân tề-gia.
4) Trị-quốc bình thiên-hạ.

Ba cương-lĩnh quan-hệ với tám điều-mục
1) Ba cương-lĩnh với tám điều-mục là những việc sửa mình trị người.
2) Ba cương-lĩnh là nguyên-lý căn-bản, tám điều-mục là công-phu thực-hành.
3) Cách trí, thành, chính, tu thân là năm điều để làm cho sáng đức mình.
4) Tề-gia trị-quốc bình thiên-hạ là ba điều để thân-dân.
5) Chỉ chí-thiện là ở vào chốn rất phải.

Thầy Tử-Tư *Trung-dung*

Yếu-chỉ
1) Tử-Tư tên là Cấp, cháu đức Khổng, học thầy Tăng nối dòng Nho-giáo.
2) Sách làm ra chỉ còn truyền một sách *Trung-dung*.
3) Sách *Trung-dung* là nói cái lý-luận Nho-giáo để đối-kháng với phái Đạo-gia.
4) Thầy Chu làm ra sách *Trung-dung* chương-cú cùng với *Đại-học*, *Mạnh-tử*, *Luận-ngữ* gọi là Tứ-thư.

Thầy Tử-Tư *Trung-dung*

- *Triết-học*
  - 1) Thành
    - 1) Ý nghĩa chữ thành là chân-thực vô-vọng là côn-bản triết-học.
    - 2) Thành là đạo trời mà là gốc đạo người.
    - 3) Thành là bản-thể muôn vật.
  - 2) Luận về tính
    - 1) Mệnh trời phú cho là tính, theo tính mà làm là đạo, sửa đạo mà dạy người gọi là giáo.
    - 2) Trời là chủ-tể cả vũ-trụ, là thần sáng-tạo ra muôn vật.
    - 3) Tính là mệnh trời phú cho, theo tính mà làm là đạo.
    - 4) Người ta cần phải theo tính mà làm cho hợp đạo.
- *Luân-lý*
  - 1) Lý-tưởng
    - 1) Thành là lý-tưởng đạo-đức, chí thành là bậc thánh, cỗi trí-thành là trung hòa.
    - 2) Mừng giận thương vui chưa phát ra là trung, phát mà trúng tiết là hòa.
    - 3) Trung là gốc lớn trong thiên-hạ, hòa là đạt-đạo trong thiên-hạ.
    - 4) Trung hòa với trung-dung có quan-hệ với nhau.
    - 5) Trung-dung không phải là một đức, là nguyên-lý của đạo-đức mà làm tiêu-chuẩn cho mọi đức.
    - 6) Nguyên-lý hình-thức của đạo người tức là nguyên-lý hình-thức của đạo trời, Trung-dung là bề ngoài đạo thành.
  - 2) Cách tu-vi
    - 1) Cách tu-vi có hai cương-lĩnh : 1) Tôn đức-tính ; 2) Đạo học-vấn.
    - 2) Cách tôn đức-tính thì phải có công-phu thận-độc.
    - 3) Cách đạo học-vấn thì phải học rộng, hỏi kỹ, nghĩ chín, biện cho rõ, làm cho hết sức.
  - 3) Bản-vụ
    - 1) Năm đạt-đạo tức là bản-vụ.
    - 2) Năm đạt đạo là : vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè-bạn.
    - 3) Năm đạo luân-thường đến đây nói mới rõ đủ.
  - 4) Đức
    - 1) Ba đạt-đức : trí, nhân, dũng.
    - 2) Ngoài ba đạt-đức lại nói nhân-nghĩa, lễ, trung thứ.
    - 3) Năm đạt-đạo với ba đạt-đức quan-hệ với nhau.
- *Lời nghị-luận*
  - 1) Chính-trị
    - 1) Theo về chủ-nghĩa đức-trị.
    - 2) Kết-luận về thiên nhân hợp-nhất.
    - 3) Lấy chín đạo kinh để làm phép trị nước.
  - 2) Tôn-giáo
    - 1) Quỉ-thần thì chia thiên-quỉ, nhân-quỉ, sơn-thủy quỉ.
    - 2) Tán về đức quỉ-thần.
- *Lời phê-bình*
  - Đặc-sắc
    - 1) Luận về tính thiện, tuy không nói rõ mà vẫn nhận là tính thiện.
    - 2) Luận về động-cơ nói nguồn gốc đạo bởi tự trời mà đủ cả ở thân mình.
  - Trường Đoản
    - 1) Sở-trường... Cốt học lấy thực-tiễn mà lại căn-cứ về triết-học.
    - 2) Sở-đoản... Trên chốn tư-tưởng có chỗ mâu thuẫn nhau.
- *Yếu-chỉ*
  - 1) Thầy Mạnh học ở học-trò thầy Tử-Tư.
  - 2) Chuyên giảng thuyết đạo nhân-nghĩa.
  - 3) Gùng lũ học-trò làm ra bảy thiên sách *Mạnh-tử*.
  - 4) Là một người vĩ-nhân hoạt-động hiến thân cho thế-đạo nhân tâm.
  - 5) Là bậc quân-tử lại là một nhà chính-trị.

Mạnh-tử

- *Thuyết triết-học*
  - Luận tính thiện
    - 1) Luận về tính người có nghĩa triết-học.
    - 2) Tính người ai cũng thiện như nước chảy chỗ thấp.
      - Luận về tính thiện thì chứng-minh những sách *Dịch, Thi, Dung, Luận*
      - Chứng thực tính thiện thì căn-cứ ở tâm-lý, mà thuyết-minh tứ-đoan.
    - 3) Tính người tuy thiện mà hay mờ về vật-dục mới thành ác.
  - Những thuyết biện với Cáo-Tử
    - 1) Thuyết kỷ-liễu.
    - 2) Thuyết thoan-thủy.
    - 3) Thuyết sinh chi vị tính.
    - 4) Thuyết nhân nội nghĩa ngoại.
- *Thuyết luân-lý*
  - 1) Luận về lương-tâm
    - 1) Kết-luận tính thiện thì bảo người ta ai cũng có lương-tâm.
    - 2) Muôn lẽ đều đủ ở thân ta,
    - 3) Lấy cái lương-tâm tiên-thiên cho làm bản-tâm.
  - 2) Đức
    - 1) Nói ra nhân, nghĩa, lễ, trí bốn đức.
    - 2) Trọng nhất đức nhân-nghĩa để đối với họ Dương họ Mặc.
    - 3) Người ta ai cũng có lương-tâm, tức là nhân-nghĩa.
    - 4) Nên khuếch-sung bốn đức nhân nghĩa lễ trí.
  - 3) Cách tu-vi
    - 1) Bàn về tính thiện trước phải giữ lấy lương-tâm.
    - 2) Người ta hay bị vật-dục nó làm hại mới sinh ra ác.
    - 3) Phải nên chế vật-dục để đem lại tính thiện.
    - 4) Trước phải cầu phóng-tâm; quả-dục, giữ khí trong sạch, tri-ngôn và dưỡng-khí, khuếch-sung.
      - Cầu phóng-tâm là trừ bụng tà-niệm đi mà giữ lấy bản-tâm lại.
      - Quả-dục là bớt bụng thị-dục.
      - Giữ khí trong sạch là cốt phải cho tĩnh.
      - Tri-ngôn là bỏ bốn bệnh của lời nói là bí, dâm, tà, độn.
      - Dưỡng-khí là nuôi lấy cái khí hiệu-nhiên.
      - Khuếch-sung là suy cho rộng bốn mối nhân nghĩa lễ trí.
    - 5) Thuyết phục-tính của thầy Mạnh khác với thuyết Đạo-gia.
- *Thuyết chính-trị*
  - 1) Yếu-chỉ
    - 1) Thầy Mạnh có tính-chất nhà chính-trị.
    - 2) Luận về vương-đạo.
  - 2) Vương-đạo
    - 1) Chính-trị hoặc gọi là vương-đạo hay là nhân-chính.
    - 2) Đem lòng bất-nhẫn làm chính bất-nhẫn là vương-đạo.
    - 3) Khiến cho dân được dưỡng-sinh tống-tử yên-ổn.
    - 4) Phương-pháp hành-chính thì theo phép tỉnh-điền.
    - 5) Vương-đạo cốt khiến cho dân thành ra thói nhân-nghĩa.
  - 3) Kinh-tế
    - 1) Luận về đạo-đức với kinh-tế quan-hệ với nhau.
    - 2) Đạo-đức với kinh-tế nên điều-hòa !
    - 3) Không nên khinh thường kinh-tế mà cũng không trọng quá.

- **Mạnh-tử**
  - *Thuyết chính-trị*
    - 4) Tư-tưởng dân-chủ
      - 1) Tư-tưởng dân-chủ nước Tàu tự thầy Mạnh xướng ra trước.
      - 2) Dân là gốc nước.
      - 3) Ý trời tức là ý dân, trái ý dân thì không phải vua.
  - *Lời phê-bình*
    - 1 Đặc-sắc
      - 1) Tổ-thuật học-thuyết đức Khổng-tử.
      - 2) Những chỗ giống Khổng-tử : 1) Trọng thánh hiền đời cổ ; 2) Chính-giáo nhất chí ; 3) Cung-hành thực-tiễn.
      - 3) Phát minh học thuyết Khổng-tử như là luận về tính, về đức, về bản-vụ.
      - 4) Những chỗ khác Khổng-tử như là luận về lương-tri, lương-năng, luận về cách-mệnh, trọng về kinh-tế.
    - 2) Sở-trường
      - 1) Đạo-đức Nho-giáo đến thầy Mạnh, lại càng phát-siển thêm ra.
      - 2) Luận về động-cơ thủy-chung nhất-quán.
      - 3) Lý-tưởng đạo-đức lại thích-dụng ra việc chính-trị.
    - 3) Sở-đoản
      - 1) Trên học-thuyết triết-học căn-cứ còn bạc nhược.
      - 2) Tư-tưởng không được quán-triệt như là lời luận tính với Cáo-tử.
- **Tuân-tử**
  - *Yếu-chỉ*
    - 1) Tuân-tử sinh sau thầy Mạnh năm sáu mươi năm.
    - 2) Có làm quan lệnh Lan-lăng.
    - 3) Sau về nghiên-cứu học-vấn dụng công trước-tác.
    - 4) Tuy là dòng Nho-giáo mà khác học-thuyết thầy Mạnh.
  - *Thuyết triết-học*
    - Luận về tính ác
      - 1) Xướng lên luận tính ác.
      - 2) Bảo rằng tính người ác, làm thiện là ngụy, người bịa ra.
      - 3) Nói về cái cớ tính người sở-dĩ ác.
      - 4) Cứ theo tính người thì thành đến loạn.
      - 5) Nên thánh-nhân phải lập ra lễ nhạc pháp-độ để hạn-chế tính ác.
      - 6) Muôn người đều cùng một tính, quân-tử với tiểu-nhân cũng một tính cả.
    - Luận về giả-ngụy
      - 1) Lễ nghĩa là thánh-nhân giả-ngụy mà làm ra.
      - 2) Tính người đã ác thì dẫu thánh-nhân cũng không thể làm ra lễ nghĩa được, lời luận của Tuân-tử có ý mâu-thuẫn nhau.
      - 3) Tuy rằng bảo là tính ác, nhưng vẫn ám-nhận có chất thiện.
  - *Thuyết luân-lý*
    - Luận về lễ
      - 1) Rất trọng lễ, lấy lễ để kiều-chính tính ác.
      - 2) Nếu để cho phóng-túng thì khó giữ được hòa-bình, nên phải đặt ra lễ.
      - 3) Lễ là cốt để duy-trì hòa-bình.
      - 4) Trời đất tổ-khảo quân-sư căn-cứ, vào đó mà đặt ra lễ.
      - 5) Lễ lại ở trong tình người mà bày ra.
      - 6) Theo về di-huấn tiên-thánh mà luận về lễ.
    - Luận nhạc
      - 1) Cổ-giả lấy lễ-nhạc để trị nước.
      - 2) Tuân-tử cũng nhận lễ-nhạc làm đồ giáo-hóa.

Tuân-tử

- *Thuyết chính-trị*
  - Yếu-chỉ
    1) Thuyết chính-trị của Tuân-tử rất cao.
    2) Luận đến cả cách tổ-chức ra quốc-gia xã-hội.
  - Cách tổ-chức xã-hội và quốc gia
    1) Những điều thành-lập ra xã-hội : 1° Bởi tính xã-giao của loài người; 2° Bởi hoàn-cảnh ; 3° Bởi phân-nghiệp.
    2) Những yếu-tố lập ra quốc-gia : 1° Thổ-địa ; 2° Nhân-dân ; 3° Pháp-trị tổ-chức ; 4° Quyền thống-trị
    3) Quyền thống-trị ở về một ông vua, nhân-dân đều theo về.
    4) Bài-xích cái thuyết thiện-nhượng phóng-phạt, cho là lấy đức thay đức chứ không phải thiện-nhượng.
    5) Kết-luận không đồng-ý với thầy Mạnh
  - Phương-pháp
    1) Người làm chính-trị phải có nhân-cách.
    2) Lễ, nhạc, hình-chính là cái đạo trị-bình.
    3) Tuy cũng nói tiết-dụng kiêm-ái nhưng không có tiêu-cực như thuyết họ Mặc.
  - Chính-danh
    1) Thuyết chính-trị đồng-thời cũng là thuyết luân-lý.
    2) Cứu-chính lại cái tệ hỗn-loạn danh-thực.
    3) Cần phải định danh, căn-cứ và khuôn-phép định danh,
- *Lời phê-bình*
  - Đặc sắc
    1) Tổ-thuật theo Khổng-học bản về lễ.
    2) Chủ-trương tính ác trái với thuyết thầy Mạnh.
    3) Nhiều người chê Tuân-tử nói tính ác là lầm.
  - Sở trường
    1) Nối dòng Nho-giáo, có công truyền kinh về đời sau.
    2) Trong học-thuyết kiến-thức cực cao, thuyết chính-trị lại càng cao.
  - Sở đoản
    1) Trong học-thuyết căn-cứ về triết-học rất bạc-nhược.
    2) Tư-tưởng có chỗ mâu-thuẫn.

So-sánh họ Tuân với họ Mạnh

	Mạnh-tử	Tuân-tử
Nhân-đạt	1) Quả-đoán mà hăng-hái.	Cương-phức mà bất-tốn.
	2) Khoái-lạc mà nghị-luận giỏi.	Trầm-tư mà suy-xét thâm.
Học-phong	1) Thường dùng cách nghị-luận tổng-quát.	Thường chia tách ra để nghiên-cứu.
	2) Chuyên phát-minh nghĩa-lý.	Hay giải-thích từng nghĩa chữ.
	3) Văn-chương trực-tiệt giản-minh.	Văn-chương tiêm-xảo tinh-mật.
	4) Ra cách người nghị-luận.	Ra cách kẻ học-giả.
	1) Luận về tính người lẫn thiện.	Luận về tính ác.
	2) Luận về đạo-đức cốt chủ khuếch-sung tứ-đoan.	Luận về giả-ngụy cho lễ nghĩa là bày ra để kiều-chính tính người.
	3) Cho lễ là vốn ở trong tính người.	Cho lễ là ở mặt ngoài.
	4) Luận về đạo-đức vốn tự-nhiên.	Luận về đạo-đức cho là tự người làm ra.
	5) Chủ-nghĩa lương-tâm.	Chủ-nghĩa lễ-pháp.
	6) Chủ-nghĩa tự-luật.	Chủ-nghĩa luật-thu.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *biên-dịch*

TUỒNG HÁT

TRUNG-HIẾU THẦN-TIÊN (1)

(*Truyện Hưng-đạo-vương* 興道王傳)

VII

HỒI THỨ XXII

Dùng yêu-nhân nguyên-chúa quyết phục-thù

Thảo quốc-tặc Đại-vương đà định-kế

Các vai :

Nguyên-chúa — Nguyễn Bá-Linh — Thoát-Hoan — Ô Mã-Nhi — A-Bát-Xích — Nguyên quần-thần — Nhân-tôn — Hưng-đạo-vương — Trần Nhật-Duật — Trần Khánh-Dư — Phạm Ngũ-Lão — Trần Quốc-Toản — Dã-Tượng — Yết-Kiêu — Lê Phụ-Trần — Phi-tần — Quân-sĩ — Thị-nữ

Nguyên-chúa cùng bốn bà phi-tần và thị-nữ ra. Các phi-tần làm bộ đau cả.

Nguyên-chúa nói :

Ta không hiểu cớ gì mà các phi-tần đau như thế này ! Tưởng phi-tần đa bệnh ; vì cung điện nhiều ma. Nội-thị : Ai có phép trừ tà ; cho đón vào trị bệnh.

Quân ra bảo rằng :

Dạ dạ, có thầy cao phù-thủy ; hay trị bệnh ma tà.

Nguyên-chúa nói :

Cho vào.

Nguyễn Bá-Linh ra.

Nguyên-chúa nói :

Thử nghiệm bệnh các bà ấy thế nào ?

Nguyễn Bá-Linh nói :

Dám tâu hoàng-thượng, không phải lo gì mà : Tôi trị vốn đã quen ; bệnh này không phải hỏi. Cho đạo bùa thì khỏi ; trong ba bữa cũng yên.

Nguyên-chúa nói :

Ta phó cho.

Nguyên-chúa vào.

Nguyễn Bá-Linh dán bùa cho các phi-tần, rồi các phi-tần nằm mê cả. Bá-Linh nói :

Tôi trông thấy các bà đẹp cha chả là đẹp. Mèo thèm vì thấy mỡ ; cá mắc bởi tham mồi. Phải phải : Trước là đọc chú thêm lời ; sau sẵn tàng-hình một phép. Hóa ra dán nào ai có biết ; thực là người ghẹo gái mà chơi.

Bá-Linh hóa làm con dán, rồi hóa ra làm người mà ghẹo các bà ; các bà la om ; Nguyên-chúa nghe tiếng chạy ra.

Nguyên-chúa nói :

Việc chi mà làm om lên như thế mà ?

Các phi-tần cùng nói :

Dạ dạ, dám tâu Hoàng-thượng : Thấy qua như là dán ; bỗng chốc lại hóa hình. Nó quấy suốt năm canh ; chẳng cho yên một giấc.

Nguyên-chúa nói :

Ta tưởng trị cái này chẳng khó gì, ta giao các người, mỗi người một quận giây ngũ-sắc, nghe ta dặn : Đừng la to sợ biến ; cứ để nó lại gần ; dùng chỉ này mà buộc lấy thân; chắc là nó không sao thoát được.

Nguyên-chúa vào.

Nguyễn Bá-Linh lại hiện ra, đi vào gần các bà, thì các bà ấy lấy chỉ buộc vào mà kêu lên rằng :

(1) Xem *P.-N.* từ số 170.

Bắt được rồi !

Nguyên-chúa lại ra nói :

Mày là thằng nào, nói thực ta nghe ?

Bá-Linh nói :

Trăm lạy Bệ-hạ, như tôi : Quê cha vốn Quảng-đông là chốn ; quán mẹ thì Nam-Việt cõi xa. Trẻ ngụ đất người ta ; lớn theo về Trung-quốc. Học đã được thanh-vân nhẹ bước ; phép lại hay bạch-nhật tàng-hình. Nhưng thế mà tội tôi cũng là tự tôi làm lấy đó mà : Vì đa-mang lấy một chữ tình ; bởi vậy cho nên : chót đã dại mất trăm sự khéo.

Nguyên-chúa nói :

Tội can rất nặng ; phép chẳng nhiêu-tha. Truyền giao lại pháp-tòa ; sẽ về sau tra xét.

(*Đều vào*).

Nguyên-chúa cùng quần-thần văn-vũ đều ra.

Nguyên-chúa nói :

Từ khi thái-tử sang đánh nước Nam, cũng đã lâu đó mà : Thế tuy phân cường nhược ; việc chưa định cát hung. Cũng bởi vì : Đường quan-sơn tin-tức nan-thông ; đất hiểm-trở vãng-lai cũng khó. Bởi vậy cho nên : Tấn tiệp những mong cờ đỏ ; đưa tin còn đợi thư hồng.

Quân ra báo rằng :

Quân-nhân lai tức báo ; Thái-tử dĩ hoàn qui. Theo sau đã có Mã-Nhi ; tùy hậu lại thêm Bát-xích.

Nguyên-chúa nói :

Cho vào.

Thoát-Hoan Mã-Nhi Bát-Xích đều ra.

Nguyên-chúa nói :

Chẳng hay con cùng chư-tướng chuyến này có thành-công không ?

Thoát-Hoan Mã-Nhi Bát-Xích đều qui phục tội.

Thoát-Hoan nói :

Trăm lạy Bệ-hạ : Từ ra oai bách-chiến ; đã thắng được vài phen. Nhưng thế mà : Vì Trần-gia nhiều lũ tài tiên ; nên ngã-tướng thường lâm chước quỉ. Kể ra trận này tướng-sĩ ta chết mất nhiều lắm mà : Mất quá nửa về hàng quân-sĩ ; chết đã nhiều những gã tướng-thần. Còn đến như phận con : Ống đồng kia nếu chẳng hộ thân ; cũi sắt nọ tưởng khôn hay khỏi. Trăm lạy phụ-hoàng thương lại cho con nhờ cùng : Vạn-tử đã đành chịu tội ; tái-sinh còn hãy mông ân.

Nguyên-chúa nói :

Giận cha chả là giận ! Vốn những tưởng đại năng chế tiểu ; nào ngờ đâu mạnh lại thua hèn ! Cam-khổ cho các tướng-sĩ tôi : Đất tranh nhau một tí ruồi deo ; người đồ đến trăm muôn máu đỏ. Cái tội này là mày cùng chư-tướng đó, nghe. Tội nan dung cho đó ; phép vẫn hãy còn đây. Âu phải trị tội mày ; đặng cho nghiêm quân-lệnh.

Thoát-Hoan nói :

Trăm lạy phụ-hoàng, phụ-hoàng thương lấy con cùng : Như con vốn đã cam vạn tử ; xin cha còn cô-thứ nhất phiên. Bởi vì : Xưa còn phong-thổ chưa quen ; nay chắc tình-hình đã tỏ. Xin phụ-hoàng hãy cho con đi một lần nữa mà : Xin ra oai nhất-chiến ; cho chỉnh-lữ tái chinh, trước là chuộc tội cho mình ; sau đặng lập-công với nước.

Nguyên-chúa nói :

Trước nghe tin rất giận ; nay thấy nói lại mừng. Thôi ta đình việc đánh Nhật-bản, để ta đánh An-Nam đó mà : Việc đông-chinh âu hãy tạm đình ; quân nam-phạt cấp tu tái-chỉnh. Thoát-Hoan : Đại-nguyên-súy một con phụng-mệnh ; Ô Mã-Nhi, A-Bát-Xích : Tả-hữu-thừa hai gã cho theo. Làm sao cho xích-kiếm trảm thiên-kiêu ; ấy mới gọi nhất nhung thu hải-vũ.

Thoát-Hoan, A-Bát-Xích, Ô-Mã-Nhi cùng nói :

Phụng-mệnh.

Quần-thần cùng nói :

Trăm lạy Bệ-hạ, anh em chúng tôi nghĩ rằng : Tưởng Thái-tử chưa trừ đảng dữ ; Bởi Trần-gia còn lắm tài tiên. Bởi

vậy cho nên : Dục dữ tha địch-thủ nhất-phiên ; âu phải có cao tay nhiều phép. Vì cớ ấy anh em chúng tôi có xin Bệ-hạ tha thằng Bá-Linh ra, mà : Dù tội nó đã đánh xử-quyết ; vì giặc này xin hãy nhiêu-dung. Nếu nó đặng thành-công : về sau cho chuộc tội.

Nguyên-chúa nói :

Hảo a ! Quân, cho đòi Bá-Linh ra đây.

Bá-Linh ra.

Nguyên-chúa nói :

Ta bảo cho mi : Hãy cho dung tội đó ; phải lo đánh giặc này. Thờ vua nên phải hết ngay ; phá giặc để mà chuộc tội.

Bá-Linh nói :

Phụng-mệnh.

Nguyên-chúa nói :

Như phen này ta lại sai con đi, phải lo mà gắng lấy đó mà : Quản mười muôn tỳ-hổ ; quét vài lũ kiến ong. Oán-thù phải giả cho xong ; gian-hiểm cũng đừng có ngại.

Hát vãn :

Gian-hiểm cũng đừng có ngại,
Thất đông-ngung thu lại tang-du ;
Phen này rửa thẹn trả thù,
Sao cho đáng mặt hoàn-cầu chủ-ông.

Thoát-Hoan nói :

Trăm lạy phụ-hoàng, nay phụ-hoàng lại cho con đi làm vậy : Cha đã cho thục tội ; con âu phải lập-công. Bắc-kinh từ với non sông; Nam-quốc quản dâu bạt-thiệp.

Hát vãn :

Nam-quốc quản dâu bạt-thiệp,
Chắc phen này thu-xếp cho xong ;
Ai sang nhẫn với tiên-đồng,
Người vàng dễ chuộc ống đồng được dâu.

Ô-Mã-Nhi A-Bát-Xích cùng hát vãn :

Thù này tích hãy còn lâu,
Kia thây Lý Quán nọ đầu Toa-Đô.

Bá-Linh vãn :

Đó khôn đây cũng chẳng ngu,
Đó gươm tiên-nữ đây phù Lão-quân.

(Đều vào)

Nhân-tôn Hưng-đạo-vương ra.

Quân ra báo rằng :

Dạ dạ, Thoát-Hoan làm Nguyên-soái; Ô-Mã quản tiên-phong. Dù rằng đái-tội lập-công ; cũng thật trả thù báo oán. Quân-số hơn ba-mươi vạn ; quân đi cùng kéo hai đàng. Thủy theo hải-đạo kéo sang ; bộ bởi Tư-minh xâm-nhập. Lại thêm thầy phép-thuật ; biểu-tự gọi Bá-Linh. Giặc nó đã khởi-hành ; quân ta về cấp-báo.

Nhân-tôn nói :

Giang-sơn đành phải giữ ; tiêu-cán vẫn không nguôi. Như nay ta gây thù với Hồ-Nguyên làm vậy : Nào trêu ong chọc rắn mà chơi ; tưởng lấy chấu đá voi sao xuể. Bây giờ nó cứ kéo quân sang đánh mãi làm vậy, cũng bởi vì : Keo dù ngã hãy còn dương khỏe ; Bạc tuy đen nhưng lại dài lưng. Bởi vậy cho nên : Lòng ta sao xiết bâng-khuâng ; bá-phụ như hà trù-hoạch.

Hưng-đạo-vương nói :

Trăm lạy Bệ-hạ, xin Bệ-hạ đừng có ngại chi mà : Tôi vốn đã định-kế ; ngài xin hãy yên lòng. Ai chứ như Thoát-Hoan dù có quân sang đây nữa cũng chẳng qua là đốn binh mà thôi : Dịch có câu « Đệ-tử trinh hung 弟子貞凶 » ; Truyện cũng nói « phẫn binh tất bại 憤兵必敗. » Ta sóng gió hai đâu đã trải ; nó xa-xôi ngàn dặm biết bao. Phá giặc này đừng có mưu-cao ; dù thế mạnh cũng không có sợ. Tâu Bệ-hạ, lần này giặc là dễ hơn lần trước : Xưa hãy còn bỡ-ngỡ ; nay vốn đã am-nhàn. Việc này vốn đã lo toan ; lẽ ấy xin dừng nghi-ngại.

Nhân-tôn nói :

Quân, cho đòi hầu vương cùng chư-tướng ra đây.

Trần Nhật-Duật, Trần Khánh-Dư, Phạm Ngũ-Lão, Trần Quốc-Toản, Dã-Tượng và Yết-Kiêu đều ra.

Nhân-tôn nói :

Bách-quan, ta nay đã giao cho bá-phụ đó mà : Quyền đã giao cho Nguyên-súy ; tước liền trao lấy Đại-vương. *Thi* chép câu ngã vũ duy dương 我武惟揚 ; *Dịch* hệ quẻ đại-nhân trinh cát 大人貞吉.

Hưng-đạo-vương lại nói :

Chiêu Văn-Vương ! Lạng-sơn nọ là nơi quan-ải, vương nên hết sức đề-phòng ; Trần Quốc-Toản ! Nghệ-an kia là đất yếu-xung, gã phải tế tâm gìn-giữ. Lương-thảo giặc làm cho ngăn-trở, Vân-đồn giao gã Khánh-Dư ; quân gia kia âu phải đón ngăn, lục đạo giao chàng Ngũ-Lão.

Nhật-Duật Quốc-Toản cùng nói :

Đã vâng lời phó-thác ; phải giúp nghiệp gian-nan. Ngoài thì trấn lối Lạng-sơn ; trong cũng giữ miền Hoan Ái.

Hát vãn :

Trong cũng giữ miền Hoan-Ái,
Đành phen này bào ngãi thù ân.
Trách vì hồ-lỗ không khôn,
Ta đương lúc đỏ nó còn vận đen.

(*Đều vào*)

Khánh-Dư Ngũ-Lão cùng nói :

Nay đã vâng lệnh tướng ; đâu dám quản công tôi. Tấc lòng sầu oán khôn nguôi ; bao thuở gian-nan dám ngại.

Hát vãn :

Bao thuở gian-nan dám ngại,
Đạo làm tôi giữ ngãi Khôn-tam ;
Rành rành sát Thát đã cam,
Lòng son còn giữ dấu tràm không phai.

(*Đều vào*)

Hưng-đạo-vương nói :

Trăm lạy Bệ-hạ, như công-việc tôi đã thu-xếp làm vậy : Quân đà phân đồn yếu-địa ; tôi xin ra đóng Quảng-yên. Như tôi phen này : Hai vai đã gánh giang-sơn ; tấc dạ dám sai vàng đá.

Tấc dạ dám sai vàng đá,
Lòng trung-thành biết thuở nào nguôi.
Nhọc cho ngựa đá mồ hôi,
Kim-âu lại vững nghìn đời không sai.

Dã-Tượng Yết-Kiêu cùng hát vãn :

Nếu không ngựa đá mồ hôi,
Đồng-đà sẽ ở trong gai phen này.

Nhân-tôn nói :

Tôi đã đành trù-hoạch ; chúa âu khỏi lo toan. Cảm thương cho bá-phụ tôi : Phong-ba trải mấy gian-nan ; vàng đá biết bao ghi tạc.

Hát vãn :

Vàng đá biết bao ghi tạc,
Đành một lòng phó-thác tôi ngay.
Gươm vàng hai độ trao tay,
Tướng ta tướng cũ giặc rầy giặc quen.

HỒI THỨ XXIII

Bày trận-thế chống cùng Nguyên-tướng
Giả ngư-ông bắt đặng Bá-Linh

Các vai :

Thoát-Hoan — Nguyễn Bá-Linh — Hưng-đạo-vương — Yết-Kiêu — Ô-Mã-Nhi — Mẹ Bá-Linh — Chư-tướng — Quân-sĩ.

Thoát-Hoan Bá-Linh cùng chư-tướng đều ra.

Quân Nguyên ra báo rằng :

Quân vừa đi một lối ; giặc đã đón ba đồn. Trận nào ta cũng thua luôn ; giặc nó càng thêm thắng thế.

Thoát-Hoan nói :

Như thế này : Lẽ này âu rất ngại ; việc ấy đáng nên lo. Như phen này ta qua đây cũng đã xin với chúa-thượng đề mà đái-tội lập-công đó mà : Trước thì trả sự oán-thù, sau cũng chuộc phần tội-

lỗi. Mà tới nay đã phải thua làm vậy! Đâu đã thấy tiền-đầu bất-lợi; hãy còn mong mở mặt cùng ai. Bởi vậy cho nên: Tấc lòng luống những bồi-hồi; chư-tướng như hà trù-hoạch?

Bá-Linh nói:

Trăm lạy Thái-tử xin ngài đừng có lo chi mà: Ngài âu đừng quải-lự; tôi vốn đã tiên-trù. Như nay đánh giặc này nào có phải khó gì đâu: Trước dùng một đạo giấy bùa; sau đọc vài câu thần-trú. Xuất-quỉ nhập-thần khôn dễ tỏ; hô-phong hoán-vũ dễ ai hay. Như: Đánh phen này ấn quyết cao tay; cho giặc nó kinh hồn mất vía.

Thoát-Hoan nói:

Hảo a! Như thế này: Thuật này âu đã khéo; phép nọ thực nên khen. Chư-tướng, Cho quân ta khiêu-chiến trận-tiền; để thuật-sĩ thư phù mặt hậu. Truyền tiến quân.

(*Đều vào*)

Nguyễn Chế-Nghĩa Dã-Tượng ra cùng nói:

Đồn ta âu đã chắc; giặc nó thực khôn qua. Giặc nó đã đến đây mà! Quân đâu bỗng thấy kéo ra; Phải phải: ta phải cấp lai giao-chiến.

Hai bên gặp nhau giáp-chiến, Bá-Linh đầu thì rũ tóc, miệng thì lầm-nhầm, rồi thấy cơn gió thổi cát bụi bay lên thì nghe tiếng reo ầm-ầm, một chốc thời thấy những quân đầu trâu mặt ngựa kéo ra. Quân nhà Trần thấy thế thời bỏ chạy, cho nên quân Nguyên lấy được ba đồn châu Sa châu Trúc và châu Từ.

Hai bên đều vào.

Nguyễn Chế-nghĩa Dã-Tượng lại ra, cùng nói:

Lạ cha chả là lạ! Bỗng đâu nơi chiến trận; phút thấy rậy thần-binh. Như thế này không biết đánh làm sao cho đặng! Ba quân đà thắng-thế; nhất bộ bất dung đình, kíp dùng phép thần-binh; đặng lấy đồn Vạn-kiếp. Quân! truyền cho quân đuổi theo, (đều vào).

Hưng-đạo-vương cùng chư-tướng ra.

Hưng-đạo-vương nói:

Từ quân ta giáp-chiến; cùng giặc nó tranh-phong. Bởi vậy cho nên: Lòng này luống những trông mong; tin ấy sao còn vắng vẻ.

Nguyễn Chế-Nghĩa Dã-Tượng ra, cùng nói:

Trăm lạy đại-vương, như trận này lạ cha chả là lạ: Trận nó làm gió bụi cát bay; quân ra những đầu trâu mặt ngựa. Bởi vậy cho nên: Quân khôn hay địch lại; giặc vẫn cứ theo hoài. Nó đà đuổi đến tận nơi; âu phải lánh xa mới đặng.

Hưng-đạo-vương nói:

Như thế này: Nghe lời âu đã khiếp; thấy nói lại thêm kinh. Chư-tướng: Truyền cho quân trở lại kim-thành; đặng kiếm cách trừ loài yêu-quái.

Hát vãn:

Kiếm cách trừ loài yêu-quái,
Thề phen này chẳng đội trời chung.
Dù mày có phép thần-thông,
Giấy bùa hầu dễ địch cùng gươm thiêng.

(*Đều vào*)

Thoát-Hoan Bá-Linh chư-tướng đều ra.

Thoát-Hoan nói:

Hảo a! Như thế này: Đã thu đồn Vạn-kiếp; âu kíp tới Thăng-long. Phép ta âu thật thần-thông; giặc nó khôn hay tẩu-thoát.

Hát vãn:

Giặc nó khôn hay tẩu-thoát,
Chắc từ đây sát Thát không lo.
Đưa nhau mấy đạo giấy bùa,
Lại hơn mấy vạn ngựa hồ kéo sang.

(*Đều vào*)

Hưng-đạo-vương cùng chư-tướng ra.

Hưng-đạo-vương nói:

Căm thay loài hồ-lỗ; giận cho gã Bá-Linh. Trước đà thai độc sinh-linh; sau lại bày trò yêu-quái. Bởi mi đã bày trò ra yêu-thuật làm vậy, ta cũng phải lấy thần-kiếm để mà trừ đó mới đặng mà: Âu

phải dụng cửu-cung bát-quái ; đặng hóa ra vạn-tướng thiên-binh. Chư-tướng: Bày trận ta âu phải phân-minh ; xem giặc nó có tài đấu-địch.

Trận bày tám góc, chia làm tám cửa, trong có một toán gọi là Trung-quân, tám cửa đều có tướng có quân đóng giữ cả, hiệu cờ tám cửa cũng khác nhau, trận bày như thế xong rồi.

Hưng-đạo-vương nói :

Quân, cho gọi Nguyên-tướng ra mà phá trận nghe.

Quân nói :

Ở Thoát-Hoan cùng Bá-Linh, có tài ra mà phá trận.

Thoát-Hoan Bá-Linh và chư-tướng ra. Thoát-Hoan nói :

Muốn cho tường trận-pháp ; âu phải đọc binh-thư. Bá-Linh ngươi thử xem trận ấy gọi là trận gì? chứ như: Ta chưa thấy thế bao giờ ; ngươi có kế gì phá được ?

Bá-Linh nói :

Trăm lạy Thái-tử, trận nào chứ như trận này thì tôi biết đó mà : Trận này thật cửu-cung bát-quái ; biến ra làm vạn-trạng thiên-hình. Tuy khôn dùng thuật yêu-tinh ; nhưng cũng xung lên sát-khí. Bởi vậy cho nên xin thái-tử ở ngoài, để cho tôi vào đánh mới đặng mà : Ta đã nhiều chước quỉ ; vốn chẳng sợ gươm thần. Như tôi : đã có phép tàng-thân ; xin ra tài phá tặc.

Bá-Linh từ phương đông chạy vào phá trận, hai bên đánh nhau.

Hưng-đạo-vương nói :

Như Bá-Linh phen này còn có trốn được hay không? âu là : Giơ một lưỡi gươm vàng ; tụng và câu thần-chú. Cấp-cấp hô-phong hoán-vũ ; ào-ào vạn mã thiên-binh. Âu bắt gã Bá-Linh ; đặng trừ loài yêu-quái.

Lúc Hưng-đạo-vương giơ thần-kiếm lên đọc thần-chú, thì trong trận tối u hết cả, ầm-ầm như vạn-mã thiên-binh.

Bá-Linh nói :

Như thế này : Chí-nguy chí-nguy ; thậm-cấp thậm-cấp. Như ta bây giờ đã có phép-thuật của ta đây mà : Âu phải dùng độn-giáp ; may sẽ đặng tàng-hình. Biến biến a !

Bá-Linh đương ở trong trận thì biến mất, còn bao nhiêu quân-sĩ thì Hưng-đạo-vương bắt được cả.

(Đều vào)

Thoát-Hoan Bá-Linh cùng chư-tướng ra. Thoát-Hoan nói :

May cha-chả là may ! May ta không vào trận ; khen gã khéo tàng-hình ! Thôi ta phải về Vạn-kiếp mới đặng mà : Âu phải bỏ Long-thành ; kíp lui về Vạn-kiếp.

Hát vãn :

Âu kíp lui về Vạn-kiếp,
Xem trận này càng khiếp càng kinh.
Có hình mà lại tàng-hình,
Khen cho phép-thuật Bá-Linh có tài.

(Đều vào)

Hưng-đạo cùng chư-tướng ra. Hưng-đạo nói :

Như phen này không bắt được Bá-Linh, giận cha-chả là giận ! Chắc những tha đà trúng kế ; ngờ đâu nó lại tàng-hình. Như thế này : Nếu không bắt gã Bá-Linh ; khôn dễ trừ loài hồ-lỗ.

Yết-Kiêu nói :

Trăm lạy đại-vương, nay tôi có nghe rằng Thoát-Hoan đã sai Ô-Mã-Nhi đem thuyền sang Phú-lương rồi đó mà, bởi vậy cho nên : Nghe Bá-Linh thuyền tới Phú-lương ; cho hạ-sĩ giả làm ngư-phủ. Như các nghề lặn lội chẳng là nghề-nghiệp của tôi đó mà : Vốn quen nghề lặn lội ; đành hết sức tìm mò. Như tôi phen này gặp được Bá-Linh thì nó chẳng còn có tàng nữa đâu : Nó dù dùng thần-chú mấy câu ; tôi đã có chỉ tơ ngũ-sắc. Kế này âu phải mắc ; giặc nọ quyết không dung. Đại-vương hãy cứ yên lòng ; tiểu tướng xin cam hết sức.

Hát vãn :

Tiểu-tướng xin cam hết sức,
Trừ yêu này đã chắc trong tay ;
Thôi đừng ấn quyết thêm rầy,
Bao nhiêu phù thủy từ rầy đồ sông.

Hưng-đạo-vương vãn :

Tính sao phải tính cho xong,
Thầy bùa địch lại tiên-đồng được sao ?

(Đều vào)

Yết-Kiêu làm người câu cá ra, ngâm rằng :

Ngư-ca thử hát mấy câu chơi,
Mới biết giang-hồ thú thảnh-thơi ;
Cương tỏa mấy vòng ai dễ mắc,
Cho hay danh-lợi khác chi mồi.

(Vào)

Ô-Mã-Nhi Nguyễn Bá-Linh ra.

Ô-Mã-Nhi nói :

Đã chịu lời phó-thác ; dám quản nỗi gian-nguy. Đành từ Vạn-kiếp ra đi ; dao-vọng Phú-lương tiến-phát.

Hát vãn :

Dao vọng Phú-lương tiến-phát,
Phong-cảnh này bát-ngát xa trông ;
Phú-lương một giải mênh-mông,
Ô-Nhi tới đó thanh-đồng đi đâu ?

Bá-Linh vãn :

Cũng nên trông trước trông sau,
Sa chân khó vớ cất đầu sao lên.

Yết-Kiêu ra nói :

Phải giả hình ngư-phủ ; cho tỏ mặt Bá-Linh. Ơ ! ta đã thấy nó đây, nhưng mà nó ở vòng quân-sĩ, ta bắt làm sao cho được nó đây mà ! Dù rằng thấy đó đã đành, phải liệu kế gì bắt được. Như bây giờ thuyền nó đóng ở một nơi đó mà : Đâu có lẽ lâm vào mũi bạc, mà lại toan bọc lấy chỉ hồng. Phải phải, bây giờ ta phải làm cách thế này : Nhầy xuống sông giả làm cách vẫy-vùng ; để thuyền nó phải tản ra trước mặt.

Yết-Kiêu xuống nước làm sóng nổi lên thuyền đồ nghiêng ba bốn lần.

Ô-Mã-Nhi nói :

La cha chả là lạ ! Phút đâu thấy thuyền nghiêng mặt nước ; chắc có gì lặn ở dưới sông. Quân phải bổ thuyền ra tìm : Truyền quân tìm kiếm cho cùng ; kẻo giặc ẩn-tàng đâu đó.

Lúc ấy thuyền tản ra tìm khắp các nơi, chỉ có thuyền Bá-Linh đỗ một nơi, Yết-Kiêu ở dưới nước nổi đầu lên xem, Yết-Kiêu nói :

Trông qua đà xác-tạc ; thấy đó lại phân-minh. Phải phải, âu là : vào thuyền này bắt gã Bá-Linh ; nhầy bờ nọ thoát vòng quân-sĩ. Ta bảo cho mi : Chỉ ngũ-sắc buộc vào cho kỹ ; chú mấy câu cũng chẳng làm gì. Âu là nhầy ngựa nọ như phi ; không nữa sợ chim kia lại sổ.

Quân báo với Ô-Mã-Nhi rằng :

Bởi giặc đâu rình sẵn ; bắt Nguyễn tướng đem đi. Trong thuyền này tôi báo tức thì ; bên bờ nọ nó còn đương chạy.

Ô-Mã-Nhi nói :

Thế a ! Nghe qua sẳng lạc ; thấy nói rụng rời. Quân, Truyền quân-sĩ lên bờ ; đuổi giặc kia bắt lại.

Yết-Kiêu vác Bá-Linh chạy vào, Quân Ô-Mã-Nhi đuổi theo, rồi bị Quân thủ-hạ Yết-Kiêu ra cự, quân Mã-Nhi phải lui trở lại báo cho Mã-Nhi biết.

Quân báo rằng :

Quân ta vừa đuổi tới ; giặc nó lại xông ra. Nó chạy cũng đã xa ; tôi trở về báo lại.

Ô-Mã-Nhi nói :

Như sinh ra cơ-sự thế này, ta không có lẽ ở đây được đâu : Ở đây đành quải-lự ; thấy nói lại thương tình. Giặc này bắt được Bá-Linh ; ta phải hồi binh Vạn-kiếp.

Hát vãn :

Ta phải hồi binh Vạn-kiếp,
Đành phen này thu xếp mà về,

Nghĩ mình mình lại thêm ghê,
Sợ chàng chân trắng đánh quì ngựa đen.

(*Vào*)

Yết-Kiêu vác Bá-Linh ra.

Yết-Kiêu nói :

Như tôi vác chàng Bá-Linh nặng cha-chả là nặng! Quản đâu làm hết sức; đành phải vác lên vai. Phú-lương từ-giã kíp dời; Long-đỗ mong cho chóng tới.

Vãn rằng :

Long-đỗ mong cho chóng tới,
Nộp giặc yêu tên gọi Bá-Linh;
Nay đừng sắc-sắc linh-linh,
Nay đừng trống phách bên mình điếc tai.

Bá-Linh vãn rằng :

Thôi thôi phép thuật không hay,
Thầy cao tay lại ra thầy bó tay.

(*Đều vào*)

Hưng-đạo-vương ra nói :

Ghét những lũ tà-ma ngoại-đạo; bởi vậy cho nên : quyết muốn trừ đại-đội nguyên-hung 大憝元凶. Ta nhớ lại từ khi sai Yết-Kiêu đi đến giờ cũng đã lâu đó mà : Lòng này luống những trông mong; tin ấy sao còn vắng-vẻ?

Yết-Kiêu vác Bá-Linh ra.

Yết-Kiêu nói :

Dạ dạ : Tôi từ giả làm ngư-phủ; nay đã bắt được Bá-Linh. Như phen này tôi bắt được nó, nó không có thể nào mà thoát được mà : Khôn hay bày phép tàng-hình; bởi đã buộc vào chỉ sắc. Như thế này : Trời tưởng cũng không dung quốc-tặc; tôi đem về nộp tại nguyên-nhung.

Hưng-đạo-vương nói :

Yết-Kiêu, ta khen cho gã đó mà : Đáng nên cho hậu-thưởng; vì đã được công to. Ta nghĩ lại như tên Bá-Linh là một đứa tướng giặc rất dữ đó mà : Tiếng tuy là bắt đứa thầy bùa; thật chẳng khác sinh-cầm đại-tướng.

Lại nói :

Quân, cho đòi Bá-Linh vào, nghe.

Bá-Linh ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Ớ Bá-Linh! ta hỏi mi, sao mi làm chi những trò yêu-quái thế mà : Ghét những loài yêu-quái; chỉ muốn hại người ngay. Ta nghe rằng mẹ ngươi cũng là người nước ta đó mà : Xưa vốn nghe sinh-trưởng ở đây; sau sao lại nghịch-thù với nước?

Bá-Linh nói :

Trăm lạy ngài, tôi còn có mẹ ở làng An-điềm, dù Ngài có giết tôi đi nữa, xin cho mẫu-tử tương-kiến đó mà : Tình riêng âu phải kể; tội nặng dám mong tha. Xin cho thấy mặt mẹ già; may đặng thỏa tình con trẻ.

Hưng-đạo-vương nói :

Thấy người đà đáng ghét; nghe nói cũng ái-hoài. Quân, xuống làng An-điềm đòi nó lên đây.

Quân nói :

Phụng mệnh.

Quân về báo rằng :

Tôi đã bắt mẹ Bá-Linh xin giải nộp lên đây.

Mẹ Bá-Linh ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Cho vào.

Mẹ Bá-Linh nói :

Con ơi, như sinh ra cơ-sự thế này : Biết thương mẹ sao dám thù nước; mẹ sinh con ai dễ biết lòng. Con hai hàng lệ giỏ như dòng; mẹ chín khúc ruột đau như vặn.

Vãn rằng :

Chín khúc ruột đau như vặn,
Thôi thôi đành thở vắn than dài;
Bởi ta không dạy không nuôi,
Nó khôn nó lại tìm nòi theo cha.

Bá-Linh nói :

Thôi mẹ đừng khóc làm chi nữa mà : Con đã cam vạn-tội; mẹ xin gạt hai

hàng. Một lời từ-giã Nam-bang; chín suối hồn qui Bắc-địa.

Văn rằng :

Chín suối hồn qui Bắc-địa,
Tình mẹ con xiết kể được đâu ;
Thương vì mang nặng đẻ đau,
Mẹ gà con vịt thương nhau được nào.

Hưng-đạo-vương nói :

Thôi đã đến giờ rồi : Khóc kêu chi cho lắm; chờ đợi luống thêm lâu. Âu gươm thiêng chém lấy một đầu; cho tà-quỉ hết trừ mọi giống. Quân, truyền trảm thủ.

HỒI THỨ XXIV

Bạch-đằng-giang kềnh ngạc mất tâm
Nội Bàng ải khuyển lang tuyệt dấu

Các vai :

Thoát-Hoan — Phàn-Tiếp — Ô-Mã-Nhi — Hưng-đạo-vương — Phạm Ngũ-Lão — Nguyễn Chế-Nghĩa — Nguyễn Khoái — A-Bát-Xích — Quân-sĩ.

Thoát-Hoan cùng chư-tướng ra.

Thoát-Hoan nói :

Ta nhớ lại từ khi ta sai Mã-Nhi cùng Bá-Linh đem thuyền xuống Phú-lương giang cũng chỉ cốt là để lấy thành Thăng-long đó mà : Từ khi sai hồ-tướng; mong chiếm đặng Long-thành. Phép thần-thông đã cậy Bá-Linh ; tài tướng-lược lại thêm Ô-Mã. Không biết làm sao mà từ đó đến nay : Tin-tức sao còn vắng-vẻ; bởi vậy cho nên : âm - hao luống những đợi chờ.

Quân ra báo rằng :

Dạ dạ, Bá-Linh đã bị giết ; Ô-Mã cũng thua hoài. Thuyền đà tan-tác mọi nơi ; quân-sĩ chạy về Vạn-kiếp.

Thoát-Hoan nói :

Nghe qua đà lạc phách ; thấy nói cũng thương-tâm. Ta nghĩ lại như Bá-Linh có tính tà-dâm làm vậy cũng đáng nên ghét, nhưng thế mà chết vì việc nước cũng đáng nên thương : Dù đạo trời vẫn ghét kẻ tà-dâm; nhưng việc nước lại tiếc người trung-nghĩa. Ta nghĩ lại như lấy thế bên Thiên-triều mà đánh nước Nam cũng chẳng khó gì, cần chi mà dùng phép phù-thủy, dù có được nữa về sau chẳng là mang tiếng đó mà. Thôi thôi : Thuật nọ đánh không nên vẽ ; sức này hầu dễ ai đương. Có lẽ đâu chính-chính đường-đường; mà phải cậy linh-linh sắc sắc.

Quân ra báo rằng :

Từ sai chàng Văn-hồ ; ra tuần cửa Đại-bàng. Thuyền lương ta cũng đã tải sang; tướng giặc nọ đâu ra cướp hết.

Thoát-Hoan nói :

Như sinh ra cơ-sự thế này : Việc ắt đành trở-ngại ; dạ khôn xiết tư-lương. Ta bây giờ còn nghĩ lại sao thì đây cũng bởi vì : Đường xa-xôi quân đã hết lượng ; khí viêm-nhiệt trời gần đổi tiết. Bởi vậy cũng phải về bộ sớm mới đặng mà : Mũi bạc nếu không lánh trước ; ống đồng e lại lui vào. Phải phải : Âu đành thoái-bộ là cao, phải lấy toàn-quân vi-thượng

Lại nói :

Ô-Mã-Nhi Phàn Tiếp ! Gã chu-sư tiến phát ; ta pháp đạo theo sau. Quân ta về Tàu bây giờ phải chia làm hai toán mới đặng mà : Bạch-đằng dao-chỉ giang-đầu ; Vạn-kiếp trông chừng quan ải.

Văn rằng :

Vạn kiếp trông chừng quan-ải,
Đường xa xôi bao nại nắng mưa.

Tướng-quân Ô-Mã-Nhi Phàn Tiếp nghe ta dặn ; Hai gã đi qua sông Bạch-đằng phải lo mà giữ gìn lắm mới được mà :

Bạch-đằng nhớ việc ngày xưa,
Trước kia có Hán phải lừa với Ngô.

Ô-Mã-Nhi Phàn Tiếp cùng nói :

Nay đã vâng lệnh tướng ; âu phải hết tài tôi. Giã-từ Vạn-kiếp kíp dời ; dao chỉ Bạch-đằng tiến-phát.

Cùng vãn rằng :

Dao chỉ Bạch-đằng tiến-phát,
Phong-cảnh này bát-ngát như xưa ;
Cùng bao giờ giống bây giờ,
Có đâu Xích-bích lại như Bạch đằng.

(*Đều vào*)

Thoát-Hoan nói :

Chu-sư đã đi lối Bạch-đằng rồi nọ ; chư-tướng : theo ta kíp giã từ Vạn-kiếp a.

Vãn rằng :

Ta kíp giã từ Vạn kiếp,
Thân-phận này phải biết lo âu ;
Người đời sống chẳng bao lâu,
Kiếp này đã dại kiếp sau xin chừa.

(*Vào*)

Hưng-đạo-vương cùng chư-tướng ra. Quân ra báo :

Từ Văn-hồ qua miền Lộc-thủy ; phải Khánh-Dư đón tại Vân-đồn. Mấy trận giặc thua luôn ; thuyền lương ta bắt được. Bởi vậy cho nên : Vạn-kiếp quân đà lui trước ; Bạch-đằng thuyền cũng theo sau. Tôi phi báo mau mau ; xin đuổi theo chóng chóng.

Hưng-đạo-vương nói :

Hảo a ! như thế này : Nghìn thuở vẫn còn nước Việt ; trăm năm đâu có vận Hồ. Ta tưởng hồi này Nguyên cũng chẳng ở được lâu là bởi vì : Quân hết lương ở chẳng được lâu ; trời đã nắng chịu sao cho được. Bởi vậy cho nên : Ta vẫn đà định trước ; nó khôn dễ lánh mình. Quyết một phen gió bụi cho thanh ; dặng muôn thuở giang-sơn y cựu. Chư-tướng, tựu trướng-tiền thính lệnh, nghe !

Lại nói :

Ta nghĩ lại Thoát-Hoan về Tàu, chắc là cũng theo lối ải Nội-bàng đó mà : Nó đã đành thoái kế ; ta âu phải đón đường. Phạm Ngũ-Lão Nguyễn Chế-Nghĩa nghe ta dặn : Sai hai ngươi phục ở Nội-bàng ; đón lũ giặc chớ cho tẩu-thoát, nghe.

Phạm Ngũ-Lão Nguyễn Chế-Nghĩa cùng nói :

Hai tôi đà vâng lệnh ; vạn-lý bất từ nan. Tiền đồ dao chỉ Lạng-sơn ; thượng lộ trông chừng quan-ải.

Cùng vãn rằng :

Thượng lộ trông chừng quan-ải,
Chắc phen này dựng lại cơ-đồ ;
Từ nay âu cũng không lo,
Còn đâu gió thét hẹn-hò như xưa.

Hưng-đạo-vương nói :

Ta phó cho.

Ngũ-Lão Chế-Nghĩa vào.

Hưng-đạo-vương nói :

Ta nhớ lại Ô-Mã-nhi là người tàn-bạo làm hại nước Nam không biết là bao nhiêu mà tới nay nó kéo quân về đi qua sông Bạch-đằng cũng phải liệu cách gì cho bắt được nó để mà : Bạch-đằng tu kỷ-niệm ; Ô-tướng mạc dung đào. Ta nhớ lại thuở vua Ngô Quyền cũng có cắm cừ ở sông ấy mà nước Nam-Hán phải thua đó mà : Khen Ngô Quyền đã lập mưu cao ; đánh Nam-Hán dựng lên mưu lớn. Tướng-quân Nguyễn Khoái nghe ta dặn : Ngươi phải kíp tới sông Bạch-đằng khi thuyền giặc chưa đến thì phải lo liệu đi mà : Gỗ phải nên chuốt nhọn ; cừ cắm giữa dòng sông. Đợi nước lên dụ địch tiến công ; khi nước xuống quay lưng đánh lại. Nếu mà làm đặng như vậy : Cừ nọ nếu đã mắc ; thuyền kia tất phải chìm. Ta sẽ tiếp quân thêm ; gã phải theo kế ấy.

Vãn rằng :

Gã phải nên theo kế ấy,
Thành công này sẽ thấy không lâu ;
Bạch-đằng trước Bạch-đằng sau,
Hai lần kỷ-niệm nghìn thu hãy còn.

Nguyễn Khoái nói :

Đã vâng lời phó-thác ; dám quản nỗi gian-lao. Cắm cừ đã sẵn mưu cao ; dụ địch phải theo chước khéo.

Vãn rằng

Dụ địch phải theo chước khéo,
Âu phen này phải liệu cho xong ;
Làm cho giặc đổ máu hồng,
Bạch-đằng ta đổi ra sông Xích-đằng.

(Đều vào)

Hưng-đạo-vương cưỡi voi đi, khi qua sông Hóa-giang, con voi sa lầy không đi được, mới gọi dân nam phụ lão ấu ra khiêng lên, nhưng mà voi nặng lắm không khiêng nổi. Hưng-đạo-vương xuống voi trông lại thấy con voi giỏ nước mắt khóc, ngài khen con voi có lòng trung-nghĩa.

Hưng-đạo-vương nói :

Đây đã đến Hóa-giang rồi đây mà : Quân còn đương theo đuổi ; hỡi ôi sao ! Voi phút đã sa lầy. Cảm khổ cho con voi của ta, nó trông thấy ta nó lại giỏ hai hàng nước mắt ra, ta khen cho mày đó mà : Vật vô-tri còn biết giữ lòng ngay ; có lẽ người mà không bằng vật hay sao : Người hữu-thức lẽ đâu quên nghĩa chúa ? Cảm khổ cho mày, ta đương với binh-qua khống-tống làm vậy, không có lẽ ở đây mà cứu cho hay sao, thôi thôi : Voi dành lưu lại đó ; quân phải tới cho mau, a.

Ô-Mã-Nhi cùng chư-tướng đều ra. Ô-Mã-Nhi nói :

Đây đã tới sông Bạch-đằng rồi đây mà : Nước thủy-triều vừa dẫy ; sông một dải mênh-mông. Thuyền ta âu cứ thuận dòng ; giặc nó dám đâu đuổi tới.

Vãn rằng :

Giặc nó dám đâu đuổi tới,
Lòng ngậm-ngùi nhắc lại truyện xưa ;
Nào là hoành sóc phú thơ,
Anh-hùng nhất thế bây giờ còn ai !

Nguyễn Khoái chèo thuyền ra nói :

Ớ Ô-Mã-Nhi ta bảo cho ngươi nghe : Hưu kinh tẩu, hưu kinh tẩu ; tốc lai hàng, tốc lai hàng. Quân ta đã phục duyên-giang ; giặc nó phải mau bỏ giáo.

Ô-Mã-Nhi nói :

Ớ Nguyễn Khoái ta bảo cho : Ta đây đâu có sợ ; ngươi xin chớ nên khoe. Đó dù lập chước cầm cự ; đây cũng khoe tài đoạt sóc. Chư-tướng, truyền khai chiến.

Hai bên đánh nhau, Nguyễn Khoái gia thua đánh đặt lùi, Ô-Mã-Nhi đuổi theo, khi nước thủy-triều đã xuống thì Nguyễn Khoái quay thuyền lại mà đánh, thuyền Hưng-đạo-vương lại tiếp đến đuổi theo, bởi thế thuyền Ô-Mã-Nhi mắc vào cừ không đi được nữa, nên chi Nguyễn Khoái bắt được.

Mã-Nhi nói :

Ôi cha chả, như mắc lây mưu chước thế này : Nước trông chừng đã xuống ; thuyền lại vướng lấy kè. Còn gì dấu sức mà khoe ; đành phải bó tay chịu trói.

Ngâm rằng :

Ngờ đâu mắc kế gã Thanh-tiên,
Mới biết Ô-Nhi phải vận đen ;
Nước biếc chứa-chan đầy máu đỏ,
Bạch-đằng sau trước đã hai phen.

Nguyễn Khoái nhảy sang thuyền Ô-Mã-Nhi và thần-tướng Tích-lệ-cơ-vương.

Hưng-đạo-vương nói :

Đã sinh-cầm Ô-Mã ; âu trở lại Long-thành. Như thế này : Trời đã giúp vận thánh-minh ; dân cũng thỏa tình ca-vũ. Đây đã trở lại Hóa-giang rồi mà. Khi ta đi thì con voi sa lầy, bây giờ ta trở lại thì nó đã chìm xuống đáy, cam khổ con voi của ta : Voi đã chìm ở đó ; người hãy sống còn đây. Như ta thành công làm vậy, cũng nên xây con voi gạch đây mà kỷ-niệm nó mới đặng ma. Mừng đã sáu cánh hồng bay ; ghi lấy trăm năm Tượng-độ.

Vãn rằng :

Ghi lấy trăm năm Tượng-độ,
Tấm lòng này biết thuở nào khuây.

Ta nghĩ lại như ta đánh nhau cùng quân Hồ-tặc, nào có phải chỉ người khó-nhọc mà thôi đâu, dù đến như ngựa đá ở Chiêu-lăng phải dầm bùn, voi ở Bắc-giang

phải sa lầy, mới biết rằng một lòng trung-nghĩa vật cũng chẳng khác chi người, thế thời chẳng đáng kỷ-niệm hay sao ?

Vãn rằng :

Đời đời kỷ-niệm từ đây,
Mồ-hôi Lăng-Ngựa sa lầy Bến-Voi.

(Bều vào)

Thoát-Hoan cùng chư-tướng ra.

Quân ra bảo rằng :

Từ theo cùng Ô-tướng; đã đi đến Bạch-đằng Bởi cừ nó đã giăng; nên thuyền ta mắc phải. Mã-Nhi khôn thoát khỏi; ti-tướng cũng bị cầm. Giặc còn đương tứ diện truy tầm; tôi phải kíp đăng thời cảo cấp.

Thoát-Hoan nói :

Như thế này : Nghe lời thảm-thiết; thấy nói rụng rời ! Chư-tướng phải cố mà theo ta nghe ! Thôi đành quan-ải kíp dời; e sợ tặc-binh truy-nhiếp.

Phạm Ngũ-Lão Nguyễn Chế-Nghĩa kéo quân ra cùng nói :

Ở Thoát-Hoan, ta bảo cho: Ta ở đây còn đợi; ai qua đó phải hàng. Như hai ta giữ ở cửa ải này cũng chỉ vì : Trước là giữ cửa Nội-bàng; sau để đón đường Nguyên-tướng.

Hai bên giao-chiến, Thoát-Hoan thua chạy khỏi. còn A-Bát-Xích thì bị quân-sĩ giết đi.

Phạm Ngũ-Lão Nguyễn Chế-Nghĩa cùng nói :

Hảo a ! Quyết ra tài hoành sóc; đành hết sức huy-qua. Tiếc Thoát-Hoan tuy đã chạy xa; nhưng A-Xích cũng đã chém được. Nay quân giặc nó đã chạy xa rồi, thôi thôi anh em ta lui về Thăng-long mà : Nay đã thanh bụi Bắc; mau trở lại thành Nam. Kiên-trinh giữ phận Khôn tam; lợi kiến xem hào Kiền-ngũ.

Cùng hát vãn :

Lợi-kiến xem hào kiền-ngũ,
Chắc phen này ca vũ từ đây;
Giang-sơn đã mở mặt mày,
Nắm tay còn chắc tối ngày nữa thôi.

(Hạ màn)

HỒI THỨ XXV

Nguyên-đình đã sai sứ giảng-hòa Hưng-đạo cũng từ quan cáo lão

Các vai :

Thượng-hoàng — Nhân-tôn — Hưng-đạo-vương — Đỗ Thiên-Thữ — Phạm Ngũ-Lão — Nguyễn Chế-Nghĩa — Hoàng-phi — Hộ-vệ — Quân-sĩ.

Nhân-tôn ra nói :

Ta nghĩ lại : Từ Hồ-tặc đem lòng hổ-lỗ ; nhờ Nguyên-nhung ra sức ưng-dương. Giang-sơn mong dựng nghiệp thành vàng; nhưng rứa mà : thủy-hỏa lại thương tình con đỏ. Bởi vậy cho nên: Công-việc thế nào chưa rõ ; âm-thư luống những đợi chờ,

Quân ra bảo rằng :

Dạ dạ, Nghe Hồ nguyên bại-trận; mừng nguyên-súy hồi triều. Ngài lên yết-kiến đền Nghiêu ; tôi dám tâu qua bệ Thuấn.

Nhân-tôn nói :

Rứa a ! Thượng-hoàng hỉ-sự.

Thượng-hoàng ra nói :

Hà-sự mà hay ?

Nhân-tôn nói :

Hảo a ! Đất Bắc yên đầm hồng-nhạn; cõi Nam tuyệt dấu hồ-lang. Mừng Nguyên-nhung trở lại thành vàng; xin Thượng-hoàng ngự ra bệ ngọc.

Thượng-hoàng nói :

Quân cho mời quan nguyên-súy vào.

Hưng-đạo-vương cùng chư-tướng ra.

Thượng-hoàng nói :

Ta xin chào vương-huynh cùng chư-tướng.

Nhân-tôn nói :

Tôi xin chào bá-phụ cùng chư-tướng.

Thượng-hoàng nói :

Xin mời vương-huynh cùng chư-tướng ngồi.

Thượng-hoàng nói :

Trải mấy độ binh-nhung khống-tống, lại nhiều phen thỉ-thạch gian-nan Nay mừng quốc-vận thanh-nhàn ; xin thuật sự-tình sau trước.

Hưng-đạo-vương nói :

Như tôi phen này : Dám kể công khó-nhọc ; vì đã trượng uy-linh Như trong trận này nó cũng bày ra sự quái-thuật ; nhưng nhờ vì tôi đã học binh-thư, lại có cái thần-kiếm, nên chi mới trừ đặng những loài tà-thuật của nó đó mà : Dụng binh bởi tại tri binh ; ngộ-biến phải lo chế biến. Nên mượn thanh thần-kiếm, trừ những lũ yêu-tinh. Phù-lương đã tróc gã Bá-Linh ; Bạch-đằng cũng bắt chàng Ô-Mã. Trong hồi ấy giặc nó chia làm hai đường mà chạy, nhưng thế mà : Giặc dù chia hai ngả ; ta đón khắp mọi nơi. Thoát-Hoan dù quan-ải xa dời ; A-Xích đế trận-tiền chém được. Kể từ khi ta đánh cùng Nguyên-tặc cũng đã ba lần rồi, nhưng so đi nghĩ lại mà xem thì lần này : Công-việc dễ hơn năm trước ; Tôi tưởng từ nay trở đi nó không còn dám sang nữa đâu mà : Bình-an chắc tự ngày nay.

Thượng-hoàng nói :

Như thế này : Mừng ắt yên nghiệp chúa ; âu phải nhờ công tôi. Giang-sơn gánh lấy hai vai ; hồng-cốc cao vì sáu cánh. So tài tướng gươm thiêng ai dễ sánh ; giữ đạo tôi gậy nhọn bỏ như không. Thảo ngay chẳng đổi tấc lòng ; huân-nghiệp đáng ghi muôn thuở.

Hưng-đạo-vương nói :

Từ Hồ-Nguyên liền phải bị thua ; nghe Nguyên-chúa ý đà muốn chán. Tôi nghĩ lại nước ta là nhỏ, có lẽ nào mà địch nổi nước nó hay sao : Nước ta nhỏ khác gì viên đạn ; đất Tàu to gần nửa quả cầu. Kia dù thua nào có chịu đê đầu ; ta tuy được đã chắc gì lên mặt. Thế thì ta không nên gây thù mãi mãi đó mà : Lễ phải nên thân nên khuất : thế vì có mạnh có hèn. Bởi vậy cho nên tôi phải làm thế này mới đặng mà : Sứ-thần kíp phải sai liền, tù-lỗ cũng nên trả lại.

Nhân-tôn nói :

Lẽ này âu rất phải ; việc ấy đáng nên lo. Nào hay gì gây sự oán-thù ; đành phải liệu mở đường giao-hiếu.

Quân cho đòi Đỗ Thiên-Thữ đây.

Đỗ Thiên-Thữ ra nói :

Nay vâng lời thánh-chỉ ; cho tuyên-triệu hạ-thần. Vương-ngôn kiều-vọng như luân ; quân-mệnh dám đâu sĩ giá.

Nhân-tôn nói :

Đỗ Thiên-Thữ nghe ta dặn : Đành đã giao sứ-tiết ; mau kíp ruổi thiên-xa. Như ta sai ngươi đi phen này : Trước là dâng lấy quốc-thư ; sau cũng trả về tù-lỗ.

Văn rằng :

Sau cũng trả về tù-lỗ,
Thơ Hoàng-hoa đã phú ba chương ;
Dặm nghìn chở quản phong-sương,
Mở đàn ngọc-bạch thay trường can-qua.

Đỗ Thiên-Thữ nói :

Mệnh vua đâu dám nhục ; việc sứ phải nên lo. Một lời từ-giã Nam-bang ; muôn dặm trông chừng Bắc-địa.

Văn rằng :

Muôn dặm trông chừng Bắc-địa,
Đường quan-sơn bao nại khi-khu ;
Dù rằng Việt phải cống Hồ,
Vàng không chịu đồ sông Ngô mới đành.

Hưng-đạo-vương văn rằng :

Kia ai hoàn bích Tần-đình,
Thà dành khẩu-thiệt hơn dành can-qua.

Thượng-hoàng vấn rằng :

Thôi thôi phải giữ lấy hòa,
Sao cho yên nước yên nhà là hay.

Nguyên-chúa cùng quần-thần ra.

Quân Nguyên báo rằng :

Thoát-Hoan đà bại-trận ; Ô-Mã cũng sinh-cầm. Quân mười vạn mất đã hơn nặm ; tướng mấy kẻ chỉ còn có một.

Nguyên-chúa nói :

Nghe qua âu đã thảm ; thấy nói lại thêm kinh. Ta nghĩ lại giận cha-chả là giận ! Luống những căm một tướng tiên xanh ; đã phải đồ ba phen máu đỏ. Một dải áo An-nam vẫn nhỏ ; nửa địa-cầu Trung-quốc là to. Có lẽ nào ta chịu thế hay sao? Âu phải đành khuynh-quốc báo thù ; không lẽ để thiên-phương ngạnh-hóa !

Quần-thần nói :

Như nay Hoàng-thượng lại muốn cất quân sang đánh nước An-nam thời chúng tôi xin phải can mới đặng mà cũng bởi vì : Chẳng nên cần viễn-lược ; âu phải cấp nội-đô. Bởi ta đã đánh nó, thì thế nào nó cũng phải cự lại mà : Hùm sa cơ chắc lại thiêng đâu ; thú tuy khốn cũng còn đấu lại. Ta nếu trước mở lòng rộng-rãi ; kia ắt là đem dạ phục-tòng. Chẳng dấu chi một gã thanh-đồng ; mà nhọc đến trăm muôn xích-tử.

Quân báo rằng :

Có sứ-thần Nam-Việt ; đến công-quán Bắc-kinh, xin vào yết-kiến thánh-minh ; tôi phải tiên lai tấu bạch.

Nguyên-chúa nói :

Hứa nhập.

Sứ-thần Đỗ Thiên-Thữ ra.

Nguyên-chúa nói :

Chẳng hay sứ thần Nam-Việt qua đây có việc chi mà hay ?

Đỗ Thiên-Thữ nói :

Tôi vâng lời hạ-quốc ; sang tạ tội Thiên-triều. Như bấy lâu nước tôi cự lại với Thiên-triều làm vậy : Chót lỡ-làng cam chịu tội nhiều ; bởi tranh-chiến cũng vì thế bách. Xin ngài nghĩ đi nghĩ lại mà coi, nào nước tôi có phải dám đánh với nước ngài đâu. Nào dâu dám hung-hăng ra sức ; cũng chỉ lo đỡ gạt khỏi đau. Vốn là biết phận chư-hầu ; nào dám kháng-hành thiên-tử. Bởi vậy vua tôi sai tôi sang đây : Trước dưa quốc-thư ; sau trả tù-lỗ. Cũng cốt là để mà thông sứ như nay đó mà : Cống-hiến lệ âu phải giữ ; vãng-lai tình lại như xưa. Bởi vậy cũng muốn vì : Y-thường này xin đổi hội binh-xa ; lôi-đình nữa cũng ra ơn vũ-lộ.

Nguyên-chúa nói :

Hảo a ! Nam-quốc đà dâng thư tạ tội, triều-thần nên giảng-hiếu tức-binh. Bởi vậy cho nên : Đánh giẹp trận lôi-đình, sẽ mở ân phú-tái. Sứ-thần về báo cho Trần-chúa nghe : Chớ thấy thế khoe khoang tự-đại ; phải biết ta rộng-rãi hay dùng. Sẽ sai sứ sang phong ; hãy cho ngươi về trước.

Vấn rằng :

Thôi hãy cho ngươi về trước,
Âu chờ đây hết cuộc can-qua ;
Có khi chiến có khi hòa,
Binh-xa nay đã đổi ra y-thường.

Đỗ Thiên-Thữ nói :

Nghĩa trăm năm ghi-tạc ; tình hai nước giao-thông. Hải-xuân khôn xiết hàm-dung ; trời đất biết bao phú-tái.

Vấn rằng :

Trời đất biết bao phú-tái,
Mừng từ nay vững trải kim-âu ;
Nếu cho hai chữ tự-do,
Đã ân chẳng hết còn thù nữa đâu ?

Nguyên-chúa vấn rằng :

Từ nay tử-tế cùng nhau,
Đã theo công-lý có đâu cường-quyền.

(Đều vào)

Thượng-hoàng Nhân-tôn Hưng-đạo-vương đều ra.

Đỗ Thiên-Thữ ra.

Thượng-hoàng nói ;

Chẳng hay sứ-thần đi có thành-công hay không ?

Đỗ Thiên-Thữ nói :

Trăm lạy Thượng-hoàng cùng Bệ-hạ, như tôi đi phen này : Từ chúa-thượng cho sang thông-sứ ; mừng Nguyên-hoàng đã định hưu-binh. Đành đổi cuộc chiến-tranh ; đặng thông đường giao-hiếu. Người bảo tôi về trước rồi sẽ sai sứ sang đó mà : Cho tôi về tiên-cáo ; sai sứ sẽ theo sang. Bởi vậy cho nên : Nghìn thu đã vững âu vàng ; hai nước lại vầy đàn ngọc.

Nhân-tôn nói :

Hảo a ! Thực có tài chuyên-đối ; đã kết-nghĩa giao-lân. Ta sẽ thưởng cho đó mà : Hoàng-hoa ngợi-hát sứ-thần ; đan-chiếu vinh-ban hậu-thưởng. Ta cho ngươi về nghỉ, nghe.

Đỗ Thiên-Thữ nói ;

Phụng-mệnh.

(*Vào*)

Hưng-đạo-vương nói :

Trăm lạy Thượng-hoàng cùng bệ-hạ, từ nay mà đi tôi tưởng rằng việc nước cũng đã yên rồi đó mà, tôi nghĩ lại như tôi : Hồng bay đà mỏi cánh ; ngựa đá khỏi lầm chân. Giúp gian-nan bao quản nỗi phong-trần ; nghĩ thân-phận lại e đường vinh-nhục. Bởi vậy cho nên : *Cố viên tầm kính-cúc ; thu thủy ức phi lư* 故園尋徑菊, 秋水憶飛鱸. Trăm lạy Thượng-hoàng cùng Bệ-hạ xin cho lui về Vạn-kiếp mà : Thăng-long từ-giã hoàng-đô ; Vạn-kiếp lui về cựu-ẩn.

Nhân-tôn nói :

Quân chớ mời hoàng-phi ra đây.

Hoàng-phi ra.

Hưng-đạo-vương vãn rằng :

Âu đã định ngao-du thích-chí,
Còn tham gì phú-quí như ai ;
Giang-hồ khuya sớm thảnh-thơi,
Điếu-đài sánh với vân-đài là cao.

Thượng-hoàng nói ;

Giang-sơn công đã tạc ; phong nguyệt chí thêm cao. Còn mong trả nghĩa huân-lao ; đâu đã thoát vòng danh-lợi.

Vãn rằng :

Đâu đã thoát vòng danh-lợi,
Âu Thanh-tiên bận với Xích-tùng ;
Có công chẳng lấy làm công,
Xưa hồng bồng cánh nay hồng tiếc lông.

Nhân-tôn nói :

Cơn phong-ba đã trải ; lòng vàng đá không phai. Công-lao khôn dễ đền-bồi ; ly-biệt càng thêm thương nhớ.

Vãn rằng :

Ly-biệt càng thêm thương nhớ,
Tình quân-thần hội-ngộ giao-phu.
Khi lang-miếu lúc giang-hồ,
Lo dân cùng với lo vua một lòng.

Hoàng-phi nói :

Nghĩa quân thần đã trọn ; tình phụ-tử tương-thân. Nước non quét sạch hồng-trần ; sơn-thủy ngao-du lục-dã.

Vãn rằng :

Sơn-thủy ngao-du lục-dã,
Giang-sơn đành muôn thuở lưu-danh ;
Nước nhà gặp hội thanh-bình,
Nhất châu xuân-lão mãn-đình lan-hương.

Hưng-đạo-vương vãn rằng :

Tôi thờ chúa khôn-trinh một mực,
Cha dạy con nữ-tắc vài thiên ;
Nhà tiên phải giữ vẻ tiên,
Gái trong Nghiêu Thuấn người trên Hi-Hoàng.

(Hết)

VĂN-UYỂN

Mỹ-nhân tắm Đồ-sơn

Mưỡu

Đồ-sơn phong-cảnh xinh-xinh,
Sớm chiều hai buổi dạo quanh hải-tần.
Một đoàn yểu-điệu giai-nhân,
Phong-phanh nửa bức hồng-quần tắm [hoa.

Nói

Tài-tử giai-nhân bao xiết kể,
Đua nhau ra tắm bể Đồ-sơn ;
Cảnh thần-tiên còn thú đâu hơn,
Hay Nhược-thủy Bồng-sơn đây chăng [tá ?
Minh vàng vóc ngọc sao suồng-sã.
Nước biếc non xanh khéo thần-thờ;
Lối Đào-nguyên ai đã hẹn bao giờ,
Mà cỏ đón hoa đưa nên gặp-gỡ.
Để ai mênh-mang lòng thục-nữ,
Sóng tình chan-chứa giọng làng thơ ;
Vẻ khuynh-thành càng lạc nhạn trầm [ngư,
Thời đỉnh Giáp mây mưa càng tưởng- [vọng.
Làn nước bạc phau-phau tuôn mạch [sóng,
Gió đưa luồn qua cửa động Thiên-thai;
Nghìn yêu trên một nụ cười!

Bài hát xẩm vẽ cảnh tắm Đồ-sơn

Viêm-thiên, viêm thời thiên,
Nồng-nàn đương tiết viêm-thiên,
Rủ nhau ra tắm ở miền Đồ-sơn.
Tự-do còn thú chi hơn,
Giai-nhân tài-tử bàn-hoàn vui chung.
Cảnh tiên xa vắng bụi hồng,
Tưởng chừng nước Nhược non Bồng [là đây.
Xe hơi giong-ruổi đường mây,
Gió trăng mát mặt cỏ cây hữu-tình.
Cảnh này càng ngắm càng xinh,
Sớm chiều hai buổi dạo quanh hải-tần.
Một đoàn yểu-điệu thanh-tân,
Phong-phanh nửa bức hồng quần tắm [hoa.
Sắc đành cá lặn chim sa,
Rập-rìu theo giải bình-sa đi vòng.
Áo chun sặc-sỡ tím hồng,
Khăng-khăng nịt lấy lưng ong in vào.
Vầng hồng vừa nhổ non cao,
Gương trời soi tỏ má đào môi son.
Gió đưa làn sóng con con,
Rập-rờn lộ trái đùi non ngọc ngà.
Ai ơi phong-hóa nước nhà,
Bấy lâu tiến-bộ biết là bao nhiêu.
Mấy lời nhắn bạn yêu-kiều!

Đào Hữu-Khôi

Biểu mừng Hoàng-thượng hồi-loan

I

Trời Âu biển Á, bốn cõi phong-trào; núi Ngự sông Hương, nghìn năm cơ-hội. Tôi con là Nhân-vân-đình, cúi đầu muôn lạy, kính dâng bài biểu chúc mừng.

Ngửa thấy : Non sông nước Nam vua nước Nam, sổ trời vốn định; chính trị ngày mới đức ngày mới, gương thánh tỏ bày. Phú-tái ơn sâu ; bao-dung lượng cả.

Trộm nghĩ : Mưa hòa gió thuận, ở đâu cũng đất nhà vua; dân hóa tục thành, kết quả nhờ về cõi học.

Vì thế : Cổ-nhân đặt ra quan Thái-sư, quan Thái-phó ; dựng lên nhà Bích-ung, nhà Tư-thành. Tần Thủy-hoàng vũ-dũng có thừa, diệt sáu nước chú muôn dân, mà sao chẳng vẹn hai truyền, vì tri-thức hẹp ; Tống Thái-tổ thông-minh sẵn sớm, tị đã đọc thân mới dứt, mà rồi đức phục trăm họ, vì kiến văn nhiều.

Bản-triều ta nay : Tiền-đế ngài trước, cùng-kinh bác-sử, đấng Anh-tôn tài sẵn hiên-ngang ; chước-cổ tham-

kim, đấng Tuyên-đế thờ còn phảng-phất. Thanh-bình diễn cuộc, quả địa-cầu cùng các nước chen chân; khai-hóa gặp thời, trống thiên-diễn cùng năm châu gióng tiếng. Con Hồng cháu Lạc tháng Thuấn ngày Nghiêu. Gương trước chưa mờ, đèn nay thêm rạng.

Kính duy : Đấng Hoàng-đế bệ-hạ, nối nghiệp làm vua, thay trời trị nước. Tưởng lúc đông-cung còn ẩn-tích, lòng hiếu-nhân cảm-cách đến trời trên ; tới khi nam-diện đã xưng-cô, sự thể-tuất dãi bày cùng kẻ dưới. Khiêm-hư ai sánh; động-chúc không ngoài.

Lâu nay : Thế-giới cải-lương, hoàn-cầu giao-tế. Cựu-học đổi sang tân-học, như mây bay như nước chảy, hóa phục xa gần ; Đông-phương theo lại Tây-phương, nào cách-trí, nào địa-dư, uyên-nguyên sớm tối.

Gia-dĩ : Văn-minh tiếp-xúc, nước nhà đương buổi bán-khai ; Pháp Việt đề-huề, tư-tưởng vừa khi trực-tiếp. Muốn cho đồng-bào mở mặt, chỉ trời đông xây nếp vũ-đài ; quản chi thúy-bệ dời chân, vạch đất khách làm nơi học-quán. Con thuyền phong-nguyệt, sử dâng câu « hải-bất dương ba » ; chén rượu quan-san, phú chúc chữ « vật các hữu chủ ».

Sáu bảy năm xa nhà lạ nước, chỉ nhiệt-tâm về việc quốc-dân ; một đôi khi vỗ bảng giầy khoa, gặp thắng-hội vui cùng diễn-tịch. Cõi văn-hóa ra công nghiên-cứu ; đường phi-dương hết sức tìm-tòi.

Bằng nay : Bể học muôn trùng, tấc lòng thâu-thái. Chiếc quy-chiên ngang trời dọc đất, vầng thái-dương tiêu thẳng trên không. Lá vũ-mao cuốn gió vần mây ; cơn nhiệt-khí khua tan ngoài cõi. Uy-nhan gang-tấc, nghi-tượng nghìn muôn. Đức hưu-minh chói-lọi trời Châu, Thành Khang lại thấy ; nền phú-thứ rồng-rềnh đất Hán, Văn Cảnh cùng ngày.

Tôi con : Nấo bóng nhà quê ; nương thân cõi báo. Vững lòng quỳ-hoắc, hổ phận hu-bồ. Dẫu trò đời nay cạnh mai tranh, hô-hào đủ lối ; mà chút dạ trước trung sau hiếu, hoài-bão một niềm.

Muôn mong : Đèn cao sáng tỏ, chính mới dồi-dào. Chuông duy-tân cùng Nhật-bản dần khua, tỉnh cơn mê mộng ; xe bảo-hộ nhờ Pháp-đình rộng chở, tới cõi hòa-bình. Bốn nghìn năm nước biếc non xanh, ơn vũ-lộ chiếu xuân tưới khắp ; hai-mươi triệu già trông trẻ phục, tiếng sinh-ca buổi mới vang truyền. Sụp lạy chín lần ; tung-hô muôn tuổi !

Tôi con tình dưới, không xiết xưng-tụng, vậy viết bài biểu kính dâng.

NHÂN-VĂN-ĐÌNH

II

Muôn tâu Hoàng-đế bệ-hạ

Chúng dân tôi, là Bang-tá, hội-viên, đại-hào-mục, tổng-lý, tộc-biểu. và các hạng nhân-dân tỉnh Quảng-ngãi cúi đầu kính lạy dâng lời.

Nay ngửa thấy : *Thánh-hoàng du-học. Ngự-giá hồi-loan. Gió thuận, trời êm. non chào, biển rước.*

Chúng dân tôi thiệt sợ thiệt mừng, kính dâng bài biểu hạ này :

Phục-dĩ : *Vườn nhạn nghỉ yên, thôn-dã rày đà ninh-thiếp ;*

Thuyền rồng ngự lại, thái-bình trông thấy ny-nghi.

Xa-giá rực trời, ngàn thu một hội ;

Tung-hô rậy đất, trăm họ đồng lòng.

Trộm nghĩ : *Dực, Chẩn sao chia, vẫn biết sơn-xuyên có hạn ;*

Thi thơ dấu đề, mà nhưng đạo-lý không cùng.

Xưa Đế-vương chi đốc lo xa, công tương-tựu phải gắng bề Thánh-học ;

Nay vận-hội ngày thêm mở rộng, đường kiến-văn nên trải chốn danh-đô.

Xem trước, xét sau, nhờ ơn Tiên-đế;
Trông xa thấy rộng, mừng đấng minh-quân.

Khâm duy: *Hoàng-đế bệ-hạ. Thông-minh tính trời, nhân từ lượng bể. Kính vâng nghiệp cả, cầm giữ quyền cao.*

Xảy gặp cơn cuộc thế giao-thông;
Lại đương lúc tuổi trời rộng-rãi.

Vâng chỉ trước mở mang tri-thức, chín tầng trời soi thấu dạ hiếu-thành;

Tu hảo xưa dung hiệp tính-tình, muôn dặm biển thấm dầm lòng tín-nghĩa.

Dắt đàng chỉ lối, ủy-thác có ngày;
Lướt sóng chen mây, đua bơi kịp hội.

Nghĩ vận nước đương cơn phồn-tụ, tìm-tòi sao cho được thuật phú-cường;

Nghĩa trí dân đương lúc hẹp-hòi, luyện-tập sao cho rộng đường khai-hóa.

Việc binh-tài, việc chánh-trị, trông người rồi lại trông ta;

Khi đèn sách, khi hội hè, học thầy vừa thêm học bạn.

Hai độ xông-pha trên biển bạc, nguồn đạo kia gắng sức chèo thuyền;

Mười năm rèn đúc giữa thành Ba, lò văn nọ ra tay mài sắc.

Ngàn pho sách ngọc, rủa đội đồ dâng;
Muôn dặm đường máy, rồng quay mặt lại.

Trên Lưỡng-Hậu vui mừng nơi cửa phụng, nhìn thấy Ngài đà phản-giá, nét Từ-nhan đỡ lúc nhớ trông;

Dưới bá-quan chầu chực chốn sân rồng, ngửa xem chúa đã đương quyền, nền tân-chánh chờ ngày sắp đặt.

Rừng học-vấn nhờ thầy chọn giống, biết bao nhiêu cỏ lạ hoa thơm;

Chợ văn-minh mừng mẹ mua quà, không xiết kể bánh ngon vật lạ.

Chúng dân tôi: Ở trong thảo-dã, núp dưới lư-diêm. Dân của Liệt-triều, con nhà bách-tính.

Việc vua, việc quan, việc làng, việc họ, nền-nếp còn theo dấu tổ-tiên.

Nào sĩ, nào nông, nào công, nào thương, ăn-ở vẫn giữ vòng trật-tự.

Vỗ bụng hát trời Nghiêu, ngày Thuấn, chỉ lo cày chín, ăn no;

Choáng mắt nhìn nắng Á, mưa Âu, không ngỡ nghe lầm, nghĩ lạc.

Dưới dầu bởi phong-trào rối trí, mía sâu có đốt, nhà dột có nơi;

Trên nhờ đem luân-lý gọi hồn chuông đánh mới kêu, đèn khêu mới sáng.

Nhìn tấc đất ngọn rau trong cõi, nhớ đức triều-bồi;

Sắp nang cơm bầu nước bên đàng, tỏ tình ái-đới.

Nép trông: *Xét đường tân-học, suy lối thiệt-hành.*

Nghĩa bang-giao Pháp-Việt hòa hai;
Nền quốc-chánh, Á Âu hiệp một.

Lợi nên làm, hại nên bỏ, gấm thêu tô vẽ nước nhà Nam.

Khát cho uống, đói cho ăn, quyền-lợi đỡ-đần con cháu Việt.

Sẽ thấy: *Non Bình bến Ngự, cơ-đồ thêm vững nghiệp thái-bàn.*

Núi Ấn sông Trà, cây cỏ cũng nhuần ơn vũ-lộ.

Chúng dân tôi chẳng xiết run sợ, vui mừng, kính dâng mấy lời hèn mọn, cúi đầu xin Ngự lãm.

Nay kính tâu

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Bấy lâu nay bản-chí vẫn có một mục « Thế-giới đại-sự ký », biên các việc lớn trong thế-giới theo thứ-tự từng ngày. Nay trong bạn độc-giả có bàn rằng mục ấy biên-tập rất công-phu, nhưng các việc rời-rạc vụn-vặt, đọc không hứng-thú, nên chọn lấy mỗi tháng một vài việc lớn, hoặc dịch-thuật ở các báo tây, hoặc trích lục ở các báo ta, có lẽ còn hay hơn. Xét ra lời bàn ấy cũng có lẽ, vậy từ nay xin cứ theo như vậy. Kỳ này trích một bài của bạn đồng-nghiệp Đuốc Nhà Nam *dịch bài báo Nhật nói về thời-cục Á-đông, nhân tiện để giới-thiệu bạn đồng nghiệp cho các độc-giả ngoài Bắc, vì* Đuốc Nhà Nam *bấy lâu bị cấm, nay mới lại được lưu-hành ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ.*

∴

Thái-bình-dương bất-bình!

Theo điện-tín A. R. I P. thì bữa 15 Septembre, Nhật-bản đã thừa-nhận Mãn-châu-quốc rồi, và hai nước Nhật Mãn đã ký điều-ước bang-giao với nhau rồi. Cái cử-chỉ ấy của Nhật, chẳng những có ý muốn nói với Tàu mà thôi, họ lại nói với Hội Vạn-quốc và liệt-cường Âu Mĩ rằng: «Mãn-châu là của chúng tôi, nay chúng tôi nói ngay như vậy đó, không khi nào trả lại cho Tàu, cũng không mượn ai ghé miệng tới».

Từ ngày 18 tháng này năm ngoái, có việc Mãn-châu đến giờ, thì ai cũng biết đó là cái mồi châm lửa cho một cuộc chiến-tranh rất lớn ở Đông-phương nay mai. Nhật Nga chiến-tranh, hay Nhật-Mĩ chiến-tranh, sao cũng phải có. Nghĩa là Thái-bình-dương sắp đến lúc «bất-bình» vậy.

Người Nhật đã tiên-liệu chỗ đó rồi, cho nên thấy báo *Triều-Nhật tân-văn* ở Đại-bản, là tờ báo có tiếng, đã bàn vấn-đề ấy rất kỹ. Họ dự-toán cuộc sống chết mất còn của người Nhật họ, và đoán trước nếu có chiến-tranh thì liệt-cường Âu Mĩ đối với Nhật ra sao và Nhật đối với liệt-cường ra sao?

Bài nghị-luận thời-cục đó dài và hay lắm, chúng tôi muốn lược-thuật ra ấy để hiến chư vị độc-giả vẫn hay lưu-tâm đến việc ngoài. Từ đây trở đi, toàn là lời của người Nhật nói.

∴

Từ khi có cuộc biến đổi ở Mãn-châu phát-động ra tới nay, mà cái làn sóng gió chiến-tranh, hình như nó đã muốn nổi dậy rầm-rầm lên ở mặt biển Thái-bình-dương, và hết thảy các nước ở về phía Cực-Đông. Ai là người biết cuộc đời, cũng đều đoán trước rằng biển Thái-bình sau này sẽ là cái mả lớn chôn những xác chiến-hạm và xác hải-quân.

Cái đó đã hẳn rồi; nhưng về phần đế-quốc Nhật-bản ta đây phải liệu-tính sao?

Một mai lửa chiến-tranh cháy lên, thời người Nhật ta phải chịu ảnh-hưởng trước nhất, nghĩa là ta chính là người phải đứng đầu làn sóng ngọn gió, phải ra tay buồm lái mà chống lại với cuồng-phong! Đó là một cái lẽ tất-nhiên của người Nhật ta phải ra gánh lấy, không thể mượn ai thay mình được.

Nếu giờ ta không biết liệu-định trước đi để đến « cơn gió cả mà ngả tay chèo » thời nước Nhật này sẽ phải theo chân nước Đức (là thất bại)! Điều này chắc các bộ tham-mưu, và các nhà quân-sự trong nước ta, ai ai cũng thừa biết. Hoặc còn có người chưa nghĩ tới, bởi vậy bản báo xin thảo ra một thiên đại-luận này, để gọi tỉnh những hồn võ-sĩ và hồn quốc-dân, xin ai nấy phải đem lòng chú-ý.

. .

Nước ta khu-vực rất hẹp-hòi, vật-sản không đủ tự-cấp lối chừng 60 năm nay, dân-số trong nước, mỗi năm tăng lên tới 72 muôn người. Món lương-thực đã không đủ chia nhau ; mà những món vật-liệu cần-dùng ở trong trường công-nghệ, phần nhiều là phải nhờ ở ngoại-quốc chở vào. Một mai vì sự chiến-tranh mà người ta khóa cửa biển lại và chặn mất đường đi, thôi thời người mình đành chịu bó tay nhịn đói, không còn thuốc gì mà chữa được.

Vậy thời cái phương-châm phòng-bị trước hết của nước ta ngày nay, là phải chú-trọng về con đường giao-thông ở trên mặt biển ; và phải hết sức bảo-hộ cho những món nguyên-liệu thuộc về phần công-nghiệp của nước ngoài chở vào. Những món trọng-yếu nuôi sống cho trường công-nghiệp của mình, là ở nước Tàu và nước Nga. Mà cái trách-nhiệm bảo-hộ cho cuộc vận-tải của họ được bình-an lại ở đế-quốc Nhật-bản mình ; đó là một cái vấn-đề trọng-yếu thứ nhất, không thể nào bỏ qua được. Lại phải ra công bảo-hộ quyền-lợi cho hai xứ Mãn-châu và Mông-cổ. Và lại phải chủ-trương cuộc hòa-bình về miền Cực-đông. Cái lý-do ấy xin giải-thích ra sau này :

1° — Quân-bị của đế-quốc, lấy sự hộ-vệ đất nước, duy-trì cuộc hòa-bình ở phía Cực-đông, và bảo-hộ quyền-lợi Mông Mãn làm chủ-đích.

2° — Hồn-phách của hải-quân nước ta ở cả phương-diện phía tây Thái-bình-dương, ta không thể nhường cho hải quân nước nào ở trên ta được. Có như vậy mới chiếm được cái oai-quyền ở trên mặt biển, mới tranh được cái quyền tất-thắng.

3° — Nhất-định giữ-gìn con đường giao-thông ở trên biển châu Á cho an-toàn, và nắm trọn lấy hải-quyền biển Nhật bản, biển Hoàng-hải, biển Trung-quốc ; cùng là đường không-trung (đường máy bay trên trời nữa ; những cái đó mình phải nắm hết. Có như vậy mới cản được quân giặc không cho bước tới, mà binh-lực mình mới có thể tự-do hành-động được.

4° — Lục-quân để bảo-hộ đất nước mình đã hẳn rồi, còn phải bảo-hộ cho Mông-cổ và Mãn-châu cho được an-toàn nữa. Lại phải bảo-hộ những món vật-liệu của nước Nga nước Tàu cho an-toàn, những món đó là món để nuôi sống cho trường công-nghiệp mình, không thể để cho nước nào xâm-phạm được.

. .

Phàm việc quân-bị, trước khi tranh-chiến phải giả-tưởng ra một địch-quốc để mà tính những công-chuyện phải đối-phó ; nào đâu là tình nước thế giặc, nào đâu là việc phòng-bị, việc chiến-tranh ; nhất-thiết phải suy xét cho rõ-ràng, không thế thời không thể sinh-tồn được.

Lấy hiện-trạng của các nước mà bản, ta xin giả-tưởng ra các địch-quốc như vầy, chia làm 5 khoản :

1° — Ví-dụ lấy nước Mĩ làm nước đối-địch.

2° — Nước Tàu, nước Nga, hai nước liên-binh mà đối-địch.

3° — Nước Tàu, nước Nga và nước Mĩ ba nước liên-binh mà đối-địch.

4·— Nước Tàu, nước Nga, và Hội Vạn-quốc làm đối-địch.

5·—Nước Tàu, nước Nga, nước Mĩ, và Hội Vạn-quốc làm đối-địch.

Mông, Mãn hai xứ đó là cái sinh-mệnh của đế-quốc Nhật-bản ta. Ta phải ra tay bảo-hộ lợi-quyền cho hai xứ đó, sao khỏi sinh ra sự bất-bình với ba nước kia. Nếu cái khoản thứ 1, thứ 2, mà không khéo thời biến thành ra khoản thứ 3 hoặc biến thành ra khoản thứ 4, thứ 5 nữa chưa biết chừng. Về phương-diện đối-phó với Trung, Nga, thời còn có thể; chớ về phương-diện đối với cả nước Nga, nước Tàu, nước Mĩ, và cả Hội Vạn-quốc, thì vấn-đề ấy thiệt là trọng-đại lắm, chưa biết dùng phương gì mà đối-phó được. Các nhà cầm quyền quân-sự nước ta ngày nay chưa chắc đã chú-ý lo-liệu tới, hoặc là họ khinh-thị đi có lẽ.

. . .

Sau khi ta chiếm-cứ Mãn-châu rồi, thì cái làn sóng chiến-tranh trong thế-giới ngày một bồng-bột. Vạn-nhất mà nó đổ bề ra ở biển Thái-bình-dương, thời cái thế được thua về ai cũng chưa dám chắc. Nay ta hãy lấy cái tình-hình quốc-tế đối với nước ta mà ta dự-đoán thử xem sao?

Ví-dụ Đế-quốc Nhật-bản ta mà đối-địch với nước Mĩ, ta cũng không đủ sợ.

Có người nói rằng: Cái điều-ước «Hải-quân» ở Luân-đôn hạn-chế hải-quân của ta, chỉ cho ta được đóng tầu có chừng thôi, không được quá hạn; sự hạn-chế đó thiệt có phương-ngại tới binh-lực của ta...

Những người lo sợ như vậy có khác gì lo trời đổ! Cái điều-ước ở Luân-đôn, hạn-chế điều hải-quân các nước, bắt phải có hạn. Nhưng cứ cái số-hạn đó mà nói, thời Hải-quân của ta ở trên biển Thái-bình-dương này, cũng đủ sức đối-địch với quân Mĩ. Vả lại nước Mĩ ở cùng tột về phía tây Thái-bình-dương, họ muốn dặm đem quân đi lại rất khó; còn quân Nhật ta thời ở ngay đây, không phải đi đâu; ta lấy «tĩnh» mà chế «động», lấy sức «thong-thả» mà đối-phó với sức «lao-khổ». Lại binh-lực cũng đều nhau, vậy kết-quả thế nào quân ta cũng chiếm được phần tối-hậu thắng-lợi. Đó là mới tính một phương-diện, mà ta đã có phần lợi rồi.

Xét về phương-diện hải-quân bên Mĩ, thì quân-hạm e nay họ còn chưa đủ, phải tới năm 1936 họ mới được hoàn-toàn. Vậy thời trong khi chiến-tranh ta đã nắm chặt được phần thắng, quân Mĩ không khi nào dám khinh-thị ta mà khiêu-chiến với ta đâu.

Trên kia ta nói «không đủ sợ», không phải là nói rằng tầu binh của quân Nhật ta có thể đánh vào tới hải-phận nước Mĩ, khiến người Mĩ phải cúi đầu hàng-phục đâu. Việc đó là một việc không thể sao làm được rồi, nếu ta giỏi chăng nữa, thời cũng chỉ đánh vào tới đồn hải-quân của họ ở Phi-luật-tân, nhưng đó cũng còn là một điều mơ-tưởng mà thôi, chớ chưa dám chắc. Điều ước-vọng của đế-quốc Nhật-bản ta bây giờ chỉ mong làm một vị *chủ nhân-ông* ở phía tây Thái-bình-dương, mà giữ riết không cho nước Mĩ xâm-phạm tới thế-lực mình là được rồi; còn đến sự tung-hoành thiên-hạ, làm chúa cả hoàn-cầu thời chưa dám mong tới.

Đến như khoản thứ 2, là khoản Trung hay Nga đánh nhau với nước mình, tôi dám chắc khoản này thời đế-quốc ta thế nào cũng nắm phần chắc thắng.

Xét về phương-diện lục-quân của nước Tàu, trong khoảng mười năm nay, trong nước họ anh em đánh lộn nhau hoài, bọn võ nhân lên cầm quyền, binh-lực mỗi năm tăng lên dữ lắm, dẫu không biết số chắc được bao nhiêu, nhưng phỏng chừng có cũng chỉ 200 vạn quân thôi. Ngoài ra còn mấy tỉnh: Vân-nam, Tứ-xuyên, Quảng-tây,

Qui-châu ; bốn tỉnh ấy cũng có độ chừng 36 vạn quân nữa, mà phần nhiều là những quân ô-hợp thì dẫu nhiều cũng không làm gì. Và lại đường-sá xa-xôi, chưa dễ một lúc mà quân ấy đã đem tới Mãn-châu được.

Xem binh-lực Tàu như vậy, ví-dụ anh em trong nước họ hồi này có bỏ hết tư thù, mà đem toàn-lực ra đối-phó với ta đi nữa, thì chẳng qua họ cũng chỉ có độ 1 trăm 20 vạn quân là nhiều.

Lại coi binh-lực Tô-Nga xem sao ? Quân Nga, trừ ngoại quân chánh-ngạch ra, tính cả quân-đội bảo-an của dân, hợp-cộng lại lối chừng 1 trăm 20 vạn. Trong 1 trăm 20 vạn quân này, nước Nga còn phải chia ra đối-phó các phương-diện khác, thế thời trong khi chiến-tranh, nước Nga đem quân qua cõi Viễn-đông, có nhiều lắm cũng chỉ tới ba bốn chục muôn quân mà thôi.

Số lục-quân của Nhật ta hãy kể cái số quân đương tại-ngũ bây giờ, cũng đã tới số hai, ba chục muôn quan rồi. Tới khi khai-chiến với Trung, Nga, lại thêm số quân trừ-bị vào nữa, thì có kém gì số hai. ba trăm muôn. Vậy thì quân ta đối với số quân của hai nước kia, cũng chẳng hơn nhau là mấy. Cho nên ta dám chắc rằng đế-quốc ta đối về cuộc chiến-tranh với một nước trong hai nước đó, cũng chắc là ta được thắng-lợi.

Đến khoản thứ 3, là khoản Trung, Nga hiệp-lực mà đối-địch với mình, hay là cả nước Mĩ dự vào nữa. Cái thế được thua thế nào, trước hết ta nên xét cái sức kinh-tế trong nước ta xem có thể gánh chịu được không, để liệu kế đối-địch chế-thắng mới được. Theo ý tôi, thì điều tốt hơn hết là binh ta phải dùng cái thủ-đoạn « tốc-chiến », nghĩa là đánh cho mau, đánh rốc tới mới được ; chớ nếu đánh nhau dằng-dai, thời cái thế được thua về ai, nay chưa thể nói trước được.

Bởi vì đánh nhau lâu bao nhiêu, cái sức kinh-tế của nước mình càng hụt đi bấy nhiêu. Mà nước Mĩ là một cái nguồn giàu-có, có thể ngày thêm lương-thực, ngày thêm chiến-cụ được mãi. Hễ họ càng thêm các món đó lên bao nhiêu, thì cái sức chiến-đấu càng mạnh bấy nhiêu. Sức chiến-đấu càng mạnh chừng nào, thì người mình càng khó chịu chừng ấy. Điều đó người nào hơi hiểu qua việc binh, cũng có thể nói được. Chẳng những vậy thôi, lại nếu cái sức chiến-đấu của nước Mĩ tăng lên chừng nào, thời tất-nhiên cái sức chiến-đấu của hai nước Trung, Nga, cũng tăng theo lên chừng ấy. Tới lúc đó cái tình-cảnh gớm-ghê nó hiện ra tới bậc nào, bây giờ cũng không có thể đoán trước.

Nói rộng mà nghe, nếu vạn-nhất Hồng-mao cũng hiệp-lực với ba nước mà địch với mình, khác nào cọp mạnh lại mọc thêm cánh ra, chừng ấy cái cảnh chống đỡ của mình hiểm-nghèo khốn-khổ ra sao, thiệt khôn kể xiết.

Cứ lấy ngay chuyện Nhật Nga tranh-chiến hồi trước ra mà xét suy : Hồi đó nước ta chống-chọi với quân Nga, trước sau 20 tháng, đã lấy làm khốn-đốn lắm rồi. Giả-tỉ bên Nga họ biết cái nội-tình của mình, mà họ kéo dài ra độ một năm hay nửa năm, thời mình cũng phải đến lạy họ mà cầu-hòa thôi. Điều đó, là sự bí-mật của nước mình, tới nay cũng ít người đã biết. Cái tình-hình ngày nay với tình-hình ngày trước, dẫu có khác nhau, nhưng khốn-nạn thay cho nước Nhật-bản đáng thương này, phần thời sức kinh-tế còn nghèo-nàn, phần thời nguyên-liệu về công-nghệ còn thiếu-thốn, mà lại muốn đánh nhau với quân giặc lâu ngày chầy tháng sao nổi ? Bởi vậy những người kiến-thức ở trong đời này họ đều nói rằng : « Đánh nhau với quân Nhật, không gì bằng dùng chước đánh cho lâu ngày là ăn ! »

Tóm lại mà bàn, các phương-lược đối-phó với cuộc chiến-tranh của nước mình ngày nay, thử bỏ con toán mà toán coi, còn có kế gì hay hơn là kế « tốc-chiến » nữa. Đó là dùng cái chước « *sét đánh không kịp bưng tai* » một trận đánh mà chiếm lấy những nơi yếu-địa của quân giặc, dầu cũng chưa giết chết họ được ngay, nhưng ta nắm được phần lợi vào trong tay ta đã.

Cũng như việc Mãn-châu vừa rồi, quân ta cũng dùng cái lối gió cuốn mây bay mà phá quân Tàu và chiếm lấy những chốn trọng-yếu ở phía Cát-lâm, Liên-đông, để đè ép cái sức mạnh của quân Tàu xuống. Nếu ta dằng-dai lâu ngày, thời quân giặc tất dùng cái phương-lược « cửu-chiến » (đánh lâu) cho trễ-nải quân-khí của ta, cho hao-tổn tài-lực của ta, thì ta cũng khó lòng mà chế thắng được. Tôi đoán chắc rằng trong cuộc chiến-tranh ở Thái-bình-dương sau này, nước Mĩ tất dùng đến cái chánh-sách đó.

. . .

Từ ngày có Hội Vạn-quốc thành-lập tới nay, đã làm cái khí-cụ ngăn đón sự chiến-tranh; mà cái điều-ước «Phi-chiến» cũng bởi đó mà xuất-hiện. Nhưng dầu vậy mặc lòng, cuộc thế-giới đại-chiến thứ hai này cũng không thể nào tránh khỏi. Đó là cái hình-thế nó đã một biến đi rồi, những người yêu-mến hòa-bình ở trong thế-giới này, ai cũng công-nhận thế cả. Chỉ có phe võ-nhân ta là chưa từng xét tới những điều-ước của Vạn-quốc và cái tinh-thần của tờ điều-ước « Phi-chiến » ra sao, cho nên phe võ-nhân cứ thẳng tay làm theo ý muốn của mình, tự cho là tài là giỏi.

Từ khi xảy ra cuộc biến ở Mãn-châu tới nay, hình-thế thiên-hạ nó biến đổi mỗi ngày mỗi khác; đó cũng là một bài học mới cho những đám võ-nhân ta mà đầu óc còn mờ-tối! Cái hình-thế chiến-tranh nó đã biến-đổi đi rồi, thời cái ảo-tưởng của nhà quân lâu rày nó cũng tiêu-tan đi hết.

Ta sẽ đem con mắt mà quan-sát đại-thế của thế-giới ngày nay, thời-cục Thái-bình-dương chiến-tranh sau này nó biến sinh ra có bốn điều:

1o Trong khi chiến-tranh ở Thái-bình-dương, nếu nước mình lợi-dụng Hội Vạn-quốc để chống với nước Mĩ... Có lẽ nước Anh cũng coi Hội Vạn-quốc làm hệ-trọng, không dám giúp sức cho giặc. Vậy thời cái chính-sách đối-ngoại ấy đã không ăn thua gì rồi.

2o Vì cái vấn-đề Mông, Mãn này mà phát-sinh ra cuộc chiến-tranh Thái-bình-dương ở Viễn-đông. Nước Nhật phải đối-địch với một phương-diện Tàu, hay là cả phương-diện Nga nữa. Bất-luận nước Mĩ, hay những nước nào ở trong Hội Vạn-quốc thảy đều giữ tiếng, ai còn muốn dính vào cái cuộc nguy-hiểm ấy làm chi.

3o Trong những điều-ước Vạn-quốc, và điều-ước « Phi-chiến », ngoài cái quyền tự-vệ (tự giữ mình) ra, thì đã có những điều-ước kia khác, cấm-chỉ việc chiến-tranh. Hiện nay quân ta hành-động ở Mãn-châu, thật là kế tự-vệ; thế mà các nước đồng-minh đều sinh lòng ghen-ghét, cứ đồ riết cho Nhật-bản là hoành-hành chiếm-cứ đất nước của Tàu. Vì thế mà ta ở trong Hội Vạn-quốc có nhiều điều bất-lợi. Vậy thì trong cuộc chiến-tranh sau này, ta dầu định sẵn cái chủ-nghĩa «đánh mau» và « dứt mau » là cái chủ-nghĩa hành-động, như gió cuốn mây bay, mà chiếm lấy những nơi hiểm-yếu của nước giặc, để làm cái phên che cho mình, nhưng mà nếu ta còn sợ sinh hiềm-thù với thế-giới, thời quyết ta không nên làm cái đạo nguy-hiểm ấy.

Cái vấn-đề bảo-hộ lợi-quyền ở Mông, Mãn, hết thảy quốc-dân ta lâu nay, ai cũng trông cậy vào đám võ-nhân,

làm bức thành che cho mình. Nhưng từ đây về sau, cái bức thành đó chưa chắc đã hoàn-toàn. Nếu cái thành đó mà không đứng vững, thì nước Nhật-bản chửa dễ đã ngồi yên. Vấn-đề Mông, Mãn sau này, nếu vạn-nhất mà Trung, Nhật hai nước trực-tiếp với nhau, kiếm cách hòa-giải đi được, cho khỏi sinh ra những nỗi bất-bình, mọi điều rắc-rối, như thế còn gì hay hơn nữa. Được vậy thì bốn điều vừa nói ở trên kia, cũng hóa ra lời bàn suông nói hão, không đủ lo nữa.

Trái lại nếu chuyện Mông, Mãn rắc-rối, cứ kéo dài ra hoài, mà không biết xếp-đặt điều-đình cho khéo, thì nước Nhật mình sẽ làm nước Đức thứ hai, cũng chưa biết chừng ?...

Trở lên bốn khoản, hỡi các nhà võ-sĩ, hỡi anh em quốc-dân, nên ghi vào trong óc, phòng khi đối-phó với thiên-hạ, chớ không nên coi làm thường !

. . .

Vấn đề Mông, Mãn vẫn y-nguyên cái tính-chất phân-tranh, thì người nước ta phải lo giải-quyết nó trước hết, cho nó không nẩy mầm nguy-hiểm lên nữa, họa chăng mới khỏi sinh chuyện khó-khăn về sau cho ta.

Cái vấn-đề này đều thuộc về quyền tự-vệ mà phát-sinh mặc lòng, nhưng chỉ khó một điều cho ta, là người Trung-quốc họ cố giữ cái chủ-nghĩa : « *Bất-đề-kháng* » mà đối-đãi với mình ; họ không khi nào chịu ra mặt khai-chiến với mình, họ chỉ dựa vào Vạn-quốc, vậy mà làm khó dễ cho ta lung lắm.

Nếu ở giữa Mông Mãn, mà hai nước biết cách giao-thiệp trực-tiếp hòa-giải với nhau, thì việc đó có khó gì ? Không vậy thời nước Nhật muốn hưởng cái quyền-lợi tốt-đẹp ở Mông Mãn cũng khó lòng lắm, không biết chừng lại gây nên thù-oán với nước Mĩ nước Nga và cả thế-giới nữa.

Đến lúc đó, nó buộc ta vào tử-địa không đánh không xong, mà đánh thời bốn mặt cùng là giặc cả, nguy thay !

Chính-phủ ta lúc ở Hội Vạn-quốc chỉ yêu-cầu có một khoản : « Xem xét lợi-quyền đế-quốc Trung-hoa ở Mãn-châu » thôi, ngoài ra không có yêu-cầu gì hết. Vì cái nguyên-nhân còn thiếu sót thế ấy, nay xẩy ra vấn-đề Mãn-châu, nên người ta lấy làm than phiền lắm. Chớ chi lúc ban đầu mới có « *Phi-chiến công-ước* » tuyên-bố ra, nước Mĩ cũng tuyên-ngôn giữ cái chủ-nghĩa « *Môn la* » (*Monroï*) (là chủ-nghĩa không can-thiệp đến việc nước khác), nước Anh cũng tuyên-ngôn có những cái khu-vực riêng ; tóm lại nước nào đối với việc ký tờ công-ước ấy cũng nắm một phần lợi riêng cả, nếu như lúc ấy bộ Ngoại-giao Nhật-bản ta cũng đem vấn-đề Mãn, Mông ra mà thỉnh-cầu, thì ngày nay ta có chiếm-cứ Mãn-châu, Hội Vạn-quốc cũng không lấy cớ gì mà phiền-trách và làm khó dễ cho ta được nữa. Đó thật là một sự vụng tính của bộ Ngoại-giao mình, nay việc đã qua rồi, ăn-năn không kịp nữa.

(Trích *Đuốc Nhà Nam*)

Thời-cục nước Tàu.— Tình-hình chính-phủ Nam-kinh.— *Kỳ trước đã nói qua về việc Uông Tinh-Vệ sở-dĩ yêu-cầu Trương Học-Lương từ chức, vì Uông cho rằng Trương không quyết tình chống cự với Nhật, để Mãn-châu lọt vào tay Nhật một cách dễ-dàng ; rồi muốn lấy tiền công mà làm việc riêng, lại thác ra kế chống-cự Nhật ở Nhiệt-hà.*

Trương Học-Lương vừa mới lĩnh hai triệu Mĩ-kim, nói là dùng vào việc quân-phí trong lúc chống-cự với Nhật ở Triều-dương, và lại còn yêu-cầu chính-phủ phải cung-cấp mỗi tháng ba triệu nữa để phấn-đấu kỳ cùng với quân Nhật.

Nên Uông thốt-nhiên từ-chức là muốn yêu-cầu cho Trương cùng từ-chức.

Đang lúc trong nước cần phải đoàn-kết để đối ngoài, bỗng xảy ra việc Uông và Trương vì ý riêng mà khuynh-loát nhau, hội Dân-chúng cứu-quốc Thượng-hải có thông điện đi các nơi kể tội hai người, tóm lược như sau này :

« Dân-quốc không may, họa-hoạn luôn năm, không bị kẻ cường-địch khi-lăng, thì bị kẻ quân-phiệt đồ-độc. Trương Học-Lương vì thèm cái địa-vị Hoa-bắc, mang 30 vạn quân vào Sơn-hải-quan, tham dự cuộc nội-chiến, khiến chủ-nghĩa đế-quốc Nhật-bản thừa cơ chiếm cứ Thẩm-dương, lại mất nốt cả đến Cẩm-châu là nơi trọng-yếu. Gần đây tình-thế Nhiệt-hà khẩn cấp, đang lúc quốc-dân rát cổ kêu cầu, mà Trương Học-Lương mượn cớ đề-kháng đòi số tiền to, thực thì đóng binh không động ; còn Hành-chính viện-trưởng Uông Tinh-Vệ cũng nhân cơ-hội ấy, mượn việc ấy làm cớ, thông điện từ-chức để mong lấy lòng người nước. Trộm nghĩ Trương Học-Lương để mất đất hại nước, cái tội thực đáng giết rồi, mà Uông Tinh-Vệ lại mượn cớ lừa người để che cái vết xấu, quốc dân cũng nên hỏi tội. Xét ra Uông Tinh-Vệ vốn là một tên giáo-giở không thường, nhân dịp Nam-kinh và Quảng-đông hợp-tác, bị lòng lợi-dục xui khiến, không sợ trái chủ-nghĩa Cách-mệnh, liền đàm đầu theo kẻ quân-phiệt làm hại nước nhà ; việc chiến-tranh ở Thượng-hải xảy ra, liền chốn đến Lạc-dương, mặc kệ đạo quân 19, kết-cục vì viện tuyệt mà phải lui giữ Tô-châu và Côn-sơn, mà Uông thì nịnh quân địch xin giảng-hòa, ký điều kiện nhục nước. Nay Uông và Trương lại mượn cái tiếng ái-quốc, công-kích lẫn nhau, nói cái tình ý bên trong, chỉ là vì tranh nhau quyền lợi mà ra thế. Vì chính-cục Nam-kinh, sự kết-cấu bấy lâu, đều là vì quyền-lợi mà ngẫu-hợp, vậy thì sự quyết-liệt cũng chỉ vì quyền-lợi xung-đột mà xui nên. Nay Uông, Trương quyết-liệt, thông điện từ-chức, tuyệt không phải vì việc nước, chỉ là tranh nhau miếng ăn, nói thế này, ý thế khác, để đánh lừa dân chúng mà thôi, v...v... »

Tưởng Giới-Thạch chực làm cho Trương Học-Lương và Uông Tinh-Vệ lại thân-thiện nhau nhưng không xong.

Uông Tinh-Vệ tự-nhiên lại đi Hàng-châu, xin cử người thay mình hai tuần lễ trong Trung-ương chính-vụ của Quốc-dân-đảng. Thế là Uông lánh đi để không cho ai cố khuyên lại về Nam-kinh được.

Tống Tử-Văn, quyền chủ-tịch viện Hành-chính cũng đi Hàng-châu để thương-nghị cùng Uông Tinh-Vệ và Ngũ Triều-Khu về cái tình-thế chính-trị.

Tưởng Giới-Thạch thấy hiện nay không thể lập chính-thể độc-tài được thì Tưởng sẽ mời Tôn Khoa về cử vào chân Uông làm chủ-tịch viện Hành-chính, Tưởng làm ra thế là vẫn nhờ thanh-thế Quốc-dân-đảng. Tôn Khoa tới Thượng-hải có nói với các báo-quán rằng ông không mong được thế chân cho Uông Tinh-Vệ vào chức chủ-tịch viện Hành-chính, nhưng ông có tuyên-bố cái chương-trình chính-trị của ông, nói rằng nay cần phải đề-binh trừng-phạt Mãn-châu ngay, chứ không đợi tờ trình của hội-đồng Lytton được.

Trương Học-Lương hiện vẫn lưu ở Bắc-bình, vì tình-thế Nhiệt-hà khẩn-cấp, điện giục Tưởng Giới-Thạch lên miền Bắc, giữ trách-nhiệm ngự-địch. Trước khi Tưởng chưa đến Bắc-bình, Trương phải ở lại đó coi nom mọi việc. Trương có nói chuyện với một viên ký-giả rằng mình dẫu đã từ-chức, nhưng vẫn xin đem cái thân ở nơi điền-dã cố sức chống Nhật. Cứ như ý-kiến của Trương thì số quân đội thuộc tỉnh Nhiệt-hà cộng có tám lữ-đoàn đều có

số lương-thực khí-giới tiếp giúp đầy-đủ, đủ để chống Nhật. Trương có triệu-tập cuộc quân-sự hội-nghị, bàn cái kế hoạch kháng Nhật ở Nhiệt-hà. Chính-phủ Trung-ương đã hạ lệnh cho Trương Học-Lương, Thang Ngọc-Lân ra sức đề-kháng.

Sau khi hội-nghị Bắc-bình nhóm xong, thì Trương Học-Lương đồng-tình với các tướng lĩnh miền Đông-bắc quyết ra sức kháng Nhật. Vì vậy mà vừa rồi quân Trương Học-Lương và quân Nhật giao-chiến nhau kịch-liệt tại Liêu-đông. Ngoài Liêu-đông ra, quân Tàu và Nhật còn gặp nhau nhiều chỗ nữa, như ở Haicheng. Hai bên đều chịu thiệt-hại nhiều cả

Ngày kỷ-niệm.— Ngày 18 Septembre này là ngày kỷ-niệm quân Nhật đánh Thầm-dương, có nhiều cuộc biểu-tình. Viện Hành-chính Quốc-dân-đảng có hô-hào dân nước Tàu nên đồng-tâm hiệp sức, dùng sức đối sức. Đúng 11 giờ sáng hôm ấy các người Tàu sẽ nhắm mắt trong 5 phút thay vào một phút lặng yên.

Dân-số nước Tàu gần đây tăng lên nhiều, theo bản thống-kê vừa rồi của bộ Nội-vụ thì dân số Trung-quốc có tới 475 triệu người. Đối với bản thống-kê của vua Càn-long đời Thanh thì dân số Tàu nay đã thêm được 75 triệu người.

Công việc tiễu Cộng.— Phong-trào Cộng-sản hiện đương tràn ngập gần phần nửa nước Tàu, mấy tỉnh Hồ-bắc, Hồ-nam, Giang-tây, Phúc-kiến, Quảng-tây và khắp cả miền Trường-giang cho đến gần Hán-khẩu đều có quân cộng-sản đóng ở đó, thế-lực của họ làm cho chính-phủ Trung-ương ngồi đứng khó yên.

Tưởng Giới-Thạch tự xuất-chinh phạt Cộng, nhưng ít lâu nay chưa thấy đàn-áp nổi.

Đạo quân 19, sau cuộc xung-đột ở Thượng-hải, đã do đường bộ tới An-đông, đánh quân Cộng-sản lui nhiều. Nhưng miền này hiểm-trở ; đường-sá khó-khăn, quân chính-phủ khó lòng tiến nhanh được. Vả lại miền này đã lâu ngày vẫn có quân Cộng-sản đóng đánh đuổi được chúng đi cũng chẳng dễ.

Cuộc tiễu Cộng chưa thấy có kết-quả gì. Quân Cộng-sản ở miền này bị đánh lui lại kéo sang những-nhiễu miền khác, tàn phá các nơi chúng kéo qua. Cái « nạn đỏ » ở Tàu chưa biết đến ngày nào mới giải-quyết được.

Nhật đánh Nhiệt-hà.— Gần đây quân Nhật sở-dĩ tiến binh đánh Nhiệt-hà là vì Thạch-Bản (người của Bản-Trang sai đi chiêu dụ Thang Ngọc-Lân chủ tịch Nhiệt-hà) bị mất tích.

Người Nhật đánh Nhiệt-hà chỉ chuyên dùng máy bay. Mỗi một lần máy bay Nhật bay tới thì thành-thị ở Nhiệt-hà đều hiện ra cái vẻ điêu-linh cả. Đã có lắm người Tàu bị chết về cái nạn máy bay ném trái phá của người Nhật.

Cái tin Thạch-Bản bị mất tích thì người Tàu cho là người Nhật bịa đặt ra. Song gần đây có điện-tín Bắc-bình nói: Tư-lệnh quân nghĩa-dũng là Lý Hải-Phong có điện cho Bản-Trang rằng: Nếu máy bay Nhật mà còn bay lại liệng trái phá xuống nữa, thì Lý sẽ khoét bụng Thạch-Bản ngay, hễ cứ một quả bom ném xuống là bụng của Thạch-Bản bị khoét đi một lỗ.

Xem thế thì cái tin Thạch-Bản bị mất tích đó quả là cái tin có thật.

Toàn-quyền đại-sứ Nhật là Võ-Đằng nhân bọn Hi-Hợp, Trương Hải-Bằng, Vu Chỉ-Sơn đến Thầm-dương hoan-nghênh, mở cuộc hội-nghị quân-sự, nói ý bộ lục-quân chính-phủ Đông-kinh cần phải giải quyết Nhiệt-hà để tuyệt đường liên-lạc của quân nghĩa-dũng ở Nam-Mãn với Trung-quốc. Vả người Nhật thấy thế lực quân phản Nhật ở Mãn-châu rất lớn, vì giữ ý với quốc-tế,

định cho nước Mãn-châu ra mặt, phái các quân Trương Hải-Bằng, Hi-Hợp, Vu Chỉ-Sơn lấn vào Nhiệt-hà mà quân Nhật ngầm làm hậu-thuẫn.

Dân-đoàn Nhiệt-hà có đến bốn vạn quân liên-hiệp với quân nghĩa-dũng cùng chống Nhật.

La Văn-Cán sau cuộc hội-nghị cùng Tưởng Giới-Thạch ở Bán-khẩu, có tuyên-ngôn rằng Tàu sẽ hết sức kháng-cự nếu nước Nhật kéo đến Nhiệt-hà.

Chính-phủ các nước Âu, Mĩ đối với việc quân Nhật lấn Nhiệt-hà đều có điện cho công-sứ ở Trung-hoa phải điều-tra tùy thời báo-cáo, nếu tình-thế khẩn-cấp, các sứ-quán sẽ phái viên đến tiền-phương xem xét.

Nhật thừa nhận Mãn-châu.— *Nhật-bản thừa-nhận Mãn-châu trước ngày 15 Septembre. Thế là chính-phủ Nhật không chờ đợi coi kết-quả tờ trình của phái-bộ điều-tra* Lytton *ra làm sao đã.*

Chính-phủ Trung-hoa phản-đối cứ việc phản-đối, chính-phủ Nhật chiếm-cứ Mãn-châu cứ việc chiếm-cứ Mãn-châu.

Công sứ Tàu ở Nhật là Tưởng Tác-Tân có nói đến vấn đề ấy với chính-phủ Nhật. Ngoại-tướng Nhật là Nội-Điền trả lời rằng:

1) Thừa-nhận Mãn-châu là phương-trâm nhất-định của chính-phủ Nhật, không di-dịch được, vì căn-cứ theo nhiệt-vọng của dân nước Mãn-châu, dẫu nước nào có kháng-nghị đến thế nào, cũng không thể giữa đường thôi dở được.

2) Vấn-đề Trung-Nhật thân-thiện với vấn-đề Mãn-châu, rành là hai việc: Chính-phủ Nhật trông Mãn-châu phát-triển theo cách khác; về vấn-đề Mãn-châu, hai nước Trung Nhật không có quan-hệ và giao-thiệp gì, vì Nhật xem nước Mãn theo chỗ đứng chân như một nước mới.

3) Nhật-bản rất trông Trung Nhật thân-thiện, vì quan-hệ sự bất-hòa kéo dài sau này không có ích-lợi gì. Chính-phủ Trung-quốc lượng-giải được thái-độ công-chính của chính-phủ Nhật, xin tới một bước nữa làm cách hòa-hiệp Trung, Nhật, Mãn, cả ba nước.

Nhà quân-sự đương-cục Mãn-châu đã quyết-định thực-hành chiếm-cứ đường xe lửa Trung-đông, đổi tên con đường ấy là đường Bắc-Mãn, do phía họ trực-tiếp quản-lý mà thôi, chính-phủ Trung-hoa không còn dự đến nữa.

Mới đây chính-phủ Mãn-châu có tuyên-bố cho các nước hay rằng: những thương-khẩu thuộc trong phần đất Mãn-châu, nay về người Mãn-châu coi giữ, về số nợ bồi-thường họ cũng chịu một phần cho liệt-cường, còn số tiền dư thì không giao cho chính-phủ Nam-kinh nữa.

Tại Trường-xuân Nhật và Mãn-châu-quốc đã cùng ký một bản hiệp-ước. Khoản thứ nhất hiệp-ước nhắc lại những quyền-lợi của Nhật theo các hiệp-ước cũ. Khoản thứ hai cho quân Nhật đóng ở Mãn-châu để giữ cuộc trị-an.

Mãn-châu có được quyền Hội Vạn-quốc thừa-nhận không? Hiện chỉ có một mình nước Nhật thừa-nhận mà thôi, còn không có một cường-quốc nào chịu thừa-nhận cả, vì họ cho là trái phép.

Nhan Huệ-Khánh, ủy-viên Trung-hoa tại Hội Vạn-quốc đã đệ lên ông hội-trưởng kỳ hội-đồng bất-thường là M. Hymaus *một bức thư phản-kháng việc Nhật chính-thức thừa-nhận Mãn-châu.*

Các bức công-điệp của Nhật và Tàu đều đã do viên tổng-thư-ký Hội Vạn-quốc là Sir Francis Drumond *đệ lên Hội-đồng.*

Tờ trình của cuộc điều-tra về việc Mãn-châu.— *Tờ trình này có cả thảy là 400 trương giấy và hơn 100.000 chữ. Bản chính để lại Bắc-bình, còn các bản sao thì nay mai sẽ in ra tại* Genève, *Đông-kinh và Bắc-kinh.*

Đoạn kết-luận trong tờ trình của đoàn điều-tra, về chỗ yếu-điểm là: đối với việc giải-thích cách tổ-chức chính-phủ Mãn-châu, họ không y theo sự chủ-trương của Nhật-bản; còn đối với cách giải-quyết sự rắc-rối Trung Nhật, họ chủ-trương sẽ triệu-tập những nước có ký tên trong điều-ước chín nước mở cuộc hội-nghị quốc-tế, hay là vẫn do hội quốc-liên giúp cho hai nước Tàu và Nhật trực-tiếp giao-thiệp.

Theo như lời xin của viên đại-biểu nước Nhật, hội-đồng quản-trị Hội Vạn-quốc định đến ngày 1 Octobre thì tuyên-bố bản tờ trình của hội-đồng điều-tra Lytton, *và đến ngày 14* Novembre *thì hội-đồng quản-trị sẽ bàn-bạc về tờ trình ấy.*

Ngoại-tướng Nhật vừa rồi mới hội-diện với sứ-thần Mĩ. Sứ-thần Mĩ cắt nghĩa về thái-độ của chính-phủ mình đối với Mãn-châu; chính-phủ Mĩ sẽ phản-đối kịch-liệt những điều yêu-cầu của Nhật ở Mãn-châu.

Người ta đồn rằng nếu chuyến này Hội Vạn-quốc xử phần phải về chính-phủ Trung-hoa, thì Nhật sẽ rút chân ra khỏi Hội Vạn-quốc.

Thanh-thế quân nghĩa-dũng.— *Về cuối tháng tám sang đầu tháng chín này quân nghĩa-dũng đánh phá Thẩm-dương hai lần. Lần thứ nhất các đạo quân nghĩa-dũng gần thành Thẩm-dương đều phát-động cả, theo ba mặt đông nam bắc đánh vào thành Thẩm-dương, thế mạnh như nước triều lên. Đội tiện-y của quân nghĩa-dũng tiềm-phục ở trong thành đều nổi lên hưởng-ứng, phóng hỏa đốt xưởng lương-thực và xưởng binh-công của quân Nhật, và chiếm trường máy bay, phóng hỏa đốt máy bay. Thành-phố Thẩm-dương bị rối loạn. Quân nghĩa-dũng lần này đánh Thẩm-dương, cộng có hơn 10 đạo, kiêm cả đội tiện-y phục sẵn ở trong thành có hơn vạn người, hành động rất có tổ-chức.*

Số thiệt-hại của quân Nhật về trận này nặng nhất là hai xưởng lương-thực và binh-công, bị hủy bảy chiếc máy bay, 700 thùng dầu máy. Bệnh-viện Nam-Mãn và các y-viện của người Nhật hiện nằm đầy những lính Nhật bị thương và người Nhật trúng đạn lạc. Lần thứ hai quân nghĩa-dũng lại đánh Thẩm-dương, một bộ do cửa Đại-đông tiến đánh, vây xưởng binh-công; một bộ do cửa Đại-nam tiến đánh vào trong thành. Quân nghĩa-dũng giải truyền đơn ở Thẩm-dương, nói sẽ chỉnh-đốn lại tổng-công-kích. Quân nghĩa-dũng 14 huyện ở phía đông Liêu-ninh vội tiến về Phủ-thuận, làm thanh-viện cho toán quân đánh Thẩm-dương. Mã Chiếm-Sơn bấy nay đóng tại Thanh-sơn, dưỡng-uy súc-nhuệ đã lâu, bây giờ nghe tin quân nghĩa-dũng thắng luôn mấy trận, tình-hình tỉnh Hắc-long-giang chấn-động khắp nơi. Mã bèn chuẩn-bị xuất binh liên-lạc với các đạo nghĩa-quân, quyết giáp-công một trận lấy lại cho được tỉnh Hắc. Có tin năm đội quân nghĩa-dũng liên-hợp tiến đánh Cáp-nhĩ-tân.

Mã Chiếm-Sơn có thông điện đi các nơi nói rằng: Chỉ-huy đạo tả-quân nghĩa-dũng Hắc-long-giang là Lý Thiên-Đức cùng đoàn quân Vương Nhã-Thanh đánh thành Hắc-khánh, đánh đuổi quân Nhật phải lui về Tuy-hóa.

Mã Chiếm-Sơn điện về viện hành-chính báo tin thắng-trận rằng: Phùng Chiếm-Hải đã đánh vào thành Cát-lâm. Tại tỉnh-thành lại treo cờ Thanh-thiên bạch-nhật, nhân-dân đều hớn-hở vui-mừng.

Sau khi Vương Đức-Lâm đánh Cát-lâm, Trường-xuân, quân Trương Hải-Bằng đã giở giáo theo Vương, còn đều bị vây thu khí-giới. Hiện 7 huyện ở phía đông Cát-lâm đã bị quân nghĩa-dũng chiếm lĩnh. Ngoài ra lại còn hai bộ quân nghĩa-dũng liên-hợp đánh Phủ-

thuận. Quân nghĩa-dũng bắn phá tòa lính-sự Nhật ở Trịnh-gia-đồn. Quân Phùng Chiếm-Hải lại đánh Trường-xuân. Quân nghĩa-dũng là bộ Đoàn Nguyên-Minh tiến đánh huyện Bàn-sơn được thắng-lợi ; thành Cẩm-châu rất nguy-cấp.

Quân cứu-quốc ở biên-cảnh phía đông Liêu-ninh đã thống-trị 19 huyện, thực-lực càng thêm mạnh, do đại-hội quân dân quyết-nghị lập nên chính-phủ Liêu-ninh ở Thông-hóa, cử Đường Tụ-Ngũ tạm thay chức chủ-tịch. Địch-quân nghe tin rất sợ.

Tóm hợp lời báo-cáo các phương thì các toán quân kháng Nhật ở Đông-tam-tỉnh đều nhất-luật hoạt-động. Quân Cát-lâm bộ Phùng Chiếm-Hải đánh được Du-thụ. Một bộ đánh vào Tư-thủy điện-tử, một bộ đánh Đào-lai-châu, lại một bộ vây Thư-lan. Bộ Cung Tường-Hải do sông A-lập tiến vào thành Song-phương-hải, bộ Triệu Văn-Mân, Diêu Bình-Kiều chia tiến đến đường Cát-trường. Quân Hắc-long-giang là bộ Lý Hải-Thanh sau lần thứ ba đánh được An-đạt, thanh-thế lừng-lẫy. Lại đánh Tát-lạc-đồ, cùng thời quân nghĩa-dũng ở phía nam, Cảnh Tinh-Cáu cũng hoạt-động, sẽ cùng quân Lý-hợp đánh Hắc-long-giang. Lần này các toán quân nghĩa-dũng Đông tam-tỉnh cùng khởi thế công, lực-lượng rất mạnh.

Theo số thống-kê của quân Nhật, trong hai tháng vừa qua, quân nghĩa-dũng phá hủy đường sắt mất 121 chỗ, quân Nhật chết trận hơn 1400 người, bị thương và vật-chất tổn-hại vô-kể.

Mấy bữa nay nhân thấy Nhật đã thừa-nhận Mãn-châu-quốc rồi, nên chi quân nghĩa-dũng càng phấn-uất hăng-hái hơn nữa. Hắc-long-giang thì bọn Mã Chiếm-Sơn, Đinh Siêu, Lý Đỗ ; Cát-lâm thì bọn Đường Tụ-Ngũ Vương Đức-Lâm, nổi lên khuấy phá quân Nhật càng ngày càng dữ.

Quân nghĩa-dũng sở-dĩ có súng đạn lương tiền mà chống nhau với binh Nhật được mãi như vậy là nhờ có người trong nước giúp sức ngầm cho. Người giúp sức nhiều hơn hết là Lưu Dực-Phi và Trương Tác-Tường, đều là cựu tướng ở đông-bắc cả.

Lưu Dực-Phi hiện giờ làm chủ-tịch Sát-cáp-nhĩ, là một tỉnh giáp với Mãn-châu, cho nên giúp ngầm quân nghĩa-dũng rất tiện. Ngoài súng đạn lương tiền ra, Lưu treo giải thưởng nếu ai cướp được một khẩu súng của binh Nhật thì lính thưởng 15 đồng, chặt được một cái đầu lính 10 đồng, v. v... Tiền ấy đều là tiền riêng của Lưu bỏ ra cả.

Còn Trương Tác-Tường thì trước nguyên là chủ-tịch Cát-lâm, nay ở Bắc-bình. Trương cũng giúp cho binh nghĩa-dũng nhiều lắm ; huống-chi nhiều lãnh-tụ quân nghĩa-dũng như Vương Đức-Lâm, Đinh Siêu Lý Đỗ, v. v... đều là bộ-tướng của Trương ngày trước.

Hiện nay người Nhật chỉ ngờ có một mình Trương Học-Lương giúp ngầm quân nghĩa-dũng, chớ họ không biết Trương Tác-Tường và Lưu Dực-Phi mới thật là cái hồn và cái óc của quân nghĩa-dũng đó.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 9 năm 1932)

Viện Dân-biểu Trung-kỳ họp hội-đồng. — Hồi 9 giờ sáng mồng 1 tháng 9 viện Dân-biểu Trung-kỳ đã khai-mạc họp kỳ hội-đồng thường-niên năm 1932, để xét các ngân sách bản-xứ, ngân-sách hàng tỉnh năm 1933 và thương-nghị các việc của hội-đồng

Dân-biểu đối với Chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều.

Kỳ hội-đồng này quan Khâm-sứ CHATEL làm chủ-tọa, dự hội có các quan viện Cơ-mật, quan Văn-phòng phủ Khâm, các quan Hộ-lý, quan Công-sứ Thừa-thiên, quan Giám-binh, các quan Thủ-hiến các công-sở, viện Dân-biểu, các nhà thương-mại, đồn-điền, tất cả 125 vị.

Quan Khâm-sứ đọc một bài diễn-văn khai-mạc, ông Nghị-trưởng Nguyễn Trác đọc bài đáp-từ, rồi Hội-đồng bàn luận các công-việc đến 11 giờ Hội-đồng giải-tán. Hội-đồng họp bàn luôn từ ngày mồng 1 đến mồng 7 thì bế-mạc.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đi Uông-bí.— Quan Thống-sứ THOLANCE xuống thăm máy nước Uông-bí, có quan Chánh-văn-phòng VIRGITTI, quan Đốc-lý Hải-phòng SERVOISE và hai viên GAUTIER, JÉLOVIS tại sở công-chính thành-phố Hải-phòng cùng đi với ngài.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ làm bàn-giao.— Ngày mồng 5, quan Thống-sứ THOLANCE đã làm bàn-giao cho quan Phó Toàn-quyền PAGÈS để về Pháp nghỉ. Sau khi quan PAGÈS nhận chức quyền Thống-sứ Bắc-kỳ, các quan Chánh các sở thuộc phủ Thống-sứ đều đến chào quan Thống-sứ mới. Quan PAGÈS trong khi quyền chức Thống-sứ Bắc-kỳ, Ngài vẫn kiêm cả chức phó Toàn-quyền Đông-dương cho đến khi quan Phó Toàn-quyền GRAFFEUIL ở Pháp sang.

Quan Thống-soái và quan Thống-sứ vào Huế.— Quan Thống-soái BILLOTTE, quan Thống-sứ THOLANCE và quan Thống-sứ PAGÈS có vào Huế để dự lễ nghênh-tiếp đức Bảo-đại.

Đem lính sen-đầm vào Huế — Đại-úy SERRE coi đạo lính sen-đầm Trung Bắc-kỳ đã đem một toán lính sen-đầm từ Hà-nội vào Huế để giữ trật-tự trong khi cung-nghinh đức Bảo-đại về Kinh.

Ngự-giá hồi-loan. — Đức Bảo-đại ngự chiếc tầu *d'Artagnan* về tới bến Ô-cấp (*Cap Saint-Jacques*) hồi trưa mồng 6 tháng 9 này. Các quan-chức Tây Nam đi đón có quan Giám-đốc chính-trị LACOMBE thay mặt quan Toàn-quyền, quan Thống-lĩnh Đông-dương Thủy quân, quan Thống-đốc Nam-kỳ EUTROPE, quan Giám-đốc chính-trị STRIEDLER, quan Thủ-tướng NGUYỄN HỮU-BÀI cùng các quan Thượng-thư Nam-triều, đều lên tầu *d'Artagnan* chào mừng, chúc đáp rất hoan-lạc. Rồi đức Bảo-đại ngự sang chiến-hạm *Dumont d'Urville* về Đà-nẵng (*Tourane*).

Sáng mồng 8, chiến-hạm *Dumont d'Urville* tới Đà-nẵng, quan Khâm-sứ Trung-kỳ cùng các quan Thủ-hiến, quan Đốc-lý Đà-nẵng ra rước ngự-giá lên bến về tòa Đốc-lý, nghi-vệ lễ-nhạc bày đặt rất long-trọng, quan-lại binh-sĩ đón rước rất oai-nghiêm, quan Đốc-lý Đà-nẵng đọc bài chúc mừng, Hoàng-thượng đáp lại rồi tiếp lễ yết-kiến của các quan-lại và đại-biểu Tây Nam, các quan Thủ-hiến các công-sở cùng các nhà đồn-điền, đoạn rồi Hoàng-thượng vào tòa Đốc-lý yên nghỉ và ngự yến.

2 giờ rưỡi chiều, Hoàng-thượng cùng các quan hộ-giá ngự xe hỏa về Huế hồi 5 giờ chiều.

Khi tới ga Huế, quan Công-sứ Thừa-thiên đọc bài chúc mừng, quan Khâm-sứ đón chào, đi đến trước ga, tất cả liệt-hiến văn-võ hai Chánh-phủ làm lễ khấu đầu chào mừng. Rồi ngự-giá về Đại-nội, quan Khâm-sứ đưa đến Đại-cung-môn thì từ về. Ngự vào điện Cần-chính, các vị Hoàng-thân cùng các quan viện Cơ-mật, phủ Tôn-nhân và văn-võ đình-thần đều làm lễ cúi đầu ba vái, rồi ngự vào Đại-nội.

3 giờ chiều mồng 9, Hoàng-thượng cùng Nam-triều đến chào quan Toàn-

quyền và quan Khâm-sứ tại tòa Khâm. 5 giờ quan Toàn-quyền và quan Khâm-sứ đáp lễ Hoàng-thượng tại điện Cần-chính.

Sáng mồng 10, Hoàng-thượng thiết đại-triều tại điện Thái-hòa, có mời quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ, quan Thống-sứ cùng các quan Hộ-lý đến dự. Hoàng-thượng đã hạ chỉ-dụ miễn lễ bái quị, văn-võ bá-quan làm lễ khánh-hạ chỉ phải cúi đầu vái ba lần mà thôi.

Buổi chiều 3 giờ, Hoàng-thượng tiếp-kiến tòa trị-sự viện Dân-biểu Trung-kỳ và ông viện-trưởng Bắc-kỳ, rồi tiếp các ông đại-biểu các hội-đồng công-cử. Đoạn rồi Hoàng-thượng tiếp đến các ông đại-biểu báo-giới Tây Nam, có quan Hội-lý chính-phủ Bảo-hộ giới-thiệu từng ông một. Tiếp đến các viên đại-biểu các trường học, Ngài có ban mền đay cho hai viên quan học-chính.

7 giờ sáng ngày 11, Hoàng-thượng ngự ra cửa Ngọ-môn cùng quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ duyệt-binh, có gắn mền-đay cho mấy vị quan võ có công-trạng, và gắn huy-chương cho mấy vị quan Tây. Buổi tối mở tiệc đại-yến và ca-vũ, có mời các quan-lại Tây Nam đến dự-yến.

Đường hỏa xa dọc cõi Đông-dương. — Ban Hội-đồng thường-trực của hội-đồng Chính-phủ họp ngày mồng 3 mới rồi, đã ưng-chuẩn việc cho đấu-giá làm đoạn đường hỏa xa Diên-trì Qui-nhơn Nha-trang. Cứ quan Giám-đốc công-tác GASSIER dự liệu thì đoạn đường hỏa-xa ấy đến cuối năm 1936 mới xong được.

Máng nước Bảo-đại. — Mới rồi quan Toàn-quyền PASQUIER chủ lễ khánh-thành máng nước ở Tuy-hòa, ở miền nam Trung-kỳ, đặt tên máng nước ấy là « máng nước Bảo-đại » để kỷ-niệm dịp đức Bảo-đại hồi-loan.

Lớp dạy Thế-giới-ngữ bắt đầu khai-giảng.—Ngày 13 tháng 9 này, ban Thế-giới-ngữ Bắc-kỳ tại phòng Thương-mại Hà-nội, do quan Học-chánh Tổng-trưởng làm danh-dự trưởng ban đã bắt đầu khai-giảng.

Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ.— Hồi 4 giờ chiều ngày 16 Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ đã họp kỳ hội-đồng thường-niên năm 1932. Quan Thống-đốc Nam-kỳ đọc một bài diễn-văn khai-mạc xong, thì Hội-đồng bầu ngay ban trị-sự. Ông MATHIEU được bầu làm hội trưởng, ông DE TASTES làm phó hội-trưởng, ông BÙI QUANG-CHIÊU làm phó hội-trưởng người Nam, ông GUÉRINI và ông NGUYỄN VĂN-SÂM làm thư-ký.

Hội-đồng lại cử hai ủy-ban: một ủy-ban do ông DE TASTES đứng đầu xét về ngân-sách và các việc công-tác; một ủy-ban do ông BÙI QUANG-CHIÊU đứng đầu xét về các đất đồn-điền và các việc linh-tinh.

Các ông được cử đi Đại-hội-nghị như sau:

Hội-viên thực-thụ người Pháp ba ông: BLANCHARD, MATHIEU và DE TASTES. Hội-viên dự-khuyết Pháp ba ông: LÊ QUANG-TRINH, COURNINAT và GUÉRINI.

Hội-viên thực-thụ người Nam ba ông: BÙI QUANG-CHIÊU, HỒ DUY-KIÊN và TRẦN VĂN-KHÁ Hội-viên dự-khuyết Nam ba ông: NGUYỄN NGỌC-NHUẬN, TRƯƠNG VĨNH-DUY và NGUYỄN ĐĂNG-LIÊNG.

Trong khi bàn-luận có xảy ra vài việc không được hợp-lệ, cả ban trị-sự đều từ chức cả. Ngày 27 Hội-đồng lại họp lần thứ hai để bầu lại ban trị-sự và quyết-nghị mọi việc. Bầu lại ban trị-sự như sau này:

Hội-trưởng: ông MATHIEU.

Phó-hội-trưởng: Người Pháp ông LABASTE, người Nam ông BÙI QUANG-CHIÊU.

Thư-ký: Người Pháp ông FAUQUENOI, người Nam ông NGUYỄN VĂN-SÂM.

Việc học ở Trung-kỳ. — Từ năm 1930 Nam-triều giao quyền kiểm-sát về việc học xứ Trung-kỳ cho Chính-

phủ Bảo-hộ. Nay theo lời đề-nghị của quan Khâm-sứ Trung-kỳ đồng-ý với quan Học-chính Đông-dương, quan Toàn-quyền đã ký nghị-định từ nay quyền kiểm-sát việc sơ-học lại giao trả Nam-triều do bộ Học quản-đốc.

Quan Thống-sứ Tholance về Pháp. — Buổi chiều ngày 18 quan Thống-sứ THOLANCE đã xuống tầu *Chenonceaux* tại bến Sài-gòn để về Pháp nghỉ.

Hội-đồng Bảo-hộ. — Ngày 24, Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ PAGÈS chủ-tọa

Ban Thường-trực Đại-hội-nghị Đông-dương. — Hồi 9 giờ sáng ngày 27, ban Thường-trực Đại-hội-nghị Đông-dương đã họp Hội-đồng tại phủ Toàn-quyền để xét hai việc sau này:

1o— Chương-trình các việc công-tác trích vào số tiền công-thải để làm đường điện-báo, điện-thoại và dựng các nhà cho sở Bưu-điện.

2o— Trích ở kho dự-bị 500.000 đồng để giao ngay cho các nhà trồng cao-xu và cà-phê, các số tiền đó do nghị-định ngày 5 tháng 3 và 7 tháng 6 năm 1931 đã thuận cho vay.

Biểu thống-kê gạo Sài-gòn xuất-cảng. — Từ năm 1900 đến năm 1930, gạo ở Sài-gòn xuất-cảng như sau này:

Năm	1900	915.637	tấn
—	1910	1.269.516	—
—	1920	1.188.828	—
—	1921	1.720.417	—
—	1922	1.439.599	—
—	1923	1.339.503	—
—	1924	1.230.206	—
—	1925	1.519.880	—
—	1926	1.597.511	—
—	1927	1.665.354	—
—	1928	1 797.682	—
—	1929	1.471.643	—
—	1930	1.121.593	—

Giá gạo ở Sài-gòn, — Biểu thống-kê giá gạo ở Sài-gòn từ năm 1889 đến nay như sau này:

Từ năm	1889	đến năm	1903	8$79 một tạ.
—	1904	—	1908	5,95 —
—	1909	—	1913	6,93 —
—	1914	—	1918	5,62 —
—	1919	—	1923	9,35 —
—	1924	—	1928	10,10 —

Từ năm 1925 đến năm 1930 giá trong ngoài 10$, năm 1931 giá sụt xuống 6$ một tạ.

Đạo chỉ-dụ thứ nhất của đức Bảo-đại

Dụ:

Quả-nhân vâng theo ý-nguyện đức Tiên-hoàng Hoằng-tôn Tuyên-hoàng-đế, đã đi xa theo việc học-hành lâu năm, nay trở về kinh-đô thân lâm quốc-chính. Trong khi ta ở xa Tổ-quốc, nhờ hưởng phong-khí ôn-hòa đất nước Đại-Pháp, ta thường suy nghĩ đến ngày hôm nay. Trong bản-quốc có xảy ra sự gì và có những công-việc gì ta thường rất lưu-ý đến cả. Quả-nhân cảm-tạ Nhà-nước Đại-Pháp đã có lòng lo-lắng về việc giáo-dục cho quả-nhân mà vẫn muốn cho tâm-trí quả-nhân thường quyến-luyến chăm đến việc nước nhà.

Quả-nhân ghi nhớ lời đức Tiên-hoàng di-chúc rằng:

« *Kính Trời, bắt-chước tổ-tiên, yêu dân, thương dòng họ, thề-tất cho các người làm tôi, giữ theo phép nước, dùng người hiền, xa người không có tài* ».

Các tôn-chỉ ấy, thầy Phụ-chính thần-thần, thầy Võ-hiển đại-thần, các thầy đại-thần ở triều, quan hàm Toàn-quyền là người đã trông nom sự giáo-dục của ta, và các quan thay mặt Chính-phủ Bảo-hộ nối nhau lịch-lý tại Huế trong thời-kỳ ta du-học, việc gì

cũng hết lòng chăm-chỉ ân-cần, cho ta được thông-hiểu tường-tất các việc đã xảy ra. Quan Thuộc-địa-bộ tổng-trưởng, các quan Toàn-quyền trong lúc về Pháp công-cán, đã từng lấy sự khôn-ngoan thân-hành mà bày tỏ cho quả-nhân biết cái tình-thế chân-thường của nước ta trong hiện-thời.

Các quan đi nghinh-giá hồi-loan cũng đã tâu rõ hết các việc hiện-tình.

Quả-nhân vẫn biết gánh nặng của quả-nhân bây giờ, các tổ-tôn liệt-thánh ngày xưa, ngài nào trong lúc trị-vì cũng từng biết các việc làm vua trị-vì cho khôn-ngoan phải lẽ là khó, mà trong thời-kỳ bây giờ chúng-dân trí-não thường tấn-tới quá mau mà lại có cái phong-trào cổ-hoặc sinh ra rắc-rối, làm cho việc gian-sáp hơn xưa. Trong mấy năm tới đây. Chính-phủ ta với Chính-phủ Bảo-hộ thân-tín, đồng-tâm, cộng-tế, thật đã có hiệu-quả tốt, xem đó làm gương thì biết đó là điềm tốt cho cuộc tương-lai vậy. Quả-nhân đã biết được chân-tướng Nhà-nước Đại-Pháp Bảo-hộ và lại biết có thể trông cậy vào các người thần-dân ta có trí-não trí-thức, thời chẳng những bởi tình mà lại bởi lý, đã hiểu rằng nước ta được nhờ Đại-Pháp Bảo-hộ một cách khôn-ngoan và khoan-hồng, thật là may-mắn lắm. Nhờ bởi có tư tưởng ấy mà quả-nhân có lòng vững-vàng tin cậy cho cuộc tương-lai của nước nhà.

Nhờ vậy nước ta đặng yên hàn về việc ngoại-hiểm nội-loạn, mà theo đòi tiến-đồ vận-mệnh, nhờ có nước lớn thân-ái cường-thịnh và khoan-hồng bảo-hộ.

Ta chắc rằng nhờ có thế-lực ấy, lại nhờ lòng trung-thành chư-khanh, cho nên quả-nhân lâm-chính không có ngại gì mà lại hiểu thấu được cái gánh nặng về việc tổng-lãm quyền-cương, mà nay ta thân-chính đây là bởi kế-thống, và bởi Triều-đình đồng-thuận dụ-thỉnh lúc quả-nhân còn niên-thiếu.

Ta biết rằng ta hồi-loan làm cho nhiều người xưa nay trung-thành quyến-luyến với cái oai-thanh của Hoàng-triều với hạnh-phúc của nước nhà, sinh nhiều điều hy-vọng to lớn. Trong thần-dân có mộng-tưởng như vậy là bởi lòng thành-thực thân-tín, ta lấy làm thâm-cảm ; nhưng muốn cho cái mộng-tưởng ấy đừng có rối loạn, ta khuyên mấy người đó, đã mộng-tưởng rằng lúc ta sơ-chính là một lúc biến-cải theo tư-tưởng, nhưng phải lấy cái trí khôn-ngoan êm-đềm mà suy xét hiện-thời mới hay bỏ được cái mộng-tưởng ấy mà xét việc thực-hành, ta không có ý kiêu-hãnh mà nghi rằng lúc đầu mới lên quyền mà đã như mặt trời sáng chói như lúc đã lên chót-vót đâu.

Phải biết rằng lúc ở chân trời mới lên, phải có thời giờ cho cái tia sáng mọc lên trời mà phá tan những vết tối-tăm ban đêm đương còn lại, khi ấy mới thành ra ban ngày tỏ rạng tan hết những bóng tối. Lòng ta muốn lâm-chánh mau mà có thành-hiệu, nhưng không thể mới lâm-chánh mà đã canh-cải hết công việc hiện-tại, mà làm cho biến hết những công-việc cuộc đời trước lưu-truyền là cái danh-dự của liệt-thánh và oai-linh của nước nhà.

Triều-đình ta, theo ý-nguyện quả-nhân nhờ có Chính-phủ Bảo-hộ giúp cho bấy lâu nay thận-trọng sắp-đặt các việc cải-cách ngày nay, quả-nhân đem lòng hân-hạnh để tiên-cáo ra. Trong các điều phải xem xét và lúc khảo-sát các việc cải-cách ấy nên phải tuần-tự đi dần, điều thật thiết-yếu là ta phải bảo-thủ những cái đại-cương đã lập-thành chế-độ bây giờ. Vì những cái đại-cương ấy là liệt-thánh di-truyền lại, quả-nhân không thể quên được, bởi chính đó tức là cơ-nghiệp quốc-dân và Hoàng-gia các ngài đã để lại cho, phàm có cải-cách gì cũng phải

nương theo đó, những đại-cương ấy há không phải là cái luật luân-lý đời xưa mà cái quan-yếu trong ấy không khác gì với luật xã-hội bên phương Tây, tinh-thần và giá-trị thực-hành cũng không kém gì.

Vả lại trong thần-dân đều cũng biết, ai cũng công-nhận điều tinh-túy ấy không chối cãi gì. Chế-độ nhà-nước ta là một cơ-sở vững-vàng, như vậy mà muốn bỏ đi há chẳng phải ngộ-muội lắm sao? Vậy quả-nhân chỉ trù-nghĩ cải-lương là theo trông chừng quốc-dân tiến-hóa làm cho chế-độ ấy cũng có ý-nghĩa như trước, mà về sau thành ra một cái lợi-khí cho sự tiến-bộ hợp theo lối văn-minh tân-thời.

Giữa lúc giao đại và tương-lai, ta không có lo việc gì khác, chỉ có lo cái hạnh-phúc cho quốc-dân thôi, đầu hết là việc cải-chính quan-lại, quan-lại tức là ở nước khác gọi rằng người cầm quyền, người thay mặt Chính-phủ. Ấy là cơ-sở của nước ta lưu-truyền đã lâu, ta muốn trong việc dùng người đừng lấy cái ơn riêng mà làm hư cái căn-bản việc tuyển-dụng quan-lại, ai có tài thì dùng làm quan.

Ta sẽ tuyển-dụng cũng như thuở xưa, là do thi khảo điều-mục luân-lý, kinh-văn, và cũng có khoa-học về chính-trị tân-thời, hễ ai được thắng phân số là trúng tuyển. Sẽ đặt một trường đặc-biệt là trường « Sĩ-hoạn ». Ta sẽ hết sức lo dạy cách chính-trị thực-hành làm cho đức-dục và trí-dục được tấn-tới thêm, rồi lại xét tài-đức người ra làm quan có hết bổn-phận chăng; quan là người vua giao quyền cho, hễ trong dân có người nào dầu rất hèn-mọn mà có điều nguyện-vọng gì, cũng đều phải trần-tấu cùng vua biết để mà liệu-nghĩ. Quả-nhân khuyên dân phải kính người thay mặt Triều-đình mà người thay mặt Triều-đình phải giữ hạnh-kiểm cho tốt, lúc cư-xử thường và lúc làm việc quan cũng vậy để làm gương cho dân.

Nay định đặt lệ riêng về trong quan-lại; để cho đạt hai cái mục-đích ấy. Muốn cho quan với dân đều theo trong khuôn-phép ngũ-luân, làm hết bổn-phận, cho nên đã soạn một bộ luật rõ-ràng xác-yếu, quan Thẩm-phán và dân dưới đều hiểu cả, luật ấy chiếu theo nhiều đại-cương về luân-lý là cái quy-chế xã-hội dân-tộc ta, để cho ai nấy đều lấy luật làm bảo-chướng cần-thiết.

Ta làm như thế là làm lại và nối theo công-việc các vị minh-triết xưa đã làm. Ta chỉ tìm cách để cho bộ luật sẽ thành đó, được thích-hợp với sự tiến-hóa của dân ta, noi theo tinh-thần đã có, mà sửa-đổi hình-thức, để cho luật ấy thi-hành hợp với các sự nhu-yếu đời nay.

Ta sẽ dọn lại tất cả luật-lệ các Triều-triều, phân môn thành mấy pho luật mà soạn theo cách-thức chính-đáng tối-tân.

Công-việc ấy là nhờ Chính-phủ Bảo-hộ cử cho Nam-triều ta một vị cố-vấn luật-sư, cho nên hiện đương tấn-hành.

Ta trông cậy công-việc ấy sẽ mau cáo-thành, lúc ấy sẽ chỉnh-đốn các nha-môn thẩm-phán, rồi sẽ dần dần phân-biệt quyền hành-chính với quyền thẩm-phán.

Từ bây giờ ta đã dự-định, rồi đây ta sẽ giao quyền thẩm-phán việc hộ-chính cho các nha-môn thẩm-phán đặc-biệt, các nha-môn ấy, sau có quan chủ tọa là các viên đã luyện-tập ở trường Sĩ-hoạn ra, có học-thức biết cách chính-đáng thi-hành luật-lệ về quyền cá-nhân, là luật-lệ rất khó.

Vả lại cứ noi theo đại-ý pháp-luật nước ta, phàm các cấp thẩm-phán, đều phải có kiểm-duyệt, nhưng sẽ định thể-lệ để cho các quan tòa án được tự ý định đoán không bị thể-lệ gì ngăn-trở cả, vì rằng đã được trách-vụ riêng rõ-ràng như vậy, ấy là làm cho lương

tâm quan Tòa-án có được một cái bảo-chứng rất hoàn-hảo.

Cải-cách quan-trường, cải cách luật-lệ, chỉnh đốn các nha-môn thẩm-phán là các việc bây giờ ta lấy làm lưu-ý, nhưng còn có một việc khác cũng quan-hệ như vậy, bởi vì vấn-đề ấy là cốt-tử cái mệnh mạch và chế-độ của nước ta. Việc ấy thời trong thần-dân ta ai cũng lưu tâm đến và ai nấy xem đến cuộc tương-lai cũng lo sợ cả, ấy là vấn-đề giáo-dục trẻ con.

Việc học bây giờ có nhiều người ý-kiến trái nhau, kẻ thời nói việc học tiến-bộ, người thì nói thoái-bộ, ta xem ra trong mấy năm gần đây, chỉ lấy những vấn-đề học-qui làm trọng.

Vậy học-qui há trọng hơn tôn-chỉ, mà sao lại chỉ chăm dạy khai-trí không chăm dạy thành-đức cho trẻ con là lũ đương nhiệt tâm về tân-học?

Ta sẽ hết sức bỏ cái hại ai nấy đều phàn-nàn đó, làm cho đời người cận-thời giống như đã quên những phong-hóa lưu-truyền rất tốt của nước nhà. Chính vì ý ấy cho nên nhân nhờ có Chính-phủ Bảo-hộ đã tổ-chức học-vụ hay tốt, đặt thầy có mô-phạm tân-thời, cứ cơ-sở vững-bền ấy, ta sẽ sửa bộ Học lại, sẽ gọi rằng bộ Quốc-dân Giáo-dục để biểu-minh chú-ý.

Ta muốn sắp đặt việc giáo-dục của quốc-dân theo nền vững bền đối gia-đình giáo-dục với luân-lý đời xưa, có trường công về phần quan kiểm-soát, làm hướng-đạo cho việc giáo-dục quốc-dân, ta lại tính đường mở-mang hương-trường và tư-trường là nơi gần mặt phụ-huynh, vì theo luật-pháp và phong-tục nước ta thì phụ-huynh phải có trách-vụ to về đường giáo-dục. Ta khuyên kẻ phụ-huynh đem lòng lo nghĩ việc ấy, lo việc tương-lai đặng mà giúp sức với Chính-phủ để cho thành được việc gọi là việc dựng lại cho dân cả nước, ấy là chính việc xã-hội Việt-Nam phải đem lòng chăm lo vào đó cả.

Trong mấy năm gần đây, thường hay nghe nói về việc lập hiến, nhân-dân còn nhiều trông mong nhà nước định cái hiến-pháp trong nước, gồm cả đại-cương và cả tiểu-tiết nữa.

Nhiều người nghĩ rằng cái hiến-pháp mặc-định mà hiện bây giờ Triều-đình đối với nhân-dân đương noi theo đó là không được rõ-ràng, cần phải bổ nghĩ thêm theo tôn-chỉ các nước văn-minh. Cái vấn-đề này vẫn cũng không bỏ qua, và trong khi học-hành khảo-cứu thì ta đã nhờ có thầy và có người tư-vấn đã nhắc ta về việc ấy.

Người có suy nghĩ không ai tưởng rằng trong khi ta lìa ở ngoài nước nhà vì cần sự học-hành và nghiên-cứu sự-thực để đem lối nẻo, làm dạng-thức cho một Triều-đình, nay mới về đến nơi mà đã vội-vàng giải-quyết thi-hành ngay cái việc cần phải thận-trọng và cần phải biết cho đến nơi, ắt phải có giao-thiệp với mọi người và mục đạt thời-cuộc mới được.

Việc lớn-lao ấy ta không thể định trước nhất-quyết thời giờ hay là kỳ-hạn, ta thật muốn các việc đó cần phải đem cả tài-lực ta mà tính-liệu, lại cần phải có đồng-tâm cộng-tế cùng Chính-phủ Bảo-hộ chiếu theo như hòa-ước năm 1884 cho được trọng hiến-pháp, thành-lập các qui-chế khi ra thi-hành khỏi chênh lệch được mĩ-mãn.

Nhờ có các đại-khanh triều-thần bàn luận chính-đáng, đồng-tâm phụ-tế, nhờ được mắt thấy hiện-tình thời-sự, cũng nhờ có thời giờ và tùy sự-thế lịch-duyệt, các điều ấy sẽ giúp thêm kiến-thức cho ta.

Vả lại noi theo Thánh-ý khoan-hồng đức Tiên-hoàng Hoằng-tôn Tuyên-Hoàng-đế, quả-nhân muốn cho quốc-dân thân-ái của ta được trần-ngôn tiến-thấu tai trên, được tỏ tình những điều sở-nguyện, được thỉnh-cầu những sự cần-thiết phải lẽ. Vậy từ ngày nay là ngày bắt đầu quả-nhân thân-chính như

đức Hoàng-khảo và là ngày đình-chỉ bản hiệp-ước năm 1925, ta muốn minh-định cứ để viện Nhân-dân đại-biểu lại, song tương-lai thực-hành thế nào còn chưa giải-định, nay thời viện ấy làm căn-cứ cho ta đây, và Chính-phủ Bảo-hộ về việc quốc-dân đem lòng khôn-ngoan hiệp-tác có giá-trị.

Ta lại muốn việc giao-tiếp với dân càng cho thân-mật, muốn cho dân-tình nguyện-vọng thấu đến ta, đến triều-đình ta và đến Chính-phủ Bảo-hộ để mà nghe biết, bàn luận chuẩn-y hay là đình-bác, cho nên ta đã hiệp-ý với các quan thay mặt Pháp-đình và Chính-phủ ta mà định cho ông nghị-trưởng viện Nhân-dân đại-biểu được dự hội-thương những kỳ thượng-phó hội-đồng, mà được quyền bàn-luận như một Thượng-thư dân-biểu, để trong chỗ Chính-phủ nghị-luận được bày tỏ lòng nguyện-vọng của quốc-dân, lại được xem xét việc tấn-bộ nhà nước đã lo cho quốc-dân.

Đến việc chỉnh-đốn võ-ban đã khởi-sự làm, ta cũng lưu-ý để kế-hành, và trong nước có những chế-độ nào khác còn phải cải-chính thời Thượng-thư chư-khanh cũng nên thương-đồng Chính-phủ Bảo-hộ để cải-lương lại, để làm cho trọn-vẹn công-cuộc tân-thức ta vừa tuyên-bố hôm nay mà chính ta đây tất biết rằng việc đó là cần-kíp.

Ta nói đây là tỏ bày lòng muốn của dân đã hợp với ý-kiến và nguyện-ước của Chính-phủ Bảo-hộ, của các đại-thần ở triều, ta quyết đem trí-lực và tâm-thần để làm công-cuộc vĩ-đại cho nước nhà và hạnh-phúc cho quốc-dân. Ta khuyên thần-dân Trung Bắc lưỡng-kỳ và khắp cả quốc-dân trong nước phải nhận-chân ý-tưởng của ta và biết trấn-tĩnh những điều hi-vọng vô-lý để mà hợp lại với nhau trong một tư-tưởng theo trật-tự, theo kỷ-luật và kính-trọng quyền-vị, để cho ta lâm-chính, công-việc lớn-lao làm được dễ-dàng, dầu gặp việc khó-khăn nào cũng được thỏa-thiện.

Ta trông rằng người có lòng thành-thực, kẻ có lòng yêu nước, ai nấy đều đem lòng chung một tư-tưởng và nguyện-vọng để làm cho ích-quốc, để cho tiền-đồ vận-mệnh dân-tộc ta được theo lên đường tiến-hóa.

Khâm thử!

Ngày mồng mười tháng tám năm Bảo-đại thứ bảy

(Bản dịch ở trong Kinh gửi ra)

Bài diễn-văn của ông nghị-trưởng Nguyễn Trác thay mặt toàn-viện đọc tại buổi khai-mạc Hội-đồng Dân-biểu Trung-kỳ

(*Ngày 1er Septembre 1932*)

Kính trình quan Khâm-sứ.

Trình các quan Cơ-mật và các Ngài,

Một cái điềm hay cho nhân-dân đại-biểu-viện Trung-kỳ là kỳ Hội-đồng năm nay, lại vừa gặp dịp đức Bảo-đại Hoàng-đế hồi-loan lâm-chính, sau mười năm du-học bên Pháp, là một nước sản xuất dân-quyền trên thế-giới, vậy cái tiền-đồ của Nhân-dân-đại-biểu viện, có lẽ cũng nhờ được dịp này mà thêm vẻ sáng rạng, chúng tôi lấy làm trông mong lắm.

Về việc Hoàng-thượng hồi-loan, viện chúng tôi đã cử ban Trị-sự đi nghênh-giá và xin vào cung yết-kiến, trước là để tỏ lòng thành-kính của nhân-dân đối với đấng Quốc-trưởng, sau nữa để phá tan những lời đoán lầm cùng lời ly-gián, có thể làm phương-ngại cho cuộc quân-dân hợp-tác, và Pháp Nam đề-huề sau này. Chúng tôi không dám quyết rằng, trong đám Quốc-dân không có một phái cực-đoan thiên về học-thuyết dân-chủ, nhưng chúng tôi dám chắc rằng: dù có phái cực-

đoan ấy nữa, cũng đương còn một số rất ít. Chắc cũng sẽ có người bình-phẩm cách hành-động của Dân-viện chúng tôi về dịp hồi-loan này, nghi là chúng tôi có thiên-vị về phái bảo-hoàng chăng. Chúng tôi sẽ xin trả lời về câu bình-phẩm ấy một cách rất thành-thực rằng: chẳng thiên về bảo-hoàng cũng chẳng thiên về dân-chủ, thủy chung chúng tôi chỉ giữ cái chủ-nghĩa ôn-hòa tấn-bộ mong chóng đến ngày thực-hiện cái thuyết quân-chủ lập-hiến mà thôi.

Nay Hoàng-thượng đã sắp hồi-loan, chính ngày nay là ngày Quốc-dân trông mong sốt-sắng, không những riêng phần Dân-biểu chúng tôi, hầu khắp các hạng người trong nước, dù tân dù cựu, dù quan-thân sĩ-phu, ai cũng một lòng khuynh-hướng như nhau cả. Chắc Chính-phủ cũng không nỡ bỏ qua dịp này mà không lưu-tâm đến vấn-đề lập-hiến.

Vấn-đề lập-hiến nguyên viện chúng tôi đã đề-thỉnh từ năm 1927, qua năm 1930, đương khi trong nước xảy ra những việc hội kín, những cuộc bạo-động quá-khích, thì ở Trung Bắc-kỳ nhân-dân cùng dư-luận hết thảy đều nhao-nhao xu-hướng về vấn-đề lập-hiến, chính lúc ấy quan Toàn-quyền PASQUIER đại-nhân cũng có tuyên-bố trong bài diễn-văn khai-mạc Đại-hội-đồng Kinh-tế tài-chính Đông-Pháp những câu quan-hệ sau này: « Đem « cái chủ-quyền nội-trị của nước Nam « mà châm-chước với điều-ước 1884 « cho thích-hợp với tân-thời, đó là cái « mục-đích việc cải-tổ chính-trị cho hai « xứ Trung Bắc-kỳ vậy. Đức Quốc-« vương hiện đương du-học bên Pháp « tấn-tới lắm, sau này sẽ là ông vua « tân-thời thứ nhất của nước Nam. Khi « Ngài về nước thì sẽ có đủ trí-thức « thông-minh mà hiểu rõ cái chức-vụ « vừa cao-thượng, vừa nguy-hiểm của « mình. Bấy giờ quan thay mặt nước « Pháp sẽ là người cố-vấn của Ngài. « Tự Ngài kén chọn lấy các quan « Thượng-thư, sửa đổi quan-lại cho « hợp-thời, sẽ giúp cho chúng ta thi-« hành được đúng cái chế-độ Bảo-hộ ».

Quan Khâm-sứ LE-FOL đại-nhân cũng tuyên-bố những lời thiết-yếu ở trong bài diễn-văn khai mạc Nhân-dân đại-biểu-viện năm 1930 như sau này: « Đợi khi Hoàng-đế hồi-loan, thời những « khoản trong hiệp-ước ngày 6 Novem-« bre 1925 sẽ định thi-hành, lúc ấy đức « Hoàng-thượng sẽ dùng quân-quyền « và nhờ sự giúp sức của viện Cơ-mật, « để thương-lượng với Chính-phủ Đại-« Pháp, mà lập ra một cái tân chính-« thể cho nước Nam ».

Những lời tuyên-bố trên kia, đủ khiến cho nhân-dân tin rằng khi đức Hoàng-thượng về nước, sẽ có đủ quyền nội-trị, theo như hòa-ước năm 1884, mà Chính-phủ Bảo-hộ cùng Chính-phủ Nam-triều tất sẽ giúp Ngài về việc ban-bố hiến-pháp để mưu sự hạnh-phúc tương-lai cho nước Việt-Nam, và để thỏa lòng nguyện-vọng của nhân-dân trong nước.

Chúng tôi vẫn biết rằng: ban-bố hiến-pháp là chính-quyền và đặc-ân của đức Hoàng-thượng, nhưng thực ra thời Chính-phủ Bảo-hộ là hướng đạo-sư, và chính-phủ Nam-triều là cơ-quan hành-chính, rất có quan-hệ mật-thiết với vấn-đề đại-cải-cách đó, nên trước khi chúng tôi dự-bị thỉnh-cầu vấn-đề lập-hiến ấy với đức Hoàng-thượng, thời chúng tôi hãy dốc lòng trông cậy ở sự chân-thành của Chính-phủ Bảo-hộ, và sự giúp đỡ của Chính-phủ Nam-triều.

Thưa quan Khâm-sứ, từ năm ngoái tới nay ngài đã đồng-ý với Chính-phủ Nam-triều bàn-định thi-hành các việc cải-cách, như chỉnh-đốn quan-trường và cải-lương học-vụ, vân-vân, theo lời tuyên-bố của Ngài trong bài diễn-văn khai-mạc Dân-viện năm ngoái, thời

những việc trù-định cải-cách đó, chính là để dự-bị việc lập nền hiến-pháp về sau. Nhưng theo ý chúng tôi thì thiết-tưởng rằng: một nước cần phải có hiến-pháp, mà hiến-pháp của nước Nam thì không gì thích-hợp bằng hiến-pháp quân-dân cộng-chủ; có ban-bố hiến-pháp mà phân-định quyền-hạn và trách-nhiệm về hai cơ-quan hành-chính, lập-pháp cho rõ-ràng, để đảm-bảo quyền-lợi cho quốc-dân, thì mới có thể bàn định những việc cải-cách tương-lai cho có ích được. Xét trình-độ tiến-hóa của nam-dân, tuy hãy còn kém xa các nước văn-minh tiên-tiến; nhưng nếu theo công-lý mà bình-phẩm cho đúng, thì dân-trí ngày nay không thể không cho là trình-độ bán-khai được. Theo trình-độ bán-khai, chúng tôi nào dám vội-vàng mộng-tưởng những quyền-lợi hoàn-toàn như dân các nước, chúng tôi chỉ mong cho nhân-dân được hưởng những quyền-lợi cố-hữu, vừa đúng với trình-độ tiến-hóa hiện-thời mà thôi.

Hiện nay thời quyền-lợi Nam-dân, chưa có chút gì gọi là đảm-bảo cả, tuy cũng có hưởng được chút quyền ngôn-luận, chút quyền đầu-phiếu, vân-vân, nhưng nhiều khi chút quyền ấy lại bị những thủ-đoạn chuyên-chế nó đàn-áp mà làm cho tiêu-tan hết. Không xiết kể những việc bình-dân bị áp-hiếp, hãy kể mấy việc mà chính người Đại-biểu cho dân, cũng bị ức-hiếp một cách quá-đáng: năm 1927, một ông dân-biểu tỉnh Phan-rang, vì tranh-biện việc rừng cấm cho dân, mà bị một ông Nam quan lăng-nhục, đến nỗi phải xin từ chức Dân-biểu; năm 1930 một ông Dân-biểu ở Hà-tĩnh, vì quan thừa-hành nhận lầm, mà bị bắt giam cùm rất nhục, dù ông ấy đã đưa trình cái bằng Dân-biểu cũng không kể. Tức những việc đó, đủ biết ở dân-gian còn xiết bao những sự nhũng-tệ áp-bức giống như thế, và lại quá hơn như thế nữa. Bởi nỗi áp-bức đó, mới sinh ra những mối bất-bình, mà chính những mối bất-bình đó là những món đồ lợi-dụng của bọn phiến-loạn. Những việc xảy ra mấy năm trước, đủ làm gương cho việc phòng-vệ trị-an về sau. Vậy thời cái phương-lược phòng-vệ trị-an, còn gì cần hơn làm cho tiêu-tan những nỗi bất-bình của nhân-dân, mà muốn cho tiêu-tan những nỗi bất-bình thời chúng tôi thiết-nghĩ chẳng gì cần bằng đảm-bảo quyền-lợi nhân-dân cho được chắc-chắn. Vì thế mà chúng tôi dốc lòng trông mong cái vấn-đề lập-hiến sẽ được thực-hiện sau khi đức Hoàng-thượng hồi-loan thân-chính. Không phải chúng tôi ước-nguyện như thế, là cốt mượn cầu được cái huy-hiệu tốt-đẹp, cùng cái danh-dự hão-huyền đâu, thực ra chúng tôi chỉ ham muốn sự thực-hành, chỉ thực lòng hợp-tác với chính-phủ, để cầu sự ích-lợi vĩnh-viễn cho dân cho nước mà thôi.

Kể cái lịch-sử Dân-viện Trung-kỳ, phôi-thai từ năm 1920 là phòng Tư-vấn theo chỉ-dụ của vua Khải-định, qua năm 1920 đổi làm Nhân-dân Đại-biểu-viện, gốc ở bản hiệp-ước 6 Novembre 1925; chiếu theo nghị-định quan Toàn-quyền VARENNE ngày 24 Février 1926, sửa khoản thứ nhất trong điều-lệ ngày 19 Avril 1920 định lại quyền-hạn Dân-viện như sau này: « Lập ra ở Trung-kỳ một phòng Nhân-dân Đại-biểu-viện, phòng ấy có quyền được bày tỏ ý-kiến với Chính-phủ Bảo-hộ về các vấn-đề có ích chung cho dân bản-xứ, được dự bàn những đại-vấn-đề ích-lợi trong xứ, và được dự xét những vấn-đề cải-cách có ích, do quan Đại-diện Bảo-hộ đồng-ý với Nam triều mà thi-hành ».

Khoản ấy hình như có rộng thêm quyền-trách cho Dân-viện, nhưng xét thực ra thời ý-nghĩa khoản ấy rất là bao-hàm mênh-mông, mà không có chút gì gọi là giới-hạn minh-bạch,

nghĩa là không có chút quyền quyết-nghị gì cả. Hãy kể một việc xét ngân-sách là một vấn-đề rất cốt-yếu cho một nghị-viện, vì ngân-sách là của chung nhân-dân góp vào, để Chính-phủ chi-tiêu các việc trong nước ; nhân-dân đã lo đủ bổn-phận, để góp của vào ngân-sách, thời nhân-dân tất được hưởng quyền cử người thay mặt để xem xét các việc thu chi, nhưng hiện nay viện Nhân-dân Đại-biểu chúng tôi chỉ được xét đến hai mục chi-tiêu về kinh-tế và xã-hội, đến như các khoản chi tiêu khác, cùng những thực-số thu chi ngân-sách hàng năm thời chúng tôi không hề được dự biết đến. Mỗi năm Chính-phủ giao chúng tôi xét một bản dự-thảo, chúng tôi vẫn chịu khó xem xét, và trình bày ý-kiến, nhưng thực ra Chính-phủ cũng không lưu-tâm gì đến ý-kiến của chúng tôi cả, thành vô-ích, thành mỗi năm chúng tôi chỉ đến nhóm hội, để chứng-kiến cho bản dự-trù ngân-sách của Chính-phủ mà thôi. Kể số tiền thuế của người Pháp góp vào ngân-sách Trung-kỳ, không đầy một phần trong năm mươi phần của người Nam góp, thế mà Hội-đồng bảo-thủ quyền-lợi người Pháp, lại được rộng quyền xem xét ngân-sách hơn viện Dân-biểu, điều ấy rõ là chưa được công-bình.

Chúng tôi nghĩ rằng : mở rộng quyền tham-chính cho Dân-viện tức là mở ra một con đường ngay thẳng cho quốc-dân noi theo, tức là mở ra một cái học-đường quang-minh chính-đại để cho các hàng tân cựu trí-thức đều có hy-vọng được dự tuyển vào trường mà tập bàn việc nước, thế chẳng lợi cho cuộc Pháp-Nam hợp-tác lắm sao !

Có người lo rằng : sau khi Hoàng-thượng về nước, Chính-phủ Bảo-hộ sẽ chiếu hòa-ước 1884 mà trả lại các quyền nội-trị cho Hoàng-thượng ; tờ Hiệp-ước ngày 6 Novembre 1925 sẽ không còn giá-trị gì, thời cái viện Nhân-dân Đại-biểu do hiệp-ước ấy lập ra chẳng cũng đáng lo hay sao ! Về phần chúng tôi thời vẫn đinh-ninh rằng nhân dịp hồi-loan này, cái tương-lai của Nhân-dân Đại-biểu-viện chẳng những không đáng lo, mà lại đáng mừng thêm nữa, vì một phần chúng tôi tin ở độ-lượng khoan-hồng cùng trí-tuệ thông-minh của đức Hoàng-thượng, do sự bác-học đa-vấn mà ngài đã thâu-thái ở các học-trường bên Pháp, lại một phần chúng tôi tin ở cái đức-tính tự-do bác-ái của người Pháp, và ở cái chính-sách khai-phóng của Đại-Pháp Bảo-hộ, thì chắc thế nào nhân-dân Việt-Nam cũng sẽ được rộng quyền tham-chính hơn bây giờ. Cái Nhân-dân Đại-biểu-viện ngày nay, biết đâu không trở nên một cái cơ-quan lập-pháp cho nước Việt-Nam ngày sau vậy.

Thưa quan Khâm-sứ, trong nhịp này chúng tôi cũng không thể quên nói đến vấn-đề kinh-tế khủng-hoảng được. Từ khi quan lớn bỉnh-quyền thủ-biến đến nay, ngài hết sức lo việc trị-an trong xứ, nay thời-cuộc trị-an đã được hồi-phục như cũ, nhân-dân đã thư phần khủng-bố rồi, nhưng qua cái thời-kỳ biến-loạn, lại tiếp đến cái thời-kỳ kinh-tế đình-đốn nghề-nghiệp gì cũng đều bị tổn-hại, số người thất-nghiệp mỗi ngày thêm nhiều, gia-dĩ nơi này bị nạn lụt bão, tỉnh kia gặp nạn mất mùa, tài-sản nhân-dân rõ thực trăm phần khốn-quẫn, đối với hiện-trạng chúng tôi xin yêu-cầu Chính-phủ mấy điều khẩn-thiết sau này :

1) Đình-chỉ việc gia-tăng các thuế chính-ngạch đinh-điền, khoan giảm các thuế môn-bài và kiểm-lâm ;

2) Triển-hoãn những món nợ của dân vay ở các nhà nông-phố ngân-quĩ :

3) Giảm hết những khoản hư-phí và tạm hoãn việc tăng bổng các quan-lại.

4) Xin thực-hành việc dẫn-thủy nhập-điền ở các tỉnh theo cái chương-trình trái-khoản đã định năm ngoái thì nhân-dân sẽ được nhờ ơn Chính-phủ lắm.

Đương lúc Hoàng-thượng bồi-loan, viện chúng tôi dám nhờ quan lớn chuyển đệ mấy lời kính chúc Hoàng-thượng vạn-an vạn-tuế.

DƯ-LUẬN TRONG NƯỚC

Tới hay là lui?

Tiền-đồ viện Dân-biểu Trung-kỳ

— *Báo* Tiếng-dân *số 505 ra ngày 20 tháng 7 năm 1932, có bài xã-thuyết* « Sau đức Bảo-đại về nước, tiền-đồ viện Dân-biểu sẽ ra thế nào? ». *Trong bài có lược kể dư-luận cùng tình-hình trong nước, mà kết-luận rằng : « Viện Dân-biểu hiện đương đứng vào cái địa-vị « nửa trên sa xuống 半上落下 », sau này tất ngả về một đường, hoặc là bỏ hẳn đi, hoặc là mở rộng ra, v. v. .».*

Bài ấy ra chính nhằm cái dịp trước ngày thường-niên hội-đồng Dân-biểu và Kim-thượng hồi-loan, nên nhiều người rất chú-ý. Nhưng ai cũng cho câu kết-luận ấy là tác-giả trông cái phong-sắc đã qua mà ôm mối lo xa, nên phỏng-đoán như thế. Chớ một cái cơ-quan nhà nước theo chiều xu-hướng của quốc-dân mà đặt ra, để đạo-đạt dân-ý; nay gặp cái dịp mới-mẻ này, không tới thì thôi, chớ có lẽ nào lại rút hẹp lại hay sao? Ký-giả lại có gặp bạn thanh-niên, nhất là những người có học-thức, nuôi cái tư-tưởng Pháp Nam hợp-tác sau này, thì hỏi ra họ đối với vấn-đề Dân-biểu trong khoảng Kim-thượng thân-chánh, phần nhiều chưa cái mối lạc-quan (mở rộng) mà không ngờ đến đường bi-quan (rút hẹp) kia. Vì họ nghĩ rằng : Chánh-phủ Bảo-hộ là một nước đề-xướng dân-quyền làm tiền-đạo-sư cho toàn cả thế-giới, nay đức Vua du-học bên ấy trên 10 năm nay, tất lúc về thân-chánh sẽ mang giống tốt ấy mà gieo trong nước nhà...

Trên là cái ý-tưởng của công-chúng đối với viện Dân-biểu. Thế mà không dè cái thực-tế lại hiện ra một cái cảnh-tượng « lừng-thừng không ngã về đường nào » nghĩa là không bỏ hẳn đi, không mở rộng ra, mà lại bước lui lại cái địa-vị như phòng Tư-phỏng ở triều Khải-định trước.

Chứng-thực ở đâu?

Ngày khai-mạc thường-niên hội-đồng Dân-biểu năm nay (1-9-32) quan khâm-sứ CHATEL *trả lời cho bài diễn-văn ông nghị-trưởng Nguyễn Trác, có nói :*

« Hiện nay nói về quyền-hạn thì viện Dân-biểu cũng như hội-đồng bảo-thủ quyền-lợi cho người Pháp, đều ở vào trong phạm-vi tư-vấn ». (Au point de vue des pouvoirs, ils sont, à l'une et à l'autre Chambre, à l'état actuel des choses, d'ordre consultatif).

Và mới rồi chỉ-dụ đức Kim-thượng ban ra ngày 10 Septembre nói việc cải-cách, như cải-chánh quan-lại, lập trường sĩ-hoạn, tu sửa bộ luật, chỉnh-đốn việc giáo-dục, đều là vấn-đề cần-thiết mà nhân-dân đương mong chờ. Đến viện Dân-biểu thì Ngài nói (trích lược) :

« Ngày nay Quả-nhân thân-chính « tức là cái ngày đình-chỉ bản hiệp-ước « năm 1925. Ta muốn minh-định cử đề « viện Nhân-dân Đại-biểu lại, song « tương-lai thực-hành thế nào, còn « chưa giải-định. Nay thì viện ấy làm « căn-cứ cho ta và chánh-phủ Bảo-hộ... « Muốn cho dân-tình nguyện-vọng thấu

« đến ta, Triều-đình ta và đến chánh-« phủ Bảo-hộ để mà nghe biết, cho « nên ta đã hiệp-ý với các quan thay « mặt Pháp-đình và Chánh-phủ ta mà « định cho viên Nghị-trưởng Dân-biểu « được dự vào hội-thương những kỳ « Thượng-thư Hội-đồng mà được « quyền bàn-luận như một Thượng-« thư Dân-biểu.....».

Trong tờ dụ lại có nói: « Quả-nhân muốn cho nhân-dân được tỏ tình những điều sở-nguyện ». *Vậy ký-giả xin thể theo Thánh-ý mà bày tỏ chỗ sở-kiến về vấn-đề Dân biểu:*

Viện Dân-biểu xuất-hiện là căn-cứ vào bản hiệp-ước năm 1925, nay bản hiệp-ước ấy đình chỉ, tức là viện Dân-biểu không căn-cứ vào đâu cả, có chăng là còn dựa vào tờ chỉ-dụ lập phòng Tư-vấn năm 1921 về triều Khải-định. Đó là do quyền-hạn rộng mà bước lui lại quyền-hạn hẹp, điều ấy đã phân. Lại còn những điều mà đứng về phương-diện nhân-dân phải lấy làm lo ngại, là những chỗ sau này:

1) *Ngài nói:* « Muốn minh-định cử để viện Dân-biểu lại, v. v... ». *Nói rằng muốn tức là theo ý-chỉ của một người; ngày nay muốn thì viện Dân-biểu còn tồn-tại, ngày mai không muốn tức là viện ấy phải tiêu-diệt; viện Dân-biểu chỉ đứng trơ-vơ giữa chừng, không dựa vào đâu cả.*

2) *Ngài lại nói:* « Viên Nghị-trưởng được dự các kỳ Thượng-thư hội-đồng... » *Chữ Hội-đồng này tánh-chất không rõ. Huống các bộ Thượng-thư, có chức-trách, có bộ-thuộc, có công-thự, có lương-bổng, đó là bộ-phận hành-chánh, thường năm Tòa nội-các, hội-đồng luôn luôn. Còn viện-trưởng Dân-biểu, không phải là chân hành-chánh, không có chức-trách hằng ngày và nguyệt-bổng và công-thự gì cả, mỗi khi dự hội rất là bất-tiện; vả lại cơ-quan nghị-pháp mà xen vào bộ-phận hành chánh, có dự hội cũng là đứng vào địa-vị ông khách, như một viên phóng-sự nhà báo ngồi trên cái ghế bàng-thính thôi.*

Không những thế, theo chánh-thể đại-nghị ở các nước văn-minh, người đã ra đương chức Dân-biểu trong kỳ-hạn ấy không được chịu một cái ơn riêng gì cả của Chánh-phủ, dầu là mền đay tước-thưởng gì cũng vậy. Nay ông Nghị-trưởng Dân-biểu mà mang cái chức Thượng-thư, thì trong con mắt của quốc-dân, xem như một viên quan-trường; đem ý-nguyện mà bày tỏ với quan Thượng-thư trống chân, thà đem bày tỏ với các quan Thượng-thư chính-ngạch kia còn hơn.

Trên là theo cái thuyết chính-danh của ông Khổng-tử mà nói. Còn một điều nên lưu-ý là theo lối bảo-cử Dân-biểu đã qua, hoặc người vận-động cách này, hoặc người bôn-tẩu cách khác, chỉ hai chữ Dân-biểu mà còn có người toan lợi-dụng để làm việc riêng, huống nay nghe có cái chân bước lên Thượng-thư, dầu là Thượng-thư chân trống mà đã đứng vào hàng « Quan lớn » tất không khỏi có người hâm-mộ đặng mượn cái danh-hiệu thế vị ấy. . . .

Thế là vì cái chức Thượng-thư Dân-biểu, mà đã mất hẳn cái ý-nghĩa chân-chính Dân-biểu, lại còn làm giảm cả giá-trị mấy vị Thượng-thư bên tòa Nội-các kia. Quan không rành quan, dân không rành dân, dân-chúng khó lòng tỏ tình tín-nhiệm vậy.

Vậy xin đã làm Dân-biểu thì cứ đứng vào địa-vị nghị-pháp (dầu ấu-trĩ mặc lòng). Đến khi mãn-khóa, người nào có tư-cách xứng được địa-vị hành-chính thì được cử làm Thượng-thư. Như vậy thì quyền-hạn được phân-minh, mà danh-nghĩa cũng chính-đáng.

Viện Dân-biểu ngày nay, có cái tình-cảnh lôi-thôi như thế, mấy lời thô-thiển, xin chất-vấn cùng nhà cao-minh.

Một người dân Trung-kỳ

(Báo *Tiếng-Dân*)

Giới-thiệu sách và báo

Sản-chí mới tiếp được của hiệu Nam-ký gửi tặng mấy cuốn sách như sau này :

1) Tuyết-hồng lệ-sử. — *Đoàn Tư-Thuật dịch văn của Từ Trầm-Á, khổ sách 16×24, dầy 101 trang, giá 0$46.*

2) Luận-ngữ loại-ngữ.— *Ôn-như Lương Văn-Can soạn, khổ sách 15×22, dầy 114 trang, giá 0$40.*

3) Văn-đàn bảo-giám quyển thứ I.— *Trần Trung-Viên sưu-tập văn-thơ cổ, khổ sách 15×23, dầy 268 trang, giá 1$00.*

4) Văn-đàn bảo-giám quyển thứ III. — *Trần Trung-Viên sưu-tập, khổ sách 15×23, dầy 187 trang, giá 0$70.*

Mấy quyển trên đây đều mới tái-bản, bán tại hiệu Nam-ký thư-quán, số 17, Boulevard Francis Garnier, *Hà-nội.*

. . .

— Cannibales par persuasion. *Contes, nouvelles, fantaisies. Par* Nguyễn Phan-Long. *Société des Imprimeries et Librairies indochinoises (anciennement maison C. Ardin, Saigon), 220 pages — Sách sưu-tập những bài tự-sự, chuyện đoản-thiên, văn hoạt-kê bằng Pháp-văn của ông Nguyễn Phan-Long mới xuất-bản tại Sài-gòn. Quốc-dân ai cũng biết ông Long là một nhà viết văn Pháp rất có tài, năm trước đã có soạn một bộ trường-thiên tiểu-thuyết đề là* Roman de Mlle Lys *(Tiểu-thuyết cô Huệ), nay lại ra bộ đoản-thiên tiểu-thuyết này cả thảy có 22 chuyện, nhan sách đặt bằng nhan đề chuyện thứ nhất, là « Nghe người nói tưởng ăn thịt người thật »* Cannibale par persuasion), *lời văn bóng-bẩy lưu-loát, có cái vẻ li-kỳ như văn* Liêu-trai *Tàu. Các nhà mến Pháp-văn chắc sẽ vui lòng đọc sách này, và lấy làm khoái-trá vậy. — Bán tại báo* Đuốc Nhà Nam *ở Sài-gòn, và* Trung-bắc tân-văn, *ở Hà-nội, giá 1 $; gửi theo lối đảm-bảo 1$20.*

. . .

— Histoire des Pays de l'Union indochinoise. *(Việt-Nam — Cambodge — Laos. Précédée d'un tableau de l'histoire et de la civilisation de la Chine et de l'Inde. Suivie d'un aperçu sur l'histoire et la civilisation du Champa, du Siam et de l'Indochine anglaise (Birmanie et Malayou). Par* Nguyễn Văn-Quế. *412 pages. Imprimerie Nguyễn-Khắc, Sài-gòn, 1932. Prix 1 $ 80. — Sách lược-thuật về lịch-sử cùng văn-minh cả các xứ trong cõi Ấn-độ Chi-na (Việt-Nam, Cao-miên, Ai-lao, Xiêm-la, Chiêm-thành, Diến-điện, Mã-lai), khảo-cứu rất có công-phu, biên-chép tường-tận rõ-ràng, các nhà ham sử-học tất phải đọc. — Bán tại nhà tác-giả: Nguyễn Văn-Quế, 81 rue Lareynière, Sài-gòn, giá 1$80, ở xa thêm 25 tiền cước.*

. . .

Báo Đuốc-Nhà-Nam. — Đuốc-Nhà-Nam *là cơ-quan ngôn-luận chung của quốc-dân Việt-Nam, ra hằng ngày 6 trương, bài đăng lựa chọn, tin-tức đầy đủ, số in nhiều nhất tại Sài-gòn, và do ông Nguyễn Phan-Long chủ-trương.*

Ba năm nay Đuốc-Nhà-Nam *không được lưu-hành ở Trung Bắc-kỳ, nhưng mới đây do nghị-định quan Khâm-sứ Trung-kỳ ngày 18 Août và nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 30 Août, đã cho* Đuốc Nhà Nam *được lưu-hành khắp Trung Bắc-kỳ rồi.*

Xin đồng-bào tán-thành chiếu-cố Đuốc Nhà Nam.

Giá báo : Một năm 15$00, sáu tháng 8$00, ba tháng 4$00, một tháng 1$50, một số 7 xu.— Báo-quán số 72, Rue Lagrandière, *Sài-gòn.*

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. Phạm Quỳnh soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp :	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết Voltaire	4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai).	5 hào.
11. — La Poésie annamite.	4 hào

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hồu-lạc.